

DIỄN-HƯƠNG

THÀNH-NGÚ'
DIỄN - TÍCH

Tự-diễn văn-liệu truyện-tích

Quyển thượng
A - L



TÁC-GIẢ XUẤT-BẢN

NHỮNG CHỖ SAI

Trang	Cột	Hàng	Chữ sai	Xin đọc lại :
34	1	1	Cửa son, châu môn dùng nói cửa nhà quan.	Bảng đề tên những tân khoa tấn sĩ thời kỳ khoa cử xứ Tà và xứ Tàu.
34	2	14	Đột	dột
35	2	23	nhá trình	trịnh nhạc
41	1	7	vật	ngọc
55	1	23	sơn	tôn
58	1	14	Trịnh-Lê	Lê-công
66	1	23	Đắc	Bắt
76	1	4	dời	dời
76	1	33	hoc, ngư	học, ngữ
85	2	3	sâu	sân
103	1	1	Đời	Đời
108	1	10	huynh	huỳnh
112	2	22	Cu	Du
115	2	31	tông	tòng
121	1	19	đồ	đỗ
122	1	11	thánh	Thành
134	2	31	chồ	chữ
160	2	26	nguyễn	Nguyễn
160	2	30	khoé	khoé
161	2	5	húy	úy
162	1	1	úc	lúc
170		19	càng-khôn	càn-khôn
191		3	liều	liền
192	2	9	Hứa phu X. Hàn-Tía	Bỏ hết
199	2	7	thế	lúc
200	1	28	hẩy	thấy
202	1	12		sau chữ chết đọc : Có gì khoá lạc hơn bằng nghề người hiến biện bác.
229	1	24	dõi	dời
235	1	25	nọ vía	vía nọ
242	1	1	Lê	Lý
243	1	7	thú	xứ
246	1	1	ai	cù
257	2	11	thì	thì

DIÊN HƯƠNG

Thành-Ngữ Điên - Tích

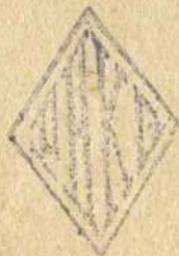


TÁC-GIẢ XUẤT-BẢN

58, Đường Aviateur Garros
SAIGON

Thân tặng
Tiện-nội đã nung chí tôi
cho ra quyền sách này.

D. H.



Thân tặng

Tiện-nữ mà tôi hết lòng trông
mong được giáo-hóa hoàn-toàn
theo phong-tục Việt-Nam

D. H.



TƯA

Tôi không có tham-vọng soạn ra một cuốn tự-diễn. Tuy-nhiên quyền THÀNH-NGỮ ĐIỀN-TÍCH trình-bày theo thể-thức tự-diễn.

THÀNH-NGỮ ĐIỀN TÍCH gồm những danh-từ, từ-nguyên, ca-dao, thi-phú, văn-từ, điền-tích, lịch-sử, sắp theo thứ tự a b để tiện bề tra-cứu.

Những tài liệu văn-chương ấy, tôi sưu-tầm từ năm 1901, bồn-tâm là để dùng riêng; nhưng các bạn yêu văn-nghĩ có thể giúp ích trong muôn một cho trẻ em đương học tập tiếng việt, khuyên tôi cho xuất-bản ngay lúc này, khi văn-liệu việt-ngữ mai-một đã nhiều.

Vì lẽ ấy, tôi không giữ làm của riêng nữa, mặc dầu biết quyền sách này còn nhiều khuyết-diểm; mong sao sẽ được nhiều đọc-giả hạ-cố bồi-túc cho, hầu sau này kẻ tìm học tiếng việt sẽ có một kho văn-liệu đầy-dủ, xứng đáng với văn-chương phong-phú ta.

Tôi còn thành-thật cảm ơn bạn Lê-Ngọc-Trụ và bào-dệ Trần-Hà-Trì, kẻ đã dày công khảo-duyết chánh-tả, người đã tận-tâm sao-chép.

D. H.



A ý khúc tùng, nói lùa nói
bợ theo người.

A kỳ sở hiếu, dúa theo
người mình ưa.

Ác giả ác báo, làm ác thi
cô ác trả.

Ác nguyệt đầm phong,
cầm trăng gánh gió.

Ác vàng, bởi chữ KIM-Ò
trong sách HOÀI-NAM-TỦ, để chỉ
mặt trời.

**Ai ai phụ mẫu sanh ngá
cù lao**, thương thương cha
mẹ sanh ta khổ nhọc. Có câu:
*Thương thay cúc dục cù lao,
ba năm nhũ bộ biết bao
nhiều tình.*

An bần lạc đạo, chịu nghèo
khô mà vui với lẽ trời.

An cư lạc nghiệp, đời thái
binh ai cũng yên chõ ở, ai
cũng vui với nghiệp này.

An-Dương-Vương, vua Âu-

Lạc, tức là Việt-Nam bây giờ,
đóng đô ở Phong-Khở, (huyện
Đông-Thanh, tỉnh Phúc-An)
năm Bình-Ngọ (255 t. C. g. s.)
xây thành cao, xoay khu ốc
từ ngoài vô trong, đặt tên là
Loa-Thành để ngăn giặc; hiện
nay dấu tích hãy còn ở Phúc-
An. Năm qui-tị (208 t. C. g. s.)
bị Triệu-Đà đánh lấy nước.

An phận thủ kỷ, an chịu
phận mình để giữ lấy khi-tiết
của mình.

Án-Tử xuân-thu, sách ghi
chép công việc và lời nói
của Án-Tử. Án-Tử tức là
Yến-Anh, tự Bình-Trọng,
người nước Tề, đời Xuân-
Thu, làm tướng ba đời vua
Linh-Công, Trang-Công và
Cảnh-Công. Người có tánh
cần-kiệm và trung-thành.

Áng mây, X. HỊCH-NHÂN -
KIỆT.

Anh hùng mạt lộ, anh hùng gặp lúc cùng đồ.

Anh hùng tạo thời thế, người anh hùng thì biết gảy ra một thời thế để làm cho nên việc.

Ánh tuyết đọc thơ, tích TÔN - KHANG đời Tân, nhà nghèo, đêm không có đèn mà học, phải nhờ ánh sáng của tuyết để đọc sách. Chịu khổ chăm học.

Ăn Bắc năm Nam, đòn bà tham, muốn được bè nầy mà còn được bè nọ. Lấy trong tích của một người con gái kia, hai nhà đi giam hỏi, người bên Đông giàu mà xấu, người bên Tây nghèo mà đẹp trai. Cha mẹ hỏi ý thì nàng nói : *Đông gia thực phan, Tây gia miên.* Nghĩa là: ăn nhà bên Đông, ngủ nhà bên Tây.

Âm cực dương hồi, hết khổ rồi tới sướng.

Âm dương, bói âm dương, xin keo. Một cách của những kẻ tin tưởng thần-thánh, để cầu trời khấn phạt cho biết ý-dịnh của trời phạt và biết tương lai của mình.

Như muốn xin keo thì lấy hai đồng tiền, cầm sấp xuống rồi dỗi lên cho rót xuống trong

cái dĩa; hay là hai cái keo thường làm bằng khúc gỗ hay bằng hai cái sừng trâu, sừng bò, dẽo có sấp có ngửa, thảy lên cho rót xuống đất. Nếu tiền hay là keo đều sấp hay là ngửa hết cả hai thì là không tốt, không được. Phải nhứt âm nhứt dương, nghĩa là một ngửa một sấp mới được.

Âm vi quí thần sở hại, mình âm thầm làm quấy, người tuy không biết chớ quí thần biết; cho nên luật không phạt mà quí thần cũng hai sau này.

Âm đậm chỉ khát, uống rượu độc để đỡ khát. Âm chỉ một chuyện gì làm được vui trong một lúc, mà rồi, vì sự đó, mà chịu khổ đời đời.

Âm thủy tư nguyên, uống nước nhớ nguồn. Minh được hưởng phước nhớ tới người tạo phước cho mình, là cha mẹ mình.

Âm lạnh, ngọt bùi, ôn lạnh, cam chi. Lo cho cha mẹ đầu lạnh cũng ấm, lo cho ăn ngọt bùi.

Ân ba, on sóng, đề nói on vua tràn trề như biển rộng.

Ân ác đương thiện, che

cái ác của mình, chỉ bày cái lành ra mà thôi.

Ấp cây, đời Tống có một người cày ruộng, một đêm kia thấy một con thỏ chạy dung đầu vò gốc cây mà chết. Từ đó anh ta bỏ nghè • cày bừa, cứ ngồi dưới gốc cây chờ thỏ chạy va đầu vò cây mà bắt. Ý chê những người dai dột, thấy chuyện gì tốt xảy ra một lần, tưởng sau này sẽ có vậy hoài. Có câu: *Trần trần một*

phận ắp cây đã liều (kiều).

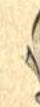
Âu, là vịt trời. Có câu: *Cuối gành nồi âu.*

Âu-Dạ-Tử, X. CAN TƯƠNG. **Âu-Lạc,** tên nước Việt-Nam ta hồi đời Thục An-Dương-Vương.

Âu lộ vong cơ, ở ăn làm bạn với âu cò dặng dừng thấy việc đời.

Âu phong Mỹ vô, gió Âu mura Mỹ. Làn sóng cạnh tranh của Âu-Mỹ.

Âu-ViỆn-ThƠ, X. BỘT-HẢI





An
hùn

An
ngườ
ra n
nèn

Án
TÒN
nghèo
mà h
của tu
khô c

Án
tham
còn
tích
kia,
ngườ
ngườ
trai. C
nói :
Tây g
bên H

Âm
khô l

Âm
xin k
ké ti
cầu
ý-dịn
tươn
Nh
đồng
dồi l

Ba, một trăng, một bóng, một người hóa ba. Đó là một câu thơ của Lý-Bach, ý nói tay nâng chén rượu, mồi trăng, lại trông thấy bóng minh, thì thành ra ba người: trăng, người và bóng của mình.

Ba chìm ba nồi, sáu linh đinh, lại có câu: *Mốc giặt ba ngày đậu liền rang, chín tương hai muối ngọt như đường*. Đó là cách làm tương ở Quảng Bình, đè com nếp đóng mốc meo, ủ rải ba ngày, rồi rang đậu bò vò, ngâm nó ba lần chìm, ba lần nồi, rồi cứ chín, phẩn tương, hai phần muối thì tương nó ngọt. Người ta lấy cái cách làm tương mà ví cái phận cực khổ của người đời biết mấy lần chìm nồi.

Ba cõi, X. TAM-GIỚI.

Ba điều để làm bá, (nhưng

nghĩ kỹ thì làm việc gì, chó không nói làm bá mà thôi, cũng nên cần ba điều này) chó tham, tham thì hay mất; chó giàn, giàn thì hay khó; chó gấp, gấp thì hay sót.

Ba mươi sáu kẽ, X. TAM-THẬP LỤC-KẾ.

Ba ngàn, theo phật - giáo người ta nói có ba ngàn thế giới.

Ba sanh, X. TAM-SANH.

Ba Thục, thuộc về châu Vĩnh Phong, huyện Tây-Lâm, tỉnh Quý-Châu, bây giờ bên Tàu.

Ba thước đất, Tam xích thồ, X. VỊ QUÍ TAM XÍCH THỒ.

Ba Tường, X. TÒN-THỌ-TƯỜNG

Ba xuân, cha mẹ. Lấy trong thơ Mạnh-Giao: *Dục tương thốn thảo tam, báo đáp tam xuân huy*; nghĩa là muốn

đem tắc lòng cỏ, đè đèn đáp khí sáng của ba tháng xuân. Có khi tốt mùa xuân mới có cỏ cây: có cha mẹ mới có con.

Bà Bảng nhẫn, vợ Ông Bảng nhẫn Phan-Quí, người Quang-Nam. Bà có tài ngâm

vịnh, vì đó mà nổi tiếng.

Bà Phủ Ba, Bà rất có nhan sắc, học rộng, thơ hay, văn tài chẳng kém chi Bà Huyện Bà Hồ. Bà làm lẻ thứ ba quan phủ Nguyễn-Danh-Kế, ở làng Khê-Thượng, tỉnh Sơn-Tây.

Bà chạy giặc lên làng Văn-Đinh, bà có làm:

*Một mái thuyền lan ghé bến Đinh,
Nhìn xem phong cảnh lắm chiều xinh.
Dưới sông man-máu con chèo lôi
Trên bến lò nung khói tỏa thành.*

Chừng bà biệt Văn-Đinh về Phú-Lý, bà có làm:

*Sóng Đinh ví phỏng mà không cạn,
Núi Đội⁽¹⁾ dẫu lai cũng chẳng dời.
Căn kẽ mấy lời xin gửi lại,
Cho dành lòng kẻ nhỏ sào xuôi.⁽²⁾*

Thơ bà còn :

*Đêm qua thơ-thần chốn thơ-đường,
Mong-mỗi tri-âm chẳng thấy sang.
Sáu khắc mờ-màng người hảo-hữu,
Năm canh tư-tưởng bến đình-giang.
Trông trăng bát-ngát thương người ngọc,
Thấy nước băng-khuảng nhớ bạn vàng.
Hai chữ tương-tư khôn xiết kẽ,
Khối tình chỉ để một ai mang.*

Ai lên Bất-Bạc nhẫn-nhe cùng,
Nhẫn hỏi ai rằng có nhớ không ?

(1) Núi Đội-son ở Phú-Lý.

(2) Không biết là thơ túm câu hay là thơ bốn câu, biết được có bao nhiêu chép bấy nhiêu.

Nửa bước xa xa bằng mây dặm,
Một ngày đằng đằng vi ba đồng.
Giọng thơ tri-kỷ say mê mệt,
Ngọn lửa tương-tư đốt cháy nồng.
Khắc khoải năm canh lòng luống nhăng.
Thơ tình mở mở lại phong phong.⁽¹⁾

Bá-Cơ, phu nhân nước Tống, đời Chiển-Quốc. Con gái của Lỗ-Hầu. Bốn phần của bà thi phải ở tại cung nên nửa đêm trong cung có lửa, bà không chịu bỏ cung mà tránh lửa, thà chịu chết thiêu đẽ giữ cho tròn bồn-phận.

Bá-Di, Thúc-Tề, con vua nước Cô-Trúc. Khi Võ-Vương qua phạt Trụ thì Bá-Di, Thúc-Tề ra cản đầu ngựa mà can rằng: « Cha mới chết mà dấy động can qua thì lấy gì mà làm hiếu, tôi mà đánh vua thì lấy gì mà làm trung ».

Thơ rằng:

Danh chẳng màng bao, lợi chẳng mè,
Ấy gan hay sắt hở: Di-Tề?
Gặp xe vua Võ, tay cầm lại,
Thấy thóc nhà Châu, mặt ngảnh đi.
Cô-trúc hồn về sương mịt mịt,
Thú-dương danh lạc đá tri tri.
Cầu nhơn hẳn đặng nhơn mà chớ,
Cũng chẳng hem ai chẳng oán chi.

⁽¹⁾ Trong truyền bá làm mây bài thơ trên đẽ ghẹo một người bạn gái.

Thú-dương còn lá rau vi,
Ngàn năm sê nhớ Bá-Di, Thúc-Tề.
Trông lên tảng đá Thanh-di,
Dẫu xưa đường bẽ mày thì cho lay.

Lai trong sách TÚ-THƠ có tích học trò đức Khồng-Tử nghi thầy mình ở nước Vệ sê giúp Vệ - Còng. Thầy Tử-Cống mới ra mắt đức Khồng-Tử, không hỏi chuyện nước Vệ mà lại hỏi ngài: « Chó Bá-Di, Thúc-Tề là người thế nào? ». Đức Khồng-Tử trả lời: « Ấy là hai ông hiền xưa ». Thầy Tử-Cống lại hỏi: « Má lòng hai ông ấy có oán giận chí không? » thì Đức Khồng-Tử rằng: « Tim nhơn mà dặng nhơn thì còn oán gi! ».

Thầy Tử-Cống trở ra nói lại với các bạn học: « Thầy mình không có ý giúp nước Vệ ».

Bá-Dinh, mẹ vua Sở-Chiêu Vương, đời Chiển - Quốc. Ngò-Hap-Lư phạt Sở thi bà còn xuân xanh. Hap-Lư cho đói bà ra hầu. Bà nói chết thì chịu, chó không chịu nhục, bà không ra; làm Chiêu-Vương phải phục bà và sau phải ta lỗi với bà.

Bá-Du, người đời Hán rất hiếu thảo. Ngày kia có lỗi, mẹ đành, Bá-Du vùng khóc

lớn lên. Mẹ hỏi: « Khi trước tao đánh mày, sao mày không khóc, mà bây giờ sao tao đánh mày mà mày lại khóc ». Bá-Du thưa rằng: « Trước mẹ đánh con đau mà con không khóc là con mừng mẹ còn mạnh khỏe; nay mẹ đánh con không đau mà con khóc, là vì con thấy sực mẹ đã suy yếu rồi, nên con khóc ».

Đức Phu-Tử có nói rằng: *Phụ mẫu chí niên, bất khả bắt tri già; nhứt tắc dĩ hỉ, nhứt tắc dĩ cu*. Nghĩa là: cha mẹ đã có tuổi rồi, đạo làm con chẳng nên chẳng biết, một là vui mừng khi cha mẹ còn mạnh giỏi, hai là lo sợ, khi sức-lực cha mẹ đã suy.

Bá-Hòa, con của Bá-Tiên, hồi mới được bảy tuổi, ngày kia cha đi khỏi, có anh em của cha đến viếng, thấy trong nhà không có người lớn, mới kêu Bá-Hòa ra mà hỏi: « Chẳng hay có Bá-Tiên ở nhà không? ». Bá-Hòa làm thính không đáp mà cũng không làm lẽ ra mắt

Anh
hùng;
Anh
người
ra mội
nên viে

Ánh
TÔN - K
nghèo,
mà ho
của tu
khô ch

Ấn
tham,
còn đ
tích c
kia, l
người
người
người
trai. C
nói :
Tây gi
bên Đ

Âm
khô r

Âm
xin k
kẻ tin
cầu t
ý-dịn
tươn

Nhu
đồng
dồi l

Người khách mới hỏi: « Ta là hàng chú bác, sao ngươi chẳng những không làm lẽ ra mắt ta, mà ta hỏi, ngươi cũng không thưa? ». Bá-Hoè mới trả lời: « Đã phải! lẽ có day: trẻ gặp già phải lạy, nhỏ gặp lớn phải kính; song trước mặt con người mà kêu tên cha người, thì đã đủ lẽ rồi, còn làm lẽ gì nữa? »

Bá-Lý-Hè, người nước Ngu, tự là Tĩnh-Bá, ba mươi ngoài tuổi mới cưới Đỗ-Thị về làm vợ, sanhặng một đứa con trai.

Nhà nghèo mà chưa gặp thời, ý muốn cháu lưu thiền hạ dặng có tim chồ làm quan, ngặt thấy vợ con không nơi nương dựa, nên còn dùng dặng.

Đỗ-Thị là một người đời bà hiền đức, thấy vậy mới khuyên chồng cứ đi di, chờ bần-biụ vợ con thi làm sao lập công danh cho được.

Rồi bắt gà. Mà nhà nghèo, có một con gà chờ không có củi, mới chě cánh cửa, nấu một bửa cơm đưa chồng lên đường.

Bá-Lý-Hè qua Tè, muốn vào ra mắt Tương-Công, mà không ai tiến dẫn, trong túi lại không có một đồng nên phải ra xin ăn nơi đất Chất.

Bá-Lý-Hè lúc ấy đã bốn mươi tuổi.

Ở đất Chất có một người hiền, tên là Kiền-Thúc, thấy tướng mạo Bá-Lý-Hè, hỏi tên họ, rồi mời về nhà, kết làm anh em. Kiền-Thúc lớn hơn một tuổi nên làm anh.

Bá-Lý-Hè đêm thi ở nhà Kiền-Thúc, mà ngày thi đi chăn trâu mướn cho người dặng có tiền độ nhứt, chờ Kiền-Thúc cũng nghèo nuôi nhau không đủ.

Sau nghe Công-Tôn-Vô-Tri giết Tề-Tương-Công rồi lên làm vua, dặng bảng cầu hiền, thì muôn ra đầu Tè, Kiền-Thúc không cho, nói rằng Vô-Tri không phải phản mà tiếm lập thì có lâu gì mà lại theo. Sau này nghe bên Châu có người Vương-Tử-Thoạt tánh ra trâu, những kẻ ở nuôi trâu cho Thoạt đều dặng hậu thưởng. Bá-Lý-Hè mới từ giã Kiền-Thúc qua Châu tìm Tử-Thoạt. Chừng anh em tiễn nhau, Kiền-Thúc có dặn: « Hè là đại trượng-phu không nên nhẹ mình mà đầu người. Đầu lõi mà sau bỏ đi thì là không trung, còn cứ theo hoài mà sau chịu nạn thì là không trí. Bởi vậy em phải

thận trọng lấy minh, anh liệu việc nhà xong rồi cũng sẽ qua Châu mà tìm em ».

Sau này Kiền-Thúc có tìm đến Vương-Tử-Thoạt để thăm Bá-Lý-Hè. Sau khi đàm đạo với Thoạt giây lâu, bèn kêu Bá-Lý-Hè ra ngoài mà nói rằng: « Tử-Thoạt chí lớn mà tài sơ, những kẻ tay-chọn đều là quân sâm-nịnh, anh chắc sau này va sẽ hụ, chỉ bằng anh em ta đi trước thì hơn ».

Bá-Lý-Hè nhơn xa nhà dã lâu, ý muôn về Ngu thăm vợ con. Kiền-Thúc nói: « Ở đất Ngu lâu nay anh có một người bạn thiết tên là Cung-Chi-Kỳ. Em muôn về Ngu thì anh cũng đi theo em cho có bạn ». Chừng Bá-Lý-Hè về đến Ngu, ghé nhà thăm vợ, thì mới hay Đỗ-Thị vì làm không đủ mà ăn, nên đã trôi nổi xú nào, không ai biết mà chỉ.

Còn Kiền-Thúc thì vào ra mắt Cung-Chi-Kỳ, nhơn nói qua việc Bá-Lý-Hè. Cung-Chi-Kỳ mới tiến cử Bá-Lý-Hè cho Ngu-Công. Ngu-Công cho Bá-Lý-Hè làm chức Trung-dại-phu.

Chừng Kiền-Thúc ra về có nói với Bá-Lý-Hè: « Ngu-Công

thấy biết rất hẹp, tự dụng một mình, cũng chẳng phải là chúa đáng phò, nhưng em cùng khổn đã lâu muôn có chồ nương thân cho qua thời, thi cũng tạm được đó thôi. Sau này chừng em có muôn tìm anh thì qua nước Tống tại làng Minh-Lộc »

Bá-Lý-Hè ở lại đất Ngu. Sau Ngu - Công mất nước (X. NGƯỜI CAN VUA, KẺ CHẮNG CAN VUA...) Bá-Lý-Hè tự nói: « Ta đã chẳng trí, lẽ nào lại quên mà chẳng trung ». Bởi vậy chừng Tần bắt Ngu - Công đem về nước, thi Bá-Lý-Hè theo bên xe Ngu - Công mà hầu-hạ chẳng rời nửa bước. Chi-Kiều hồi trước can Ngu-Công không được, nên đã bỏ qua đầu Tần, nay làm quan Đại-Phu, muôn tiến cử Bá-Lý-Hè cho Tần-Hiến-Công thi Bá-Lý-Hè nói: « Người quản-tử bị mất nước thi nước cừu của mình không nên để chun tới, huống là làm quan với người cừu ».

Cung-Chi-Kỳ hồ thăm và có ý giàn Bá-Lý-Hè từ đấy. Chừng Tần gả con về Tần, Tần-Công muôn có một người di đưa dâu, thi Cung-Chi-Kỳ đã ghét săn Bá-Lý-Hè, nói với

Anh
hùng

Anh
người
ra một
nên viে

Anh
tòn - k
nghèo,
mà họ
của tu
khô ch

Ấn B
tham,
còn đ
tích c
kia, l
người
người
trai. C
nói :
Tay gi
bên Đ

Âm
khô n

Âm
xin k
kẻ ti
cầu
ý-dịn
turon

Như
đồng
đời l

Tán-Hầu: « Bá-Lý-Hè không muốn đầu Tán, thì đê lại trong nước càng sanh hại, chỉ cho bằng thừa dịp này sai va di di cho rảnh ». Vì vậy mà Tán-Hầu sai Bá-Lý-Hè đưa dâu về Tần.

Bá-Lý-Hè than rằng: « Ta ôm tài tể-thế trong mình mãi, không gặp đẳng minh chúa. Nay già rồi mà còn làm khách đưa dâu cho người, thi hổ biết đường nào ». Nên giữa đường, thừa lúc đêm vắng, lén qua nước Sở. Mới tới Huyền-Thành bị bọn săn bắt, đem về cho chăn trâu. Nuôi trâu là nghề của Bá-Lý-Hè, nên trâu chúng không bao lâu đã mập lại sanh-sản nhiều, thấu tới tai Sở-vương. Sở-vương cho đòi Bá-Lý-Hè về bắt chăn ngựa nhà vua ở Nam-Hải.

Còn Tân-Mục-Công không thấy Bá-Lý-Hè đưa dâu như trong thơ Tán-hậu đã nói, thì hỏi Công-tử Chấp. Công-tử Chấp nói: « Bá-Lý-Hè là người hiền. Biết Ngu-Công chẳng nên can mà không can ấy là trí; theo Ngu-Công qua Tán mà không chịu làm tôi nước Tán ấy là trung, mà lại là người có tài tể-thế nữa. Vợ

Bá-Lý-Hè bấy giờ nghe như ở Sở, chắc Bá-Lý-Hè qua Sở để tìm vợ, vậy chúa-công, sai người qua Sở dọ coi ».

Mục-Công mới sai người qua Sở dò la thì mới rõ Bá-Lý-Hè chăn ngựa cho Sở-hầu ở Nam-Hải. Mục-Công mới khiến Công-Tôn-Chi dùng hậu lễ qua rước về. Tôn-Chi không cho, nói rằng: « Sở mà bắt Bá-Lý-Hè chăn ngựa, là không biết người; nay ta đem trọng lễ mà rước, không khác nào ta nói với Sở rằng: « Bá-Lý-Hè là người hiền, thi khi nào Sở cho Bá-Lý-Hè đi. Chỉ bằng chúa-công lấy nề bắt tôi đưa dâu mà trốn, dùng vật hèn mà chuộc thi mới được cho ». Quả nhiên rước được Bá-Lý-Hè về Tần.

Chứng Bá-Lý-Hè về tới Tần, Mục-Công thấy Bá-Lý-Hè đầu bạc phau-phau, thi hỏi tuổi bao nhiêu.

— Bầm chúa-công mới bảy mươi tuổi.

— Già rồi còn chi! Quả-nhan rất tiếc !

— Như chúa-công khiến kẻ hạ thần đi bắt chim bay, giết thú chạy, thi kẻ hạ thần già thiệt. Còn như chúa-công

khiến kẻ hạ thần ngồi mà lo việc nước thì kẻ hạ thần biết sức kẻ hạ thần còn trẻ lắm vậy ! Xưa Lữ-Vọng tuổi tám mươi, ngồi câu nơi sông Vị, vua Văn-Vương rước về cho làm thượng phu mà bình định nhà Châu, sánh với kẻ hạ thần thi kẻ hạ thần gấp chúa-công còn sớm hơn mươi năm kia mà ! » Rồi đó Bá-Lý-Hè tiến-cử Kiền-Thúc với Tân-Mục-Công: « Ấy là người hiền; lúc trước kẻ hạ thần trót nỗi qua Tề ý muốn ra phò Công-Tôn-Vô-Tri. Kiền-Thúc nói chẳng nên. Kẻ hạ thần nghe theo mới khỏi bị họa với Vô-Tri. Sau kẻ hạ thần sang Châu muốn ra phò Vương-Tử-Thoạt. Kiền-Thúc nói không nên nữa, kẻ hạ thần cũng nghe theo, vì vậy mới đẳng khỏi cái họa với Tử-Thoạt. Sau kẻ hạ thần trở về nước Ngu muốn ra phò Ngu-Công, Kiền-Thúc cũng cản nữa. Lúc ấy kẻ hạ thần khốn cùng quá đỗi, tham vì tước-lộc mà cãi lời người, ra phò đỡ Ngu-Công, nên mới bị nước Tán bắt sau này.

Hai phen kẻ hạ thần nghe theo thi khỏi họa; mới cãi có

một lần mà gần bị hại, vậy thi Kiền-Thúc có trí hơn kẻ hạ thần này xa lắm. »

Đây nói về vợ Bá-Lý-Hè, chồng đi rồi thi ở nhà may và độ nhụt. Rủi làm ăn không đủ mới bồng con tính đi tìm chồng, trót nỗi bình-bồng đến nước Tần, may áo mướn mà nuôi con. Khi Bá-Lý-Hè làm thừa-tướng cho nước Tần; Đỗ-Thị dò xét kỹ-lưỡng, thừa dịp trong tướng phủ kiểm người may và áo mới xin vào ở may.

Tới một ngày kia, trong tướng-phủ có dòn ca. Đỗ-Thị xin với nhạc-công theo lèn nhà khách dòn ca giúp. Chứng Đỗ-Thị cất tiếng ca: « Bá-Lý-Hè ngũ dương bi, ác biệt thi, phanh phục thơ, xuân huynh phỉ, xuy diêm di, kim nhụt phú-qui, vong ngã vi, Bá-Lý-Hè ngũ dương bi, phụ lương nhục, tử đê ki, phu văn túc, thê huynh y, ta hồ phú-qui, vong ngã vi. Bá-Lý-Hè ngũ dương bi, tích chí nhụt quân hành chí ngã đê, kim chí nhụt quân lợa nhi ngã ly, ta hồ phú-qui, vong ngã vi. »

Bá-Lý-Hè nghe ca sảng-sốt, cho kêu lại gần mà hỏi, quả là vợ mình, bèn ôm nhau

anh
hung
anh
nguo
ra m
nen v

anh
ton -
nghiee
ma h
cua t
khô c

anh
tham
con
tich
kia,
nguo
nguo
trai.
nói :

Tay g
ben

anh
khô

anh
xin

ke t
cau
y-dj

tuo
nh
dong
doi

rỗng khóc om-sòm. Rồi đem con vợ về nuôi, vợ chồng cha con cùng chung một cửa từ đây. Tình cảnh nhà của Bá-Lý-Hè nghỉ cũng là cam go; thi-sĩ đời nay còn đẽ lại không thiếu chi là thơ

phú, ngâm vịnh về Bá-Lý-Hè.

Còn về bài ca thì người ta có đặt ra một bài Văn-thiên-tường và một bài oán, chúng tôi chép hết ra đây để cho ai là người hoài-cố xem.

Đây là bài Văn-thiên-tường :

1. Vì tình kia, cái thân sao đắng cay,
2. Than thay! đương khi gian truân, băng-khuâng trong lúc chia tay, gầm lụy ngỏ cùng chàng,
3. Vì tình nhà hàn-vi, nên mới sanh ly;
4. Đưa nhau bắt tay dặn-dò, đến lúc đặc lộ người có nghĩ tới chút tình tào khan?
5. Tay dừng chén nầy hôm nay, khuyên lương nhân, vừng lòng ruồi dung vào đến nước Tân,
6. Cách núi ải, bước như vực thẳm rán dò,
7. Lo đương khi, qua đèo ải ngang gành đá chập chồng,
8. Qua đến chốn, sờm thu nhặt tỏa mây hàng, cho hản, cái đều ấm-lạnh dường nào.
9. Thiết thảm-thiết thương kẻ nhà ngồi trông,
10. Thiết rất bận tâm lòng,
11. Xa-xuôi luống thảm cho chồng, lướt bụi hồng dày thân.
12. ... Từ chàng đi
13. ... Lá ngô bay dư mây thu,
14. Thương ai cái thân sao lưu-lạc, lang quân người Bá-Lý-Hè, vưng chịu thuộc về Tân.
15. Ngày hàng ngày càng trông, tay dắt con trẻ,
16. Bè xanh mây giăng chôn trời, bóng ác đương chen, màu khói tỏa, vẻ cảnh trời buồn-xo.
17. Non cao như hình Vọng-phu, xưa xưa kia, giữ tình nghĩa nên hình đá trông chồng,
18. Dám vì kẻ, dẫu cho sông khô đá mòn,

19. Sang đâu tham, tham vì nghĩa-nhanh tình-ái lâu dài, thiếp cũng nguyện, ví như cuộc thế đổi đời,
20. Ôm miếng kiển này, thế chẳng đời lòng!
21. Vắng-vé nám canh thép đèn dầu hao!
22. Luống chạnh kết bạn bóng mình,
23. Cho hay mỗi thảm chưa nguôi, kể tiếng gà tàn canh.
24. ... Lang quân !
25. ... Nay đã qua Tân,
26. Đến chúc công-khanh, thêm nhiều cõi hẫu,
27. Dám trách cho ai, sang giàu quên nhau,
28. Nên công-danh dành đó dành quên nhau,
29. Tay ôm con, theo đường kiếm ăn dò bước qua Tân,
30. Ca mây bản, đến cho tận kẽ phụ tình,
31. Khi đưa nhau, phải chẽ cánh cửa hấp gà,
32. Chẳng nhớ thuở, áo trâu lạnh-léo một lều, nay đã, qui rời, lại đó đời lòng !
33. ... Cất những tiếng ca giựt mình người trên.
34. Giữa tiệc rất xót da anh hùng,
35. Quăng ly, bước thẳng nắm tay, khóc với người tình chung.

Kinh lịch HUÒN
1916 - 1917

Còn đây là bài Tứ-dại :

Bao quản bao thỏ lặng ác tà,
Nhành ngô đồ lá đưa chà,
Mây thu rày nảo-nồng phận hoa,
Tinh ói, có thấu chặng là?
Thiếp trông chàng tổ lòng thiết-tha.
Chạnh chung-tình lụy sa,
Hồi lang-quán chàng Bá-Lý-Hè!
Vì tình kia, chốn lều tranh em trêu thương ngậm nhớ,
Chích bạn bo-vo giữa đường,
Sầu dật-dả bến sòng Tương;
Nhạn lạc-bầy kêu sương.
Không ngui nỗi nhớ niềm thương,

Anh
hùng
Anh
người
ra mộ
nên vi

Ánh
TÔN -
nghèo,
mà họ
của tu
khô ch

Ấn E
tham,
còn đ
tích c
kia, l
người
người
trai. C
nói :
Tây gi
hên Đ

Âm
khô r

Âm
xin ke
ké tìn
cần t
ý-dịnh
tương

Như
đồng
đồi lê

Thảm-thương chàng đường xa diệu viễn,
Kẻ chọn trời người góc biển,
Đôi đưa mình tương tri bất kiến.
Bá lang chàng hỏi?
Có thấu chặng cái niềm sự tình.
Nhớ thuở hiệp bạn minh, lèu tranh biết mấy nhiêu tình.
Đôi đưa nay sót thảm chia vui.
Ngày nay thiếp chịu riêng than,
Hận bởi duyên bởi vì duyên trách nợ, duyên nợ khiến lỡ-làng.
Khiến cho nam-nữ đôi phang,
Tình lang hỏi tình lang!
Đã mấy thu chàng bắt tin sang,
Thiếp cò phòng quanh-hiu sớm tối,
Vọng phu hình trong chồng nén nỗi,
Thiếp học đòi thề lòng chẳng đổi,
Đá tan biển cạn, miếng kiến xưa em giữ-gìn.
Nặng cũng bởi chữ tình,
Nấm canh kết bạn bóng minh,
Ngo-ngần tình với ngọn đèn chong ;
Gương nga ghé mắt dòm song,
Giọt tuôn rơi, gió hú-hắt thổi, đường khêu lửa phiền ;
Chạnh nhớ lúc xe duyên,
Thế khi chàng công-danh đắt lợ,
Thêm nhiều cỏ hẫu, nên lắp thảm tình sâu,
Chẳng nhớ những hồi cháo rau,
Đoạn tình nhau trong buổi sang-giàu.
Gắn gượng ôm trẻ con, lẩn suối trèo non,
Bước qua đường xin ăn theo buổi, dò lẩn qua Tần,
Cho lạn mặt Bá-lang, trôi ít hàng nhặt-khoan,
Cho thấu tai kẻ bạc tình.
Ai hối ai là nghĩa bố kinh !
Tảo-khang sao chẳng vẹn gin ?
Thuở hàn-vi áo trâu lạnh-léo,
Mặn lạt đều sót chia,
Khi đưa nhau hấp gà chè cửa,

Chứ ơi đãng chúc công-hầu, tình tẩm mẫn anh vội vong,
Mặt mũi nào còn thấy núi sông ?
Tiếng ca phút động tâm trung.
Rất xót dạ anh hùng.
Giữa tiệc trung loan mắt doanh tròng,
Quăng ly rượu khóc cùng người tình chung.

Bá-Nha, Tử-Kỳ : Bá - Nha
người đời Tống làm quan
thượng-dai-phu, khi đó đi sứ
nước Sở về, nhầm đêm trung
thu, trăng thanh gió mát, tới
mê sông Hán-Dương, thura
hứng biều quân ngừng thuyền
lại, rồi lấy đòn kìm ra khảy
chơi.

Trên bờ có anh Tử-Kỳ đi đốn
củi về, nghe tiếng dòn, dừng
chờ lại nghe lóng. Bá-Nha
đương dòn thoát dứt dây, mới
nghi rằng chỗ này là núi non
cao, có lẽ nào ai biết ta đòn
mà rinh nghe, nên dứt dây
dòn ta. Đây chắc là quân
trộm cướp rinh ta mà thôi,
bèn sai quân lên bờ kiểm bắt.

Tử-Kỳ ở trên bờ nghe, mới
lên tiếng : « Xin đại-nhơn chờ

nghi, tôi là đưa đốn củi, thấy
khúc dòn hay nên dừng chờ
nghe thử.

— Có lẽ đâu một tên tiêu-phu
mà lại biết nghe dòn.

— Xin lỗi đại-nhơn, đại-nhơn
nói vậy chẳng là lầm lầm. Vì
thánh-nhơn xưa có nói hễ
trong nhà có quân-tử thì
ngoài cửa quân-tử đến. Như
đại-nhơn khi chở núi-non
rừng bụi không có người
biết nghe dòn, thì đêm canh
vắng vực sông này chẳng có
lẽ có khách biết dòn.

— À hay ! Vậy ta đòn bản
gì đó ?

— Bầm ngài dòn bài Đức
Khồng - Tử than - tiếc thầy
Nhan-Hồi :

Khả tích Nhan-Hồi mang tảo vong,
Giáo nhơn tư-tưởng phát như strong.
Chỉ nhơn lâu hạng đơn biều lạc,
Lưu đắc hiền danh vạn cổ dương.
(Khả tiếc Nhan-Hồi mang vắn ôi !
Nhớ-thương mái tóc bạc như vôi,

*Hai con bồ nước vui què hép,
Đề tiếng hiền danh biết mấy đời).*

Bá-Nha nghe, liền mời khách xuống ghe đàm-đạo. Rồi ôm dòn súra dây, tướng minh ở non cao khảy một bản. Tiều-phu mời khen: « Thiệt là hay ! nghe ra thì thấy ý đại-nhơn voi voi ở non cao ».

Bá-Nha lại khảy thêm một bản nữa ý minh ở dưới nước. Tiều-phu khen rằng: « Hay ! hay ! cuộn cuộn chí đại-nhơn ở nơi nước chảy ».

Rồi đó hai người trò chuyện cho tới trời sáng. Tử-Kỳ từ giã ra về. Bá-Nha mời theo mình tới kinh ở chung một cửa, thì Tử-Kỳ rời nước mắt than rằng: « Còn cha mẹ tuổi già không lẽ bỏ đi chơi xa dặng ». Hai anh em mới hẹn sang năm ngày này sẽ cùng nhau hội chô này, rồi kě Nam người Bắc.

Đúng năm sau Bá-Nha xin vua về thăm nhà, tới bến dưới núi Mā-An, ôm cầm lên dây liền khảy. Tử-Kỳ không thấy, mà tiếng dòn sầu buồn ai oán. Bá-Nha mới sanh nghi, đợi tới sáng đi tìm, mới hay Tử-Kỳ đã chết rồi.

Bá-Nha mới tìm tới trước mộ gần bên mé sông, bày đồ

té-lẽ, rồi lấy dòn ra khảy một bài diễu, khóc hết sức thảm-thiết. Bấy giờ mới đậm dòn, thè trọn dòn chẳng dòn nữa, vì đã hết người tri-ám rồi !

Thơ VÂN-TIỀN có câu: *Than
rằng lưu thủy cao sơn, ngày
nào nghe dặng tiếng dòn
tri ám ?*

Bác ái, lòng yêu hết mọi người mọi vật.

Bác cõ thông kim, học biết dời xưa, hiểu rõ đời nay.

Bác đoạt công quyền, lột công quyền của người bị công án.

Bác lâm hội, cuộc hội bày ra các nghệ-thuật để cho công chúng phán xét.

Bác văn ước lẽ, trong Luận ngữ có câu: *Quân-tử bác học
văn, ước chi dĩ lẽ*. Nghĩa là: người quân-tử học rộng cho biết văn-vật rồi lấy lẽ mà quyết lại.

Bác-Vật-Tân-Biên, quyển sách ông Phạm-Phú-Thứ, triều Tự-Đức đi sứ Pháp về soạn ra nói chuyện hoàn-cầu, mong nhà vua cải-cách.

Bác-vật-viện, nhà bày những vật nhơn tạo và những vật thiên-nhiên để cho khách quan-lâm.

Ở Sài-Thành có viện Blan-chard de la Brosse ở vườn thú; ở Huế có viện Khải-Định trong hoàng-thành; ở Hà-thành thì có viện Finot ở bờ sông Hồng-hà và Musée agricole ở gần nhà ga.

Bạc-Ất-Bính, làm quan cho Tân-Mục-Công dời Chiến-quốc sức mạnh lăm. Xáp trận gặp Tồ-Ngan-Dì, hai người đánh súc một với nhau mấy ngày đêm, té lăn xuống hố mà không chịu buông nhau ra. Chứng đem hai người lên thi nói hết ra tiếng. Thuốc men ba tháng mới lai như xưa.

Bạc chí nhược hành, chí khi yếu-ót, làm việc gì thì chỉ làm loli thôi.

Bạc thần khinh ngôn, mồi mõng hay nói càn.

Bách bộ xuyên dương, Dương-Do-Cơ người nước Sở dời Đông-Châu, đứng xa cày dương-liễu một trăm bước, bắn lá dương bá phát bá trúng. Có nghĩa mưu việc gì cũng đều trúng cả.

Bách châu, thuyền gỗ bách.

Để nói khi-tiết của người dòn bà góá chồng. Lấy trong tích: CUNG-BÀ, thái-tử nước Vệ chết sớm. Vợ thủ-tiết. Cha mẹ muốn đem gả chỗ khác. Người không chịu, làm bài thơ BÁCH-THÀU để tự thè.

Có câu: *chiếc bách linh đinh
giữa dòng*.

Bách-hoa sanh-nhứt, ngày 12 tháng hai âm-lịch. Tục nói ngày đó các thứ hoa đều nở.

Bách-hoa-vương, tên riêng của hoa mẫu-đơn.

Bách-niên-giai-lão, lời chúc vợ chồng mới cưới ở đời với nhau cho tới một trăm tuổi.

Bách-noán, 100 cái trứng. Lấy tích LẠC-LONG-QUÂN lấy ẤU-cơ để ra 100 cái trứng nở 100 người con trai. Tục truyền giống ta phát sanh từ đó.

Bách-tuế-vi-kỳ, trăm năm là hạn. Ý nói người đời ai ai cũng sống 100 tuổi là hết.

Bách-văn-bắt-như-bắt-kiến, trăm lần nghe không bằng một lần thấy.

Bạch bích, ngọc trắng. Truyền Thần-tiên xưa có chép Ung-Bá gấp tiên cho viên ngọc đem về trồng, ngày sau trở

Anh hùng g
Anh người ra một
nên viে

ngọc-bích, lấy đó cưới Từ-Thị.

Bạch câu quá khích, ngựa trắng qua cửa sổ. Ý nói thi giờ qua chóng lẹ, tuổi chẳng chờ ta. Đời người thầm-thoát, ngắn-ngủi lắm.

Bạch-Cư-Dị, tự Lạc-Thiện, đời Đường, quán ở Thái-Nguyên, tỉnh Sơn-Tây, đậu tần-sĩ đời Nguyên-Hòa. Làm chức Tả-Tháp-Di, bị biếm ra làm Tư-Mã ở Giang-Châu. Sau được triệu về kinh làm Thượng-tho bộ hình. Chinh ông làm bài Trường-hận-ca kề sự tích Dương-Qui-Phi của Đường-Minh-Hoàng. Có tiếng từ đó. Về già ông hay uống rượu làm thơ, lấy hiệu Túy-Ngâm tiên-sanh; về ăn núi Hương-Sơn. Hương-Sơn cù-sì cũng là ông. Thơ ông dè lại còn Tỳ-bà-hành bằng chữ nho.

Bạch-Đằng, sông Nhị-hà, chảy ra Quảng-Yên. Ngô-Quyền đánh quân Nam-Hán thua to ở đó, lúc quân chúng kéo qua xâm lấn ta-lần thứ hai. Quân Nguyên lần trước sang đánh nước ta phải thua ta một trận rồi. Năm 1287 quân Nguyên sang nước ta

một lần nữa, tinh bão thù. Lần này phải thua luôn. Chứng đó mới tinh rút lui. Trần - Hưng - Đạo biết được, sai tướng lấy gỗ đeo nhọn đóng khắp giữa dòng sông Bạch-Đằng, tỉnh Kiến-An; rồi phục binh, chờ lúc thủy-triều lên, ra khêu chiến, dù thuyền giặc qua chỗ đóng nọc. Chứng thủy-triều xuống, thuyền giặc bị nọc, lui tới không dặng. Chứng đó quân ta trở lại đánh chúng một trận tan-tành. Tháng 3 năm Mậu-Ti (1288). Quân Nguyên ghê ta từ trận Bạch-Đằng.

Bạch y thương cầu, mây trắng chó xanh, lấy trong bài thơ của Đỗ-Phủ, ý nói việc đời thay đổi không chừng; như mây trên trời một lát hình áo trắng, một lát hình chó xanh.

Bạch - Khởi, đời Chiến-Quốc, làm đại-tướng cho Tần - Chiêu - Tương - Vương, được phong Võ - An - Quận. Thiệt là người tài giỏi, nhưng tàn-sát lắm. Đánh Triệu bắt đặng mấy muôn binh, sợ binh Triệu làm loạn, đêm hôm bày mưu cho binh minh giết sạch hết.

tàn. Nói về những người kỵ nữ hết thời.

Bảy chữ, là 7 cách lừa dối người của bọn làng choi, lấy theo sách Tàu bày ra :

Khấp, khóc-lóc như thương người lắm ;

Cắt tóc cho nhau dè làm tin;

Thính, xâm tên vò cánh tay

làm ra tình yêu nhau; ~~mai dính~~

Thiêu, đốt hương thề-nguyễn;

Giữ, hẹn-hò với nhau trăm năm làm vợ chồng chờ không quên, không bỏ nhau;

Tẫu, rủ nhau đi trốn;

Tử, giả cách chết làm cho

người ta quyển-luyến thèm.

Ban - Chiêu, cung nữ làm chức tiệp-dư dè xem-xét trong cung-cẩm, đời Hán-Thành-Đế. Người hay chữ mà đẹp lắm. Ngày kia vua muốn cho ngồi chung xe mà Ban-tiệp-dư không chịu. Sau Triệu-phi-Yến đặc sủng gièm-pha, làm Ban-tiệp-dư phải bị phế ra đồng-cung. Ở đó Ban-tiệp-dư có làm bài phú Thu-Phiến lời rất thảm-thiết. Nỗi tiếng từ đấy.

Ban cő, một nhà làm sứ đời Hán.

Ban - Siêu, danh - thần đời Đông-Hán di sứ Tây-Vực bắt hơn năm chục nước nhỏ phải

Thích là xâm nịnh

về thần phục Tàu. X. ĐAO-CUNG.

Bàn-Cỏ, theo sách sử của người Tàu thi Bàn - Cỏ là thủy-tồ của loài người.

Bàn-Đào, đào - tiên. Tục truyền vua Hán - Võ - Đế cầu tiên. Bà Tây - Vương - Mẫu xuống cho quả bàn-đào nói rằng : « Cây ấy ba ngàn năm mới nở hoa, ba ngàn năm mới kết quả; ăn được một trái thi sống ngàn năm ».

Bàn-Đức-Công, người đời Hán, anh em bạn với Tư-Mã-Huy, không ham danh vọng, ở ẩn trên núi Hiện-San. Vợ chồng kinh nhượng nhau như chủ khách. Quan thứ-sử Kinh-Châu là Lưu-Biều nghe người hiền-đức muốn rước về giúp việc nên qua Nam-Dương là chỗ người đương cày ruộng mà chờ. Chừng người thoi cày, gát cày trên bờ ruộng, thì vợ con xúm lại làm cỏ. Lưu - Biều mới chỉ vợ con người, rồi nói với người rằng : « Người đời ai chẳng vì con cháu mà làm kẽ lâu dài. Nay tiên sanh chịu cực-nhọc cù cày-bừa không ra làm quan dặng nhờ tước-lộc của triều-dinh, thi lấy chi làm kẽ lâu dài để lại cho con cháu ngày

sau? » Người mới cười rằng : « Kẽ lâu dài cho con cháu, há phải là bỗng-lộc và tước quan mà thời sao? Theo ý tôi thì bỗng lộc và tước quan là sự nghiêng nghèo cho con cháu. Còn laysúclàm ăn thì ít lo hậu-hoạn. Sao gọi rằng tôi không lo kẽ lâu dài cho con cháu. »

Bản đòn, những bản đòn có tiếng đời xưa là những bản :

Quảng-lăng,
Hoa-nhạc,
Qui-vân,
Thanh-trung,
Thanh-giốc.

Bản trúc, xây đắp. Tích PHÓ-DUYỆT hồi còn hàn-vi, đi đắp đất mướn cho người.

Bán cân bát lượng, nửa cân tám lượng. Một cân là 16 lượng, thì nửa cân là 8 lượng, cũng như nhau. Ý nói hai người hay là hai cái gì đều bằng nhau, chẳng người nào hơn người nào, chẳng vật nào kém vật nào.

Bán đồ nhi phế, làm việc gì nửa chừng lại bỏ đi.

Bán sương, nửa năm.

Bạn loan, vợ chồng sánh với đôi chim loan không rời nhau.

Bạn sanh-tử, tích Đào-VIÊN tam hữu Lưu-Bị, Quan-Công

và Lương-Phi nhóm nhau giết ngựa trắng tế trời sát trâu đen tế đất. Thè chằng nguyện đồng năm đồng tháng sanh, chín thè đồng năm đồng tháng thác.

Bàng-Mông, người đời Hạ, bên Tàu, có tài bắn giỏi.

Bàng nhược vô nhân, xem như bèn minh không có ai cả.

Bàng quan giả liệu, X. ĐƯƠNG CUỘC GIẢ MÈ.

Bàng - Quyên, Tôn - Tân, một người nước Ngụy, một người nước Tề, đời Chiến-Quốc, cùng học chung với Quí-Cốc tiên-sanh.

Bàng-Quyên xuống núi trước. Hồi xuống núi có thè với Tôn-Tân sẽ tiến-dẫn và giúp Tôn-Tân sau này cho nên danh. Bàng-Quyên được làm quân-sư cho Ngụy-Huệ-Vương, đánh đâu thắng đó nên sanh kiêu và không muốn có Tôn-Tân làm với mình, biết Tôn-Tân giỏi sợ Tôn-Tân sau này lấn minh. Nhưng mà Mặc-Địch hay làm nghĩa, thấy vậy bắt binh, tự vào yết-kiến Huệ-Vương mà giới-thiệu Tôn-Tân; thành thủ Bàng-Quyên buộc lòng phải rước Tôn-Tân về giúp Huệ - Vương với mình. Nhưng mà Bàng-Quyên đã biết

Tôn-Tân giỏi hơn minh, sau này thế nào cũng lấn minh, nên lập kế làm Tôn-Tân quá tin và quá thiệt tình nên phải mắc, bị Huệ-Vương xử chât giò. Bàng-Quyên còn làm bộ thương đem Tôn-Tân về giả tiếng là nuôi mà tình thiệt là ép Tôn-Tân chép cho rồi bộ binh-thơ mà Quí-Cốc dạy Tôn-Tân chớ không có dạy Bàng-Quyên.

Tôn-Tân sau rồi biết, giả dien, bị Bàng-Quyên bỏ vỏ chuồng heo thử coi dien thiệt hay giả, hết nước mới thả ra. Mặc-Địch hay chuyện ấy qua Tề cho Điền-Ký biết, lập kế sang Ngụy rước Tôn-Tân về. Chừng đó Tề - Hầu cho Tôn - Tân làm quân-sư. Sau đánh Ngụy dù Bàng-Quyên tới Mã-Lăng chỗ cày dai-thọ mà Tôn-Tân đã cho khắc trước mấy hàng chữ này : **Bàng-Quyên tử thủ thủ hạ**. **Quân-sư Tôn-thị**. Nghĩa là : Bàng - Quyên chết tại dưới gốc cây này; quân-sư Tôn nói cho mà biết; cho binh phục bắn chết theo lời thề. Bàng-Quyên xuống núi hưởng giàu sang có 12 năm.

Bàng thu, bảng thi hương về lúc mùa thu.

Bảng vàng, kim bảng. Cửa son, châu mòn, dùng nói cửa nhà làm quan.

Bạng duật tương trì ngư
ông đặc lợi, bạng là con trai, một thứ ngao ; duật là con cò. Cò cắn ruột trai, trai kẹp mỏ cò, hai đảng dùng-dâng, ông chài lại bắt cả hai, được lợi. Ý nói hễ mình không lo làm ăn, cứ ở không cải lợn với chúng thì tự nhiên có người ngồi không hưởng.

Bành-Lệ, hồ Bành-Lệ, tỉnh Giang-Tây, nước sâu lầm cá.

Bành-Tồ, người đời Đường-Nghiêу, được phong ở Bành-Thành. Tương truyền rằng sống tới 700 tuổi. X. DUNG-THÀNH.

Bành-Việt, làm tội Hörn-Bái-Công, giúp Bá-Công làm nên đế nghiệp. Sau bị Bá-Công giết lấy thịt làm mắm.

Bao-Công, tên Bao-Chuẩn, làm quan đời Tống bên Tàu. Có tiếng xét án rất tài. Án bí mật, bao lâu... tìm cũng ra.

Bao tàng họa tâm, ngoài mặt thì coi bộ lành lǎm, mà trong lòng chứa không biết bao nhiêu điều tội ác.

Bao-Tỷ, đời Chiến-Quốc,

U-Vương nhà Châu mê dị đoan không lo việc nước. Quan đại-phu Bao-Hưởng can vua mà phải bị giam.

Con Bao - Hưởng là Bao-Hồng-Đức xuất ba trăm cây vải và lụa, mua Bao-Tỷ, đem dung cho U-Vương, dặng xin tội cho cha. Bao-Hưởng được tha mà từ đó nước U lần lần hư nước hại nhà. Bao-Tỷ vào cung được phong làm chánh-hậu mà luôn luôn mặt buồn ủ đột, không khi nào cười một lần. Nàng không ưa chi hết ; chỉ thích nghe tiếng lụa xé. U-Vương muốn được lòng chánh-hậu mỗi lần xuất cửa kho cả trăm cây lụa xé cho Bao-Tỷ nghe. Bao-Tỷ nghe qua mặt tươi một chút rồi thôi, chứ cũng không cười.

Quách-Thạch-Phủ dung kể : Năm trước tiên - vương sơ giắc Tây-Nhung nên có lập phong-hoà-dài và dự trống lớn để phòng khi nào giắc đến xâm-lǎng, đốt phong-hoà-dài và đánh trống chiến cho chư hầu nghe thấy, đến mà tiếp với nhà vua. Nay muốn cho chánh hậu vui, thi rước chánh-hậu đến núi Ly-San đánh trống, đốt phong-hoà-dài, binh viện chư hầu mắc

mặt thì chánh hậu chắc cười. U-Vương nghe theo. Quả nhiên chư hầu nghe trống lệnh và thấy đốt phong-hoà-dài, thì kéo binh tới nườm-nượp. Chứng tới nơi thấy trên dài đèn sáng, đờn ca xướng hát, còn Chánh-hậu và U-Vương đương ăn uống chờ không có chuyện chi ; U-Vương lại khiến quân ra nói : « Chẳng có giặc-giã chi, chỉ vương-hậu muôn mua vui đó thôi »

Chư-hầu chứng hỉng, cuồn cờ xếp giáo kéo nhau ai về xứ này. Chứng đó Bao-Tỷ ở trên lâu đứng dựa lan can, thấy chư hầu xển-lển, bật cười lớn lên. U-Vương lấy làm khoái lǎm, liền lấy ngàn vàng thưởng Quách-Thạch-Phủ.

Ngàn vàng mua lấy tiếng cười là ở tích này.

Bao-Tu, X. NGŨ-TỬ-TU.

Bao ảnh, bảo là bọt nước ; ảnh là cái bóng ; để vi đời người không chắc là đâu, chỉ như cái bóng, cái bọt nước. Kinh kim-cương có câu : *Nhirt thiết hữu vi pháp, như mộng ảo bào ảnh*, nghĩa là hết thấy việc đời như giắc chiêm bao, như bọt nước, như cái bóng.

Bao-Thúc-Nha, X. TRI-KÝ.

Bảo cái, bảo là qui, cái là lọng, cày lọng của nhà phật.

Báo tử lưu bì, con báo chết đê da. X. HỒ TỬ LƯU BÌ...

Bát âm, tám thứ tiếng về âm nhạc :

Bào, tiếng sanh,
Thở, tiếng trống đất,
Cách, tiếng trống da,
Mộc, tiếng mõ cây,
Thạch, tiếng khánh đá,
Kim, tiếng chuông đồng,
Ty, tiếng dày đờn,
Trúc, tiếng ống sáo tre.

Lại có Ngũ Am, là năm thanh âm chánh :

Cung
Thương
Giác
Chửy
Võ

Nhã nhạc, nhạc chánh đáng đối với Nhã-trịnh, tiếng nhạc tà-dâm.

Bát bộ kim cương, tám vị Bồ-Tát trong Phật-giáo.

Bát bửu, 8 món của tiên cầm tay :

Quạt của Hörn-Chung-Ly.
Dép của Lử-Đồng-Tàn
Bầu rượu của Lý-Thiết-Quày
Thanh gươm của Tào-Quốc-Cựu

Giỏ bóng của Lâm-Thái-Hòa

Ống tiêu của Hán-Tương-Tử
Gây của Trương-Quả-Lão
Bông sen của Hà-Tiên-Cô

Bát cảnh :

Binh sa lạc nhạn, đàn chim
nhạn bay xuống bãi cát bắng ;

Sơn thi tinh lam, cảnh chợ
chiều ở dưới chơm núi ;

Viễn phô qui phàm, cảnh
chiếc thuyền trương buồm ở
xa bay về ;

Ngư thôn tịch chiếu, bóng
chiều ở xóm thuyền chài ;

Sơn tự hàng chung, tiếng
chuông chùa vẳng-vắng trên
núi ;

Động-Định thu-nuyết, bóng
trăng thu trên hồ Động-Định ;

Giang biển mờ tuyêt, tuyêt
sa bên sông lúc gần tối ;

Tiêu-tương dạ vồ, trời mưa
ở trên con sông Tiêu-tương
ban đêm.

Bát đại hành-tinh, 8 vị hành
tinh của thái-dương-hệ :

Thủy tinh,

Kim tinh,

Địa cầu,

Hỏa tinh, (xoay quanh
thái dương)

Mộc tinh,

Thổ tinh,

Thiên vương tinh,
Hải vương tinh.

Anh
hùng
Anh
người
ra mội
nên vi

Ánh
tòn - k
nghèo,
mà họ
của tuy
khô ch

Án B
tham, n
còn đú
tích củ
kia, h
người l
người l
trai. C
nói :
Tây già
bên Đò

Âm
khô rõ

Âm c
xin ke
kẻ tin
cầu tr
ý-dịnh
tương
Như r
đồng ti
dồi lèr

Bát giới, 8 điều răn của
Phật-pháp :

Không sát-sanh,
Không trộm-cắp,
Không tà-dâm,
Không nói bậy,
Không uống rượu,
Không ngồi giường cao,
Không mang đồ vàng-hột
tốt đẹp.

Không tập múa-hát vui-vé.

Bát nhã, tri-huệ ; đã thoát
ly khỏi tư-tưởng bây-bạ ; do
chữ phạn là prajna.

Bát quái, 8 quẻ :

Càn,
Khảm,
Cấn,
Chấn,
Tốn,
Ly,
Khôn,
Đoài.

X. CAN CHI.

Bát sơn đổi diện, theo các
nhà thuật số, nếu hai người
đứng vào hai quẻ đổi nhau :
càn-tốn, khảm-ly, cấn-khôn
chấn-đoài, kết hòn nhau thì
không tốt.

Bát tiên :

Hörn - Chung - Ly,
Trương-Quả-Lão,
Hàn-Tương-Tử,

Lý-Thiết-Quái,
Tào-Quốc-Cựu,
Lữ-Đồng-Tân,
Hà-Tiên-Cô,
Lâm-Thái-Hòa.

Tám vị tu đắc-đạo thành
tiên ở Bồng-Lai.

Bát tiết :

Xuân phân, 21, 22 tháng 3
dương lịch, đêm ngày bằng
nhau;

Thu phân, 23, 24 tháng 9
dương lịch, đêm ngày bằng
nhau;

Hạ chí, 20, 21 tháng 6 dương
lịch, ngày dài hơn hết ;

Đông chí, 20, 21 tháng chạp
dương lịch, ngày ấy ở Bắc-
bán-cầu đêm dài hơn hết ;

Lập xuân, mồng 4, 5 tháng
2 dương lịch ;

Lập hạ, mồng 6, 7 tháng 6
dương lịch ;

Lập thu, mồng 9, 10 tháng 8
dương lịch ;

Lập đông, mồng 7, 8 tháng
11 dương lịch.

Bát trân, 8 món mà thiên
hạ cho là ngon, quý lợ :

Gan rồng,
Chả phụng,
Thai con báo,
Đuôi cá gáy,
Chả thịt cù,

Mồi lười-uơi,
Bàn tay gấu,
Nhượng heo con.

Có người lại kể như sau này :

Gan rồng,
Gàn phụng,
Trứng chim dù-dỉ lộn,
Đuôi con cá lý-ngư,
Mồi con lười-uơi,
Thỏ hàn-nam,
Nhượng con heo con,
Tai con gấu.

Bát trận, 8 thế trận-dồ
người ta nói của Gia - Cát -
Lượng bày ra là :

Thiên,
Địa,
Phong,
Vân,
Long,
Hồ,
Xã,
Điều.

Bát tuấn mã : 8 ngựa hay
của vua Mục-Dương dời nhà
Châu đê kéo xe di châu du
thiền hạ.

Tuyệt địa,
Phiên vồ,
Bôn tiêu,
Siêu kiển,
Du huy,
Siêu quan,
Đằng vụ,
Quái độc.

Anh hùng
Anh người
ra mội
nên vi
Ánh
TÔN - K
nghèo,
mà họ
của tuy
khô ch
Ăn B
tham, i
còn dù
tích cũ
kia, h
người l
người
trai. C
nói :
Tây già
bên Đ
Âm
khô rồ
Âm
xin ke
kẻ tin
cầu tr
ý-dịnh
tương
Như
đồng t
dồi lèi

Bát tự, 8 chữ can chi, chỉ về năm tháng ngày giờ sanh đẻ của người ta, để nhà số đoán thuật kiết-hung họa-phúrco cho người.

Bạt hồ, con cá lớn nhảy khỏi đăng; chỉ nghĩa người giỏi, chuyện chí tần thường không làm sao giam cầm được. Cũng chỉ là người cường ngạnh.

Bạt sơn cử đành, dỡ núi, nưng vac. Người tài giỏi. Sức mạnh của Hạng-Võ.

Bạt thiên phú quý, đại phú quý. Giàu sang ngất trời.

Báu, của báu: Đời Tống có một người kia được một cục ngọc tốt, bèn đem hiến cho quan Tư-Thành là Tứ-Hản.

Tứ-Hản từ rằng: «Ngươi cho ngọc là báu. Ta cho tánh ta không tham là báu. Nay người đem ngọc cho ta, ta mà nhận thì hai người đều mất của báu cả. Vậy người hãy đem về, như thế, hai đảng đều còn giữ được của báu của mình.» (Tả truyện).

Bắc cầu, có câu hát: *hoc chi những thói bắc cầu...* cầu có đầu chó không có đuôi, vì người ta nói đầu cầu chó không nghe ai nói đuôi cầu, đây dề

ám chỉ những người hữu *lú* *vô chung*.

Bắc diện, tôi ngó vua, trò trong thầy thì ngồi về hướng Nam mà trở mặt về hướng Bắc. Còn vua và thầy thì ngồi về hướng Bắc để ngó lại hướng Nam.

Bắc Đầu Bội Tinh, huy chương đề thường những người có công to với nước, của Pháp-Hoàng-Đế Napoléon đặt ra, hiện nay còn dùng.

Chia ra làm năm bực: Đệ nhứt hạng; đệ nhị hạng; đệ tam hạng; đệ tứ hạng; đệ ngũ hạng.

Bắc-hà, tức là miền Bắc-Việt.

Bắc nam, Bắc là phương Bắc; Nam là phương Nam, nghĩa là mỗi người cách nhau mỗi ngả.

Bắc nhạn Nam hồng, chim nhạn bay về Bắc, chim hồng bay về Nam. Ý nói kẻ xuôi người ngược.

Bắc thuộc, nói về thời đại nước ta phụ thuộc nước Tàu 2 lần:

1.- Lần trước chia 3 thời kỳ:
a.- Từ năm 111 trước kỷ-
nguyên đến năm 40 sau kỷ-
nguyên, 151 năm;

— Từ năm 43 đến năm 534, 491 năm;

c.— Và từ năm 603 đến năm 939, 336 năm.

2.— Lần thứ nhì từ năm 1414 đến năm 1427, 13 năm.

Trước sau cộng hết thầy là 991 năm.

Băng cơ ngọc cốt, da như giá, xương như ngọc. Thể thống của người con gái đẹp.

Băng nhân, người làm mai, lấy tích LINH-HỒ-SÁCH nằm chêm bao thấy đứng trên giá mà nói chuyện với một người đứng dưới giá. Sáng ra đoán rằng: Trên thuộc dương, dưới thuộc âm, âm dương tức là vợ chồng, nói chuyện tức là làm mai mối.

Băng thanh ngọc khiết, trong như giá, sạch như ngọc.

Băng tuyết, giá và tuyết, trong sạch.

Băng, chim băng. Tục cho rằng chim đại-băng gấp giò bay cao chin ngàn dặm. Băng phong.

Băng côn, băng là chim đại-băng; côn là con cá côn, con cá kình; đề vi con chim rất lớn và con cá rất to. Âm chỉ chuyện lớn lao.

Băng bắt khả khí, phú bắt

khả thi; âm dương tương suy, châu nhi phục thi, nghèo chẳng khá khít, giàu chẳng khá ý; máy âm dương xây vẫn, giáp vòng rồi cũng trở lại đầu.

Bần cùng tú chí thế gian vô, X. PHÚ QUÍ ỦY NHƠN...

Bần giữ tiện thị nhơn chí sở ố, X. PHÚ GIỮ QUỐI THỊ...

Bần nhí vô oán nan, phú nhí vô kiêu dị, nghèo không oán mài khó, giàu không khoe là dẽ.

Bần phú bắt quân, giàu nghèo không đều.

Bắt di bắt dịch, không dời không đổi.

Bắt đặc dĩ, cực chẳng dã.

Bắt dǎng cao sơn, bắt tri thiên chi cao; **bắt lâm thâm** (khê)cốc, bắt tri địa chi hậu, chẳng lên núi cao, chẳng biết trời là cao; chẳng vào hang sâu, chẳng biết đất là dày.

Bắt sanh bắt diệt, không sanh thêm không chết, tức là một nguyên lý trong kinh nhà Phật.

Bắt tri bắt giác, chẳng hiểu chẳng biết. Cũng có nghĩa

Anh thuận theo lẽ tự nhiên mà không cần dùng đến ý-trí.

Bắt tri nhi bắt huẫn, bắt diệt quân-tử hổ, người ta không biết mà lầm, mình không trách là quân-tử.

Bầu thế giới, tích BÍ-TRƯỜNG-
PHÒNG rình thấy ông già ban ngày thì bán thuốc ngoài chợ, mà tối về nhà thì chung vỏ một cái bầu thuốc rồi mất. Bí-Trường-Phòng nghi là dị-nhơn, mới xin ông già cho phép vỏ bầu coi. Chứng vỏ trong thì thấy đủ nhơn gian thế giới. X. HỒ THIỀN.

Bè từ, bè từ hàng đê cứu vớt người trầm luân lén cõi giác ngạn. Nói theo đạo Phật.

Bèo, tục truyền Sở-Chiêu-Vương lánh giặc Ngò qua nước Tùy. Chứng Bao-Tư xin binh Tần giải nan, trở về, qua sông Đại-Giang gặp một trái gì lớn bằng cái tò, sắc thi đô; không ai biết trái gì. Sau nhờ Đức Phu-Tử giải ra mới biết là trái bèo. Quí lâm vì ít có, ăn thi ngon. Khi nào gặp được trái bèo thì điềm quí. Tan rồi lại hiệp, suy rồi lại thanh.

Bè son, hình như cái dầm bơi ghe, sơn son, thường hay dựng theo cái phuơng trượng;

vật của hòa-thượng thường dùng.

Bè hoạn, X. HOẠN HẢI.

Bé mòn tạ khách, đóng cửa không tiếp khách.

Bé nguyệt tu hoa, trăng khép gương, hoa đồi sắc. Ý nói dòn bà con gái giữ bồn-phận, mặc kệ người chọc ghẹo.

Bến mê, mê tân, nhà Phật cho cuộc đời là chỗ mù mờ làm cho người ta nỗi trôi như cánh bèo ở mặt biển, phải có bè Tam-Bảo mới độ qua được.

Bỉ sắc tư phong, cái bên kia thua sút (*bỉ sắc*) cái bên này trội hơn (*tư phong*), được bè kia thì mất bè nọ, lại có câu: *Phong ư thử, sắc ư bỉ:* hơn bên này kém bên kia.

Bí-cực thời-lai, hết hồi xấu tới hồi tốt.

Bí-trường-phòng. X. BẦU THẾ-GIỚI.

Bích câu kỳ ngộ, cuộc gặp nhau lâ lùng ở chốn Bích câu. Truyện người Trần-Uyên đời Hồng-Đức, nhà Lê ở phuờng Bích-câu di chơi gặp tiên. Sau gặp ông già bán bức tranh mỹ-nhơn giống hệt người mình đã-gặp. Trần-Uyên mua về treo. Mỗi bữa anh đi khỏi về nhà thì nhà cửa dọn dẹp sạch-sẽ.

Anh lấy làm lạ rinh coi thì thấy người dòn bà trong bức tượng hiện hình ra quét tước. Anh ta chạy lại xé bức tượng, bắt người dòn bà, sau thành cặp vợ chồng.

Bích hoàn, trả vật lại cho nguyên chủ. Theo chuyện Lan-Tương-Nhur, người nước Triệu, đời Chiến-Quốc, đem ngọc-bích của Triệu qua đổi lấy 15 thành của Tần. Biết Tần quyết lừa Triệu muốn lấy ngọc mà không có ý đổi thành, Lan-Tương-Nhur kiểm thế giữ ngọc lại, đem về cho Triệu. X. LẠN-TƯƠNG-NHUR.

Bích huyết, tích TRƯƠNG-HOÀNG đời Châu bị chết oan ở nước Thục, ba năm sau đào mả lên thấy máu không tiêu, mà hóa ra sắc biếc.

Bích ngọc, con gái nhà nghèo. Có câu: Bần-gia bích-ngọc.

Bích quang, trên vách. Tích PHẬT ĐẠT-MA ở chùa Thiếu-Lâm ngồi cứ làm thịnh cả ngày, ngược mặt ngó lên vách chớ không ngó ai hết. 9 năm như vậy thì đặc đạo.

Biên cồn, biên là biên thùy; cồn là cồn ngoại. Tướng sai đi đánh giặc. Cồn là chỗ đưa

chọn ra trao quyền rồi trả lại.

Biên khôn, bờ cõi.

Biên thành, biên là bờ cõi; thành là thành. Thành ở gần biên giới.

Biên thùy, biên là bờ, thùy là cõi. Bờ cõi gần biên giới.

Biển mâu, biến là linh; mâu là cái mâu. Khi giới của binh linh.

Biển ngẫu văn, lời văn đối nhau; chữ nọ đối với chữ kia, câu trên đối với câu dưới.

Biển hoạn, X. HOẠN HẢI.

Biển khô, khô hải, nhà Phật cho trần-gian là biển khô.

Biển sói, X. VẠN NHÂN NHƯ HẢI.

Biển phong, thói tà. X. CHÁNH PHONG.

Biển-Thuróc, người đời vua Huỳnh-Đé, danh y thời đó. Thiên hạ thường cho là tổ thầy thuốc và tặng là Thuróc-Vương.

Biết thời vụ, Tôn-Khúc-Ngao đời Chiến-Quốc, làm tài Sở-Trang-Vương, chừng chết, trối lại với con là Tôn-An: « Con không tài kinh tế đừng chịu chức tước mà dơ mão triều-đinh. Còn như con may mà được phong ấp thì phải

Anh
hùng
Anh
người
ra mồ
nên v

Ánh
tòn -
nghèo
mà h
của t
khô c

Ánh
tham,
còn d
tích c
kia,
người
người
trai. C
nói :

Tây gi
bên Đ

Âm

khô r

Âm
xin k
kẻ tin
cầu t
ý-dịnh
tương

Như
đồng
đồi lè

nhớ lụa đất Tầm-Kỳ mà xin,
vì Tầm-Kỳ xấu lấm, không ai
thèm giành, thì con được ở
an đời đời vậy. »

Tôn-An chi hiếu, mỗi việc
đều nghe lời cha để lại; thành
được ở yên trọn đời ở đất
Tầm-Kỳ không ai dòm ngó tới.

Biệt hữu thiên địa, cái
cảnh đẹp riêng ở hẵn ngoài
vòng thế tục.

Biệu hoạch, đồ biện hoạch,
đồ đánh giặc giựt được của
giặc.

Binh dao, binh là linh, dao
là dao. Quân linh, nghĩa đen:
Giặc-giã.

Binh tinh, binh là linh, tinh
là tinh. Tinh thể của quân
giặc.

Binh bồng, binh là bèo;
bồng là cỏ nồi trôi trên mặt
nước; để ám chỉ người nay
dây mai đó, người lưu lạc.

Binh địa nhứt thanh lôi,
đất bằng dày một tiếng sấm.
Nỗi tiếng danh vang trên đời.

Binh khang hạng, phố của
những nhà thanh lâu ở.

Binh Lỗ, thành ở tỉnh Thái-
Nguyên. Lý-Thường-Kiệt phá
quân nhà Tống ở đó.

Binh ngô đại cáo, bài bối

cáo của Nguyễn-Trãi làm ra
để vua Lê-Lợi bối cáo cho
trong cả nước biết đã đánh
xong nhà Minh và khiến cho
nhân dân giúp cho hoàn-toàn
độc-lập.

Bình-Nguyễn-Quân, người
đời Chiến-Quốc tên Triệu-
Thắng, được Triệu-Huệ-Vuong
phong cho đất Bình-
Nguyễn nên người thường gọi
là Bình-Nguyễn-Quân.

Bình-Nguyễn-Quân là bạn
chí thân với Mạnh-Thường-
Quân. Hay chiêu hiền dãi sĩ.
Chiêu chuộng tân khách lầm.
Người ta thuật lại có một khi
mỹ nhơn của người không
biết, cười nhạo một người
tân khách. Người bèn ra lệnh
giết mỹ nhơn để cho vừa lòng
tân khách. Thành thử trong
nhà có khi cũng có tới ba
ngàn người khách như Mạnh-
Thường-Quân vậy.

Có câu: Từ rằng lời nói hữu
tinh, khiến người lại nhớ câu
Bình-Nguyễn-Quân. (KIỀU)

Binh sai, binh đựng nước
để rưới làm phép. Đồ nhà
Phật.

Binh thủy, bèo nước.
Binh thủy tương phùng: Bèo
nước gấp nhau. Để vì hai
người xa nhau bây giờ lại

gặp nhau như bèo gặp nước.

Bình-Trọng, X. ÁN-TỦ XUÂN-
THU.

Binh tiết: cầm giữ cờ tiết
của nhà vua. Ý nói có nghĩa,
không quên nước minh, dầu
hiểm nguy cực nhọc. X. TÔ VÕ.

Bóng dâu, bóng chiếu chiếu
trên cây dâu, Thi-sĩ lấy cảnh
trời chiếu để tả cha mẹ già
của một ai kia.

Bóng ngả, X. TÀ TÀ BÓNG
NGẢ CÀNH DÀU.

Bóng thiềm, cung thiềm,
mặt trăng, vì có chỗ cho THIỀM
THÙ là mặt trăng.

Bóng vàng, mặt trời, lấy ở
chữ KIM-Ô, con quạ vàng, là
mặt trời.

Bọ bèo, bọ nước cánh bèo
ở giữa biển Đông, thường để
vi thần phân nhỏ mọn. Phận
mỏng cánh chuồn.

Bọ bạc, qua lại khóm nóm.
Lấy trong KINH-THỊ, ý nói giúp
trong việc tang ma.

Bọ đẽ, cây ở cõi Phật, cao
trăm thước.

Bọ, xe bò. Đời xưa bên Tàu
vua nghe đâu có người hiền
thì đi xe lót nệm bò đến rước
về làm quan.

Bọ kiếm, tục xưa bên Tàu

cùi tiết đe -ngộ, mồng 5 tháng
5 thi lấy lá cây lác treo ở cửa
làm gươm để trừ tà.

Bồ liễu, cày bồ, cây liễu là
thú cày yếu ớt. Đề ví dòn bà
con gái mềm-mại.

Cũng lấy trong chuyện Cố-
Duyệt và Giản-Văn 2 người
cùng một tuổi nhau mà Cố-
Duyệt thi đấu bạc trước Giản-
Văn, nên thường nói: *Bồ liễu
chi tư vong thư nhi lạc; tung
bách chi chất kinh sương do
mẫu*; nghĩa là cái tạng cày bồ
cây liễu qua mùa thu thì rung,
còn cái chất cây tung cây bách
qua mùa đông rồi mà còn tươi
tốt.

Bồ tát, tên một Đức Phật
có lòng phô-dộ cho chúng
sanh.

Bồ tiên thị nhục, X. ROI BỒ.

Bố-Cái Đại-Vương, tức là
Phùng - Hung, người quận
Đường-Lâm, tỉnh Sơn-Tây bày
giờ, nổi quân phá phủ Đô-hộ,
rồi tự xưng là Đô-hộ, phục
nước Việt lại (791). Dân lúc
bấy giờ kính yêu dường cha
mẹ, nên tặng là Bố-Cái Đại-
Vương.

Bố cốc, Hễ mùa xuân đến
thì chim bố-cốc kêu.

Bố kinh, X. KINH BỐ.

Anh
hùng
Anh
người
ra mỗ
nên vi

Ánh
tòn -
nghèo,
mà họ
của tu
khô ch

Ăn B
tham,
còn đ
tích c
kia, l
người
người
trai. C
nói :
Tây gi
bên Đ

Âm
khô rồ
Âm
xin ke
kẻ tin
cầu tr
ý-định
tương

Như
đồng ti
dồi lén

Bộ khúc, tướng tá quản lính dưới quyền mình. Quản tâm phúc.

Bộc, sông Bộc. Đời Xuân-thu vua nước Vệ đi qua sông Bộc nghe có ai dòn một khúc dòn dầm lầm. Hỏi ra mới biết ngày xưa có quan thái-sử vua Trụ trầm minh ở đấy, mà quan này hồi đấy hay dòn những bản dầm mà vua Trụ tra; nên những bản đó bây giờ còn lưu truyền ở sông Bộc.

Dâu: Trong dâu, lấy trong kinh-thi: *Kỳ ngã vu tang trung nghĩa*, là hẹn với ta ở trong bãi dâu.

Trên bộc trong dâu, cũng có tích trai gái nước Trịnh nước Vệ hẹn nhau ra đó mà tư-tình. *Bộc thương tang gian*.

Bôi bàn, bôi là chén, bàn là mâm. Tiệc rượu.

Bôi chuồng, có tích dân trâu di giết dặng lấy máu bôi chuồng làm lễ. Khi đuổi trâu qua dưới thềm, Tề vương thấy trâu có vẻ buồn, động lòng thương, bèn dạy thả trâu, bắt dê lấy máu mà thết.

Bôi trung xà ảnh, Lạc-Quảng đời Tần có một người bạn đến nhà uống rượu.

Người bạn thấy trong chén có bóng con rắn, nghi Lạc-Quảng có ý hảm hại mình, vể lo lộ ra ngoài mặt. Lạc-Quảng hiểu ý, đứng dậy lấy cây cung treo trên vách mà cất đi, thi tự nhiên hết thấy hình con rắn trong chén nữa.

Bội văn vận phủ, bộ sách của vua Thanh Thành-Tồ sắc cho soạn ra, cứ theo vận mà ghi hết các điền-cồ, gồm có 212 quyển, để cho các nhà từ-chương kiểm tra rất tiện.

Bội văn là tên cái thơ-trai của vua nhà Thanh.

Bôn, dâm bôn, tư bôn; theo trai; trai gái thông dâm; gái trốn theo trai.

Bồng châu, doanh-hải, cảnh tiên. X. BỘT-HẢI.

Bồng-Lai, *Bồng đảo*; một trong ba hòn núi Thần-sơn ở giữa Bột-hải, tuyên truyền tiên ở đó.

Bồng-sơn, là một hòn trong ba hòn núi Thần-sơn ở Bột-hải,

Bột-hải, tục truyền ở Bột-hải có 3 hòn đảo có tiên ở:

Bồng-Lai hay là *Bồng đảo*,
Bồng-Sơn,
Doanh-Châu.

Bột-Hải, vợ của Âu-viện-

Thơ (có chỗ chép Ân-Hiệu-Tư) gấp giặc bắt, gieo mình xuống giếng mà thác đè thủ tiết với chồng. X. TỈNH ĐỀ.

Bù chì, lấy tích một bà kia sanh được năm người con, người nào cũng lớn, có tư riêng. Anh em mới tinh với nhau luân phiền nuôi mẹ; mà lại giao mỗi khi thay phiền phải cản mẹ coi cờ khéo nuôi hay không. Bà thì đồng thương con, nên khi nào bà có sút cân thì bà lấy chì giấu thêm vỏ cho đủ cân, sợ anh em tranh nhau. Nên có câu: *Thương con mẹ chẳng có chi, cho nên mẹ phải bù chì cho con*.

Bùi-Cầm-Hồ, X. NGUYỄN-THIỆN-TÚ.

Bùi-Hàng, dùng chày ngọc già thuốc ở Lam-Kiều, sau gặp nàng Văn-Anh kết làm vợ chồng.

Bùi-Hữu-Nghĩa, cũng gọi là Thủ-Khoa Nghĩa. Người Hậu-giang, làng Long-Tuyễn, quận Bình-Thủy, tỉnh Cần-Thơ bây giờ. Tài học tốt chúng.

Lúc Lục-Tỉnh bị mất hết ba, cuối triều vua Tự-Đức, ông dâng bồ tri-huyện. Bởi tánh tự kiêu, kẻ bè trên ghét, không khỏi bị họa, nào là tù tội, nào

là mất chức... nhờ bà vợ là Võ-Thị có dâm lực quyết đoán, giả trai quá giang ghe bầu ra tận đế kinh, vào nỗi trống nơi tòa tam pháp mà minh oan cho chồng. Nhờ vậy mà triều-dinh tha cho ông. Nên trong bài văn tế của bà, ta thấy ông than:

«*Nơi kinh quốc mấy hồi trống gióng, biện bạch này oan nọ ức, đứng hiền lương mắt thấy thảy đau lòng; chốn tinh đường một tiếng hé vang, hẵn hồi lě chánh lời nghiêm, lữ bằng đảng tai nghe đều mất via*».

Bà về giữa đường phải hịnh nắng, bỏ mình nơi khách địa. Nhờ quan sở tại cũng nghĩ tinh ông, cho chôn cất bà tử-tế.

Chừng ông trong này ra tối, thì ô-hô ba tấc đất, đã ra người vĩnh biệt! Ông mới than :

Ngã bần khanh năng trợ, ngã nạn khanh năng minh, trào quán viết khanh thương phụ; khanh bình ngã bất được, khanh tử ngã bất táng, giang san đàm tiểu ngã phi phụ.

Rồi ra cùng mộ ông mới có câu: «*Đất chẳng phải chồng,*

Anh
hùng
Anh
người
ra mèo
nên v
Ánh
tòn -
nghèo
mà h
của tu
khô c
Ăn
tham,
còn d
tích c
kia, l
người
người
trai. C
nói :
Tây gi
bên Đ
Âm
khô rồ
Âm
xin ke
kể tin
cầu tr
ý-dịnh
tương
Như
đồng t
dời lèi

bao nỡ thịt xương đem gởi đất: | Bồn tuồng Kim-Thạch-Kỳ-
trời như có vợ, lúc này gan | Duyên là một kiệt tác, của
ruột biết chẳng trời? » | ông soạn

Một bài thơ của ông :

CÂY BẦN

Cao lớn làm chi bần hối bần,
Uồng sanh trong thế đứng chần-ngần.
Lá xanh tự liễu cảnh thưa-thớt,
Bông bạc đường mai nhụy sương-sần.
Quyển-luyến bầy cò theo sáp-sân,
Chiêu-quí đoàn khỉ tới dần-lân.
Rường xoi cột trồ chưa nên mặt,
Cao lớn làm chi bần hối bần.

Bùi-Mộng-Hoa, người nước
Việc đời Trần, biết họ Hồ
chuyên quyền ở ẩn không
chiểu ra làm quan.

Bụi hồng, hồng trần, cõi
trần tục. Ở thế gian là chồ
cát bụi.

Bướm lọc ong lừa, kén chọn.



Cá chậu chim lồng, cá đã |
bị bắt bỏ trong chậu, chim đã |
bị cầm ở trong lồng; thì còn |
chạy đi đâu nữa được. Đề chỉ |
mấy người đã bị giam hãm, |
không còn làm sao mà thoát |
thân cho được.

Cá lạnh động câu, thủy hàn
ngur bắt nhì. Mùa đông nước
lạnh cá không ăn câu.

Cá lặn, X. LẠC NHẬN.

Cá lư-ngư, cá lư-ngư có 4
mang, ở sông Tòng-giang bên
Tàu, ăn với gừng tía mộng;
ngon lắm.

Cà-sa, áo của thầy chùa
nhiều miếng kết lại.

Cà vú lắp miệng em, câu
tục ngữ có nghĩa là ý mình
vú lớn, con nit có khóc, dứt
vú trảm miệng nó, nó hết khóc.

Ý nói mình ỷ khôn hơn
người, cãi sướng người ta phải
thua; hoặc ỷ mình có cửa
đem đút lót cho người ta, dầu
mình không phải cũng xong
chuyện.

Các, X. KÝ-LÂN-CÁC, LĀNG-YĒN-CÁC.

Các tận sở năng, ai ai cũng
phải làm cho hết sức lực của
mình.

Các thủ sở nhu, mỗi người
ai cần dùng cái gì để sống thì
cũng phải có cái đó.

Các tư kỹ sự, ai làm việc
giì thì giữ việc ấy.

Cách cõi định tâm, lấy ở
trong kinh Dịch, có nghĩa là
bỏ cũ làm mới.

Cách diện tẩy tâm, dỗi



Anh
hùng

Anh
người
ra mồ
nèn v

Ánh
tòn -
nghèo
mà h
của tu
khô el

Ăn E
tham,
còn d
tích c
kia, l
người
người
trai. C
nói :
Tày gi
bên Đ

Âm
khô rò

Âm
xin k
ké tin
cầu t
ý-dịnh
tương

Như
đồng t
dồi lè

ngoài mặt mà sửa cả lòng,
nghĩa là thiệt lòng cải quá.

Cách sát vật luận, đánh chết
mà không có tội. Luật pháp chế
cho những người tự vệ lấy
minh có lõi giết những kẻ
muốn hại minh thì minh
cũng không sao, khỏi phải
khép vỏ tội giết người.

Cách thế di truyền, theo
cái nguyên lý di-truyền thì
một hai khi, cái đặc tính của
tồ tiên, cách một hay là hai
đời, mới trở lại cho con
cháu.

Cải lão hoàn đồng, biến đổi
giả hóa trẻ. Làm cho trẻ lại.

Cải nguyên, đổi năm đầu.
Ngày xưa khi vua lên ngôi,
thì đặt tên năm mình lên
làm vua lại, để làm cái hiệu
riêng của mình.

Cải quá, sửa lỗi mình.

Cải tà qui chánh, bỏ đường
tâ vạy đi đường chánh.

Cải tử huòn sanh, chết rồi
mà làm cho sống lại.

Cải má, đi ngựa, thường
người làm quan đi lọng cõi
ngựa.

Cày sao cuốc nguyệt,
X. ĐÁI NGUYỆT.

Cam chỉ, X. ÁM-LẠNH.

Cam-La, cháu Cam-Mậu, dì
Tần-Thi-Hoàng, ở làm khách
với Lữ-Bát-Vi.

Đương lúc Yên sai thái-tử
Đơn qua ở vi-chất với Tần
đặng mượn đại tướng Trương-
Đường giúp Yên đánh Triệu.
Lữ-Bát-Vi đã ghe phen biếu
Trương-Đường, mà Trương-
Đường sợ đánh không thắng
Triệu nắn nắn quyết một
không chịu đi. Bát-Vi định
không ra kế nên buồn bức.
Cam-La hỏi ra, mới nói:
« Tướng việc chi rằng khó, chờ
chuyện đó cũng dễ. Tướng
công đê cho tôi qua đó một
phen thì thế nào Trương-
Đường cũng đi ». Lữ-Bát-Vi
nỗi giận: « Ta làm tới bức tể
tướng điều khiển binh dân,
trên vua dưới ta, mà ta nói
Trương-Đường còn không
nghe thay, huống chi người là
một đứa con nít, tài gì mà nói
cho Trương-Đường nghe
được ».

Cam-La thưa: « Ngài không
nhớ thuở trước Hạng-Thát
mới có 7 tuổi mà còn làm thầy
đúc Khổng-Tử sao ? Nay tôi
12 tuổi, lớn hơn Hạng-Thát 5
tuổi, có lẽ tôi cũng biết hơn
Hạng-Thát chút đỉnh. »

Bát-Vi thấy nói khôn khéo

bèn cho đi. Tới nơi Trương-
Đường mời trà nước xong
rồi, mới hỏi Cam-La qua cỏ
việc chi, thi Cam-La nói: « Tôi
qua di diều cho ngài.

— Tôi còn sống sờ-sờ mà
ngài di diều tôi, là làm sao ?

— Ngài sống mà cũng như
chết rồi !

— Xin ngài cắt nghĩa tôi
nghe thử.

— Tướng quân sánh với
Bạch-Khởi thì không bằng
Bạch-Khởi có phải vậy không ?
Còn quyền hành thì Phạm-Thơ
không hơn Lữ-Bát-Vi. Mà tiền
nhụt Phạm-Thơ sai Bạch-
Khởi đánh Triệu ; Bạch-Khởi
không chịu đi, còn phải chết
thay ; huống chi Lữ-Bát-Vi bây
giờ đương quyền thế, sai
tướng-quân mà tướng-quân
không đi, thi có phải tướng-
quân như người chết mà chưa
chòn đó không ? ».

Trương-Đường nghe phải,
giựt mình, cậy Cam-La về
thưa lại với Bát-Vi, y bằng
lòng đi. Luôn dịp mời cắt
nghĩa cho Cam-La biết tại sợ đi
không thành nên mới từ chối
chó không phải nghịch ý Lữ-
Bát-Vi. Cam-La nói: « Vậy thi
tôi phải đi qua Triệu một
phen đê giúp ngài ».

Tần-Thi-Hoàng hay dặng
đôi Cam-La và khen rồi nghe
lời Cam-La sai Cam-La đi sứ
qua Triệu. Vua Triệu thấy sứ
còn nhỏ mới hỏi: « Bên Tần
hết người lớn rồi sao ?

— Tần bệ-hạ, cũng còn chó
sao không ! Nhưng mỗi người
đều có các tu kỳ phân ; lớn
thì lảnh việc lớn, còn đi sứ
bên Triệu đây là một việc
nhỏ, nên kê hạ thần nhỏ
phải lảnh vậy ».

Rồi đó Cam-La mới bày cho
Triệu dung thành cho Tần
mà giao lán, thi Tần không
giúp Yên, mà Yên có thể thi
Triệu đem binh qua phạt đê
như trả bàn tay. Triệu nghe
được, bèn dung năm thành
cho Tần, thành ra Trương-
Đường cũng khỏi qua giúp
Yên nữa.

Cam-La về được phong
thượng khanh, khi ấy mới có
12 tuổi. Nhưng thương thay !
không dặng bao lâu rồi cũng
chết.

Cam-nhuận tướng-quân,
chức của Chung-Vô-Diệm ban
cho loài kiến, giúp bà xuyên
được hột Cửu-khúc minh-châu.

Cam-Toàn, đài của nhà Tần
dung trên núi Cam-Toàn cách

Anh hùng
Trường-An hai trăm dặm, khi có giặc, đêm thi đốt lửa, ngày thi đốt khói, để báo tin cho Trường-An biết mà đề phòng và kháng cự.

Khói Cam - Toán mờ - mịt
thức mây (CHINH-PHỤ).

Can chi, hàng chi; can chi, thiên can hay là hàng can có 10 là :

Giáp,

Ất,

Bính,

Đinh,

Mùi,

Kỷ,

Canh,

Tân,

Nhâm,

Qui.

Còn hàng chi hay là địa chi thi có 12 là :

Tý,

Sửu,

Dần,

Mão,

Thìn,

Tỵ,

Ngo,

Mùi,

Thân,

Dậu,

Tuất,

Hợi.

Can nǎo đồ địa, gan ốc dầm đất. Ý muốn nói, đâu đến nỗi thân, đâu đến chết...

Can qua, can là cái mộc, qua là cái mác. Bình khi chiến tranh ; giặc-giã.

Can qua phủ định, giặc-giã vừa yên.

Can - Tương, người đời Chiến - Quốc, ở nước Ngô, cùng học với Âu-Da-Tử một thầy, rèn gươm bén lăm.

Can vua, Sở-Văn-Vương đời Chiến-quốc, nghe lời Túc-Hầu, đánh bắt được Thái-Hầu. Văn-Vương muốn giết Thái-Hầu.

Dục-Quyền can vua. Văn-Vương không nghe, thì Dục-Quyền cầm dao nói với Văn-Vương : « Thà tôi cam chịu chết một lược với Đại-vương, chứ tôi không chịu ngồi xem Đại-vương giết Thái-Hầu mà phải mang tiếng với đời, rồi sau này người ta thấy cái gươong Thái-Hầu, còn ai dám nói mà đầu Đại-vương nữa ».

Văn-Vương nghe theo bèn tha Thái-Hầu. Chừng đó Dục-Quyền mới nói : « Đại-vương nghe lời kẻ hạ-thần đó là phước lớn của Sở; còn kẻ hạ-thần thất lễ với Đại-vương thì

là kẻ hạ-thần đắc tội với Đại-vương. Xin Đại-vương xử tội kẻ hạ-thần để răn chúng ». Văn-Vương không chịu làm tội Dục-Quyền, thì Dục-Quyền nói : « Thà tội kẻ hạ-thần là lượng lớn của Đại-vương, nhưng kẻ hạ-thần đã mắc tội với Đại-vương thì kẻ hạ-thần phải chịu tội với Đại-vương », liền lấy dao chặt hai chun dứt lia dề xử tội mình.

Can vua, Sở-Bình-Vương nghe lời loạn thần là Phi-Vô-Cực, muốn giết con là Thái-tử Kiến, mới nói với Phấn-Dương là quan trước kia vua cho theo hầu Thái-Tử mà có dặn Phấn-Dương phải thờ Thái-Tử như vua vậy : « Nếu người giết thái-tử được thì ta thưởng, còn như người tha thái-tử thì ta làm tội người ».

Phấn-Dương liền qua nói thiệt với thái-tử rồi biếu thái-tử trốn qua nước Tống để tránh lánh thân, còn mình thì trốn minh về phục chỉ.

Binh-Vương bắt tội Phấn-Dương thì Phấn-Dương nói : « Kẻ hạ-thần biếu thái-tử trốn cơn giận của chúa-công, là vi kẽ hạ-thần còn nhớ trước kia chúa-công có biếu kẽ hạ-thần

thờ thái-tử như thờ chúa-công vậy ».

Can vua, Đời Đông-châu, Tề-Oai-Vương ỷ nước của cha ông để lại, dân giàu binh mạnh, không cần-thiết lo việc nước, chỉ ham đòn-ca nữ-nhạc.

Ngày kia có tên Sô-Ky tự xưng biết đòn, xin vào yết-kiến. Oai-Vương khiến kẻ ban đòn. Sô-Ky, cầm lấy đòn, không đòn lại bầm : « Kẻ hạ-thần chỉ biết lý đòn, còn như tiếng tơ đống, điệu âm-nhạc, đâu kẽ hạ-thần có biết, cũng không đủ làm nhảm tai chúa-công ».

— Lý đòn là làm sao ?

— Dám bầm chúa-công cho phép, kẻ hạ-thần mới dám. Gầm nghĩa là cấm, đê cấm thói tà dâm, theo đường ngay thiệt. Xưa vua Phục-Hy làm khúc đòn cầm, bè dài 3 thước 6 tấc 6 phân, lấy thề vận trời đất trong một năm, 366 ngày ; bè rộng 6 tấc, lấy hình thề đất có 6 cõi; trước rộng sau hẹp hình như cỏ bực tòn ty, trên tròn dưới vuông, bắt chước hình trời đất ; 5 dây theo 5 hành ; dây lớn là tượng vua, dây nhỏ là tượng tội ; bắt đầu tiếng cung rồi tiếng thương, giốc, trung, vỗ.

Vua Văn-Vương, vua Võ-vương mỗi đời thèm mỗi dây, dây văn là chiểu cung, dây võ là chiểu thương, dề cho hiệp đạo vua tôi. So dây võ dây văn, đủ tiếng thanh tiếng trược, cũng chẳng khác gì, lối ra trị nước, vua tôi tương đắc, chánh linh hòa hài.

Kẻ hạ-thần học nghè đòn dám tự xưng tinh nghè đòn, mà kẻ hạ-thần ôm đòn không khảy, thi chẳng khác nào chúa-công có nước mà không lo tri nước.

Kẻ hạ-thần ôm đòn không khảy thi chúa-công không được thích ý, còn chúa-công có nước mà không lo việc nước, sợ không lấy gì vui lòng muôn dân. »

Oai-Vương hiều-ý, sau sửa mình và kêu Sô-Ky về giúp việc nước, phong làm tướng-quốc.

Canh lậu, giọt đồng hồ điềm canh. X. KHẮC LẬU, DẠ LẬU.

Canh trù, cái đồng hồ ngày xưa, dè biết ngày giờ trong đêm, dặng lo việc canh gác trong làng. Cũng một nguyên lý với canh lậu, khắc lậu.

Canh diêu đóa ngụy, tên hai thứ Mẫu-đơn. Diêu-hoàng

là thứ hoa cánh vàng, Ngụy là thứ hoa cánh tia.

Cành mai, Lục-Khai khi ở Giang-Nam có gởi một cành mai về Tràng-An cho Phạm-Việt: Bé cành mai vừa gặp sứ trạm, gởi cho người bạn Lũng-Đầu ta; Giang-Nam không có đồ gì lạ, mới tặng một cành xuân gọi là.

Cao-Bá-Nhạ, con cả Cao-Bá-Đạt, cháu gọi Cao-Bá-Quát bằng chú. Cha bị triều đình bắt, nhờ một tên nghĩa bộc đặc đi trốn.

Cao-Bá-Quát, người làng Phú-Thụy, huyện Gia-Lâm, tỉnh Bắc-Ninh, đậu cử nhân năm Minh-Mạng thứ 12 (1831), làm chức giáo-thợ.

Đến đời vua Tự-Đức, vì ông thấy ông có tài văn-học mà công danh không bằng ai, nên kiểm một người dòng nhà Lê, tôn làm minh chủ rồi nồi loạn, tục gọi là giặc chau-chấu. Được ít lâu ông phải thua, bị bắt rồi sau phải chết.

Văn ông hay. Vua Tự-Đức đã khen: *Văn như Siêu Quát* và *Tiền Tấn*; ý nói so văn Nguyễn-Siêu (hiệu Phượng-Đinh) và Cao-Bá-Quát thi văn hay như nhà Tiền-Tấn bên

Tàu cũng không vào.

Đương thời cũng có câu ca dao: *Thần Siêu thánh Quát*.

Ông còn để lại một tập thơ chữ nho Cao-Châu-Thần Thi-Tập (Châu-Thần là biệt hiệu ông).

Cao-Biền, danh tướng đời Đường, bên Tàu (865) đi đánh quận Nam-Chiếu, tức là nước Việt ta ngày xưa. Sau được phong làm Tiết-dộ-sứ Giao-Chỉ.

Cao-Biền có tài bắn hay lăm. Bắn một mũi mà trúng hai con chim diêu một lần. Nên người ta tặng cho Cao-Biền là *xạ lạc song diêu*. Bây giờ người ta cũng dùng diên ấy mà chỉ những người di hỏi một vợ mà cưới cả hai chị em.

Cao-Doãn, người đời Nguyễn-Nguy, làm quan tới chức Truởc-Tác-Lang.

Trong trào có quan Liêu-Đông-Công tên là Địch-Hắc-Tử phung chǐ di tuần thú quận Tinh-Châu, ăn hối lộ một ngàn lợn vải, việc đã thấu tai vua, nên Hắc-Tử trước khi vào chầu có hỏi trước các quan có nên thú thiệt hay là phải chối hoài. Ai nấy đều biếu chối, có một minh Cao-Doãn

biếu cứ thiệt khai ngay, hoặc khi vua có nghĩ tình mà tha, chớ giấu thì lại càng thêm tội lỗi.

Hắc-Tử không nghe lời Cao-Doãn, nên chừng vào giữa triều cứ một việc chối mãi. Vua giận dạy đem đi chém.

Sau trong sử có lời chiết các lỗi của vua nên vua dạy bắt các quan làm sứ mà giết.

Cao-Doãn có phụ làm sứ nên cũng bị bắt. Thái-tử là học trò của Cao-Doãn muốn cứu Cao-Doãn nên dỗ hết các tội lỗi cho một mình quan Tú-Đồ. Vua hỏi lại thì Cao-Doãn cứ thật khai rằng Thái-Tử nghĩ tình thầy trò mà muốn cứu mình vậy, chớ thiệt tình thì các chuyện viết trong sử đó thì có minh viết nửa chớ không phải một mình quan Tú-Đồ không mà thôi.

Vua mới nói: « Gặp chổ chết mà không đổi, ấy là tính; làm tội mà không đổi vua, ấy là trinh; dù tính dù trinh, thi có tội gì ở đâu ». Bèn cho tha người.

Cao-Đình, tên một xứ bên Tàu hồi xưa, người ta thường đến dè tiễn nhau. Chỗ tiên-biéet.

Cao-Đường, X. MÂY MƯA.
Cao-Hòa, **Cao-Hoán**, đời
 Đông-Châu, hai người đều là
 người nước Tấn làm thầy
 thuốc có tiếng. Bên Tần, Tần-
 Cảnh-Công đau, phải người
 qua Tấn rước về coi mạch.
 Nói bình nhập cao-hoang nên
 không chịu trị.

Cao lương, cao là mồ;
 lương là gạo tốt. Đò ngon,
 vật lạ.

Cao phi viễn tầu, cao bay
 xa chạy.

Cao, Qui, Tắc, Tiết, bốn vị
 hiền đời Nghiêu, Thuấn.

Cao-Sài, X. TỦ LỘ...

Cao sĩ, bức người cao
 thượng.

Cao sơn lưu thủy, Chung-
 Tử-Kỳ nghe Bá-Nha dòn mà
 biết được chí của Bá-Nha
 tại núi cao nơi nước chảy...
 X. BÁ-NHA.

**Cao sơn lưu thủy thi thiên
 trục, minh nguyệt thanh
 phong tửu nhứt thuyền**, lèn
 non lên núi, thả theo sông
 theo suối, làm thơ làm phú cả
 ngàn bài, lúc trăng thanh gió
 mát ngồi một thuyền mà uống
 rượu với nhau. Ấy là thủ thần
 tiên, người ăn dật, kẻ thanh
 nhàn.

Cát đằng, dây săn và lây
 bim là hai loài dây leo. Nghĩa
 bóng là lẽ mọn, nhờ cậy nơi
 người ta.

Cát lủy, dây săn bim, chỉ
 vợ lẽ.

Cây tử, cây nam, tục truyền
 là cày thần mộc, trời sanh có
 một đêm mà bè lớn 20 vây,
 bè cao năm mươi tăm.

Cây tử thì ở phía Nam núi
 Việt, cây nam thì ở phía Bắc.
 Câu-Tiền mới khiến thợ dồn,
 bào chuốc, sơn vẽ rồi đem
 dung cho Ngò-Phù-Ta, dung
 nên dài Cò-Tô, bỏ việc nướng,
 nên sau phải thua Câu-Tiền.

Cầm dài, Đường thi nói cái
 dài chỗ Tư-Mã-Tương-Như
 ngồi khảy dòn.

Nói rộng ra là chỗ khảy dòn,
 đọc sách của nhà thi-sĩ. Rằng
 nghe nói tiếng cầm dài (kiểu)

Cầm đường, dinh quan
 huyện. Mật-Tử-Tiện, nước Lỗ.
 đời Xuân-Thu làm quan
 huyện ở Thiên-Phủ, thường
 hay khảy dòn làm việc. Dân
 yêu lầm. Nói rộng ra là nha,
 nha quan.

Cầm hạc, Triệu-Thanh-Hiển
 đời Tống bèn Tàu làm quan
 trấn giữ đất Thục, khi đi phó
 nhậm thì có một mình, không

vợ con dày tờ chí chi. Chỉ
 đem theo một cây dòn và một
 con hạc. Quan thanh liêm.

Cầm kỵ, tình anh em bạn ;
 cầm là dòn cầm, kỵ là cờ.

Cầm, kỵ, thi, họa, đánh
 dòn, đánh cờ, ngâm thơ và vẽ
 là bốn cái thú của người tao
 nhã.

Cầm sắt, cầm là dòn ; sắt
 là dòn sắt ; hai thứ tiếng dòn
 hòa với nhau ; thường để vi
 tình vợ chồng.

Cầm tâm, Tư-Mã-Tương-
 Như, văn nhơn đời Hán dùng
 dòn cầm-tâm, khảy khúc
 Phụng-cầu-hoàng. Nàng-Văn-
 Quân nghe say tiếng dòn nứa
 đòn bỏ nhà trốn theo.

Cầm tòn, cầm là dòn cầm ;
 tòn là chén. Thủ khảy dòn
 uống rượu tánh thanh cao.

Có câu : *Bắc Hải cầm son
 nam sơn chi trúc.*

Cầm nang, cái túi bằng gấm,
 dai ý nói đồ chứa của qui.

Có nghĩa là cách hành động
 để đối-phó với một thời-cuộc
 khó khăn của người ở nhà dặn
 kẻ đi đường, tới chứng gặp
 cuộc dở ra xem mà làm theo.

Cầm tâm tú khầu, lòng như
 gấm, miệng như thêu. Câu văn
 hay và đẹp.

Cầm tú, đẹp như gấm như
 thêu. Câu cầm tú : câu văn hay.

Cầm tường, tường gấm,
 tường có hoa mọc ruộngkin đẹp.

Cầm yên, yên ngựa làm
 bằng gấm.

Cầm chỉ bàng thính, cầm
 không cho người ngoài được
 nghe.

Cầm yên, tiết hàn thực,
 cầm khói lửa. Hó là tục ở bên
 Tàu người Việt ta bắt chước
 theo X. GIỚI-TÙ-THỜI.

**Cầm yêu ngôn, cầm ngẫu
 ngữ, cầm hiệp thơ**, luật
 chuyền-chế nhà Tân cầm dân
 không được nói đến thời cuộc,
 không được truyền rao những
 điều huyền-hoặc, không được
 tu-hop bàn tán thơ-tử, truyền,
 sách vở...

Cân chắt, cân là cái khăn;
 chắt là cái lược. Đò dùng để
 lau mặt, chải đầu của dòn bà
 con gái.

Cân dai, cân là cái khăn;
 dai là cái dai. Đọi khăn mang
 dai, chỉ làm quan.

Cân quắc, cái khăn đội đầu
 của dòn bà. Nghĩa bóng : dòn
 bà con gái. Cũng lấy chữ
 cân quắc mà khi một người
 dòn ông hèn nhất như dòn bà.

Anh
hùng
Anh
người
ra mìn
nên v

Ánh
TÔN -
nghèo
mà h
của t
khô c

Ấn E
tham,
còn đ
tích c
kia, l
người
người
trai. C
nói :

Tây gi
bên Đ

Ấm

khô r

Ấm
xin k
ké tin
cầu t
ý-dịnh
tương

Như
đồng t
dời lê

Có tích Khổng-Minh muốn đánh Tư-Mã-Ý. Tư-Mã-Ý biết hễ ra đánh thì phải thua, mà kién thủ thì Khổng-Minh không thắng được. Nên không chịu xuất binh, Khổng-Minh muốn dụ cho Tư-Mã-Ý ra đánh, bèn gởi cản quắc cho Tư-Mã-Ý. Tư-Mã-Ý cố nhẫn-nhin. Làm sau này Khổng-Minh phải rút binh về.

Cản-quắc anh hùng, dòn bà con gái mà làm nên như anh hùng.

Cản-quắc tu mi, dòn bà con gái mà có chí khí anh hùng.

Cản thường, cờ cản cờ thường để thêu tên những chiến-sĩ có công.

Cấp-Ấm, tự là Trường-Nhụ, người đời Hán, ở quận Bộc-Dương, làm quan tới chức thái-tử tiền-mã. Tánh tình ngay thẳng, vua cũng kiêng. Rước các quan cản thần, mòi hai khi vua không đội mào. Mà hễ Cấp-Ấm vào chầu thì vua sửa-sang áo mào chỉnh tề mới dám cho vào; chờ không dám bỏ phép quan thần với Cấp-Ấm.

Hễ giàn can thi ăn nói ngay thẳng không tr vị ai. Ai có trách thì Cấp-Ấm nói: « Vua

sắp đặt tra cỏ hàng công-khai, tội phụ bạc. Ấy là muốn cho các quan hết ngay mà chỉ lỗi vua, chờ vua chẳng biếu a-dua hùa ninh theo dặng cho vua sa vào chỗ bất nghĩa. Cho nên ta dự vào hàng công thần, ta phải can ngay, chờ ta không tiếc chúc để cho vua buông lung theo ý muốn mà phải mang tội bắt ngay với triều đình ».

Cấp cấp như luật lệnh, lệnh của đời Hán bên Tàu dùng ở sau các tờ công-văn. *Luật lệnh gấp gấp* cũng là câu thiệu ở cuối nhiều câu thần-chú.

Cấp thiên chi vị vő, triệt bỉ tang thồ, tu mâu dù hộ, chưa mưa thì chim đá tha đất dưới gốc dâu, dấp cửa ồ cho nước khỏi trót.

Cấp kê, kê là cây tràm. Đến kỳ cây tràm. Tục bên Tàu xưa kia, con gái đến 15 tuổi, bới tóc cây tràm, gần lấy chồng.

Cầu ánh, bóng con ngựa cầu. X. BẠCH CẦU QUÀ KHÍCH.

Cầu lan, nhà thồ, nhà chứa các bợm làng chơi.

Cầu-Tiền, chúa nước Việt, đời Đông-Châu. Vì thua Ngô nên bị chúa nước Ngô là Ngô Phù-Ta cầm tù cả và vợ chồng,

cây tràm

cho ở nhà đá (thạch-thất) ngoài thành và bắt chăn ngựa cho Ngô. Sau nầy nhò hối-lộ với gian-thần nước Ngô là thái-tê Bá-Hy cho nên Bá-Hy nói vò nói ra, và cũng nhò ném phần cho Phù-Ta, cho nên Phù-Ta tin, tha cho về nước.

Cầu-Tiền nhớ thù xưa, về được nước rồi, thì đêm lót củi mà nằm, treo trái mật cận minh luôn luôn để lúc nào cũng ném (*nǎm gai ném mật*) mùa đông thì ôm giá, mùa hạ thì cầm lửa, cứ mỗi ngày mỗi nhắc Cối-Kê là chỗ mình đã thua Ngô hồi trước, tịch thảo dồn lương, chiêu binh mãi mã, mấy năm sau đánh Ngô-Phù-Ta trả thù cho được mới nghe. X. TÂY-THI.

Cầu, Gieo cầu, sách THẦN-TIỀN TRUYỆN chép: Thôi-Sanh vào núi gặp tiên, kết duyên vợ chồng, vợ cho cái bùa ẩn thần tráo lẩn vào cung phá cung nữ. Phải một nhà thuật-sĩ biết, đuổi bắt. Thôi-Sanh chạy tới mè sông, thuật-sĩ theo gần kip, vợ Thôi-Sanh thấy vậy liền liện cái khăn hóa ra một cái cầu, nhò cầu đó Thôi-Sanh qua sông được, thoát khỏi thuật-sĩ. KHĂN GIEO CẦU là bởi tích này.

Cầu lam, song Lam, uyện Lam-Điền tỉnh Thiểm-Tây, bèn Tàu. Tich BÙI-HÀNG muốn đi tìm thuốc tiên uống dặng sống đời đời không chết.

Giữa đường gặp một tiên-nữ nói: « Tôi biết ông di tìm thuốc trường-sanh bắt tử. Đề tôi cho ông một cái toa này. Ông coi theo đó mà làm thì được ».

Bùi-Hàng dở giấy ra coi thấy nàng biếu minh phải tìm tới Cầu-Lam. Chàng cũng nghe theo lời. Tìm đến nơi, khát nước, vào quán ở gần xin nước uống. Bà quán mời biếu con gái bà là Vân-Anh bưng nước cho Bùi-Hàng uống. Bùi-Hàng thấy nàng này đẹp đẽ thương, mời lèn lừa ở lại đó, rồi sau xin bà già cưới Vân-Anh làm vợ. Bà già chịu. Không nài tiền bạc chi, chỉ nài cho được một cái chài và một cái cối bằng ngọc. Bùi-Hàng về bán hết nhà cửa mua cho được chài và cối bằng ngọc, đến Cầu-Lam cưới vợ. Bà quán mời bắt Bùi-Hàng lấy chài và cối ngọc đó tán thuốc bátháng. Xong rồi bà và vợ chồng Bùi-Hàng cùng uống, rồi thành tiên hết. Có câu: *Trăm năm thề chảng lòng phàm, sông Ngân*

Anh
hùng
Anh
người
ra m.
nên v.

Ánh
TÒN -
nghèo
mà h
của t
khô c

Ăn
tham,
còn d
tích c
kia, l
người
người
trai. C
nói :
Tây gi
ben Đ

Âm
khô rò

Âm
xin ke
kẻ tin
cầu t
ý-dịnh
tương

Như
đồng t
dồi lè

Cầu bạn Cầu-Lam rước người.
X. LAM-KIỀU.

Cầu toàn trách bị, cầu cho được toàn, trách cho được đủ. Cố ý bắt buộc người khó làm xong.

Cầu đắt cầu thất, không dè mà được; không dè mà mất. Được mất bất ngờ.

Cầu hợp, kết giao bằng cách không chánh đáng. Dâm hòn.

Cha và chồng, Ủng-Củ rề của Tề-Túc đương làm tội Trịnh-Lê - Còng. Trịnh - Lê - muốn giết Tề-Túc lại khiến Ủng-Củ lo sắp đặt cho xong việc. Ủng-Củ chẳng khéo giữ, để vợ là Tề-Thị biết được. Tề-thị mới về hỏi mẹ: « Cha với chồng bên nào thân hơn ». Mẹ nói: « Cha và chồng đều thân bằng nhau ».

-- Vậy, nên thương ai nhiều hơn?

-- Nên thương cha nhiều hơn.

-- Tại sao?

-- Khi còn con gái chưa chắc ai làm chồng thì đã có cha rồi. Chừng lớn lên có chồng thì sách có nói cải giá, chờ cha mà rủi có chết, thì không có một người cha thứ nhì nữa được. Vậy thì chồng

là người gầy ra, còn cha là trời định vậy. Thương chồng sau bằng thương cha được.»

Lời nói rất chí-lý. Thành thử Tề-Thị đem chuyện chồng muốn hại cha mà nói lại với cha. Cha khỏi chết; mà chồng phải khổn.

Chánh-học cùng tà-thuyết, của Ngô-Đức-Kế.

Vân nước thanh hay suy, quan-hệ tại đâu? Tại nhân-tâm thế-dạo. Nhân-tâm thế-dạo xấu hay tốt, cội gốc tại đâu? Tại học-thuyết tà hay chánh.

Rộng xét năm châu, trải xem lịch-sử, đọc ngang mấy vạn dặm, trên dưới mấy ngàn năm, từ Đông đến Tây, từ xưa đến nay, hề nước nào khi vận nước cường, tất là khi ấy trong nước chánh-học sáng rệt, nước nào khi vận nước suy đốn, tất là khi ấy trong nước tà-thuyết lưu hành; chánh-học sáng rệt thì thế-dạo nhân-tâm phải tốt, mà vận nước cũng theo chánh-học nổi lên, tà-thuyết lưu-hành thì nhân-tâm thế-dạo phải hư mà vận nước cũng theo tà-thuyết mà dám mất. Khi chánh-học đang quang-minh, thì tà-thuyết không có chỗ nào xen vào

dược; tà-thuyết lưu hành trong nước như gió lướt cỏ, như nước vỡ đê, không ai ngăn cản, thì thường vào lúc chánh-học đã suy - đồi, mà nhứt là lúc việc đời biến cải, việc nước đổi thay, quốc-thị mờ-màng, nhân-tâm bỗng-ngo, nền cũ đã đổ, nhà mới chưa thành, bực hiền-nhân quản-tử thì kín tiếng giấu tăm, nằm co ở nơi thảo-dã, mà bọn bỉ phu tục-tử thì khua chuồng gõ mõ, nhảy nhót ở trên võ-dài: lúc ấy chánh là lúc tà-thuyết thừa-cơ mà lấn lướt chánh-học.

Thầy thuốc ta nói rằng: « Khi trong mình mà chánh-kì hư-nhược, thì ngoại-tà nhân dịp mà xâm vào, làm cho người phát bệnh, lần-lần do biếu mà nhập lý, thi thành bệnh khó trị ».

Thầy phù-thủy nói rằng: « Khi trong mình mà chánh-thần không bảo-hộ, thi quý-tà nhân dịp mà ám vào, cũng làm cho người phát bệnh, lần-lần rồi người hóa ra ma ».

Tà-thuyết cũng như thế: vì chánh-học suy, cho nên tà-thuyết thạnh; tà-thuyết đã thạnh thi chánh-học phải đến

tiêu-vong, hai đảng ấy tiêu trưởng tồn-vong dầu đất nào thời nào cũng không sai một sợi tóc.

Vả lại ái-tính loài người, theo điều phải thi khó-khăn như trèo ngược núi, theo điều xẳng thi dễ-dàng như nước chảy xuôi. Vậy cho nên lúc vận nước đã suy, thi trăm ngàn người phò-tri chánh-học mà không đủ, một người xướng lên tà-thuyết mà hãi-hại nhân-tâm thế-dạo có thừa. Góm ghè thay!

Cái tà-thuyết làm sa đắm lòng người không biết đến đâu mà nói! một người xướng, mìrolley người họa, cho đến trăm ngàn người họa, lần-lần phong hành cả nước; lấy trái làm phải, lấy xấu làm đẹp, lấy thui làm thơm, mà thế-dạo nhân-tâm hiện ra một tấn xú-kịch: nước không thành nước, người không thành người...

Thầy Mạnh-Tử sanh ở đời Chiển-Quốc, vì lúc ấy cái học-thuyết họ Dương họ Mặc thạnh-hành trong thiên-hà, mà thầy phải lo cự họ Dương họ Mặc, giáng-minh cái học Châu Khồng, để sửa đổi lòng người.

Anh
hùng
Anh
người
ra m
nên v

Ánh
tôn -
nghèo
mà h
của tu
khô c

Ánh
tham,
còn d
tích c
kia, l
người
người
trai. C
nói :

Tây gi
ben Đ

Âm
khô rồ

Âm
xin ke
kẻ tin
cầu tr
ý-dịnh
tương

Như
đồng t
đổi lén

Đời sau khen ngợi cái công
thầy Mạnh-tịt-tà-thuyết,
chánh-nhân-tâm, không thua
gì công vua Võ-tháo nước lụt,
đuối muòng dữ dề cho thiên
hà được an-eur lạc-nghiệp.

Vì sao mà nói thế? Là vì cái
hại tà-thuyết mê dâm-lòng
người, có kém cái hại nước
lụt trôi người, muòng dữ ăn
người đâu! mà lại thậm hơn
nữa.

Nước Việt-Nam ta, vài
ngàn năm nay học chữ Hán
theo đạo Khổng; Hán-văn
tức là Quốc-văn, Khổng-học
tức là Quốc-học; tuy rằng
giang-san biến-cải, triều-dai
đổi thay có mấy mươi lần, con
hiềm-nguy biến-loạn đã nhiều
mà chánh-học một dòng vẫn
không sa-sút, nhân-tâm.
phong-tục, đạo-đức chánh-trị
đều bởi đó mà ra; nước nhà
giống nòi cũng nhờ đó mà
vững được.

Từ khi Âu-trào tràn-khắp
thế-giới, nước ta có cuộc bảo
hộ mà cái lối học Chi, Hồ, Giả,
Dã mới đổi sang A. B. C....
Đem Âu-học đổi Hán-học
không phải là có hại, song
thiên-hà việc gì cũng thế,
phá cái cũ thì dễ mà chóng
lập cái mới thì khó mà lâu.

Âu-học chưa vinh được ngôn
ngành mà Hán-học đã dứt cả
cội rẽ. Những người chánh
chánh Âu-học có kiến-thức tư
tưởng thì còn trông mong ao
ước ở đâu chưa thấy, mà
những chân-nho chánh-sĩ horizon
học thì đã quá nữa, mòn-mỏi
diêu-linh.

Chánh-phủ thì chỉ có thể
châm-lo tác-thành lớp nhân-
tài trong các học-đường mà
thôi; còn ngoài ra, miễn là
không-phạm đến chánh-trị thì
tha-hồ ngôn-luận: Nhà in đã
sẵn, sở báo cũng nhiều, khi ấy
bọn văn-sĩ giả-dối mới ứng
thời xuất-hiện. Những người
học-thức kiến-văn chưa được
một năm, nhân-cách giá-trị
chẳng đáng là bao, mới lòm-le
những học thuyết Ông
Mạnh (Montesquieu) Ông Lư
(Rousseau) bập-bẹ những
cách-ngôn họ Trang họ Liệt,
thì đã nghiêm-nhiên tự-lập
làm một đứng văn-hào, tự-
xưng khai-hóa quốc-dân, mà
không ngó lại tự mình đã
khai-hóa hay chưa; thôi thì
bài diễn-văn chất đống, sách
du-ký đầy thùng, thôi thì tán
xangled tản nhảm nói bậy nói
càn, không còn có nghĩa-ly
chánh-dáng chi nữa.

Thương hại! Trong nước kẻ
học thì ít, kẻ không học thì
nhiều; học mà có kiến-thức
thì ít, học mà không có kiến-
thức thì nhiều; những văn-
chương nhảm-nhí, ngôn-luận
càn-xiên ấy đã tràn khắp cả
nước làm cho phái chǎng điện
dảo, đèn trắng lẩn phèo rồi
ra lấy dốt làm thông, tôn ninh
làm thánh, đã vỗ-phu mà cho
là ngọc, nàng Võ-Diệm mà
cho là sắc khuynh-thành, đạo-
đức càng ngày càng suy-dồi,
nhân-tâm càng ngày càng theo
về đường hư-nguy. Cái xã-hội
Âu chǎng ra Âu, Hán chǎng
ra Hán này, múa bút khua lưỡi
mà gày nén ư?

Tác-giả không phải cố-ý bài
bác người đời để mua hòn
chắc oán làm chi; thiệt là
tròng ra gay mắt, nghĩ đến
đau lòng, muốn nói cũng
chẳng nói hết đâu, hãy dẫn
ra sau này một chuyện.

Kim-Vân-Kiều là sách gì?
Chưa nói sự-tích thiệt không,
chưa kể văn-chương hay dở,
chỉ nhắc đến cái tên sách, thi
nghe dã không thể nào ngửi
được. Vì sao thế?

Phàm bộ truyện nào, dầu
trong có bao nhiêu nhân-vật
mặc-lòng, chỉ là một người

làm chủ-nhà, sự-tích là sự-
tích một ngườ chủ-nhà ấy,
thì tên sách cũng theo đó mà
gọi.

Nay truyện ấy là sự-tích cò
Vuong-Thúy-Kiều mà tên sách
đặt ba người; một người thi
lấy chữ họ mà mất tên, hai
người thi lấy chữ tên mà mất
họ, thì thiệt là dốt vô cùng.

Cái tên ấy chắc là tự nhà
khắc bản in đặt ra, chứ ông
Nguyễn-Du chắc hẳn không
đặt tên dốt như thế! Mà nói
cái tên ấy là nguyên bản của
Tàu thi càng đủ biết rằng
truyện ấy đặt ra bởi một anh
Tàu dốt nào đó thôi.

Nói đến sự-tích, thi phàm
chuyện tiều-thuyết đều là lấy
một chút sự-thật trong lịch-
sử, hoặc là tự-ý nhà văn-sĩ
biết ra, chứ bất-tất có chuyện
thiệt. Chuyện THANH TÂM TÀI
NHÂN (tức là truyện kiều) là
một bộ tiều-thuyết tầm thường
không có giá-trị gì. Xem trong
bộ TÌNH-SỬ của Tàu biết bao
nhiều chuyện ly-kỷ hơn nữa.

Và dầu sự-tích ấy mà có thiệt
đi nữa, thì một đời thiếu-niên
nam-nữ, đêm thanh người
vắng, trèo-tường trò ngõ, ước
hội chuyện trò với nhau, đổi
với phong-hoa đạo-đức đã là

An
hùng
An
người
ra m
nên v

Ánh
tôn -
nghèo
mà h
của t
khô c

Ăn
tham
còn
tích
kia,
người
người
trai.
nói :
Tây g
bên E

Âm
khô

Âm
xin l
kẻ ti
cầu
ý-dị
tươn

Nh
đồng
dối l

việc bất-chánh. Mở đầu quyền
sách như thế, đầu sau có tờ
vẽ hiếu-nghĩa gì đâu nữa,
cũng không đủ làm gương
tốt cho đời.

Nói về văn-chương quốc-âm
của ông Nguyễn-Du, thì vẫn
là hay thiệt, song cái lối văn-
vận, ngâm-nga ngọt-hát, chỉ
là một lối trong đạo văn-
chương. Văn tuy hay, mà
truyện là truyện phong-tinh,
thì có vẻ ai dám sầu oán, đạo
dục tăng bi, tâm chữ ấy
không tránh được đâu cho
khỏi.

Cái bồn ý ông Nguyễn-Du
làm truyện ĐOAN-TRƯỜNG TÂN-
THÀNH (tức là truyện Kiều) ấy,
chỉ là mượn văn-chương mà
ngụ chút tâm-sự mình, cho
nên ông đã có câu : *Lời quê
góp nhặt nên bài, mua vui
cũng được một vài trống canh.*

Xem thế thi biết chuyện ấy
chỉ là một thứ văn-chương
ngâm-vịnh chơi-bời, để lúc
thanh-nhàn mà đọc dòi câu
cho tiêu-khiền, chứ không
phải một thứ văn-chương
chánh-dại theo đường chánh-
học mà đem ra dạy dòi được
đâu.

Ngày trước các cụ tiền bối
thường cầm con em xem
truyện Kiều. Trong xã-hội

ai hay đọc Kiều nghêu-nga
thì cho là kẻ dâng-diếm. Ý các
cụ nghĩ rằng các già thiênu-
niên chí-khi chưa định, tinh-
dục đang nồng, xem truyện
thì mê rồi sanh cái tư-tưởng
trộm ngọc cắp hương, khêu
hoa ghẹo nguyệt, say đắm
trong trời tình biền ái mà
mềm nhũn cái gan lòng sắt
đá, bỏ mắt cái chí-nguyễn
cao xa. Cái phép gia - định
giáo-dục của các cụ như thế
thiết là phải lắm. Vì cái tánh
trộm ngọc cắp hương, say
hoa đắm nguyệt, người sanh
ra không dạy cũng biết, vẫn
cầm mà không được, huống
chỉ lại thấy trong sách trong
truyện, ngâm-nga ngọt-hát,
thành ra một việc rất phong-
nhã, rất hảo-hoa.

Thế mà ngày nay đức văn-
sĩ già - dối ta biếu - dương
truyện Kiều lên, để khai-hóa
cho quốc-dân, đem truyện
Kiều làm sách QUỐC-VĂN GIÁO
KHOA (sách dạy) làm sách SU-
PHẠM GIẢNG-NGHĨA (sách thầy)
Văn-sĩ thường nói rằng: «Học
hán-văn là học mượn, học
pháp-văn là học mượn, học
quốc-văn mới là học nhà :
Truyện Kiều tức là sách nhà
đó !

Ôi! Học làm quốc-văn thi học
thế nào? Bài này chưa có nói
thể-kỷ được. Song có phải là
học nghĩa-lý, danh-tử, về các
khoa-hoc, luân-lý, cách-trí,
chánh-trí cũng là phép luân-lý,
phép kỹ-sư để xem xét các sách
về ngôn luận của ta cho hiểu,
để đem tư-tưởng sở-dắc trong
pháp-hoc mà phát-trả-làm-trước-
thuật ngôn-luân của ta cho
thông-không? Hay là học cái
lối thơ phú ca-nga, nắn một
chữ cho hay, dùng những
diễn cho lạ, rung đùi lắc gối,
như lối học ngày xưa, đã vi
thế mà người ngu nước yếu,
nay lại dòi chữ ra nôm ư?

Hay là những cái danh-tử
tài-tử-giai-nhân, ba sanh duyên
nợ, gương thề quạt ước, liêu
dụa hoa kề, rày ước mai ao,
thầm yêu trộm nhớ, xưa nay
không ai dạy mà không mấy
ai không thuộc lòng; thuộc
lòng, trong các bài thơ huê-
tinh không câu nào không
Kiều, mà nay còn phải dạy
nữa cho thêm hay thêm giỏi,
thế là học quốc-văn ư?

Một anh già - dối lốp-lép,
dứng đầu súng bái Kiều, mà
một bọn u-mê hờ-hững gào
hoi rán sare để họa theo, còn
một lốp người chỉ nghe lóm

nhìn mồm thì vỗ tay tán-
thưởng, khiến người phải bit
tai bung mũi, hãi nhứt đầu
long óc vì nk ng tiếng to:
Quốc - văn, Kim - Văn - Kiều,
Nguyễn-Du . . .

Cứ như ý họ thi nước ta ở
thể-kỷ này mà muốn chế cái
tê thuốc Thập - Hoàn Đại - Bồ
cho dân cho nước thi không
chi cho bằng quyền sách TRẦM
NÂM TRONG CỘI NGƯỜI TA. . . Cứ
như lời họ thi từ lúc Gia-
Long lại nay, nước Nam ta có
cái của rất qui báu, mà người
minh ngu dại không biết là
quí, nay nhờ đức văn-sĩ có
cái đại-nhân đại-thức mà phát-
minh cái của báu ấy cho dân
cho nước được nhờ: Kè cái
công phát-kiến không kém gi
ông Kha-Luân-Bồ (Colomb)
tim được Mỹ-châu vậy!

Vậy cho nên, trong nước
ngày nay, nào là bình-phẩm
văn-chương Kiều, nào là phè-
binh Kiều, nào là chú-thích
Kiều, nào là thơ vịnh Kiều,
cho đến hát tuồng Kiều, diễn
kịch Kiều, chèo-ảnh Kiều,
trong nhà ngoài đường, trên
đời dưới đất, đâu đâu cũng
Kiều. Cứ xem hiện-trạng ấy,
thì nước Việt-Nam ngày nay
gọi tên là Kim-Vân-Kiều quốc,

Anh
hùng
Anh
người
ra m
nên v
Anh
tòn -
nghèo
mà h
của t
khô c
An
tham,
còn c
tích c
kia,
người
người
trai.
nói :
Tày g
bên E
Âm
khô i
Âm
xin k
kẻ ti
cầu
ý-dịn
tươn
Nhu
đồng
dồi l

nòi giống Việt-Nam ta mà gọi là Đại-Kim-Vân-Kiều-tộc cũng đúng lắm chứ không sai.

Xem trong bộ Tùy-Viên thi-thoại có nhà làm bài thơ vịnh Quan-Công, dùng sự tích Văn-Trường bỉnh chúc mà ông Tùy-Viên chè rắng đem sự tích tiêu-thuyết mà làm vào thơ là người vô học. Bộ Tam-Quốc-Chi là bộ tiêu-thuyết danh-tiếng nhứt, sự tích Quan-Công ai chẳng tin thật mà kinh thờ, thế mà người ta còn cười đem tích tiêu-thuyết làm thơ. Truyện THANH-TÀM-TÀI-NHÂN là tiêu-thuyết hèn mạt bên Tàu mà nay nước Việt-Nam tôn phung làm chánh-kinh chánh-sử: thiệt là rước lấy một cái đại sỉ-nhục.

Thậm chí sùng-bái chuyện Kiều mà nói rằng: Truyện Kiều là quốc-hoa, là quốc-hồn, là quốc-túy của Việt-Nam. Xưng tụng Ông Nguyễn-Du mà nói rằng: Nguyễn-Du đồ máu làm mực, làm vẻ-vang cho giống nòi, Ông Nguyễn-Du dịch Kiều từ đời Gia-Long, thế thì từ Gia-Long về trước chưa có truyện Kiều thì nước ta không quốc-hoa, không quốc-túy, không quốc-hồn; thế thì cái văn-trí vô-công

mấy trào Đinh, Lý, Trần, Lê sáng chói rực-rỡ đó đều là ở đâu đem đến cho bọn học thuê viết mướn ấy mà thôi; thế thì những bậc đại hào-kiệt, đại huấn-nghiệp, cứu dân giúp nước, tái tạo giang-san, mở mang bờ cõi cho nước ta ngày xưa, không ai làm được vẻ-vang cho nòi giống, không ai đáng kỷ-niệm cả, mà chỉ Ông văn-sĩ làm sách *Trăm năm trong cõi...* là làm vẻ-vang giống nòi, là đáng kỷ-niệm mà thôi?

Giống nòi ta vẻ-vang ra thế nào!

Thậm nữa lại nói rằng: Truyện Kiều quan-hệ văn-hóa Việt-Nam, truyện Kiều quan-hệ quốc-văn Việt-Nam; nếu không có truyện Kiều thì tình trạng dân tộc Việt-Nam chưa biết đến thế nào. Thiệt là: *Con oanh học nói xẳng xiên bảy bạ, rõ đại diện cuồng, tà-thuyết vu-dân đến thế là cực!* Mà có ai cho là tà-thuyết đâu. Nay đã nhà treo một bức, cửa yết một tờ, kèn trống rước vào, hương hoa cũng lê rồi: truyện Kiều là văn-hóa Việt-Nam, truyện Kiều là sách học quốc-văn, in vào trong óc, thâm vào trong

lòng, tí như ngoại-tà đã nhập đến ngũ tạng, qui-tà đã ám mắt linh-hồn, thì dầu lương-y hay giỏi đến đâu, pháp-su cao tay đến đâu, trưởng cung không cứu được nữa.

Trịnh-Khai ở đài Đường, vì tiếng hay thơ, mà làm quan-tè-tướng, anh ta lấy làm ái-nại mà tự nói rằng: Trịnh-Khai mà làm tè-tướng thì cuộc đời chẳng nói cũng biết rồi.

Ôi! than ôi! KIM-VÂN-KIỀU mà cai trị nước Việt-Nam thì xã-hội Việt-Nam không nói cũng biết rồi...

(Đăng ngày 1^{er} Septembre 1924)

Chánh phong, thói chánh đối với Biển phong là thói tà.

Chánh sự, tích Quản-Trọng nói với Tè-Huờn-Công: «Thấy lành thì thương mà thấy dữ thì ghét, là phải lắm. Nhưng đã làm chánh sự thì không nên hề thấy dữ thì ghét cho tới già đời.»

Chắp cánh liền cành, tị dực liên chi. Trong bài ca của

Giao-Châu: Hà-Nội, Nam-Định, Hưng-Yên;

Lục-Châu: Lạng-Sơn;

Phong-Châu } Phúc-Lộc-Châu } Sơn-Tây, Phú-Thọ, Vĩnh-Yên;

Bạch-Cu-Di; ý nói vợ chồng ở với nhau đời đời kỉ o kiếp, lên trời thì làm chín chắp cánh, xuống đất thi là.. cây liền cành.

Châm trầm thủy đê, Kim châm dày nước. Nghĩa bóng là: Việc gì mà mình không còn trông mong nữa được; hoặc nhân vật đã mất tích.

Chầm tịch, chiểu gối; vì vợ chồng.

Chân kim bắt phạ hỏa, thiêt vàng không sợ lửa.

Chân du, đi chơi chồ, chân thật, là chết.

Chắp kinh, chắp là cầm; kinh là đạo thường. Cầm giữ theo đạo thường. Cũng có nghĩa cập sách theo thầy họ giáo.

Chắp kinh tung quyển, vẫn theo đạo thường, nhưng có lúc cũng biết quyển biến, chứ không giữ theo lệ thường mà được.

Châu, nhà Đường bên Tàu hồi đó chiếm được nước ta, chia nước ta làm 12 châu:

Ái-Châu : Thanh-Hóa ;
Hoan-Châu :
Diễn-Châu : } Nghệ-An ;
Tràng-Châu ;
Chi Châu : Hưng-Hóa ;
Thăng-Châu : Tuyên-Quang ;
Võ-Ngã-Châu : Thái-Nguyên ;
Võ-An-Châu : Quảng-Yên.

Châu-Anh, một người tài, dời Xuân-Thu. Làm tòi Xuân-Thân-Quân. Biết Lý-Viên toan hại Xuân - Thân - Quân, nói trước cho Thân-Quân biết mà giữ mình, mà Thân - Quân không nghe, nên bỏ chức về ở ẩn ở Ngũ-hồ, vui với non xanh nước bích không thích làm quan nữa.

Châu-Công, con vua Văn-Vương dời nhà Châu, tên Đán. Chế lê nhạc về quan hòn tang tể. Bây giờ còn dùng.

Châu-Cơ, vợ Lử - Đắc - Vi đem gả cho Dị-Nhơn. X. LỬ-BẤT-VI.

Châu Dịch, bộ sách do vua Văn-Vương bên Tàu biêu làm, qua Châu-Công tiếp theo, rốt ráo Khoảng-Tử làm mới xong cho. Tức là sách triết - học đầu tiên của Tàu.

Châu-Đôn-Dy, nhà đại triết-học dời Tống, tên là Châu-

Liêm-Khê bày ra lý học và khoa-học. X. SAU CHU-TÚ.

Châu-Hy, tự Nguyên-Hối, làm quan tới chức Huy-Quốc-Công dời Tống. Mới nên 8 tuổi mà đã thông nghĩa sách Hiếu - kinh. Ngoài bìa sách của người, người có đè 7 chữ như vầy: *Nhược bất thủ, tiện bất thành nhơn*.

Châu huờn hiệp-phố, dời Hậu-Hớn dắt Hiệp-Phố thuộc về quận Giao-chỉ, chính là xứ ta bây giờ, có châu nhiều. Quan Tàu bắt dân ta tìm châu, hà khắc, dân chịu khổ không nỗi xúm nhau bỏ đi chỗ khác, thì châu cũng dời đi ở chỗ khác nữa. Sau Mạnh-Thường làm Thái-thú sửa bỏ lệ cũ, người trong xứ trở về làm châu như cũ. Người ta lại đồn lúc đó châu cũng trở về mà lại còn nhiều hơn xưa.

Châu-Lang, **Huờn-Sở**, hai

tướng theo phò Hạng-Võ cho tới chết.

Châu-Liêm-Khê, X. CHÂU-ĐÔN-DY.

Châu liêm, rèm kết tua bằng hột châu.

Châu-Mạnh-Trinh, thường gọi quan Án Chu, người làng Phú-Thị, huyện Đông-Yên, tỉnh Hưng-Yên.

Đậu tân-sĩ năm Thành-Thái thứ 9 (1892) làm quan đến ánsát lĩnh Hà-Nam, rồi xin về hưu. Ông người rất tài-tinh, các nghề chơi như thơ, đờn... đều giỏi cả. Chữ tốt, văn hay, nôm cũng sành.

Ông có vịnh một tập Kiều 20 bài, đè là THANH-TÀM-TÀI-NHÂN THI - TẬP và bài HƯƠNG - SƠN NHỰT TRÌNH CA. Văn ông có vẻ tài tình.

Châu-Mái-Thần, người dời Hớn, thuở còn hàn-vi di dốn cùi dồi gạo mà ăn, hay treo sách trên đầu gióng, và di và học. X. PHÚC THỦY NAN THÀU.

Châu mòn, cửa sổ, cửa nhà quyền qui thường sơn dỗ.

Châu nén dấu, tả truyện nói Tè-Huờn-Công di cư với một nàng hầu một dấu hột châu và 30 xe gầm.

Châu nhi phục thi, quay vòng, hết vòng trở lại đầu rồi cứ vậy quay hoài.

Châu sa, nước mắt rơi.

Tích có loài giao long hóa làm người gọi là giao-nhân, lên thế-gian lấy vợ lấy chồng. Mãn năm phải về thủy-phủ chầu vua.

Lúc ra đi từ biệt chồng con thì khóc-lóc thảm-thiết, mà khóc bao nhiêu thì nước mắt đều thành ngọc châu tất cả.

Châu-Thái-Tỷ, vợ Châu-Văn-Vương, rất nhơn-tử hiếu-hạnh.

Châu-Thọ-Xương, tích 24 trong NHỊ-THẬP TÚ-HIẾU. Người dời nhà Tống vừa 7 tuổi, mẹ đẻ họ Lưu, bị bà Địch-Mẫu ghen ghét nên phải bỏ nhà ra đi lấy chồng khác.

Sau qua đời vua Thìn-Tôn, Thọ-Xương mới từ chối được, sang Tần tìm mẹ. Tới quận Đông-Châu năm chục năm sau mới gặp nhau; bà mẹ lúc bấy giờ đã được 70 tuổi.

Châu, Trần, hai họ trong một làng dời dời kết làm thông-gia. Mà làng ấy chỉ có hai họ đó mà thôi, nên cũng gọi là làng Châu-Trần.

Châu-văn-An, người huyện

An
hùng
An
ngườ
ra m
nên v
Ánh
tòn -
nghèo
mà h
của t
khô c

Ánh
tham,
còn c
tích c
kia,
người
người
trai. C
nói :
Tây gi
ben Đ

Âm
khô r

Âm
xin k
kẻ tin
cầu t
ý-dịnh
tương

Như
đồng
đồi lè

Thanh - Đàm, nay là huyện Thanh-Trì tỉnh Hà-Đông, dời Trần. Làm tội trai bốn đời vua.

Lúc còn làm quan thì thanh liêm chánh trực. Triều vua Thiệu - Phong Trần-Dụ-Tôn (1341-1358), dung sớ xin chém bảy đầu nịnh thần. Vua không nghe, liền từ chức, về ở ẩn núi Chí-Linh.

Châu-văn-Tiếp, người huyện Phú-Mỹ, tỉnh Bình-Định. Sau vô Phú-Yên nhập tịch huyện Đồng-Xuân. Người tài lực. Một lòng theo phò vua Gia-Long.

Lập binh khởi nghĩa tại núi Lương-Sơn, đẽ cờ 4 chữ: *Lương-son tá quốc*. Trước sai người vô Phú-Quốc tìm vua Gia-Long, sau kéo bộ binh lấn vô Gia-Định. Được phong làm chức Ngoai-Tả-Chương. Sau nữa lãnh đi Xiêm viện binh, lên chức Bình-Tây Đại-Đô-Đốc.

Về Nam-Kỳ đánh với Chưởng-Bảo tại Mang-Thít, nhảy qua thuyền Trương-văn-Đa là phò-mã của kẻ nghịch, bị thương nặng mà chết. Sau được tước tặng là Lâm-Đào-Quận-Công.

Chè, Bà Chúa Chè, bà tên Đặng-thị-Huệ, cung-phi của Tĩnh-Đô-Vương Trịnh-Sâm.

Sanh ra nhà hàn-vi, khéo lợi dụng minh-trí để thoát-ly cảnh ngộ. Lập được con ruột là thế-tử Cán lén làm chúa thế cho Trịnh-Sâm, bỏ lớn là thế-tử Khải.

Sau này quân tam phủ loạn, giết Cán rồi giam Bà. Mãi hai năm sau, dám té Tĩnh-Đô-Vương bà ra té chồng rồi tự vận chết giữa dám,

Chén tặc chén thù, chén mời chén trả. Người mời, mình mời trả.

Chết, kinh lẽ dạy: trẻ con ba tháng chết, người nhà không đẽ tang mà cũng không khóc; trai gái tới 7 tuổi chết, trong nhà cũng không đẽ tang; từ 8 tuổi tới mười một tuổi chết kêu là bạ-thương; từ mười hai tuổi tới mười lăm tuổi kêu là trung-thương; từ 16 tới 19 tuổi kêu là trưởng-thương; vì thành nhơn hay là đồng tử chết kêu là thương; thường dân chết kêu là tử; kẽ sỉ chết gọi là bất lộc; đại phu chết gọi là tốt, chư hầu chết gọi là oanh; vua chết gọi là băng.

Chi lan, cỏ chi và cỏ lan, hai thứ cỏ thơm, mùi nó lại hòa với nhau nữa.

Cũng có khi nói anh em bạn tốt.

Chi lâm, lan cốc, cỏ chi ở rừng, cỏ lan ở hang. Đề nói người quân-tử không gặp thời.

Chi thất, nhà người hiền. Chi là cỏ chi, thất là nhà. Đề ví gần người hiền như vào nhà có mùi thơm của cỏ chi.

Chi hồng, chỉ đỏ, xích thẳng. Tich Vi-cố đời Đường, đem trú ở Tồng-Đô, gặp một ông già ngồi dưới bóng trăng, mắt xem sồ, tay cầm chỉ đỏ. Vi-Cố làm quen hỏi sách gi, chỉ gi? Ông già trả lời: « Ấy là sồ định hôn, chỉ đẽ buộc nên vợ chồng ». Vi-Cố mới hỏi có định trước cho mình không? Ông già nói: « Sao không? » dở sồ ra coi rồi nói: « Số người sau lấy con nhỏ, con của con mẹ ăn mày ở trước chợ bảy giờ ». Vi-Cố lấy làm xấu hổ, liền ra chợ cắp theo một con dao trong tay, rinh chém con nhỏ một lát dao, máu chảy đầm-dề. Vi-Cố trưởng đã giết con nhỏ chết, bỏ đó trốn đi.

Nhưng duyên trời đã định chạy đâu cho khỏi. Sau Vi-Cố trưởng lấy con quan tai triều, không đẽ chừng hỏi lại thì cũng là con của con mẹ ăn mày, sau này nhờ ông quan

tai triều đi tuần về giữa đường gấp me nô bỏ, ông đem về nuôi khôn lớn rồi gả cho Vi-Cố. X. **TƠ HỒNG**.

Chỉ kê mạ khuyễn, chỉ gà mắng chó. Chưởi bóng.

Chỉ như sơn, tiến như phong, trong binh-thơ nói khi đứng thì vững như núi không ai xô nồi; khi tiến thì mạnh như gió không ai cản được.

Chỉ xích sơn hà, cách nhau gang thước, mà như cách xa núi sông.

Chí bắt tại ôn bảo, Vương-Tăng khi dậu tam-nguyên, có người bạn đến mừng rằng: « E một đời ăn mặc không hết ». Ông trả lời: « Chí ta không phải ở chỗ ăn no mặc ấm ».

Chí Linh, núi Chí Linh, phủ Chấn-Định, tỉnh Nghệ-An. Vua Lê thường đóng quân ở đó mà khởi nghĩa cũng ở tại đó.

Chiêm-Thành, tên nước của một giống ngày xưa ở về Trung-Kỳ bảy giờ.

Chiến-quốc, cuối đời Xuân-Thu, trước đời Tần, bên Tàu có 7 nước mạnh là:

Tè,
Sở,
Yên,
Triệu,
Hàn,
Nguy,
Tần..

Gọi là thất Hùng, đánh nhau từ 403 tới 221 trước kỷ-nguyên.

Đông-Châu Liệt-Quốc cũng là đó.

Chiết liễu, sách Tam-Phu-
Hoàng-Đô nói người đời Hán
tiền bạn thi bẻ một nhành liễu
nơi Bá-Kiều.

Chiêu hiền, vua Hạ-Võ trước
cửa đền có treo một cái
chuông. Hiền tài muốn vào
yết-kiến thì cứ tới đánh
chuông khỏi bị ai ngăn cản.

Chiêu-Quân, vua Hán-Minh-
Đế vì cung-phi mỹ-nữ nhiều
quá, biết mặt không hết, mới
dạy Diên-Thọ vẽ hình mỗi
cung nhơn dặng dễ chọn lựa.

Diên-Thọ dùng dịp ấy ăn
tiền của cung nhơn; ai cho
tiền thì vẽ tốt cho vua yêu.
Chiêu-Quân thì lịch-sự và
đẹp hơn các cung phi nên
không chịu lo lót. Diên-Thọ
vẽ ra xấu. Mà còn sợ đê sau
lại mà bị hại, sẵn giặc Hung-

nô mới thắng, mưu với một
nhinh-thần đem nàng đi cống
hồ. Vua Minh-Đế thấy hình
vẽ xấu-xí, bèn chuẩn ưng.
Chừng Chiêu-Quân vào triều
bái trước khi đi, vua thấy,
hỏi lại mới hay. Làm tội Diên-
Thọ thì sự đã lỡ rồi; đã lựa
Chiêu-Quân thì phải cho Chiêu-
Quân đi.

Lúc qua ải, Chiêu-Quân
thương nước nhớ nhà có khảy
một bản đờn dề từ biệt xứ sở,
giọng đờn bi-ai thảm-thiết.
Chiêu-Quân qua Phiên ít năm
rồi cũng chết. Nơi mà cỏ mọc
đỗ lòm, mà thứ cỏ đó bên
Phiên thì trắng. Chỉ bên Tàu
cỏ đó mới đỏ vậy.

Có chỗ lại nói Chiêu-Quân
qua ải tới Lạc-Nhận dài, viết
thơ gởi cho nhạn, đờn bản
đờn từ biệt nghe buồn thảm
lắm, rồi nhảy xuống sông Hắc-
Thủy mà tự tử.

Có câu: *Chiêu-Quân xưa
cũng cống hồ, bởi người
Diên-Thọ họa đồ gây nén.*

Chiếu du, chiếu bằng cỏ
du, minh, láng và mát, qui
lắm.

Chim lồng, X. CÁ CHẬU.

Chim oanh, chim yến. X.
THỜI ĐIỀU.

Chim sa cá lặn, X. LẠC-
NHẠN, TRẦM NGƯ.

Chim thương-dương, tích
xưa nói chim thương-dương
lớn lắm; mình dài, lông đen,
cổ trắng, mỏ nhọn mà chỉ có
một chon. Ở biển Bắc, lúc
nào trời gần đông mưa, thì
bay tới múa bày diễm.

Chinh tiễu, chinh là đánh;
tiễu là dẹp. Dẹp giặc cỏ.

Chó cỏ rồng đất, xưa ta
cúng tế, thường bện chó bằng
cỏ, nắn rồng bằng đất, dề
làm lễ cúng. Chừng cúng
xong thì đem liệng đi. Có
nghĩa là: Người hay vật mà
hết cần dùng nữa; công thần
đã đem lại mối nước cho nhà
vua, mà nay nhà vua bùng
rây.

Chong đèn nấu sú, Phạm-
Thuần-Nhơn tự là Nghiêm-
Phu, là con ông Phạm-Trọng-
Yêm đời Tống. Ham học, sớm
tối không rời cuốn sách, đêm
thường dề đèn trong mùng
mà học. Sau vợ ông lấy mùng
của ông đóng khói trên nóc
mà dạy con.

Chùa Hương, X. HƯƠNG SƠN

Chùa Thầy, tên là chùa
Thiên-Phước, ở núi Sài-Sơn,

phủ Quốc-Oai, tỉnh Sơn-Tài,
thờ Từ-Đạo-Hạnh. Thiết là
một nơi thắng cảnh ở Bắc.
Trên đảnh có một chỗ truyền
gọi là Chợ-Trời.

Chúa Hiển, hiệu Dũng-
Quận-Công (1687-1691). Tên
Nguyễn-Phước-Tần. Chúa thứ
IV dòng Nguyễn thời kỳ Trịnh
Nguyễn phân tranh. Đánh
nhau với Trịnh ở Nghệ-An;
lấy đất Chân-Thanh lập phủ
Ninh-Hòa và Diêu-Khánh tức
là Khánh-Hòa bấy giờ.

Chúa Nghĩa, hiệu Hoằng-
Quốc-Công (1687-1691). Tên
là Nguyễn-Phước-Trầm. Chúa
thứ V dòng Nguyễn thời kỳ
Trịnh Nguyễn phân tranh.
Lập phủ Phú-Xuân là kinh đô
nước ta bấy giờ.

Chúa Sai, hiệu Thụy-Quận-
Công. Chúa thứ II dòng
Nguyễn thời kỳ Trịnh Nguyễn
phân tranh. Tên Nguyễn-
Phước-Nguyên (1613-1635).
Con thứ sáu của Nguyễn-
Hoàng. Cải họ là Nguyễn-
Phước. Chống với Trịnh ở
Quảng-Bình. Mất năm Ất-Hợi.
73 tuổi.

Chúa Thượng, Chúa thứ
III dòng Nguyễn, thời kỳ
Trịnh Nguyễn phân tranh.

Hiệu Nhân-Quận-Công (1635-1648). Tên Nguyễn-Phước-Lan. Con thứ hai của chúa Sái. Mất năm Mậu-Tý, 48 tuổi.

Chúa Tiền, chúa thứ I dòng Nguyễn thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Tên Nguyễn-Hoàng. Lấy hiệu là Đoan-Quận-Công (1600-1613).

Con thứ hai Nguyễn-Kim, vào trấn đất Thuận-Hòa và Quảng-Nam lập nghiệp chúa Nguyễn. Lấy đất Chiêm-Thành, lập phủ Phú-Yên. Mất năm Quý-Sửu. Sống 89 tuổi.

Chùy cồ, thích-cồ, Tô-Tần dời Chiết-Quốc, ham học, lấy dùi đẽ dưới bắp vế; hèn ngủ gục thì dùi đâm vào thịt, đau, dày mà học. Sau làm nén.

Chuyết, vung vè. Chuyết họa, lời khiêm nhượng đẽ nói họa vung vè.

Chung-Nam tiệp kính, Sứ Tàu nói dời Đường, thiết cầu ăn-sĩ ra giúp nước.

Hoàng-Võ-Cao không tài nghề gì, mà cũng muốn làm quan, mời giả chước vào núi Chung-Nam ở ẩn, rồi đem của dút lót cho quan đặng quan tiền cử minh. Mượn núi Chung-Nam làm đường tắt đẽ đi làm quan.

Chung nhũ thạch, Nhũ thạch ở trên nóc hang đá nhũ xuồng, tượng dùi thử hình-coi đẹp lăm.

Chung tình, chung là đức; tình là tinh; có tình với một người nào.

Chung-Tử-Kỳ, X. BÁ-NHA.

Chung-Vô-Diệm, đời Xuân-Thu tương truyền là con Bà Tây-Vương-Mẫu vì hội Bàn-Đào làm bè ve vàng nên bắt phạt cho xuống trần.

Sau làm vợ Tề-Tuyên-Vương, giúp Tuyên-Vương gồm thâu năm nước.

Chư hầu, những nhà quý tộc do vua phong, đẽ trị một miền.

Có năm bức :

Công,

Hầu,

Bá,

Tử,

Nam.

Chư tử, Ngoài văn kinh truyện (X. CỦU-KINH) bên Tàu, lại còn có những văn chư tử như các nhà LÃO-TỬ, TRANG-TỬ, LIỆT-TỬ, DƯƠNG-CHÂU, MĀC-ĐỊCH, QUẢN-TỬ, TÒN-TỬ, THÂN-TỬ, HÀN-TỬ.

Xưa nay, theo người Tàu,

thì cho các nhà ấy là hу vō hoang đàng, quyền mưu công lợi, không hiệp với chánh đạo. Song lấy theo công-luận thì các nhà ấy đều có một tu-tuồng đặc biệt ý kiến cao xa.

LÃO-TỬ, nhà đại triết-học đời Châu, sanh đồng thời với Khồng-Tử, họ Lý tên Nhĩ tự là Bá-Dương người ta cũng gọi là Lý-Đam.

Lão-Tử làm quan tới chúc Trụ-hạ-sử. Lúc bấy giờ nhà Châu đã suy, Lão-Tử bỏ chúc di ẩn, soạn ra kinh Đạo-Đức, cả thảy hơn năm ngàn câu.

Tôn-chỉ kinh Đạo-Đức có 2 chữ Hư-Vô mà thôi ! Lão-Tử dạy : *Dùm mạc vó vi*, cho rằng Đạo là một lẽ *Hư-Không*, rất huyền diệu. Có một lẽ ấy mới sanh ra trời đất và vạn vật.

Người mà muốn thề đạo thì nên tuyệt hết bụng nghĩ-ngợi, quên cả hình-hài : Đừng nghĩ gì, đừng lo gì, trong bụng lúc nào cũng thanh tịnh, không phải nhọc đến trí khôn. Còn như phải có việc gì xảy đến, bất đắc dĩ mà phải thù ứng, thì tùy cơ mà ứng biến, thế nào thời thế không đẽ tốn một chúc hơi của mình.

Song Đạo-Đức của Lão-Tử có xen lẫn những quyền mưu.

Xem như câu : *Tri kỷ hùng, thủ kỷ thư, vi thiên hạ khẽ ; tri kỷ bạch, thủ kỷ hắc, vi thiên hạ eốc*, nghĩa là : Biết dặng trống, giữ dặng mái, đẽ làm khe cho thiên hạ ; biết dặng trắng giữ dặng đen, đẽ làm hang cho thiên hạ. Cùng câu : *Tương dục thủ chi, tất có dù chi*, nghĩa là sắp muốn lấy đi, thì hãy tạm cho trước. Như vậy thì đạo Lão-Tử dạy : Đối với mình thì không cần thiết gi hết; mà đối với người thì hòa mà tấn là cái lối dĩ nhu thắng cang vây. Thị ra Đạo Lão-Tử có biến trá, trá với ý thành thật của Đạo Nho, cho nên xưa nay người ta không cho đạo Lão-Tử là chánh vậy. X. ĐẠO GIÁO.

TRANG-TỬ, Trang-Tử cũng theo một phái với Lão-Tử. Chủ nghĩa tiêu diêu phóng khoáng, mà không đẽ một việc gì bó buộc được mình.

Trang-Tử theo cái thuyết riêng không chịu theo ý nghĩ của người mà đoán việc đời. Thầy dạy mỗi mỗi, mình cứ đoán theo ý tưởng-tượng của mình. Nghĩ thế, nên trong trời đất này, không cho vật chi là lớn mà không cho vật chi là nhỏ; sang hèn cũng

vậy, chết sống như nhau. Mà cũng phải, so với vỗ trụ bao la, thì lớn như núi Thái-Sơn cũng là nhỏ, mà nhỏ như hột cát mà tưởng là lớn thì tất nhiên là lớn vậy.

Vì giàu nghèo, lớn nhỏ, nên hư, rốt cuộc rồi cũng chỉ có cái chết là hết. Cho nên thay dại chẳng nên thiết-tưởng đến các việc đời. Như vậy thiệt là một chủ-nghĩa *yêm-thé* vậy.

Đến như văn-chương thi cả một bộ Trang-Tử không câu nào là câu không hay, không tự nhiên, không ý vị.

LIỆT-TỬ, Liệt-Tử cũng theo một chủ-nghĩa *Lão Trang*. Không coi vật gì là trọng, không quản việc đời...

Người đời thì chỉ có cái lòng dục vọng, nên mới ham sự này muốn sự khác, mới có gian tham, bất nhân, bạc ác, mới làm cho thân con người ta phải khổ-sở cực-nhục...

Mà thử nghĩ lại coi, sống ở đời được bao nhiêu đó mà phải lao tâm khổ xác. Chỉ bằng tuyệt đường lo lăng, yêu điều nhàn phóng trong cõi phù sah tạm này, rồi phú cho mặc cơ Tạo-Hóa xây vần, có phải là nhàn-lạc không?

Tư-tưởng như vậy không phải là không cao thượng!

DUONG-CHÂU thì lại dạy chủ-nghĩa *vị ngã* nghĩa là trong muôn một, chỉ biết có một mình mà thôi.

Nhỏ một cái lòng mà lợi trong thiên hạ thì cũng không làm. Chẳng còn biết lo cho ai, thì tới vua của mình, mình cũng không cần thiết, đó có phải là vô quân không? Mà vô quân (nói theo mấy ngàn năm xưa), thì còn ra cái gì! Vô quân, thì còn chi là luân thường đạo lý?

Nhưng lấy theo tâm lý ngày nay mà luận, thì cái thuyết chỉ biết có một mình mình, thì phải cần cạnh tranh với tất cả mọi người, mình mới còn được. Trong thế giới ai ai cũng lo cạnh tranh, cạnh tranh thành-thật không gian xảo, không hại lẫn nhau, thì một lẽ tiến hóa tốt đẹp vậy.

MẶC-ĐỊCH, người nước Sở làm quan Đại-phu nước Tống. Làm sách Mặc-Tử xướng ra cái chủ-nghĩa *kiêm ái*, nghĩa là yêu khắp loài người ai ai mình cũng yêu cả. Dẫu cực nhọc đến đâu, mà lợi được cho một người, thì người dạy cũng phải ráo mà làm. Ai cũng

thương, vì ai cũng phải phê việc nhà; quên cha mẹ, đề đi lo cho người; thì có khi cũng thành vô phụ. Mà người không biết lo cho cha mẹ hơn, thì cũng ra người bô.

Song lấy theo tâm-lý ngày nay mà xét, thì ai ai mình cũng thương đồng, mà ai ai cũng thương mình như họ, thi có nghĩa đồng hóa; đồng hóa hoàn toàn thi thế giới có lẽ cũng hưởng được phước hòa-bình mà chớ!

Hai cái chủ-nghĩa đó thiệt nghịch hẳn với nhau. Nếu theo được một chủ-nghĩa nào cho hoàn toàn, thì cũng là cái phước. Ngặt người đời bị nhiều chuyện ràng buộc, khó mà deo theo cho được hoài một chủ-nghĩa, thành nay vầy mai khác, mà không xong bên nào. Chờ xét cho cùng người có một chủ-nghĩa mà thờ cho hoàn toàn, thi cũng đáng kinh đáng phục!

QUÂN-TỬ, ấy là Quản-Trọng, làm tướng nước Tề, đời Đông-Châu. Làm ra Nội-Chánh để ngăn phép dụng binh. Chủ-nghĩa của Quản-Trọng là chủ-nghĩa *phú-cường*. Giúp nước Tề trở nên giàu mạnh, thi giúp dân nước Tề trở nên

phú-cường. Một cái chủ-nghĩa thiệt hay! Ra chấn dân mà theo chủ-nghĩa đó cho thành-thật, thi dân được nhờ không phải là ít. Nhưng buồn thay! biết bao nhiêu người miệng thì nói giúp nước giúp dân, mà tinh trung thì lo cho mình mà không kể tới người, làm cho dân sau này sanh oán sanh hận, lần lần mới có cái phản giặc, rồi dân rỗi nước...

TÔN-TỬ, tức là Tôn-Võ-Tử. Soạn ra 13 thiên binh pháp toàn là những thuật dùng binh. Làm căn bản cho những nhà tướng xưa nay. Nhưng những nhà văn cũng nên xem, vì ý tứ dồi-dào, nghĩa-lý sâu-sắc, văn-chương bình dị.

13 thiên binh-pháp đó chẳng những là binh-pháp không mà thôi, mà cũng là một áng văn chương vậy.

THÂN-HÀN, hai nhà này chú ý chuyên trọng về mặt hình danh. Phàm làm việc gì thi đều rất tín, rất công. Nhưng tiếc thay! Vì tinh tin rất cần mà thành ra câu nệ quá đỗi, rốt cuộc không còn một chút tinh nghĩa gì hết.

Thiết nghĩ đầu một thuyết nào cũng có kinh có quyền.

Có kinh có quyền có nhân có nghĩa, thì mới nên, mà câu nè, giam hãm mình trong một phương-pháp không đời không đổi thì khó cho bền được.

TỔNG LUẬN: Xét lại văn-chương kinh-truyện của Tàu, tuy mỗi kinh-truyện đều có một nghĩa riêng, như KINH DỊCH thi chủ về việc *bóc-phé*.

THÌ thi chủ về việc *ngâm vịnh*,

THƠ thi luận về việc *chánh sự*,

LỄ thi giảng về *lễ-nghi*,
XUÂN-THU thi chủ về *thật sự* mà ngu ý *bao biếm*,

ĐẠI-HỌC thi dạy *tu, tề, tri, binh*,

LUẬN-NGŨ thi luận về *hiếu, đê, trung, tín*,

MẠNH-TỬ thi giảng-giải hai chữ *nhân-nghĩa*,

TRUNG-DUNG thi phát minh ra hai chữ *thời trung*,

Nhưng ta đọc cho kỹ, nghĩ cho cùng, thì cả thấy chẳng qua là giảng minh những đạo lý thiết-dụng, trong có thể noi theo đó mà sửa mình, ngoài có thể noi theo đó mà kinh thê. Ngoài ra các sách DỊCH, THI, DUNG, HỌC NGŨ, MẠNH, thi còn có không biết bao nhiêu

quyền chủ thích đến vãi của Khuất-Nguyễn Hán-Tử... Nhờ vậy mà đạo thánh không mờ tối.

Đến như văn-chương chư tử lý - tưởng tuy sai với đạo thường thời bấy giờ, nhưng cũng có kiến-thức đặc biệt, thật là một cái kho dung nghĩa vô tận.

Thời thế mỗi ngày mỗi đổi, sự học-thức của con người mỗi ngày mỗi tiến-hóa. Văn chư tử ngày nay lấy làm hợp với cái óc của con người giữa thế kỷ hai mươi này, hợp hợp cái thuyết Không-Mạnh.

Vậy ta nên trách hay nên mừng? Nên mừng là phần nhiều con người ta ngày nay có học-thức hơn phần nhiều ngày trước; không chịu lấy tinh-thần làm nô-lệ cho vật chất như đời thượng cổ. Nhưng cũng nên buồn, là có biết bao nhiêu hàng người muốn được cho mình mà không cần cho người khác, thành phải tranh giành không đáng, làm cho người một làng ghét lẩn nhau, mà nhà suy, nước kém, người ngoài thừa dịp mà hâm hại mình.

Nhưng kẻ học-giả muốn biết được đạo lý thi nên đọc sách

chò kỹ, để mà suy xét đến tinh vi, chờ thấy trái với ý nghĩ của mình mà không thèm dòm ngó tới, thi làm sao so sánh và luận phán quấy cho được.

SAU CHU TỬ: Đó là văn Ngũ Kinh Tử truyện, nay thường gọi Cửu-Kinh và văn Chư Tử. Sau này ta cũng nên chép văn-chương đời trung cổ bên Tàu luôn. Đời trung cổ bên Tàu văn chương thi đời Hán có GIÁ-NGHỊ, (một lý với Thân Hán), ĐÔNG-TRỌNG-THƠ (thuần chánh mà tin về đường tai dị) DƯƠNG HÙNG (theo lối Lão Trang) TƯ-MÃ-THIỀN;

Đời Tùy có VĂN-TRUNG-TỬ; đời Đường có HÀN-DŨ (kiến thức hơn người mà kém về công phu tinh tế).

Đời Tống có ÂU-DƯƠNG-TU, TÔ-ĐÔNG-PHA (hùng thâm mẫn diệu) CHÂU-LIÊM-KHÈ, TRÌNH-MINH-ĐẠO, TRÌNH-Y-XUYÊN TRƯƠNG-HOÀNG-CỐ, TRIỆU-KHANG-TIẾT, CHÂU-HỐI-AM, HỒ-NGUYỄN-ĐỊNH... Đều là nhà trữ thơ lập ngôn có công vệ đạo với thánh kinh hiền truyện.

Còn những tay văn-nhân thi sĩ thi đời nào lại chẳng có! Thi đời Hán có TỔNG-NGỌC, TƯƠNG-NHƯ, VƯƠNG-BAO, LƯU-

HƯỚNG, đều hùng-hồn và giỏi về nghị luận và sử ký.

Nhà Ngụy nhà Tấn thi có TÀO-THỰC, LƯU-TRÌNH, THẨM-UỐC, TẠ-DIỀU, VƯƠNG-HI-CHI, ĐÀO-TIỀM, NGUYỄN-TỊCH...

Nhà Đường thi có LÝ-BẠCH, ĐỖ-PHỦ, VƯƠNG-DUY, MẠNH-HẠO-NHIÊN, VƯƠNG-BỘT, LIỄU-TỐN-NGUYỄN

Nhà Tống thi có TƯ-MÃ-ÔN CÔNG, DƯƠNG-QUI-SƠN, VY-TRỌNG-TỐ, THẠCH-MÃNG-KHANH, hay về thi-phú.

Đó là về văn. Còn thơ mà nổi danh nhứt là thơ LÝ-BẠCH, ĐỖ-PHỦ; phú nổi danh nhứt là phú VƯƠNG-KHỎI, HOÀNG-THAO; tú lục tài nhứt là VƯƠNG-BỘT, LAC-TÂN-VƯƠNG; nghị luận giỏi thì HÀN, LIỄU, ÂU, TÔ...

ĐỜI CẶN KIM.—

Đời Thành-Tồ nhà Minh, đời Khang-Hi nhà Thanh, lý-học bên Tàu thạnh lắm.

Nghị luận kinh truyện thi có các sách MÔNG-DÂN, TỒN-NGHĨ, THIỀU-UỐC... Mà thời này thi văn tiểu-thuyết lại càng thạnh nưa. Nhưng hay nhứt thì chỉ có ĐÔNG-CHÂU LIỆT-QUỐC, TÂY-HÓN, ĐÔNG-HÓN, TAM-QUỐC-CHÍ. Ngoài ra truyện tiểu-thuyết,

thì thời đó cũng còn có mấy bộ : TÀY-TƯƠNG, TÌ-BÀ, TỈNH-SỮ, LIỀU-TRAI-CHÍ-DỊ, TÚ-TÀI-TỬ... cũng tự nhiên mà cũng hay.

Cũng thời đó có các nhà bình phẩm như VƯƠNG-THÁNH THÁN, NGŨ - HÀM - PHÂN, LÂM-TÀY - TRỌNG, QUÁ - THƯƠNG - HẦU... cùng các nhà nghị-luận như KÝ - QUỲNH - SON, PHAN-VINH... đều là tay đại nho đại tài.

Cuối đời nhà Thanh người Tàu lại hấp-thụ được lối học Âu-Mỹ, hai cái lý-tưởng mới cũ dồn lại mà đúc nên văn tràng giang đại hải của KHANG-LƯƠNG làm cho dân Tàu bước được một bước khá dài trên con đường ngôn luận, có một lối văn mới để thay cho những lối kinh nghĩa xưa.

Đó là văn-chương truyện sách và danh-nhơn bên Tàu. Còn bên ta?

Văn nước ta phát nguyên từ khi Sĩ - Vương, người Tàu, đem nho-giáo truyền sang nước ta. Đến chừng bị nội thuộc nhà Đường, ta đã có KHƯƠNG-CÔNG-PHU, người Ái-Châu (Thanh-Hóa) sang Tàu thi đỗ tân-sĩ, làm tể-tướng nhà Đường.

Từ đó về sau hết Đường

qua Ngũ-Đại, rồi sang Tống, trong khoảng hơn 300 năm ta nhiệm văn-học người Tàu càng ngày càng sâu. Sau này từ Đinh - Tiên - Hoàng dựng độc-lập cho nước nhà tới nhà Lý vua Nhân-Tôn mới mở khoa thi tam trường, dùng người văn-học làm quan, lúc bấy giờ có LÊ - VĂN - THẠCH, MẠC-HIỀN-TÍCH khởi đầu văn-học ta.

Qua đến nhà Trần thì văn-học ta đã thanh lâm rồi. Bấy giờ đã có sứ quán, đã có các nhà trú tho lập ngôn. Trước thì có HUNG-ĐẠO-VƯƠNG, rồi tiếp theo nào là TRẦN-QUANG-KHẢI, PHẠM-NGŨ-LÃO, MẠC-ĐĨNH-CHI, CHÂU-VĂN-AN.

Đời Lê, văn ta lại càng thanh nưa. Nào là NGUYỄN - TRÃI, NGUYỄN - BÌNH - KHIÊM (Trạng-Trình) LÊ-QUÍ-ĐÔN, NGUYỄN-DŨ, VÕ-QUỲNH.

Qua đến Nguyễn-Triều, thi MINH-MẠNG, THIỆU-TRỊ, TỰ-ĐỨC đều là chúa hiếu văn, còn văn-nhân thì nào là TÙNG-THIỆN, TUY-HÓA, PHƯƠNG-ĐÌNH...

Chủ cậu kết giao, kết bạn ở trong khoảng cối chày, không kẽ sang hèn.

Tịch Công-Sa-Mục đời Hậu-

Hòn đến học ở nhà Thái-Học, không gạo ăn phải giã gạo mướn cho Ngô-Hữu. Ngô-Hữu sau biết Sa-Mục là người có chí, mới kết bạn với Sa-Mục.

Chủ - đồng - tử, đứa trẻ ở mé sông. Dã-sử chép đời Hùng-Vương, có công-chúa một mình đi chơi mé sông. Trời thi nắng. Công-chúa đi tới mé sông, cởi quần áo xuống sông tắm, tưởng chồ đó vắng-vé không ai. Không dè có một

đứa trẻ con núp trong lùm cây, lén dòm thấy. Công-chúa cho rằng *thiên-duyên*, đem anh trai về xin vua cha gả cho.

Chức cầm hồi văn, X. dệt gấm, làm bài văn thêu lộn quanh trên gấm.

Tích Tô-Huệ vợ Vương-Thao (có chồ viết Đậu-Thao) chồng phải đi thú phương xa. Nàng còn nhỏ tuổi, dệt bản hồi văn sau đây, dưng cho vua. Vua thương tài cho chồng về.

*Quán thừa hoàng-chiểu an biên thủ,
Tổng quản tổng biệt hà kiều lộ,
Hàm bi yểm lệ tặng quán ngôn,
Mạc vong ân tình tiện trường khứ.*

*Hà kỳ nhứt khứ âm tin đoạn,
Ức thiếp bình vi xuân bất noãn;
Quỳnh giao giai hạ bích dài không,
San-hô trường-lý hồng trần mãn;*

*Thủ thời đạo biệt mỗi kinh hồn,
Tường tám hà thác cánh phùng quân;
Nhứt tâm nguyên tác thương hải nguyệt,
Nhứt tâm nguyên tác Lãnh-dầu vân;*

*Lãnh-vân tuế tuế phùng phu diện,
Hải nguyệt niên niên chiểu đắc biển,
Phi lai phi khứ đảo quân bàng,
Thiên lý vạn lý giao tương kiến.*

Thiếu thiếu lộ viễn quan sơn cách,
Hận quản tái ngoại trường vi khách,
Khứ thời tống biệt lư diệp huỳnh,
Thùy tin kỵ kinh mai-huê bạch,

Bách hoa tán loạn phùng xuân tảo,
Xuân ý thổi nhân hương thùy đạo,
Thùy dương mǎn địa vị quản phan,
Lạc hoa mǎn địa vô nhân tảo.

Định tiền xuân tảo chính phân phương.
Bảo đắc Tân-tranh hương họa đường;
Vị quản, đàm đắc Giang-nam khúc,
Phó kỵ tình thảm đáo Sóc-phương;

Sóc-phương thiếu đệ sơn hà việt.
Vạn lý âm thư trường đoạn tuyệt.
Ngân trang chầm thượng lệ chiêm y,
Kim lũ la thường hoa gai liệt.

Tam xuân hồng nhạt độ giang thanh,
Thử thị ly nhân đoạn trường tình;
Tranh huyền vị đoạn, tràng tiên đoạn,
Oán kết tiên thành, khúc vị thành.

Quân kim úc thiếp trọng như sơn,
Thiếp diệc tư quản bắt tạm nhàn,
Chức tương nhứt bản hiến Thiên-Tử,
Nguyễn phóng nhi phu cấp tảo hoàn.

Dịch nôm :

Chàng vưng chiếu ra yên cõi ngoại,
Thiếp đưa chàng tới lối cầu sông.

Ngậm sầu gạt lệ nhẫn lòng,
Chờ tham chốn khác mà vong tình này.

Trong tin-tức tới nay thăm thăm,
Đề buồng hương chẳng ấm hơi xuân.
Từ ngày đôi ngả cách phân,
Màn dàn bụi bám thềm dần rêu phong.

Tưởng ly biệt nỗi lòng kinh sợ,
Thiếp với chàng bao thuở gặp nhau?
Nguyễn làm trắng giữa biển sâu,
Nguyễn làm mây phủ trên đầu non cao.

Trắng giữa biển năm nào cũng thấy,
Mây đầu non đường mây cũng thông.
Bay quá bay lại bên chồng,
Đầu ngàn muôn dặm xa trông như gần.

Quan sơn ấy mây lần trở cách.
Hèm nỗi chàng làm khách rất lâu.
Chàng dì mới ố bóng lâu.

Mà nay mây độ trắng màu hoa mai.

Hoa trăm thức xuân tươi hơn hỏ,
Xuân due người than thở với ai.
Đường kia đủ những tơ dài,
Hoa kia rã cánh không người quét cho.

Sân xuân sớm thơm tho trăm thức,
Chốn họa đường lựa bậc đàm tranh.
Giang-nam năm khúc ranh ranh,
Mượn đầu năm móng gởi tình Sóc-phương.

Sóc-phương ấy đôi đường diệu vời,
Âm thư này nhẫn gởi khôn thông.

*Gối riêng nước mắt tuôn dòng,
Xiêm thêu áo vê lâu cung mục tan.*

*Ba xuân tới tiếng nhàn gằng gởi,
Xuân dục người bối rối như lơ.
Năm dây còn đó sờ sờ,
Buồn đà đứt ruột khảy chura rời đàn.*

*Chàng thương thiếp tình hơn nui nặng,
Thiếp nhớ chàng tình chẳng kém thua.
Dệt đêm bức gấm dưng vua,
Xét lòng dạ thiếp tha cho chồng về.*

HOÀNG-QUANG

Chức-Nữ, dã sử cho rằng Chức-Nữ là Thiên - Tôn - Nữ già cho sao Khiên-Ngru. Hai người thương yêu nhau bỏ phé việc trời, người thì không may vá, người thì không lo nuôi giữ trâu của trời. Trời mới bắt tội hai người. Đài mỗi người ở mỗi bên sông Ngân-hà. Mỗi một năm ngày mồng 7 tháng 7 mới được hiệp nhau một ngày thôi. Ngày đó thì có quạ đội cầu cho hai người đi qua lại dặng giáp mặt nhau. X. Ô KIỀU, THẤT TỊCH, NGƯU-LANG.

Chức-Võ, đời Chiến-Quốc. ở đất Khảo-Thành. 70 tuổi. Có tài biện - bác. Làm tội

Trịnh-văn-Công. Lúc đó Tần nghe lời Tần, qua đánh Trịnh, vây Trịnh một mũi kim cũng không lọt. Chức-Võ vung lịnh Văn-Công qua thuyết khách Tần, khéo lấy lẽ hay, nói Tần phải nghe theo mà lui binh.

Chương-Dương, nay thuộc huyện Thượng - Phúc, Hà - Đông, là chỗ Trần - Quang - Khải đánh đuổi được quân Nguyên lần thứ nhứt.

Sau khi thắng trận, mở tiệc khao quân, ông có ngâm một bài thơ trong đó có hai câu này :

*Đoạt sáo Chương-Dương đỗ,
Cầm hò Hàm-Tử-Quan.*

(Cướp ngọn giáo ở bến Chương-Dương; bắt giặc ở cửa sông Hàm-Tử).

Chương-Đài, một con đường ở Trường-An bên Tàu hồi đó. Đời Đường, Hàng-Hoành có lấy một kỵ-nữ tên Liễu ở con đường đó. Sau này Hàng-Hoành di làm quan xa, Liễu-Thị ở nhà bị tướng Phiên cướp mất, cách nhau ba năm. Sau cũng tái hiệp.

Thơ Hàng-Hoành viết cho Liễu-Thị có câu :

*Chương-dài liễu.
Tịch nhợt thanh thanh,
Kim tại phủ,
Giả ưng phan chiết tha
nhân thủ.*

(Cây liễu chương-dài xưa xanh xanh, nay còn không? Hay là tay khác đã bẻ mất rồi?).

Chương-phùng, chương là mũ chương phủ, phùng là áo phùng dịch, là đồ nho phục hồi đời Đức Không - Tử. X. TRANG-TỬ.

Con dại cái mang, câu tục ngữ ý nói con mà lỡ có dại thì cái (là người mẹ) mang tiếng xấu với người ta rằng không biết dạy con.

Cô chưởng nan minh, bàn tay cô-dộc không thể vỗ kêu được. Nghĩa là một mình

khó làm nên việc gì được.

Cô độc, một mình tro-trọi. **Cô lậu**, kiến-văn ít-ỏi.

Cô lậu quả văn, quê-mùa ít kiến-văn.

Cô loan độc phượng, cô loan là gái chết chồng; độc phụng là trai chết vợ.

Cô miên, ngủ một mình. Đêm nằm một mình, không có đồng bạn.

Lạnh-lùng thay giặc cô-miên! (CUNG OÁN)

Cô ngâm độc xướng, ngâm xướng một mình.

Đề xướng một học-thuyết hay một lý-luận nào đặc biệt hơn chúng.

Cô bồn, Trang-Tử chết vợ, Huệ - Tử đến đi diễu, thấy Trang-Tử vỗ bồn hát ea coi bộ không thương tiếc.

Cô-Đánh-Thần, lúc còn nhỏ có làm bài biếu, mỗi đêm mỗi nguyện với trời đất, xin bớt tuổi cho mình mà thêm tuổi cho cha mẹ.

Một đêm kia nằm chiêm bao thấy hạc vàng trên trời bay xuống, có ngâm bài biếu của mình, ở đàng sau có chữ son phè : « Đánh-Thần có lòng rất hiếu, vậy ta cho cha nhà

ngươi sống thêm hai mươi tuổi, còn ngươi thì cho đậu trang-nguyên ».

Sau quả thiệt vây, cha người thi sống lâu còn người thi thi đỗ trang-nguyên.

Cỏ nhơn bình chúc, người xưa dốt được chơi đêm sơ mất ngày giờ.

Cỏ nhơn nhứt nhụt dường, bắt dĩ tam công hoán, người xưa nuôi cha mẹ một ngày thi coi hon làm chức Tam-công vây.

Cỏ-tẫu, X. VI PHÚ CHỈ U TÙ..

Cỏ vắng kim lai, từ xưa đến nay. Đời xưa đã qua, đời nay còn lại.

Cỏ-Khai, mỗi khi được thơ cha gởi, thì quì lạy rồi mới mở ra đọc. Còn khi đương đọc thơ thì mỗi câu dạ một tiếng.

Cốc vố, mưa tốt. Tiết khí về khoảng 21 tháng tư dương lịch.

Cồn hoa, sắc mạng của vua ban cho, vinh hiển cũng như mặc áo cồn hoa vào mình. Bởi câu : *Nhứt tự chi bao, vinh như hoa cồn*. Một chủ ban khen, vinh như áo gấm rạng bông.

Công, cô, công là ông già;

cô là bà già. Cha mẹ chồng,

Công-Du X. LỖ-BAN.

Công-Giả-Trường, người nước Lỗ, học trò Đức Khổng-Tử, nghe hiểu tiếng chim.

Công-Sa-Mạc, X. CHỮ CÂU KẾT GIAO.

Công-Tôn-Chi, tự Tử-Lang. Mạnh lăm. Thuở còn hàn-vi cày ruộng, một lần cầm hai lưỡi cày. Bấm xuống đất sâu lăm. Sau ra đầu Tân-Mục-Công làm quan đến chức Đại-phu.

Công-Tôn-Hoảng, đời Hán vua Võ - Đé, làm quan đến chức Tam-công, một trào với Trường-Nhu. Quan lớn, lộc lớn mà trong nhà màn cháng đều dùng bằng vải, ý ở xảo trả đối đời.

Công-Tôn-Thánh, đời Đông-Châu, người nước Ngò, bói giỏi. Vua Ngò - Phù - Ta nắm mộng, cho voi vào bàn. Tôn-Thánh biết điềm xấu, nói ngay thì phải chết, mà cứ nói.

Công-Tôn-Yết, tự là Tử-Đô, làm tôi Trịnh-Trạng-Công đời Chiến-Quốc. Đẹp trai cho đến đỗi Mạnh-Tử phải khen.

Cốt nhục tử sanh, Lấy trong câu : *Cốt nhí nhục, tử nhí sanh*. Xương mà mọc thịt,

chết mà lại sống. Xin người làm ơn cứu vớt cho.

Cơ bắt mật tắc bại thành, mưu chẳng kinh át thất bại.

Cơ cầu, cơ là thúng, cầu là áo cầu. Con nối nghiệp cho cha mà lại giỏi hơn cha, như con thợ làm cung còn biết thêm nghề làm thúng, con thợ rèn học thêm nghề làm áo cầu.

Cơ đích, hàm thiết. Mà có nghĩa là vua thua giặc bôn tầu, bày tỏi trung nghĩa, chạy theo ngựa, đề cùng trốn.

Cơ man vạn mó, nhiều quà không thể đếm được.

Cơ thiền, cơ là máy, thiền là tĩnh. Đạo Phật lấy thanh-tịnh làm trọng.

Cơm. Túi cơm, X. GIÁ ÁO

Cu quá khích, ngựa qua cửa sổ. Lời Tân-Nhi-Tử nói: *Nhân ư thể như cu quá khích*. Người sống trên đời này ngắn ngủi như ngựa qua cửa sổ, như thoi dura, như gang tay. X. BẠCH CÂU QUÁ KHỊCH.

Cù lao, cù là siêng năng; lao là khó nhọc. Công cha mẹ nuôi con khó nhọc.

Cù mộc, cây gốc lớn cành lá sum-sê thường để dây bím

dây săn nhờ mà bò lên. Đề chỉ vợ cả.

**Một cây cù mộc một sáu
quế hoe** (KIỀU).

**Một cây cù mộc biết chen
đằng nào** (CUNG OÁN).

Cúc, mùa thu cúc nở.

Cúc tinh, giêng cúc. Sách PHONG-TỤC-THÔNG, đời Hán truyền rằng ở huyện Lịch, tức là huyện Nội-Hương, tỉnh Hà-Nam bên Tàu, có núi Cam-Cúc, trên núi có thứ cỏ cúc rất tốt, nước khe núi chảy xuống ngọt, uống được nước đó thì được sống lâu.

Cung-Chi-Kỳ, làm quan Đại-phu nước Ngu, đời Chiến-Quốc, vì can vua mà vua không nghe, biết sao sao nước cũng mất, bèn bỏ ra đi qua đầu Tân được trọng dụng. X. BÁ-LÝ-HÈ và CAN VUA.

Cung-Bá, X. BÁCH-CHÂU.

Cung-hoa-chương, cung của Sở-Linh-Vương, đời Chiến-Quốc cho cắt, đã xinh-dep lại trắng-lệ vỏ cùng. Rộng hơn 40 dặm. Ở giữa có một cái đài cao chừng 30 trượng đặt tên là đài Tam-Hưu, ý nói cao quá phải ba lần mới đi lên tới chót.

Cung-Oán, một tác-phẩm của ÔN-NHƯ-HẦU (Nguyễn-Gia-

Thiều) lối thơ song thất lục | ly, được liệt vào hàng danh-tác bát, điêu-luyện, lưu-loát, lâm- của ta. Có bài đẽ từ:

Vô doan Nguyệt-Lão oán hồng nhan,
Tịch mịch không khuê bảo triện tàn.
Bản trầm thu cùng ngâm dạ vĩnh,
Mẫn song lương nguyệt tỏa xuân hàn.
Sầu khiêu tàn chúc liên cõi ảnh,
Lãm đổi lăng hoa lý bội hoàn.
Nhứt phiến u tình nan tận hoại,
Mạn huy thanh lệ phốc châu lan.

Nguyệt-Lão ghen chi khách má hồng,
Triệu tàn vắng-vé chốn phòng không.
Canh khuya nứa gối trùng eo óc,
Xuân khóa đầy song nguyệt lạnh lùng.
Buồn gọi đèn tàn tro bóng dáng,
Biển soi gương sáng sủa bóng vàng.
Mảnh tình u uất khôn bày tỏ,
Vây khắp câu lợn giọt lệ tràn.

Cung quế, cung trăng, mặt trăng. Cung nghĩa cung nhà vua đẽ cho phi Tần ở. Xưa Hòn-Võ-Đế có làm một cái cung gọi là Quế-Cung cho nàng Trương-Lệ-Hoa ở. Cửa tròn như mặt trăng, lộng kiếng. Sân sau dựng một bức tường vôi, tô phấn trắng, giữa sân trồng một cây quế.

Cung thiềm, sách ẤU-HỌC-TẦM-NGUYỄN nói: Trong mặt

trăng có con thiềm thử tam ngàn tuổi, ở dưới họng nó lại có 8 chữ son, nên người ta kêu mặt trăng là cung thiềm. Có chỗ cũng kêu là son hà chỉ ánh nghĩa là bóng núi sông đợi vò.

Cung xanh, chỗ con vua ở Thanh cung.

Cùng đồ tráng-sí, mặt lộ anh hùng, Ngũ-Tử-Tư khi ăn

xin ở chợ Ngò, ấy là tráng-sí cùng đường.

Cùng quản, túng bẩn, nghèo khổn.

Cùng tắc độc thiện kỳ thân, khi thế cùng thì chỉ lo một mình; mà biết có trọn được không? X. ĐẠT TẮC KIÈM THIỆN THIỀN HẠ.

Cùng thông, lúc cùng với lúc thông. Cùng là túng cùng; thông là hết; lúc cực-khổ tới lúc thành-thoi.

Cuộc chơi của con nít...

Đây là một vài cuộc chơi, một vài bài ca, vè... của con nít và cũng là của người lớn nữa, bốn năm chục năm về trước. Tôi, trời sáng trăng. Xúm nhau ngoài sân nhảy chán chậu, đánh u, cút bắt... hoặc kể chuyện, ca hát, đối đáp...

Lược trong Miscellannées của cụ Trương-Vinh-Ký chép sau đây cho bạn đọc nhớ. Mỗi mỗi ta đều thấy lời ăn nói thiệt thà, không cầu-kỳ, không trau chuốt, mà cũng không có tình tự chi. Như là :

VÕ TAY :

Người lớn chơi với con nít biếu nó võ tay, vừa võ vừa nói :

Võ tay, võ tay, bà cho ăn bánh ; không võ bà đánh trên tay ;
Võ tay, võ tay, bà cho ăn xôi, không võ bà lôi xuống bàu ;
Võ tay, võ tay, bà cho ăn thịt, không võ bà địt trên tay ;
Võ tay, võ tay, bà cho ăn mía, không võ bà bắt tia con đi...

LO BÒNG LÔNG :

Một lo con nít trăng răng,
Hai lo kẻ thấp không bằng người cao ;
Ba lo thầy bói té hào,
Bốn lo con đĩ không chào lái buôn ;
Năm lo thợ đúc méo khuôn,

Sáu lo trên nguồn không có hưu man ;
 Bảy lo bà góa chả oan,
 Tám lo trai đàng không vợ chạy đóng :
 Chín lo trong ngực không gông,
 Mười lo ngoài đồng không đất chôn ma.

CHƠI QUỐC :

Muốn chơi với quốc, quốc cho giò,
 Muốn chơi với bò, bò cho nhau,
 Muốn chơi với cau, cau cho trái,
 Muốn chơi với gái, gái cho hun,
 Muốn chơi với mun, mun cho độc,
 Muốn chơi với tóc, tóc cho đầu,
 Muốn chơi với cầu, cầu cho đĩ,
 Muốn chơi với đĩ, đĩ cho tiền,
 Muốn chơi với liền, liền cho thơm,
 Muốn chơi với nom, nom cho cá,
 Muốn chơi ná, ná cho chim
 Muốn chơi với ghim, ghim cho đậm,
 Muốn chơi với ném, ném cho nằm,
 Muốn chơi với rầm, rầm cho trắng,
 Muốn chơi với khăn, khăn cho bit,
 Muốn chơi với mít, mít cho xơ,
 Muốn chơi với tor, tor cho lụa,
 Muốn chơi với đũa, đũa cho cơm,
 Muốn chơi với thơm, thơm cho chỉ,
 Muốn chơi với khỉ, khỉ cho bần,
 Muốn chơi với thằn, thằn cho xôi.

Đến khi thằn ngồi, đến khi thằn nói,
 Đến khi thằn đói,

Trả xôi cho thằn, trả bần cho khỉ,
 Trả chỉ cho thơm, trả cơm cho đũa,
 Trả lụa cho tor, trả xơ cho mít,
 Trả bit cho khăn, trả trắng cho rầm,
 Trả nằm cho ném, trả đậm cho ghim,
 Trả chim cho ná, trả cá cho nom,
 Trả thơm cho liền, trả tiền cho đĩ,
 Trả đĩ cho cầu, trả đầu cho tóc,
 Trả độc cho mun, trả hun cho gái,
 Trả trái cho cau, trả nhau cho bò,
 Trả giò cho quốc...

BA BỰC BỘ HÀNH Ở NHÀ QUÁN :

Nhirt quân-lử ăn mứt gừng, uống nước trà tàu,
 ngồi chiếu bồng, nằm nhà trong, đánh cờ tiền ;
 Nhì quân-lử ăn thịt trâu, uống nước trà huế,
 ngồi chiếu kê, nằm nhà giữa, đánh cờ tướng ;
 Tam quân-lử ăn cơm nguội, uống nước lạnh,
 ngồi chiếu manh, nằm nhà ngoài, đánh cờ chó.

MƯỜI MỘT CHÉN RƯỢU UỐNG VÀO :

Một chén giải cơn sầu,
 Hai chén còn nhân đạo,
 Ba chén còn gượng gạo,
 Bốn chén nỗi sân si,
 Năm chén sập thằn vi,
 Sáu chén ngồi ghi xuống đó,
 Bảy chén thì đuổi chẳng đi.
 Tám chén lóc trọc lộn ra,
 Chín chén lóc trọc lộn vồ,
 Mười chén ai xô tôi ngã,
 Mười một chén chưởi cha ai xô.

UỐNG RUỢU SAY :

Nước Nam lấy rượu dụng lễ nghi,
 Ít chén hăng còn phân nhân nghĩa,
 Nhiều thì hụt hẹ lại sân si.
 Anh em tay đắc ra cửa ngõ,
 Đường cái không đi, đạp hàng rào.
 Trẻ nhỏ đến coi cười hả hả,
 Người lớn sợ e lấy vôi ghi.
 Cười thay đứa dại khéo mua sầu,
 Khuyên chó uống say chẳng tốt đâu.
 Một chén hăng còn phân tử tế,
 Hai ve rồi lại nói câu mâu.
 Tròng kia trọn trao như tròng khỉ,
 Môi nọ phèu phào tự môi trâu.
 Lẻo lẻo nước trong mà độc địa,
 Nuốc vào khỏi cổ lại rém đầu.

NÓI NGƯỢC :

Con mèo ra đồng ngâm cổ,
 Con dê vô bếp cay nồi.
 Ông già tám mươi năm trên nôi.
 Con nít nén ba chống gậy đi dạo.
 Bà bắt ốc tưởng kinh cầu đạo,
 Ông thầy tu lơ lửng dưới bầu,
 Gái hoa nương thí phát gợt đầu,
 Ông thầy sãi tóc dài tới đất.

Trứng gà tha quạ lên ngồi cội cây (1)
 Con cóc đạp chết con tay,
 Con nai bẻ cổ ông thầy mà lôi.

(1) Cội là tiếng ngoài để nói « trên »

Thằng nhỏ mà đánh trả trời,
 Một đoàn con nít đuổi voi té đèo.
 Chuột chạy đầu mèo, muỗi đập cánh doi.

Chuồn chuồn hay cắn, chó đậu hàng rào ;
 Chim nhảy xuống ao, cá bay lên núi.
 Những quân hàng túi đựng trầu bằng gơ ;
 Sông kia có bờ, ruộng nọ lai láng ;
 Thầy bói thi sáng, tối nứa thi đèn.
 Bầm miệng loa kèn, trót miệng bầu lợ ;
 Mạnh cày thì chó, mạnh cắn thì bò.
 Chim sâu thi to, voi kia nhỏ xít ;
 Trơn tru trái mít, gai gốc trái dưa.
 Đắng đót trái dưa, bòn hòn thi ngọt.
 Hương hoa thi xót, nước cà (1) thi thơm.
 Người nằm đóng rom, đè giuong cho chó ;
 Quan sang thi khó, (2) thất nghiệp thi giàu.

Tháng ba đồng cạn khô khan, ốc tha đuôi
 chuột đem vào bụi bong ;
 Hùm nằm cho lợn liếm lồng, bao nhiêu trái
 bong ăn bà tám mươi ;
 Bánh đúc ăn trẻ nén mươi, con gù ve rượu
 ăn người làm sao ;
 Lươn nằm cho trùm (3) bò vào, mẩy con
 cào cào đuỗi cá bắt rô ;
 Cây lúa nhảy lên bắt bò, cây năn cây
 lát rình mò bắt trâu ;
 Gà con đuỗi bắt đều hâu, đèn khi lạc
 mẹ biết đâu mà về ;

(1) Nước muối dưa cà, lâu mèo đồng meo hỏi thùi lầm.

(2) Khó là nghèo.

(3) Trùm, ống trùm, làm bằng ống tre để bắt lươn.

Nàng dâu đuổi đánh mẹ nghè, những quán buôn
bè cướp gỗ cửa quan ;
Thùng thóc ăn hết ngòn ngang, bà già đánh
giặc đuổi đoàn vua ra...

ĐỐ CHƠI

Mày ơi, tao đố mày hay :
Cái gì thì cay, cái gì thì nồng ?
Cái gì dưới sông, cái gì trên đồng ?
Cái gì trên non, cái gì nhiều con ?
Cái gì son, cái gì thì tròn vừa bằng bàn tay ?
Cái gì dày, cái gì thì mỏng ?
Cái gì no lòng, cái gì sống lâu ?
Cái gì đội đầu, cái gì đựng trầu ?
Cái gì cầm tay ?

Mày ơi tao giảng mày hay :
Trầu không thì cay, vôi nay thì nồng,
Thuyền bè dưới sông, thóc lúa trên đồng ;
Hru vuợn rừng xanh, bà vãi tu hành,
Gà mái lâm con, cái chỉ thì son ;
Cái gương thì tròn, vừa tay bàn tay ;
Cây lụa thì dày, cây vải thì mỏng ;
Cơm ăn no lòng, bà già sống lâu,
Cái nón đội đầu, cái đũa đựng trầu,
Cái quạt cầm tay.

VỀ ĐÁNH BẠC :

Nghe về nghe ve nghe về đánh bạc :
Đầu hôm xao xác, bạc lốt như tiên,
Đến khuya không tiền, bạc như chim cú ;

Cái đầu sù sụ, con mắt trồm lợ.
Hình đi thất tho, như con chó đói ;
Chon đi cà khói, dạo xóm dạo làng,
Quần rách lang thang, lẩy tay mà túm.

VỀ BÀI TÓI :

Nghe về nghe ve nghe về bài tối,
Cơm chưa lập xới, trầu chưa lập tém :
Tao đánh một đêm, thua ba tiền rưỡi,
Về nhà chồng chưởi, thằng mốc thằng quắn ;
Đánh sao không ăn, mà thua lăm bấy.
Tôi lẩy tiền cấy, cho đủ mười ngày ;
Bảy dầy bảy thura, cùng là ngọt kéo,
Chị em khéo léo, dễ mượn dễ vay :
Thân tôi ngày rày, dầm sương dãi nắng.
Chị em có mắng, tôi cũng ngồi đây ;
Nó là tuồng dầy, nó cũng a dua,
Ăn thì tôi dưa, thua thì tôi chịu...

ĐƯỜNG THẾ :

Mặc ý ai mười hai đường thế,
Muốn cao thì ngồi ghế,
Muốn thấp thì ngồi sàng,
Muốn đỏ thì nhuộm vang,
Muốn vàng thì nhuộm nghệ,
Muốn chua thì ăn khế,
Muốn chát thì ăn sung...

ĂN TRỘM TRÂU CUNG KHAI :

Trộm trâu tôi không biết, tôi không biết trộm trâu ;
Vốn nhà tôi trồng một đám bắp, nhơn đói khó không

tiền mua đăng bánh dầu.

Coi nhà nào lớn ruộng nhiều trâu, tôi tháo công đắc về
nó ỷa:

Bàm thật tình tôi kiém cúc trâu.

DẶN TRẺ :

Đi đâu cho kiếp mà về, thấy hoa đăng bẽ, gấp trẻ đăng
choi, cầu quan đăng ngoài, đi tới nơi về tới chốn.

LỄ TẾT QUAN :

Sáp vàng hai bánh, yến huyết một cân; mứt bí mứt gừng,
trà lâu trà huế; mứt chanh mứt khế, cam rim hồng rim; nhăn
nhục táo kim; đường phổi đường đá; tôm khô vi cá, đột đột
gân nai; bột bánh bột khoai, dầu thông nắm mối; cà cuốn trứng
sam; bạch hương kỳ nam, thuốc tàu á phiện; khô voi bò niêng,
vịt nướng le le; ba ba cần đước, tôi đà sắm trước, đem tới ông
Hy, chẳng thiếu vật chi, lễ màng công-tử.

THƠ BÔNG LÔNG :

Trước kinh gởi lời thăm ai không biết,
Sau ngỏ thăm bạn ngọc bông lông;
Kẽ từ ngày đó Bắc đây Đông,
Lòng luống tưởng không thương không nhớ;
Báu với qua không dươn không nợ,
Qua với báu như Tân với Tân;
Sống dương gian không được nắm gần,
Thác âm phủ xin phân đôi ngả;
Nhà huyền ấy vốn là mẹ già,
Thung thắt này chính thật cha ta;
Gỗm hai đùng chẳng phải sui gia,
Xem đây đó người dưng hết trọi...

XAY LÚA:

Xay lúa, xay lúa, cỏ ke cút kít; tôi là con nít, tôi chẳng
muốn xay, đánh tôi một chày, nắm ngay cảng cuối...

CON CÔNG TỔ HỘ :

Con công hay múa, nó múa thế nào? Nó thụt đầu vào, nó
sè cánh ra, nó ra kẻ chợ, nó nhớ ông nghè, nó quên một cảng,
nó chẳng hay đi, nó đậu nhánh si, nó kêu tổ hộ...

Tập tầm vong, con công hay múa, nó múa làm sao?

Nó thụt đầu vào, nó sè cánh ra, nó qua nồi bẫy, nó nhảy
nồi bung, nó đậu cây sung, nó qua cây ngái...

CHOI TRĂNG :

Ông trăng ông trăng, xuống chơi cùng tôi; có bầu có bạn,
có bát cơm xôi, có nồi cơm nếp, có đệp⁽¹⁾ bánh chưng, có lưng
hủ rượu, có khứu đánh đu...

TRÁCH ÔNG TƠ :

Bắt ông tơ đánh sơ vài chục, mỗi tơ gần ngủ gục quên xe...

RÊ DŨ :

Xăn quần cho gọn, bới tóc cho cao, đá mẹ vợ xuống ao, cho
biết tài chàng rẽ.

DÂU HUNG :

Hai tay cầm lấy búi đồng, hỏi dọa mẹ chồng có sợ
tôi không?

— Con ơi! mẹ sợ lắm thay! Con đừng có nói mẹ chung
xuống sàng,

— Mẹ chung con cũng chung theo, con lấy cù nèo con móc
mẹ ra.

(1) Tiếng ngoài Bắc có nghĩa một gói chồng hai.

THƠ CHÈ GÁI LẤY CHỆT :

Tóc mai đá đất bậu chè, nưng niêu thằng chết tư bè so không⁽¹⁾, trên đầu nó vẫn đuổi nhông, cái răng trắng nhẹ miệng không ăn trầu; gãm trong thằng chết thêm râu, có một cái đầu chẳng để cho nguyên; tóc ra thì nó cao liền, mua chỗ nó gióc cho liền óng chun; bạn quần chẳng có giày lứng, bạn áo nứa chừng, lứng đứng dài trâu; còn thương thằng chết về đâu? Càng ngày càng thảm, càng lâu thêm buồn.

NHÁY THẦY PHÁP ĐỌC THẦN CHÚ :

Cà cưởng bay cao, cào cào bay thấp, con cu đương ấp, trả mỏ về trời, nghe tiếng thầy mời về ăn thịt chuột...

Sau đây là các cuộc chơi khác cũng về đời đó.

TẬP TẦM VONG :

Tập tầm vong,
Chị lấy chồng, em ở góa;
Chị ăn cá, em mút xương;
Chị nằm giường, em nằm đất;
Chị húp mít, em liếm ve;
Chị ăn chè, em liếm bát;
Chị coi hát, em vỗ tay;
Chị ăn mày, em xách bị;
Chị làm đĩ, em xô tiền;
Chị đi thuyền, em đi bộ;
Chị kéo gỗ, em lợp nhà;

(1) Hồi đời đó con trai nước Việt ta đè tóc bởi đầu chớ không có cúp như bây giờ. Còn khách trú thì còn giặc bin (a). Người Việt thi ăn trầu nên răng đen, còn người khách thi không ăn trầu nên răng trắng.
(a) Người khách đè hô ta gần ngàn năm, ta không làm sao thương được. Nên ta kêu cái bin của họ là cái đuôi, như đuôi thú. Cố câu: Năm đuôi thằng chết mà dung, nó giày đúng đùng như khỉ mắc tai.

Chị trồng cà, em trồng bí,
Chị tuổi tý, em tuổi thân,
Chị tuổi dần, em tuổi mẹo.

VỀ CON CÚC :

Nghe vẻ nghe ve nghe vẻ con cúc,
Trâu ăn mẩy chút bắt mẹ tôi đèn,
Năm đầu kéo lén đau là cha chả;
Tôi mời trùm xã tôi lại cửa công,
Trâu ăn ngoài đồng bắt vỏ mà cột;
Măm trầu cho tốt hủ rượu cho ngon,
Cưới vợ cho dòn nó chươi mà nghe.

CU CU CHẮNG CHẮNG :

Cu cu chắng chắng, mẹ răng đi chợ;
Mẹ vợ ở nhà, bắt gà làm thịt;
Bắt vịt mà nuôi, con ruồi có cánh;
Đòp gánh có mấu, con sấu có tai;
Con nai có gạc, thợ giác có bầu;
Hàng trầu hàng cau, là hàng con gái;
Hàng bánh hàng trái, là hàng bà già;
Hàng bông hàng hoa, là hàng nhựt bồn;
Nấu cơm xôn xòn, đọi nón hai sườn;
Đi chợ Hiếu-Dương, là quán ở Huế;
Bắt ngựa mà té, là quán chăn trâu...

BẬU LỞ THỜI :

Như chiếu trải qua,
Chiếu trải qua người ta còn cuốn,
Bậu lở thời như rượu uống say;
Rượu uống say, người ta còn sặc,
Bậu lở thời như giặc Hà-Tiên;

Giặc Hà-Tiên, người ta còn đánh,
 Bäu lở thời như cánh chim bay;
 Cánh chim bay, người ta còn quạt,
 Bäu lở thời như lạt gói nem;
 Lạt gói nem, người ta còn sơ,
 Bäu lở thời như nợ kéo lôi;
 Nợ kéo lôi, người ta còn trả;
 Bäu lở thời như trả nấu ăn,
 Trả nấu ăn, người ta còn rửa;
 Bäu lở thời như lửa cháy lan,
 Lửa cháy lan, người ta còn tưới;
 Bäu lở thời như lười dầm nước,
 Lười dầm nước, người ta còn giặt;
 Bäu lở thời như áo vá vai,
 Áo vá vai, người ta còn nhuộm;
 Bäu lở thời như ruộng bỏ hoang,
 Ruộng bỏ hoang, người ta còn cấy;
 Bäu lở thời như giấy trôi sông,
 Giấy trôi sông, người ta còn vớt;
 Bäu lở thời như ớt chín cây,
 Ớt chín cây, người ta còn hái;
 Bäu lở thời như nhái lột da,
 Nhái lột da, người ta còn xáo;
 Bäu lở thời như áo cởi ra,
 Áo cởi ra, người ta còn mặc...

ĐÁNH ĐỦA:

Cuộc chơi của con gái, thường dùng hai chục đôi đú'a và một trái, hoặc trái chanh hoặc trái mù u. Một tay vừa cầm bót đú'a, vừa cầm trái hòn, liệng hòn lên, trái đú'a ra, bắt hòn lại; rồi liệng hòn lên, cũng một tay đó lượm đú'a theo thứ tự rồi bắt hòn. Lượm đú'a không đúng, hoặc lượm đúng mà

Anh
hùngAnh
người
ra m
nên vAnh
TÔN -
nghèo
mà h
của t
khô cAn
tham,
còn
tích
kia,
người
người
trai.
nói :Tây g
bên E

Âm

khô i

Âm

xin k
ké ti
cầu
y-dịn
tươnNh
đồng
đồi l

bắt hòn không kiệp, thì qua quận. Người khác chơi. Ai ăn thi ně mấy người kia... Liệng hòn bắt đú'a thì miệng phải đọc thiệu như vầy:

Chiên chiên một, một đói;
 Chiên chiên một, hai đói... (cho tới mười)
 Qua cầu, hầu thẻ, bẻ bàn, sang ngón, chọn
 tay, ngay giờ, dời dả;
 Á mi ôi, giống chi, trong yếm, cò mi, dở ra,
 anh coi;
 Chị ba mày, đi cầu, té xuống ao,
 Chị ba tao, nhào xuống vũng, tai nghe, cái
 chum;
 Núm cái thẻ, né cái thủng; sang tay này,
 bắt tay kia...

Còn ně thì đọc:

Ně ně một, một đói;
 ně ně một, hai đói... (tới mười đói thì hết).
 Lòn kim, xe chỉ... (rồi hết).

CÙM NUM, CÙM NIỆU

Bốn năm đú'a xúm lại chơi cút bắt. Hết thảy sè tay ra, một đú'a đọc bài thiệu sau này, vừa đọc vừa chỉ tay đú'a này tới đú'a khác. Tới đú'a nào ngủ, thì đú'a đó nhắm mắt lại, mẩy đú'a kia di trốn. Đú'a ngủ mới đi kiếm...

Tay tí, tay tiên, đồng tiền, chiếc đú'a, hột lúa, ba bông,
 ăn trộm trứng gà, bồ xa, bồ xít, trái mít rụng đì, ngủ...

Hay là: Than thế, bảo lanh, chuồng cu, eo nghèo, ót ngọt,
 hành hẹ, giáp tý, ngủ...

VỀ CON SÁO:

Cha mẹ sáo để sáo ra:
 Có trống một đám khổ qua,
 Biển sáo ở nhà sáo giữ;

Sáo bỗ vò nhà sáo làm quản tử,
 Ở ngoài qua qua ăn hết;
 Cha mẹ đánh chết,
 Chị em chẳng thương;
 Sáo bỗ sáo về quê hương.
 Sáo ăn cùng là trái dác cùng là trái da;
 Người ta bắt đặng,
 Vận cỗ nhỏ lồng;
 Lạy ông lạy cha tôi là cha sáo;
 Hay kiện hay cáo là con bò câu;
 Lót ồ cho sâu là con chóp màu;
 Lót ồ cho cao là con cà cưởng;
 Chung đi lửng-thỉng giống tướng cò ma;
 Nó chẳng dám ra là con mỏ nhát;
 Vui đầu xuống cát là con manh-manh
 Quần rách áo lành là con sa-sả
 Rỉ rả trong rừng là con cu ó;
 Ua ăn thịt chó là con kén kén;
 Hay túc hay rền là con chim ục...

Củng có khi xây quat, xây ma... Có khi lên thiêt, nhiều
 khi lên giả.

Nhưng vui-vẻ, vui đời thái-bình, vui đời làm ăn chon
 thật. Vui một cách thật-thà, không xảo-quyết, không tinh-tu
 khác hẳn với cuộc chơi của trẻ em đời nay...

ĐI THIẾP:

Bắt một trẻ em vui tánh, lối 12, 13 tuổi cho tới 15, 16
 tuổi. Lấy khăn bịt mắt nó. Đè nó ngồi giữa sân.

Còn mấy người kia mỗi người, tay cầm nhang, đốt sẵn,
 ngồi chung quanh, miệng thi đọc hoài, đọc cho tới chừng
 nào thấy đồng nó lên thì thôi (Có đứa nặng bóng via không
 lên, thi phải thay đứa khác. Đứa nào đã lên một lần, sau
 nhạy lầm, đọc qua một lượt thi lên liền) Đọc như vầy:

Quái chiên chiên, quái điên điên; xa kéo xa, xa kéo xi;
 kéo nị đì, dân nị đì; xuống âm ti; dả hù hu, dả hù hu; xe
 kéo tài, kém huýnh hồ hoan; xe kéo xa lop-cop, xe kéo xa
 lạc-cạc; nghe tiếng anh hùi hụi; nưng cái nưng kiêu kha; hoa
 cái hoa bò tàn; chốn suối vàng dân hồn nị đì; xuống âm ti,
 đường hiêm nguy; chốn âm ti, xa kéo xa kéo xi; chốn huýnh
 tuyễn tả hữu biến; nị cho siêng; dạ chờ phiền; chốn huýnh
 tuyễn kiểm tôn thân; cây thần nhân; kẻ dương trắn, xuống
 âm ti, đường hiêm nguy; khó lẩn mò, rán ra đì; có điều chí,
 thảy la bắt, mượn linh trời; xuống diêm dương, hội huýnh
 tương; hội huýnh tương; hiệp một đường dân nị đì; kẻ đì
 thi người lạ mặt, chẳng phép gì dám hỏi tra; chốn diêm la, có
 hồn ma; uổng-tử thành, đầu qua khỏi, đèn đợi đợi, thấy xa xa,
 hỏi người ta, thi tìm đặng, chốn diêm đình, chỗ linh thiêng...

Chừng đồng lén, lấy nhan đốt thử đồng. Rồi mượn đồng
 đi kiểm ai ở dưới âm ty về nói chuyện với mình. Thiết giả
 không biết, nhưng trẻ em chơi vậy cũng trót đém, mà không
 đều chi hư hại.

Cuồng túy, say rượu, đề
 ngao dời, như Lưu-Linh,
 Nguyễn-Tịch.

Cử án tè mi, tich Mạnh-
 Quang đời Hán, mỗi lần dọn
 cơm cho chồng là Lương-
 Hồng ăn, thi bưng mâm dung
 ngang mày, không dám ngửa
 mặt trông lên.

Cử Tri, X. PHAN-VĂN-TRỊ.

Cự mòn, tên một ngôi sao
 trong số Tứ-Vi. Số ai mà mắc
 sao Cự-Mòn thi phải tai nạn.

Cửa Ngô, Ngô-môn, cửa a
 Ngô-Khổi, cửa quan tướng vồ.

Cương thủ, tay khương,
 sách MẠ-THỊ-TƯỚNG-PHÁP nói:
 Bàn tay hình như cù gứng
 thi giỏi việc tè gia.

Cương tòa, do câu: *Danh*
cương lợi tòa: hàm (thiết)
 danh, khóa lợi; cái danh lợi
 nó giam hãm mình.

Cửu bảo, cửu đỉnh, vua Hạ
 Võ bên Tàu đúc 9 cái đỉnh để
 hình tượng 9 châu trong nước,
 các đời sau truyền nhau làm
 đồ quốc bảo.

Cửu hạn phùng cam vồ ;
tha hương ngộ cố tri, nồng

An
hùng
An
ngườ
ra m
nên v
Ánh
tôn -
nghèe
mà h
của t
khô c
Ăn
tham
còn
tích
kia,
ngườ
ngườ
trai.
nói :
Tây g
bên E
Âm
khô
Âm
xin l
kẻ ti
cầu
ý-dịn
tươn
Nh
đồng
dời l

lâu mà được mưa rào ; đất khách mà gặp bạn xưa ; thi có thú gì bằng.

Cửu Kinh, là Ngũ Kinh và Tứ Truyện, X. CHU TỬ.

Nước ta tự đời nào tới bây giờ vì nước Tàu đô hộ trước sau ngót ngàn năm ; nên không khỏi chịu ảnh-hưởng ít nhiều (nhiều hơn là ít) phong-hóa nước người.

Văn-học nước ta, lẽ tất nhiên cũng không khỏi hoàn cảnh đó, nên trước kia nước ta về đường học hỏi không khỏi học sách tàu. Thành thử NGŨ-KINH, TÚ-TRUYỆN và CHU TỬ là sách học của ta cho tới thời đợi Tây thuộc vậy.

NGŨ KINH là :

- KINH DỊCH
- KINH THƠ
- KINH THI
- KINH LỄ
- KINH XUÂN THU

1.— KINH DỊCH: Tục truyền vua Phục-Hi (lối 2 ngàn năm t. C. g. s.) thấy long-mã đội bức đồ mới luận *thái-cực* và bày *âm-duong* rồi soạn KINH DỊCH, là tồ cho lối học lý số ở Châu Á. Trong có 8 quái, 64 quẻ, 384 hào, sanh sanh hóa hóa. Sau này có Văn-Vương, Châu-Công (con vua

Văn-Vương), Khổng-Tử giải nghĩa và đặt thêm. Tuy nói KINH DỊCH là kinh đê dạy bốc phệ, nhưng ai đọc kỹ thi thấy cũng dạy chuyện đời nữa.

Lấy lẽ âm dương tuần luân mà suy, thì hết ngày tới đêm, hết đêm tới ngày, xuân rời hạ, thu tới đông ; trẻ rời lớn, lớn rời già, già rời chết ; như hoa quả, bông trái, trái bông, sanh sanh hóa hóa, thì lẽ tất nhiên mỗi thời mỗi khác. Hết thời qua thi ta không thể chấp lại. Bởi vậy dạy ta cũng phải theo thời mà ở vậy, phải thời thi hiện, không phải thời thi ẩn, phải thời thi nỗi, không phải thời lặn... KINH DỊCH, đích là biến dịch theo thời vậy.

2.— KINH THƠ: Ghi chép các công việc chánh-trị và các lời khuyên-răn của các bực Thánh-de Minh-Vương hiền thần lương phụ các đời Đường Ngu Tam-Đại...

Những vua tôi ấy, trong thi khuyên răn nhau những điều đạo-nghĩa, ngoài thi hành những việc nhân chánh, đặt ra kỹ-cương phép-dộ, chế ra lê-nhạc diền hình, làm nên công hiệu thanh trị thái hòa, thành thử dân-tinh an-cư lạc nghiệp.

Đời sau vua trai đao vua, thành tôi lối đao tôi, sanh ra rối loạn. Trị lại sao bằng trước, khiển cho ngàn muôn năm về sau, không bao giờ lại được trông thấy những cảnh tượng tốt đẹp cũ đó nữa.

Mà xét lại thì các thanh trị trước kia chẳng qua bởi chữ tâm mà ra cả. Trước kia Đường Ngu Tam-Đại dụng tâm mà trị dân nên khởi căn dùng nhiều lời nói mà nêu. Sau này từ Hạ Thương về sau bỏ chữ tâm mà trị dân thì có lấy bao nhiêu lời nói mà khuyên cũng vô hiệu quả. Thử nghĩ xem. Nhận tâm theo, thì nhường ngôi cho kẻ khác (Thuấn Nghiêu) là việc không phải nhỏ, mà thiên hạ bình yên ; còn nước vỡ mà dời đô là muốn cho dân được yên-ôn (dời Bành-Canh) thì dân lai xòe xao, phải hiểu dụ biết bao lần mới yên ổn.

3.— KINH THI: KINH THI là toàn những bài ca dao và các bài nhạc ca ở các đời Thương, Châu.

Thuở nhà Châu hưng thạnh trên từ chốn giao-miếu triều đình, dưới các nơi thôn xã xóm mạc, chỗ nào nói ra thơ cũng thuận chánh cả. Thánh

nhân mới lấy các bài đó, lựa vào âm-luật, dùng làm khúc nhạc, để dạy dân già.

KINH THI, có 300 thiền, những lời đắt đẽ, đều nhiệm cái nghĩa *tự vô lù*, toàn dạy việc chánh thì làm, còn việc tà thì nên xa lánh.

4.— KINH LỄ : Lễ có ba thê :

CHÂU-LỄ
NGHI-LỄ
LỄ-KÝ.

a-b) CHÂU-LỄ và NGHI-LỄ là của ông CHÂU-CÔNG soạn ra, toàn là diển chương chế độ để trị thiên hạ.

c) LỄ-KÝ thì là của HÓN-NHO lượm-lặt những lê phép trong những đời Ngu, Hạ, Thương, Châu và những lời của Thánh-Hiền, tập lại thành sách.

Lễ tuy có 3 thê, mà nay liệt vào NGŨ-KINH thì chỉ có LỄ-KÝ mà thôi. Trong LỄ-KÝ chép đủ các lê-phép cư xử ở trong nhà, ở ngoài làng xã, và tại Triều đình ; có chép cả các lễ quan hòn tang tế, các phép đầu hò, bắn, hương ầm, học...

KINH-LỄ có 49 thiền. Có 300 điều KINH-LỄ là lê lớn và 3.000 điều KHÚC-LỄ là nghi tiết nhỏ. Người xưa đặt ra cho nhiều, nhưng ta xét cho

kỷ thi trong mỗi chuyện nhỏ nhen như thưa da, tới những chuyện lớn-lao có quan-hệ đến đạo-đức hoặc giả trong các cuộc cù tang tế tự, mỗi mỗi dấu có nhiều điều phiền phức, nhưng ngoài ra thì không có điều gì khác hơn là *vô bất kinh*.

5.— KINH XUÂN THU: Kinh xuân thu là một bộ sách của Đức KHÔNG-TỬ để phê bình các việc đã xảy ra trước. Không-Tử sanh ra nhằm nhà Châu thế suy, vua mất quyền, năm bá chủ thay đổi nhau cầm quyền hành chánh.

Thời suy-bĩ thi kỷ cang đồ nát, nào con giết cha, nào tòi giết chúa, luân thường đảo ngược... Nên Đức Phu-Tử soạn sách này tôn nhà vua mà mạc sát loạn thần, chê ngỗ bá, binh vực cho cang thường đạo lý.

TÚ TRUYỀN là:

ĐẠI-HỌC

LUẬN-NGŨ

TRUNG-DUNG

MẠNH-TỬ.

1.— ĐẠI-HỌC: Tίrc là một bộ sách dạy về cao đẳng luân lý ngày xưa.

Thời cổ già, trẻ lên 8 tuổi

vào nhà tiểu học để học *lẽ nhạc, xạ tiễn, ngự* (cỏi ngựa) *thơ* (tập viết), *số* (tập toán), và các cách ứng đối tiến thoát.

15 tuổi bắt kỳ là con vua, con quan, hay là con dân, hễ giỏi thi mới được vào trường Đại-học, để học *tu ký, trị nhân* chứng đó mới học tới sách Đại-học này.

Sách này của thầy TĂNG-TỬ dân lời Đức Không-Tử mà chia ra làm 10 chương TRUYỀN VĂN.

Có 3 điều yếu ước gọi là TAM CƯƠNG LÃNH:

Minh đức: sửa nết cho trong sạch.

Tân dân: dạy dân phong hóa cho mỗi ngày mỗi mới-mẻ.

Chỉ chí thiện: dạy hai điều trên cho tòi noi tòi chốn mới thôi.

Và có bát điều mục:

Cách vật: học việc gì phải cho đến nơi;

Tri tri: biết điều gì phải cho đến chốn;

Thành ý: khởi nghĩ ra điều gì phải cho thành-thật;

Chánh tâm: để bụng một việc gì phải cho ngay thẳng;

Tu thân: sửa nết của mình cho chính chắn;

Tề gia: cư xử trong nhà cho ôn hòa;

Trị quốc: lo việc nước cho phải phép;

Binh thiên hạ: lo cho thiên hạ được thái-bình.

2.— LUẬN NGŨ: Luận ngữ là một bộ sách do thầy TĂNG-TỬ và HỮU-TỬ là 2 người học trò vào bậc cao hiền ở thánh môn, ghi chép những ngôn ngữ và cách cù-chỉ của Đức Không-Tử, để lấy đó mà dạy người sau. Trong đó có chép các lời nói, những cách ăn mặc của ngài, cùng các dáng điệu của ngài khi thường nhạt, khi tế-tự, khi đối với hương dâng, lúc giáp mặt với vua chúa.

Ngài là một bậc Đại Thánh-Triết thiên-tư minh-mẫn, biết thấu các lẽ tinh vi huyền diệu, mà đạo-đức lại còn cao nürnberg. Nên ngài nói ra một lời gì hay làm một việc nào thì cả thầy có thể làm khuôn mẫu cho đời sau bắt chước.

3.— TRUNG DUNG: Cháu Đức Không-Tử, thầy tử-tu lo rằng đạo-thống của ngài thất truyền, nên soạn ra sách này.

Phàm muôn việc ở đời, cái gì cũng có một lẽ phải. Cái

lẽ phải không nhứt định trước được; phải tùy theo thời theo thế, tùy theo từng việc, làm sao cho hiệp với thời thế, với nhân tình và với lương tâm của mình. Quá cái lẽ phải đó là thái quá. Chưa đúng với lẽ phải đó là bất cập.

4.— MẠNH-TỬ: Thầy MẠNH-TỬ sanh về đời Chiến-Quốc, sau Đức Khổng-Tử trót trăm năm. Thầy học đạo thống của Đức Khổng-Tử nối thầy Tử-Tư.

Lúc bấy giờ thiên hạ chỉ mê đàng danh lợi mà không kể đến đạo-nghĩa. Thầy đi đến đâu quyết đem đạo mà dạy vua và chư hầu, nhưng tiếc thay! không một ai chịu dùng thầy. Thầy vậy thầy mới trở về nhà dạy học trò.

Sách Mạnh-Tử ghi chép các lời của thầy ứng đối với vua và chư hầu. Trong sách chia làm 7 thiên mà chỉ có hai chữ *nhân nghĩa* là đại ý trong bộ sách.

Cửu lẽ, chín lẽ ngày xưa:

Quan,

Hôn,

Triều,

Sinh,

Tang,

Tế,
Tân,
Hương âm tửu,
Quân lữ.

Cửu lưu, 9 học-phái lớn
đời Chiến-Quốc:

Nho gia,
Đạo gia,
Âm dương gia,
Pháp gia,

Như sơn : như núi ;
Như phụ : như gò nồng ;
Như cương : như bờ cõi ;
Như lăng : như gò nhỏ ;
Như xuyên chi phương chí : Như sông chảy
khắp mọi nơi ;
Như nguyệt chi hằng : sáng như mặt trăng ;
Như nhụt chí thăng : Lên như mặt trời ;
Như nam sơn chí thọ : Thọ như núi Nam-sơn ;
Như tòng bá chí mậu : Xanh như tùng bá,

Cửu phương, Chín phương
trời :

4 phương chánh,
4 phương bàng và trung ương.

Cửu thế đồng cư, 9 đời
cùng ở chung một nhà. Xưa
nay chỉ thấy có hai họ được
như vậy : Trương-Công-Nghệ
đời Đường và Trần-Cạnh đời
Tống.

Cửu thiên, chín trời :
Quán thiên,
Thượng thiên,

Danh gia,
Mặc gia,
Tung hoành gia,
Tập gia,
Nồng gia.

Cửu lưu tam giáo, các hàng
người trong xã hội.
Cửu nhự, lời chúc từ trong
KINH-THI :

Tử : con minh,
Tôn : cháu minh,
Tầng : chắc minh,
Huyền : chích minh.

Cửu tự cù lao,
Sanh : cha sanh,
Cúc : mẹ đẻ,
Phủ : vỗ về,
Dục : nuôi cho khôn,

Cố : trông nom,
Phục : coi tánh mà dạy bảo,
Phúc : bồng bế,
Súc : nuôi cho bú mõm,
Xuất nhập : gìn giữ,
Trưởng : nuôi cho lớn.
Cửu phạm, tạ tội. Bên Tau
đời xưa mấy người có tội nặng,
muốn tạ tội, phải di đến sông
Hà mà tạ tội.

Biển thiền,
Huyền thiền,
U thiền,
Hiệu thiền,
Chu thiền,
Viêm thiền,
Đường thiền.

Cửu tộc,
Cao : ông sơ,
Tầng : ông cố,
Tồ : ông nội,
Khảo : cha,
Kỷ thân : minh,



Da mồi, X. TÓC HẠC.

Da ngựa, Mã-Viên có nói : «Làm trai nên chết ở nơi chiến trường, lấy da ngựa bọc thây, chó không nên chết ở nhà.»

Dá ngạn, câu tục-ngữ ở nhà quê.

Dá tượng, X. YẾT KIỀU.

Dá dài, tuyền dài: Âm-phủ, huynh tuyền.

Dá quang, người ta dùng chữ này để chỉ con đòn d้อม.

Danh cương lợi tỏa, cái dây danh, cái khóa lợi. Danh lợi hay buộc ràng con người ; cũng có nhiều khi vì quá ham danh lợi mà làm chuyện không nên, nên phải hại.

Danh sơn sự nghiệp, ngày xưa làm sách không công bố được như thời bấy giờ. Người ta chỉ giấu ở những chỗ danh sơn, mong đời sau biết đến.

Danh tiết, danh dự và tiết thảo của người.

Dao dài, chỗ tiên ở.

Dao lâm quỳnh họ, rừng ngọc giao, cây ngọc quỳnh. Người có phong mạo đẹp-dé khác thường.

Dao trì, ao bằng ngọc dao. Chỗ bà Tây-Vương-Mẫu ở.

Dây xe, bởi chữ THÔI CỐC : dây xe.

Đời xưa khi tướng ra đánh giặc thì được vua tiễn ra cửa thành và lấy tay dây xe một cái, tỏ ý phú-thác việc lớn cho là chúc cầu cho xe đi yên ổn, nghĩa là mau thắng trận mà về.

Dâm. Dâm dục phi thường, đời Đông-Châu không thiếu chi vua chúa dâm-dục. Anh lấy em ; con lấydì ghê. Mả Vệ-Tuyên-Công dâm hơn hết.

Hồi còn làm thế-tử thì tư thông với Di-Khuong là tiểu thiếp của cha là Vệ-Trang Công. Chứng cha chết, lên làm vua, định cưới con gái của Tề-Hi-Công cho con là Cáp-Tử, sau nghe công-chúa Tề đẹp, chứng rước dâu về, giữ lại mà dùng làm hầu.

Dân đời Nghiêu, đời vua Nghiêu, dân an-nhàn ngâm cơm vỗ bụng mà ca : *Nhựt xuất nhi tác, nhựt nhập nhi manh, tác tĩnh nhi ấm, canh diễn nhi thực, bất thíc bất tsi, thuận để chí tắc*. Nghĩa là : Mặt trời mọc, đi làm ; mặt trời lặng về nghỉ ; đào giếng để uống ; làm ruộng để ăn ; chẳng hay chẳng biết ; thuận vua thì được.

Dân đời tri, một người nông phu tên Hoàng-Tử, đời Tề-Huồn - Công ở miền Tây-Bì. Nhờ Quản-Trọng tiến cử đoán được điểm chiêm bao của Huồn-Công. Huồn-Công vừa lòng mới khen :

« -- Ta muốn phong cho ngươi làm đại-phu, hãy ở lại mà làm quan với ta.

— Muôn tàu chúa-công, miễn cho chúa-công dẹp yên Tứ-Bì, vô an bá tánh, kẻ hạ thần

được an-cứ lạc-nghiệp, làm rõ tên dân đời tri, thì đủ vui cho kẻ hạ thần rồi, còn làm quan làm quyền mà chi nữa. »

Dân nhàn, dân là dura ; nhàn là thanh-nhàn ; dường thêm cái chí nhàn.

Dâu, ngàn dâu, bối chữ PHÙ TANG mà ra ; phương ĐÔNG. (dùng lầm với tang dâu là bóng dâu)

Dép Đạt-Ma, tích Phật Đạt-Ma thả chiếc dép xuống biển rồi đứng lên trên mà về Tây-Phương-Phật.

Dé năm canh, quốc mùa hè, đêm năm canh vắng-vé, dé kêu như dé sầu ; còn mùa hạ bên Tàu ngoài Bắc, ba tháng nóng nực nồng nàn, quốc kêu như quốc rũ. Tả cảnh buồn.

Dệt gấm, tích này như tích TÔ-HUỆ, nhưng ít hay nhắc đến. Trương-Quý đi thú mười năm không được về. Vợ là Hầu-thị làm bài thơ dệt vò gấm hình con rùa dung lèn cho vua. Vua thương tình cho Quý về với vợ. X. CHỨC CẦM HỒI VĂN, TÔ-HUỆ.

Dệt phận Tô-Nga, dệt thì về phần Tô-Nga. Tô-Nga dệt khêu khéo lắm.

Di sơn, dời núi. Tương truyền dời xưa có Ông Ngu-Công, 90 tuổi; ông ở miền đó thì có hai trái núi Thái-Hành và Vương-Ốc ngăn trở đường đi của ông. Ông mới định đào cho bằng cho có một cái đường đi cho dễ dàng. Có người cười ông. Thi ông nói: «Ta chết còn có con ta; con ta có chết nữa thì còn có cháu ta; mà cháu ta có chết đi nữa thì còn có chắc ta, hai trái núi vẫn có thể thổi thi làm sao lại dời không được chớ?»

Ý nói làm một chuyện gì hễ bền chí thì dầu cho khó nhọc bao nhiêu cũng có thể làm được.

Di-Tử-Hà, làm quan nước Vệ, dời Đông-Châu. Vua yêu lầm. Một đêm nghe tin mẹ đau. Lấy xe vua về thăm mẹ. Vua khen Di-Tử-Hà có hiếu với mẹ. Lại một hôm, đi chơi với vua ngoài vùn, hái một trái đào mà ăn. Thấy ngọt, mà còn có một nửa, đem dung cho vua ăn. Vua Vệ khen: «Di-Tử-Hà yêu ta, của ngon đem chia với ta».

Sau có người gièm-sièm. Chứng đó vua ghét, thi hai cái lê trước kia vua yêu lấy

ra mà bắt tội: Không sợ mang vua nên lấy xe vua mà dùng; ăn dư rồi mới cho vua ăn sau.

Đời này thiếu chi những người như vậy. Cũng một chuyện mà yêu thi nói tốt mà ghét thi nói xấu.

Di gió, phong di. Thần lâm gió. Dùng để nói người đưa tin cũng như gió thổi qua thổi lại.

Di bạo dịch bạo, trừ ác còn ác. Thứ ác trừ hoài không hết.

Di độc chế độc, thuốc độc nay chữa thuốc độc kia. Cũng là độc mà có khi cũng dùng được.

Lấy một hành động dữ dội để đối phó với một hành động bạo ngược.

Di đức báo đức, lấy đức đền đáp đức.

Di huyết tẩy huyết, lấy máu rửa máu. Trả thù bằng cách tương đương, người ta làm mình làm sao thì mình làm cho người ta cũng như vậy.

Di Lữ diệt Dinh, lấy họ Lữ, bỏ họ Dinh. Tích Lữ-Bất-Vi, gã vợ bé tên là Châu-Cơ có chưa hai tháng cho Di-Nhơn, lúc Di-Nhơn bị cầm ở nước Triệu. Nhờ vậy sau con Lữ-Bất-Vi tên Tử-Chánh dặng làm vua, lấy

tên là Tần-Thi-Hoàng Họ Dinh là họ nhà Tần từ đây đã mất vậy. X. TẦN-THI-HOÀNG.

Di Ngưu diệt Mã, Ha-Hầu-Thi là vợ Tư-Mã-Cận, vua Đông-Tấn, tư-thông với một tên tiêu lại tên Ngưu-Kim, sanh ra Tư-Mã-Duệ, sau lên làm vua lấy hiệu là Nguyên-Hé, truyền lại dặng II đời. Vậy từ Tư-Mã-Duệ về sau thi tuy ngoài là họ Mã mà kỳ trung mấy đời sau là họ Ngưu vậy.

Di oán báo oán, người ta dâi mình xấu thi mình lấy xấu mà dâi lại. Lời tục thường nói vậy, mà thế thường cũng lầm người như vậy. Nhưng tốt hơn là lấy tốt để trả xấu thi mới hay.

Di trực báo oán, lấy ngay trả thù. Có chi bằng với kẻ nghịch minh, mà mình lấy ngay mà ở lại.

Di Nhơn, cháu vua nhà Tần, đánh Triệu bị Triệu bắt. Sau nhờ Lữ-Bất-Vi lập mưu đem về nước, được làm vua. X. LỮ-BẤT-VI.

Diện tử, diện là mặt; tử là tử biệt. Gặp mặt để tử biệt nhau.

Diệt-Nha, dời Chiến-Quốc,

ở nấu ăn cho Tề-Hườn-Công. Ngày kia Hườn-Công nói tràn chà mỹ vị đều có ăn, duy có thịt người chưa ăn.

Diết-Nha muốn cầu mị với vua về làm thịt con đem dung cho vua. Vua yêu lầm.

Nghỉ lại nhơn tính có thương ai bằng thương con. Mà con còn giết thì ai lại giết không được. Quả nhiên sau Diết-Nha mưu phản giết Tề-Hườn-Công.

Diêu-Kỳ, người dời vua Quang-Võ, vì có mẹ già, không chịu ra giúp nước. Diêu-Mẫu mới tự vận cho Diêu-Kỳ ra lập chủ công danh. X. VƯƠNG-LĂNG-MẪU.

Dinh Liễu, X. LIỄU DINH

Do-Cơ, X. DƯƠNG - DO - CƠ, BÁCH BỘ XUYÊN DƯƠNG.

Do-Vu, diền Tàu, làm tôi vua Chiêu-Vương, lúc vua bị thi thi Do-Vu liều thác lấy thân dỗ giáo cho Chiêu-Vương khỏi họa.

Doanh hải, X. BỒNG CHÂU,

Doanh châu, X. BỘT HẢI,

Doanh liễu, X. LIỄU DINH,

Doanh tương, nước sông Tương. X. TƯƠNG GIANG.

Du Biền, người hiền, dời Xuân-Thu, làm tôi Tần-Tương-Công.

Một trào có Hồ-Xạ-Cô, muốn mưu phản, Du - Biền lấy lẻ công mà giàn can, mà can đâu có được. Hồ-Xạ-Cô chẳng nghe mà còn mắng nhiếc đến dều. Sau cơ mưu của Hồ-Xạ-Cô bại lộ, phải trốn qua nước Địch. Tương - Công nghĩ công cũ khiến Du-Biền đưa vợ con Xạ-Cô qua cho Xạ-Cô. Có người xúi Du-Biền giết vợ con Xạ-Cô để trả thù mắng ngày nọ.

« — Thì ra lúc người ta ngặt thì chẳng phải là nhân; cậy sức của người để trả cùu cho mình thi chẳng phải là tri » Quyết chẳng chịu làm vậy.

Du-Cồn, tự là Thúc - Bao. Đời nhà Tần, thương anh lâm. Năm đó có binh dịch khí, người ta hao nhiều. Du - Cồn có ba người anh, hai người dụng đã chết rồi, còn một người thi đƣong đau nặng. Cha mẹ Du-Cồn đã đi ở chỗ khác và cũng có biều Du - Cồn đi theo. Mà Du-Cồn thương anh không dành, ở lại nuôi anh mạnh mới nghe.

Người bận tại lòng Du-Cồn tử-tế động trời trời. Trời cho anh mạnh.

Du-Kiêm-Lâu, tích số 21 trong NHỊ THẬP TỨ HIẾU.

Làm quan huyện quận Sàng Lăng, đất Nam-Tề. Đến trán nhậm chưa đặng mười ngày, phúc trong lòng kinh-hãi mờ hôi đồ dầm minh. Bèn bỏ việc quan trở về nhà thì thấy cha ở nhà đau đớn hai ngày.

Thầy thuốc nói muốn biết binh nặng nhẹ thì phải ném phần mới được. Như phần đặng thì chứng binh không sao; còn phần ngọt thì binh vô phương. Kiềm-Lâu ném phần cha, thấy ngọt, thì lo sợ muôn phần. Tối day mặt về hướng Bắc, cầu trời phạt chết thế cho cha.

Sau cha mạnh. Người ta bàn rằng trời phạt thấy lòng hiếu thảo của Kiềm-Lâu mà thêm tuổi cho cha người.

Cu-Kỳ, thẹn hực Du - Kỳ. Người đời nào, bây giờ không ai biết, mà có tài làm thơ hay, xuất chúng.

Du nhạc, du là di chơi. Nhạc là núi nhạc. Tích HƯƠNG BINH ngày xưa ước rằng trai có vợ gái có chồng, dắt nhau di chơi núi Ngũ-Nhạc mới là mẫn nguyện.

Dục giới, bốn cái muốn của con người :

Tinh dục,

Sắc dục,
Thực dục,
Dâm dục.

Dục-Quyền, X. CAN VUA.

Duênh nhâm, duênh là hào; nhâm thuộc về hướng Bắc: hào hướng Bắc. Đối với ngọ mòn thuộc về hướng Nam.

Duyên do, duyên là duyên; do là bởi. Bởi đâu mà sanh chuyện đó ra...

Duyên lợ đời, X. TẠ-NỦ

Duyên-Lăng Qui-Tử, người nước Ngô, khi di sứ sang Tần, di ngang qua Tử thấy vua Tử có ý muốn thanh kiếm mình đương mang, thì lập tâm sau này rời việc sứ giả, về triều, sẽ đem gươm báo cho vua Tử.

Nhưng rủi thay! chừng xong việc sứ, trở về thì vua Tử vừa mới mất. Qui-Tử bèn ra mộ treo kiếm tại đó nói rằng: « Kẻ liêm-sỉ dầu sao cũng không đổi với lương tâm được ».

Một lời minh hứa với minh, người xưa còn giữ vậy thay! Gương qui người nay nên bắt chước.

Dung-Thành với **Bành-Tồ**, có tiếng sống lâu trên đời.

Dung người, tích Tần-Mục-Công, đời Chiến-Quốc, đi săn trên mui Lương-Sơn. Trong

một đêm có kẻ trộm bắt hết hai con ngựa hay. Sai người đi kiểm thi thấy dưới mé núi Kỳ-Sơn có hơn 300 người rừng đương làm thịt mà ăn.

Mục-Công nghĩ rằng ngựa giết 2 con mà giết 300 người rừng có quá một chút, và cũng muốn làm ra mặt người lành, mới dạy quân dem 20 ghe rượu ngon cho thêm bọn đó, dạy rằng: Thịt ngựa hay mà không có rượu ngon thì không tiêu.

Sau 300 người rừng đó biết ơn, chừng Mục-Công bị quân Tần vây khốn thì xông ra cứu Mục-Công khỏi vây.

Dứ, diềm dứ, động đất ở sông Kinh, sông Hà, sông Lạc một lượt, là diềm dứ cho nhà Châu.

Sông Y sông Lạc cạn là diềm nhà Hạ mất.

Sông Hà cạn, là diềm nhà Thương hư.

Dự-Nhượn, đời Chiến-Quốc, trước làm tội họ Phạm, sau về làm tội Tri-Bá. Tri-Bá bị Triệu-Vô-Tuất giết. Tri - Bá đãi Dự-Nhượn như ruột thịt nên Dự-Nhượn quyết lòng trả thù Vô-Tuất cho được mới nghe.

Ba lần thích khách Vô-Tuất

mà ba lần bị Vô-Tuất bắt được. Vô-Tuất thấy người có chí muôn dù về đâu, mới hỏi : « — Tri-Bá giết họ Phạm sao người không trả thù ?

— Dám bẩm : Vua tôi cũng cho phải đao. Vua đãi tôi như tay chon thì tôi đãi vua như tám phúc. Vua đãi tôi như cỏ rác, thi tôi đãi vua như người đi đường. Trước họ Phạm đãi kẻ hạ thần như người thường, thi kẻ hạ thần lấy tình thường mà đãi họ Phạm. Còn sau kẻ hạ thần thờ Trí-Bá lấy lẽ quốc-sĩ mà đãi kẻ hạ thần nên kẻ hạ thần lấy chí quốc-sĩ mà đèn ơn lại. Nay kẻ hạ thần có nghe tôi trung không sợ chết, vua sáng không bỏ mắt cái nghĩa của người. Kẻ hạ thần đáng tội chết nhưng xin chúa-công đừng để lu cái nghĩa của kẻ hạ thần, xin chúa-công cho kẻ hạ thần đánh cái cầm bào của chúa-công cho rõ lòng chúa công truet trọng nghĩa của người. Kẻ hạ thần dầu chết cũng vui ». Vô-Tuất liền cho. Dự-Nhượngh chém cầm bào ba lát dao, nói rằng : « Giết kẻ giết chúa mình không được, nay được đánh áo của người thì cũng trả được thù » Rồi

cũng tự cắt cổ mình mà chết. Tích truyền sau khi Dự-Nhượngh chém cầm bào thì mấy lỗ chém ra máu, mà rồi Vô-Tuất nhiễm bệnh, không bao lâu cũng mất.

Dực-Tôn, Anh-Hoàng-Đé, vua thứ IV nhà Nguyễn nước Nam ta. Húy là Hồng-Nhâm, niên hiệu là Tự-Đức. Con thứ hai vua Thiệu-Trị, 19 tuổi lên ngôi thế cho cha (10 Nov. 1847). Trị vì 36 năm. Thọ 55 tuổi (1848 - 1883).

Ông Tông-đốc Thân-Trọng-Huề đã được trông thấy dung nhan của ngài, tả chân tượng ngài : Ngài hình dung một người nho-sĩ, không cao không thấp, không gầy không béo, da không trắng không đen, mặt hơi dài, cầm hơi nhỏ, trán rộng mà thẳng, mũi cao mà tròn, hai con mắt tinh mà lành.

Ngài hay chít khăn vàng nhỏ, mặc áo vàng, quần vàng, đi giày vàng hàng của Nội-Vụ đóng. Ngài không ưa trang sức mà cũng không cho các bà nội-cung đeo đồ nữ-trang. Ngài chỉ cốt lấy sự ăn mặc sạch-sẽ làm đẹp. Tánh ngài thật là hiền-lành. Những người được hầu gần ngài nói

chuyện rằng : Một hôm ngài cầm cái hoa-mai (sợi dây làm bằng chỉ để thắp lửa đốt thuốc) sắp hút thuốc. Có một tên thái-giám đứng quạt hồn vò ý quạt mạnh lửa hoa mai bay vào tay ngài.Tên thái-giám sợ tái mặt, mà ngài xoa tay rồi thôi chờ cũng không ban quở.

Ngài thờ Đức Từ-Dụ rất là có hiếu. Một hôm rảnh việc ngài ngự bắn tại rừng Thuận-Trực, gấp phải khi nước lụt. Còn 2 ngày nữa thì có kỵ Đức Hiến-Tồ mà ngài chưa ngự về. Đức Từ-Dụ nóng ruột, sai quan đại-thần Nguyễn-Trí-Phương đi rước. Nửa đường vừa gặp thuyền ngự chèo về, mà mắt nước ngược chảy mạnh, gần tối thuyền ngự mới tới bến. Khi ấy trời dương mưa, mà ngài vội vàng lén kiệu trắn đi thẳng sang cung, lạy xin chịu tội. Đức Từ-Dụ ngồi xoay mặt vào màn chẵng nói chẵng rằng. Ngài mới lấy một cây roi mây, dưng lên để trên ghế trát-ký, rồi nằm xuống chịu đòn. Đức Từ-Dụ mới xoay lại, lấy tay bắt roi ban rằng : « Thôi ! tha cho ! Đì chơi để cho quan quân cục khổ thi ban thưởng

cho người ta ! »

Tánh Ngài siêng năng, sáu năm giờ Ngài đã ngự tánh, sáu giờ Ngài đã ra triều bàn luận việc nước có khi trưa mà cũng chưa rời.

Trong thời kỳ Ngài làm vua, Pháp sang đánh Việt. Ban đầu lấy 3 tỉnh miền Tây Nam-Kỳ rồi sau lấy luôn ba tỉnh miệt Hậu-giang. Qua năm 1873 quân Pháp sang lấy Bắc-Kỳ.

Triều Nguyễn truyền ngôi đến hết đời Ngài thì vua nước Việt ta mất quyền tự-chủ.

Ngài là ông vua văn-học giỏi nhất triều Nguyễn. Các phiến sứ ngài phè vào, chữ ngài sắc-sảo mà hay lắm. Ngài ngâm vịnh nhiều. Ngài đặt ra tập HIỀN-VIỆN và KHAI-KINH DIỄN để ngự ra cùng các quan báu sách-vở làm thi-phù. Ngài sai SỬ-QUÁN làm bộ KHẨM-ĐỊNH-VIỆT-SỬ, là bộ sử lớn nhất nước ta từ đời Thượng cổ cho đến hết đời Hậu-Lê và quyền ĐẠI-NAM QUỐC-SỬ DIỄN CA.

Ngài có một tập thơ vịnh sử bằng chữ nho : NGỰ-CHẾ-VIỆT-SỬ, tông vịnh tập. Còn văn nôm, ngài có soạn quyền LUẬN-NGỮ DIỄN-CA, THẬP-DIỀU DIỄN-CA và TỰ-HỌC GIẢI-NHĨA CA.

mà baoec má khóa an, nhảy Vô gра lên yên. Điều cách của quan vồ.

Dương, cành dương, cành dương của Phật Quan-Âm nhúng vào nước cam-lồ để rảy cho chúng sanh khỏi nỗi khổ não.

Dương-Bá, Dương-Thung và Dương-Tân,

Dương-Bá tự Diên-Khanh, Dương-Thung tự Diên-Thọ, Dương-Tân tự La-Hán.

Đời Bắc-Triều, là ba anh em ruột ở với nhau thuận-thảo và thương yêu nhau lắm. Ba anh em đã ngoài sáu mươi mà em thì vẫn kính trọng anh như hồi còn nhỏ vậy. Nên có câu: *Gia-đinh hòa mục thì muôn việc nên, lẽ nghĩa không suy thì danh vọng rạng.*

Dương-Bảo, X. DƯƠNG CHẨN

Dương-Chẩn, cha người tên Dương-Bảo đời Hậu-Hán, thuở còn nên bảy di chơi gặp một con chim se-sẻ vàng phải bồ cát mồ té xuống đất kiến bu cùng mình. Cha người mới lượm dem về phủi kiến, rửa ráy xúc thuốc rồi nuôi như vậy tới một trăm ngày mới lành mạnh.

Chim ấy mạnh rồi hóa ra một người con trai mặc áo

xanh, đem bốn cái vành trống mà cho cha người mà nói rằng: « Xin đem cho ông bốn vật này. Ông hãy giữ lấy, sau con cháu ông trong sạch, hồn đòi làm chúc Tam-công. (X NGÀM VÀNH). Sau sanh người ra thì người làm đến chúa Thái-húy. Con người là Dương Bỉnh cũng vậy. Cháu người là Dương-Tú, chich người là Dương-Buru đều làm tới chúa Tứ-đồ. (TÚ THỀ TAM-CÔNG) Hồi người làm Thủ-sử quản Kinh-Châu có tiến-dẫn anh Tú-tài Vương-Mật làm Lịnh-doãn huyện Xương-Ấp. Sau người lên làm Thủ-trưởng quản Đông-Lai, đi ngang huyện Xương-Ấp, nhầm lúc ban đêm phải tạm nghỉ đó. Vương-Mật mới lén dem 10 cân vàng mà đền ơn cho người. Người mới trách rằng:

« -- Ta biết tài ông, trách vì ông không biết lòng ta.

-- Đêm hôm khuya-khoắc có ai mà ngài phòng sợ.

-- Ông nói sao vậy. Sáng thi có trời biết, tối thi có thần sốn biết; trong có ta biết, ngoài có ông biết. Chỗ biết dã có nhiều sao gọi rằng không ai biết» (Tich tú TRI KHUỐC KIM)

Chứng ngài 50 tuổi được bổ vào làm quan Thái-úy, ngài cũng giữ một chữ thanh-liêm làm gốc. Có kẻ hỏi ngài sao không lo kế di hậu, ngài nói: « Ta chỉ lo thiên hạ biết con cháu ta là con cháu ông quan thanh-liêm thì là đủ rồi» (tích TRẠNH BẠCH TRUYỀN GIA).

Dương-Châu, X. CỬU KINH
Làm lợi một người mà hại cho nhiều người thì Dương-Châu chẳng khi nào làm.

Dương chi thủy, nước cành dương. Đời ông Tần-Thach-Lặc, có người con trai đau bệnh chết ngất đi. May Phật Đò-Trừng ở Thiên-Trước đi ngang qua thấy vậy, mới lấy cành dương, nhúng nước rưới vào mình liền tỉnh dậy.

Dương-Diên-Nghệ, người chánh-trị cách-mạng về đời Bắc-thuộc. Năm 931 nổi binh đánh đuổi quân Nam-Hán, lập cuộc tự-trị ở Giao-Châu. Năm 937 bị ám sát. Sau bộ tướng và rè là Ngò-Quyền nối được cuộc dẹc-lập cho nước nhà.

Dương-Do-Cơ, người đời Chiêm-Quốc làm tùy tướng cho Nhac-Bá linh doãn của Sở-Trang-Vương. Có tài bắn hay. X. BẠCH BỘ XUYÊN DƯƠNG.

Dương-dài, chỗ ở của thần-nữ làm mây mưa. X. MÀY MƯA.

Dương-Hùng, X. SAU CHU TỦ

Dương - Hương, tích 14 trong NHỊ THẬP TỨ HIẾU. Con gái, 14 tuổi, theo cha ra ruộng cắt lúa. Thinh-linh có một con cọp nhảy ra vật chia nàng toan kéo vỏ rừng để g ăn. Nàng thương cha, chăg biết sợ cọp, a lại đánh cọp bị bình phái bỏ cha nàng lại chạy tuốt.

Dương-Hưu, người danh thần đời Tây-Tấn, ở Tương-Dương, đức chánh rất nhiều, dân thương như cha mẹ. Ông thường hay lên chơi núi Nghiêm-sơn. Sau chết dân làm bia ở đó mà thờ.

Dương-Khuê, thường gọi cụ Văn-Đinh, vì cụ là người làng Văn-Đinh, phủ Úng-Hòa, tỉnh Hà-Đông, đậu Tán-sĩ đời Tự-Đức làm quan đến Thượng-Thơ. Cùng với em là Dương-Lầu đậu Giải - nguyên. Tho nòm có tiếng.

Dương-Lễ, X. LƯU-BÌNH

Dương liễu, một loài cây mùa xuân. Cành nhỏ lá xanh dè vi lòng mày con gái đẹp. Có một nghĩa nữa, là theo thơ cổ, có câu nhắc tích nhớ chồng vịn cành dương liễu cho khuây.

Dương, Mặc, DUƠNG - CHÂU và MẶC - ĐỊCH. Hai nhà triết-học đời Chiến-Quốc.

Dương chủ-trương *vị ngã* : biết một mình mình ;

Mặc chủ-trương *kiêm ái* : thương nhơn loại.

Dương-Nhựt-Lề, con nuôi Cung - Túc - Vương nhở bà Hoàng - Thái - Hậu, cải triều đình, lập lên làm vua thế cho Trần-Dụ-Tòn mới mất.

Mẹ Nhựt-Lề trước kia là con hát, lấy Dương-Khuong là hát bội, có thai Nhựt - Lề, bỏ Dương-Khuong lấy Cung-Túc - Vương.

Nhựt-Lề lên làm vua muốn dứt nhà Trần, giết Hoàng-Thái Hậu và Cung-Tĩnh-Vương, đổi họ Trần lấy họ Dương. Vì làm thái quá bị các quan hối lại thi mất, rước Cung-Định-Vương là anh Dụ-Tòn về tôn lên làm vua lấy hiệu Trần-Nghệ-Tòn.

Dương-Nhựt-Thăng, sanh tại làng Khai - Điền, đời nhà Minh, vua Hồng-Võ. Khi còn nhỏ đi học. Hết giờ học, học trò hay tụ hội với nhau chơi. Có một mình Nhựt-Thăng cứ riêng lo học mãi.

Ngày kia có quan Thái-thú

Dương-Qui-Niệm, đi khảo thí ngang dò, thấy vậy mới hỏi, thì Nhựt-Thăng trả lời: « Chơi là vô ích. Học hành sau khóng chừng phát tích ».

Thái-thú khen thầm, kêu lại gần nói :

« — Ta ra cho trò một câu đối, trò đối được ta thưởng

*Trẻ thơ nhóm sáu bảy tên,
chẳng đứa nào bằng người
quỉ.*

Trò liền đối ngay :

*Thái - thú lương hai ngàn
thạch, không ai như thế ông...
rồi nin.*

Thái-thú mới nói: « Còn một chữ nữa sao không tiếp? », thì Nhựt-Thăng xin thưởng mời chịu thêm. Quan Thái-thú lấy bạc thưởng. Thăng thêm: *Liêm*

Thái-thú mới hỏi như ta không thưởng trò ? Tôi sửa lại : *Tham*

Sau làm quan tới chức Giáng-Tây-Kiêm-Hiến.

Dương-quan, một cửa ải nước Tàu. Xưa Vương-Duy đưa bạn ra cửa đó, có câu: *Tây xuất Dương-quan vó cõi
nhân. Đề chỉ chỗ tiên-bié* nhau.

Dương thạch, đê đá. Tích Lử-Ngao vung lịnh Vương

Mãng đem mấy ngàn con dê ra cho binh của Vương-Tầm dương vây Quan-Võ (Lưu-Tú) Nhưng mà thời Lưu-Tú hung nén khiến có một trận đông nỗi lèn làm mấy ngàn con dê hóa ra đá hết.

Dương thanh liễu lục, dương xanh liễu biếc. Chỉ mùa xuân cây lá khoe màu.

Dương-Tu, tự Đức-Tố, làm hành-quán chủ bộ cho Tao-Tháo.

Ngày kia Tao-Tháo biếu lập một cảnh lè-viên. Cửa néo xong rồi, Tao-Tháo tới xem, không chê khen, chỉ lấy viết, viết trên cửa một chữ *hurement*

Không ai hiểu gì. Có một mình Dương - Tu hiểu, cắt nghĩa rằng Tao-Tháo chè cửa rộng. Món thèm *hurement* nghĩa rộng.

Lại một khi ải Bắc đem dung một thố cơm rượu. Tao-Tháo dè trên nắp thố : *Nhứt hiệp tò*. Dương-Tu thấy, lấy muồng mút mà chia cho mỗi người mỗi muồng, nói rằng thura-tướng day : *Nhứt nhân nhứt khẩu tò*.

Sau Dương-Tu ý tài, buông lung, Tao - Tháo sanh ghét, kiém thế làm tội rồi bắt đem chém. Uồng một đời tài ba.

Dương-Võ, (đất) X. TRẦN-BÌNH.





Đa, có người đem ba chữ
đa chúc vua Nghiêu :

Đa nam,

Đa thọ,

Đa phú.

Vua Nghiêu từ, nói rằng :

Đa nam đa ưu,

Đa thọ đa nhục,

Đa phú đa oán.

X.TAM ĐA.

Đa đa ích thiện, càng nhiều
càng hay.

Đa đoan, đa là nhiều ; đoan
là mối. Thay đổi nhiều cách.

Đa mang, đa là nhiều ;
mang là rỗi. Thường dùng sai,
để nói da-mè.

Đa ngôn đa quá, nhiều lời
thì nhiều lỗi. Nói nhiều hay vấp.

Đa sầu đa cảm, người hay
sầu hay thảm.

Đa văn vi phú, học nhiều
là giàu vạy.

Đà đao, một món võ hiếm
lắm, giả chạy cho người rượt
theo, rồi thừa thế quay lại
chém. Món xảo-trá để đánh
lừa người.

Đà điểu, thứ chim lớn ở sa
mạc, chun lớn mà cao, cánh
nhỏ. Chạy mau mà không bay
được. Người thồ - dàn cũng
dùng để cõi hay là để kéo xe
chở đồ.

Đài, LINH-ĐÀI của vua Kiệt;
LỘC-ĐÀI của vua Trụ; cò-tò
của Ngô-Phù-Ta, sau quân
Việt dốt một tháng chưa tắt.

Đó là tên ba cái đài của ba ông
vua nói trên bên Tàu hồi xưa,
bắt dân cất để lén đó đờn-ca
xướng-hát. Tốn của nước hao
của dân biết bao mà kẽ.

Đài mây, X. YÊN CÁC VÂN ĐÀI

Đại-Đại-Tân, tự Dần-Trọng,
người ở huyện Tiêu-Diền,

tỉnh Phước-Kiển, về triều
nhà Minh.

Thuở nhỏ sáng lăm, bắt luận
kinh sách chí, xem qua một
lần thì nhớ cả. Mới nên tám
có việc gì nên phải vào nơi
quan chủ-ti. Quan thấy nhỏ
mà ăn nói bất-thiệp lanh-le,
quan mới chỉ cái ghế da cọp
để tại nhà thính, mà ra câu
đối :

« — Ghế học-sĩ lót nệm da
hùm » thi Đại-Tân liền đối :

« — Phường trạng-nguyên
biên ngồi lòng thở ».

Đại-Tân 13 tuổi thi hương
đỗ đê nhì danh Tân-sĩ; qua
năm Chánh-Đức thi hội cũng
đỗ nhì danh, vào thi diện đỗ
Thám-hoa.

Đại nguyệt, đọi trăng. Ý
nói đi đường lúc đêm khuya,
trên đầu có trăng. Cũng có ý
tả hình trạng dân nông-phu
cực khổ. Cày sao cuốc nguyệt.

Đại tội lập công, lập công
để dền tội lỗi trước.

Đại ăn thành thị, người ở
ăn tại thị thành, ở chợ búa mà
ăn được mới là ở ăn.

Nghiêm-Quan-Binh có tài
học, không chịu ra làm quan,
ngồi bói mướn ngoài chợ để
kiếm ăn.

Đại đăng khoa, đi thi đậu.
X. TIỀU ĐĂNG KHOA.

Đại-Học, X. CỦU KINH.

Đại-Nam-quốc-sử diễn-ca,
là quyển sách QUỐC-SỬ-QUÁN
phụng chỉ vua Tự-Đức soạn
ra, đem lịch-sử nước ta từ đời
Hồng-Bàng đến cuối đời Lê,
diễn ra lời ca lục-bát. Có kè
các sự-trạng quan-trọng, mạch
lạc phân-minh của liệt triều;
cũng có nhiều đoạn mãnh-liệt.
Văn-sử dùng toàn ời ca

Đại-Nương kiêm - thuật,
con gái họ Công-Tòn giỏi
nghề múa gươm. Vương-Hữu-
Quân xem cô múa nghìn ra
phép viết chữ thảo.

Đại - Thọ Tướng - Quân,
sử Hán đời Quang-Võ có
Phùng-Dĩ di đánh giặc về,
các quan xúm lại tranh công,
thì Phùng-Dĩ tránh mình, kiềm
dưới gốc cây mà ngồi, không
chiu kè công mình. Người
dời sau trọng đức khiêm
nhượng của Phùng-Dĩ tặng
cho người là Đại-Thọ Tướng-
Quân.

Đại thừa kinh, cái giáo
nghĩa sâu xa rộng-rãi của
Thich-Ca giảng cho các Bồ-Tát,
ví như cái xe lớn chở người

căn kinh lớn.

Đại-thừa-kinh làm đại, tiêu, hai giáo: Tiêu-thừa thì cho người căn kinh nhỏ, kêu là THANH VĂN TẠNG là TIỀU-THỪA KINH; còn Đại-thừa thì cho người căn kinh lớn, cũng kêu là BỒ-TÁT-TẠNG là ĐẠI-THỪA-KINH.

Đại-Tiểu Đái, đời Hán, người chú là ĐÁI - ĐỨC người cháu là ĐÁI-THÁNH, hai người đều dọn lại sách LỀ-KÝ, bộ của Đái-Đức gọi là ĐẠI ĐÁI; bộ của Đái-Thành gọi là TIỀU-ĐÁI.

Đại-trượng-phu, người chẳng vì giàu-sang mà sai lòng; chẳng vì đói-thấp mà đổi chí; chẳng vì oai-vệ mà lún minh.

Đại-Việt Sứ-Ký, nhà Trần vua Thánh-Tôn đặt LÊ-VĂN-HỰU Hán-lâm học-sĩ soạn bộ sứ-ký trong nước, ba chục quyển, chép từ Triệu - Võ - Vương đến Lý-Chieu-Hoàng.

Sau đến đời Lê - Nhân - Tôn (1453) đặt ông PHAN-PHÙ-TIỀN làm thêm kẽ từ vua Thánh-Tôn nhà Trần cho đến khi thuộc nhà Minh, cả thảy mươi quyển nửa.

Tới đời vua Thánh-Tôn nhà Lê, đặt NGÔ-SĨ-LIỀN làm Lề-Bộ

Tả-thị-lang, soạn lại bộ ĐẠI VIỆT SỬ-KÝ chép từ họ Hồng-Bàng cho đến Nhị-Thập Sứ-Quản, năm quyển; từ Đinh-Tiên - Hoàng đến Lê-Thái-Tô mười quyển nữa.

Sau tới đời Lê-Tương-Dực (1510 - 1516) có Thượng-tho binh-bộ VŨ-QUỲNH làm thêm một bộ ĐẠI-VIỆT THÔNG-GIÁM cả thảy hai mươi sáu quyển.

Rồi đến đời vua Lê-Huyền-Tôn nhà Hậu-Lê, Trịnh-Tạc mới đặt quan tham-tụng PHẠM-CÔNG-TRÚ soạn VIỆT-SỬ TOÀN-THƠ kẽ từ vua Trang-Tôn nhà Hậu Lê cho đến vua Thần-Tôn cả thảy là hai mươi ba quyển.

Đến năm Bính-Thìn (1676) vua Hi-Tôn đặt HỒ-SĨ-DƯƠNG LÈ-HI và NGUYỄN-QUI-ĐỨC chép nối từ Huyền-Tôn đến Gia-Tôn thêm mươi ba quyển nữa gọi là QUỐC-SỬ THỰC-LỤC.

Năm Ất-vi đời Cảnh-Hưng Trịnh-Sâm đặt Nguyễn-Hoàng, LÈ - QUI - ĐỘN, NGÔ - THỜI - SĨ, NGUYỄN-DU soạn thêm từ Hi-Tôn đến Ý-Tôn gọi là QUỐC-SỬ TỤC BIÊN sáu quyển nữa.

Đại-Võ, một ông vua bên Tàu có tiếng biết trị thủy.

Đại xá, tha các người phạm tội nặng như tội sát nhơn...

Quyền tha đó của thủ-tướng hay của một ông vua nào, trong khi trong nước có chuyện vui lung: mới đắc cử, mới lên ngôi...

Đàm, hoa đàm, cây cao bốn năm thước; lá bầu mà chót nhọn; hoa nở về mùa hè, sắc đỏ, bền lám, cả tháng không tàn. Đó là cây bên Tàu. Hoa Đàm của ta là Bông Sung. Mà ta thường nói: « Sung có hoa là đạo Phật thanh. »

Đàm thiêng, đời Chiến-Quốc các danh-sĩ hay nhóm ở xứ Tắc-Hạ để nghe Trần-Diễn nói những việc thần - tiên thuật - số, thiên-tượng thiêng vẫn.

Đàm đại như đầu, đời Hồn, Khương-Duy thừa-tướng nước Thực chín lần đánh Ngụy; đánh không hơn. Sau Thực mất, Khương-Duy không chịu hàng Ngụy. Quân giặc mồ bụng Khương-Duy thì thấy trái mặt lớn bằng trứng gà.

Đàm đương, một mình gánh vác mọi sự. Chịu hết các trách-niệm.

Đàm bạc, lạt léo. Thô-so.

Đàm mạc vô vi, lạt-léo, lăng-lẽ, dừng làm gì hết mới

đat được đao, theo Lão-Tử. **Đan đình**, sân đỗ. Sân của vua, vì sân nhà vua thường sơn đỗ.

Đan tâm, lòng son. Niềm son. Tâm lòng thành-thật.

Đan thanh, nét dan thanh; nét vẽ đỏ xanh. Đẹp Nét *đan-thanh* bực chị chàng Vương (CUNG-OÁN).

Đan trì, thèm đỗ. Thèm vua. Vì thèm nhà vua thường hay sơn đỗ.

Đan việt, người có công đức với nhà chùa. Sau này nói rộng ra, để chỉ những người đi viếng cảnh chùa.

Đanh, đinh, vạc đúc bằng kim-loại, ba churn, hai tay. Vua Hạ-Võ bên Tàu khi được thiêu hạ, lấy vàng 9 churn, đúc chín cái đanh củng gọi là cửu bảo làm kỷ-niệm. Mỗi đanh chép đủ núi sông, nhân-vật và cống-phú diền-thồ của mỗi chư.

Bên ta nhà Nguyễn cũng có đúc 9 cái đanh bày ở sân, trước đền Thái-miếu chép sự tích 9 đời vua nhà Nguyễn kể từ Nguyễn-Tiên-Hoàng.

Đanh chung, đanh là vạc, chung là chuồng. Đây dè nói

nhà sang trọng, ăn thì nấu bỗng vạc, (nồi đồng lớn) còn trước khi ăn, nhiều khách quá làm sao đi mời cho đủ, đánh chuông ai nấy nghe xúm lại mà ăn.

Đánh chung, đinh chung : cảnh phú-quí.

Đào cung, con người ta sanh ra làm trai thì chí muốn deo cung mang dao vây-vùng trong thiên hạ. Tich Ban-Siêu dời Hán nhà nghèo phải đi viết mướn lấy tiền ăn-học và nuôi mẹ già. Lắm lúc bức tức ném bút, tự nói: Đại-Trương-phu thi nên bắt chước Phò-Giới-Tử và Trương-Khiên đi lập công-danh ở biền-thùy để được phong hầu, chờ ai mà lại chịu chết theo hứt nghiên bao giờ. Mà quả vậy, Ban-Siêu đi đầu quân rồi sau được phong Định-Viễn-Hầu.

Đao phủ, dao và búa. Nghè

Khứ niên kim nhứt thử môn trung,
Nhơn diện đào hoa tương ánh hồng.
Nhơn diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiểu đồng phong.

Trước sau nào thấy bóng người.
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông
(KIỀU)

làm thịt trâu bò. Nghề làm thợ mộc.

Đào, kim-dào, mà cũng gọi là bàng - dào. Tục truyền ở Đông-hải, dem hột về trồng ở nước Tề, dời Cảnh - Công (Đông-Châu). 30 năm có trái một lần, lớn bằng cái tó, sắc đỏ, mùi thơm, ăn ngọt ngon lạ thường.

Đào-biên, tích Thôi-Hộ dời Đường, năm nọ di thi, vừa tới nhà kia, khát nước, ghé lại亭 vào xin nước uống. Đi ngang qua cửa sổ, thấy ở trong có một cô gái đẹp ; chàng đứng đứng lại xin nước cô. Cô với vàng vào trong lấy chén mức nước dem ra cho chàng uống rồi cùng nhau đứng nép dưới cội đào chuyện vãn ra chiều ý hiệp tam đầu.

Qua năm sau Thôi - Hộ đi ngang qua đó thì lại thấy cửa đồng then gái, Thôi-Hộ mới làm một bài thơ đề ngay ở cửa:

Đào - Châu - Trí - Phú, là Phạm-Lãi dời Chiển - Quốc, làm quan-sư nước Việt.

Trước Việt thua Ngô tại Cối Kê, sau Việt nhờ có Phạm-Lãi, theo giúp vua mười năm, dem dung Tây-Thi cho Ngô-Phù-Ta. Vua nước Ngô mê Tây-Thi không lo việc nước nữa, mới bị Việt sau này đánh mất nước.

Phạm-Lãi sáng - kiến, biết vua Việt không có hậu, lúc nguy nén giùm, mà lúc giàu sang không nén ở, nên không yết làm quan, bắt Tây-Thi bỏ xuống ghe, dao chơi Ngũ-Hồ, sau về đất Đào, mới lấy hiệu Đào-Châu-Công lập nghiệp làm giàu lớn ở đó.

Có chỗ nói Phạm-Lãi nghĩ vay mồi bỏ qua Tề, đổi tên là Chi - Di - Chi - Bì, làm đến chức Thượng-khanh trong một lúc rồi mới về ở đất Đào-Châu. Còn Tây-Thi thì Cửu-Tiền dem về nước Việt phu-nhanh ghen mới lập thế dem trấn nước chết ở sông Tiền-Đường. Có chỗ nói Tây-Thi thấy Ngô-Phù-Ta chết nhảy xuống sông Tiền-Đường mà tự vẫn.

Đào-Duy-Tử, người tỉnh Thanh-Hoa giúp nhà Nguyễn

đắp lũy Trường - Dục ở Quảng - Bình để ngăn giặc Trịnh.

Đào-Hoa Phu-Nhân, Sở-Văn - Vượng dời Chiển - Quốc bắt vợ của Túc-Hầu cho vào cung để dùng. Sau đặt cho tên Đào-Hoa Phu-Nhân.

Đào-Hoa-Nguyên, Đào-Nguyên: dời Tần có người tránh nạn vào ở chỗ ấy. Đào-Tiềm có làm bài ký Đào-Hoa-Nguyên.

Đào-Huyền-Minh, khi ông ra phó ly huyện Bành-Trạch, ông có một người con trai mà ông không dắt theo. Tới huyện ông cho một đứa tớ-trai mạnh-mẽ dem theo về cho con ông. Ông có dặn thêm: Mày sớm tối nhọc-nhăn, tao cho thẳng nầy về giúp đỡ mày gánh nước giã gạo. Nó cũng là người như mày, mỗi mỗi mày phải dãi nó cho tử-tế.

Đào yêu, đào là cây đào, yêu là non. Lúc con gái còn dương thi.

Đào-Khản, làm quan Ngụ-hộ. Ngày kia gởi cá về cho mẹ. Mẹ phong cá gởi trả lại và trách rằng: Làm quan mà không biết giữ bồn-phận thanh liêm. Có câu :

Bà Đào phong cá chǐn khôn.
Thanh-liêm làm báu, miếng
ngon chẳng mang.

Đào lâng, sóng đào. Lượn
sóng trôi cành đào. Lấy tích
trong Chiến-Quốc có tượng
băng đất chè bù nhìn băng
gỗ đào: «Chừng mi gặp nước
lớn sóng to thì mi trôi nỗi là
dường nào!».

Đào liễu, dẽ ví nhan-sắc
thân-thề con gái non-nót yếu
duối mềm-mại như cày liễu
yếu.

Đào lý, mùa hạ được bóng
im; mùa đông được ăn trái.

Đào-Nguyên-Ký, một bài
thơ của ông Đào-Tiêm có
chép: đời xưa bèn Tàu có
người đánh cá ở Võ-Lăng đi
lạc vào một cái suối hoa đào,
đi mãi vào, thi thấy là bao
nhiêu hoa đào đương nở, té
ra chỗ ấy là chỗ tiên ở.

Đào-Sơn, truyện Liệt-Tiên
truyền rằng: ở huyện Nga-
My tỉnh Tứ-Xuyên, có núi
My-Sơn, có nhiều cây đào.
Ăn được trái đào này thì
thành tiên.

Đời nhà Châu có tên Châu-
Do ăn được đào này mà
thành tiên.

Đào-Tiêm, ân-sĩ đời Tấn

đánh đòn không dây để tò
rắng minh khác với người
vô HUYỀN CẦM.

Ông rất yêu hoa cúc. Vườn
ông trồng toàn là cúc. Ông
có câu thơ: *Thái cúc
đông cung hạ*. Đời đó người
ta thường kêu ông là ĐÔNG
CUNG QUÂN-TỬ, là bức quân
tử ở hàng rào bên Đông
X. ĐÌNH-VÂN.

Đạo, về binh lính đời Đinh
Tiên-Hoàng của ta phân ra:

Đạo có 10 quân,
Quân có 10 lữ,
Lữ có 10 tốt,
Tốt có 10 ngũ,
Ngũ có 10 người.

Đạo bắt thập di, của roi
ngoài đường không ai thèm
lượm. Ý nói đời thái-bình
trong nước yên- ổn, không có
trộm-cướp.

Đạo diệc hữu đạo, quân ăn
trộm cũng có đạo-lý. Đạo-lý
theo phường ăn trộm.

Đạo-giáo, tôn-giáo thờ
Thái-Thượng-Lão-Quản. (Lão-
Tử) do Trương-Đạo-Lăng đời
Đông-Hán dựng lên.

Đạo giáo bởi Lão-Tử truyền
ra. Lão-Tử là người nước Sở,
thuộc tỉnh Hồ-Bắc, họ Lý tên
Đam sanh vào năm 604 t. C.

g. s. về đời vua Đinh-Vương
nhà Châu.

Lão-Tử sống được 81 tuổi,
chết vào đời vua Cảnh-Vương.

Theo lý-thuyết của đạo giáo
thì trước khi có trời đất chỉ
có đạo. Đạo là hư vô, là cái
gốc nguyên-thi của sự tạo-hóa.
Vạn vật đều bởi đạo mà sanh

ra. Vậy sửa minh và trị nước
cần phải do theo đạo, phải
diêm-tĩnh, phải vô-vi, cứ tự
nhiên, không dùng tri lực...

Đạo của Lão-Tử bắt đầu là
môn triết-học rất cao. Nhưng
về sau học trò của ngài giảng
thuật thần tiên, bàn những
chuyện số kiếp, truyền những
sự tu-luyện để được phép
trường sanh bất tử.. Thành
ra học-thuyết của ngài biến
đổi. Đạo Lão-Tử mới thành
ra một đạo thần tiên, phù
thủy, và những người theo
học đạo Lão thành ra Đạo-sĩ.

Lão-Tử soạn ra sách ĐÀO
ĐỨC-KINH. Sau này có Văn-Tử,
Thi-Tử, Trang-Tử và Liệt-Tử
nói theo mà truyền-bá tôn
chỉ của ngài. X. CHƯ TỬ,
CŨU-KINH.

Đạo thính nhi đồ thuyết,
đức chi khí dã, nghe chuyện
dầu đường đem lại nói cuối

dường, ấy là bỏ đức vậy.

Đạo-thống, Tống - Nhô
chủ-trương thuyết đạo-thống,
cho rằng đạo-nho thì chỉ do
Không-Tử truyền cho Mạnh-Tử,
rồi do Mạnh-Tử truyền
xuống Y-Xuyên đời Tống mà
thôi. Không còn ai là chánh
gốc được truyền nữa.

Đạo-Toàn, Người chi-sĩ
không uống nước suối Đạo-
Toàn. Bên Tàu huyện Tứ-
Thủy, tỉnh Sơn-Đông có một
cái suối tên Đạo-Toàn. Nhưng
đạo-toàn có nghĩa là ăn trộm.
Cho nên người chi-sĩ đã ghét
kẻ gian-xảo trộm cắp thi cũng
không thèm uống nước cái
suối có cái tên sỉ-hồ như vậy,
dầu suối đạo-toàn không ăn
trộm bao giờ.

Đạp băng hi, một cách chơi
ở những xứ lạnh. Mùa đông
nước ở hồ hay ở trên núi
đóng thành giää. Người mới rủ
nhau, chun mang giää ở dưới
có bánh xe hay có một miếng sắt
như lường ghe, ra đi, chạy trên
giää. Một cách chơi thể-tháo
có thú-vị.

Đạp thanh, ngày thanh minh
khách đi tảo mộ, giẫm trên cỏ
xanh, nên bây giờ gọi lê tảo
mộ, tháng ba là ngày đạp thanh.

Đập tuyết tìm mai, giãm tuyết đi tìm bông mai. Một hưng vị của người làm thơ.

Đạt-Mạ, X BÍCH-QUANG.

Đạt tắc kiêm thiện thiên hạ, gấp thời-thế thì làm cả và thiên hạ được tốt lành. Khác hẳn với: CÙNG TẮC ĐỘC THIỆN KÝ THÂN.

Đặng trình ; thượng trình, lên đường.

Đặng vân giá vó, cõi mây, cõi mura. Đi trên không. Tục cho các thần tiên hay là học trò tiên có phép đi trên không.

Đặng- Vương - Các, chỗ danh thắng ở tỉnh Giang-Tây bên Tàu.

Vương-Bột đời Đường mới 16 tuổi mà có tài làm bài tựa Đặng-Vương-Các, người bày giờ còn kinh-phục.

Tục truyền nói Đặng-Vương-Các là cái đèn của vua, đêm ấy dãi yến các thi-sĩ để làm thi-phú chơi. Vương-Bột đi thuyền nhò thuận gió một đêm mà tối bến. Tiện đường đến Đặng - Vương - Các được hội yến. X. THỜI LAI PHONG TỔNG... và BẾN MÃ ĐƯƠNG.

Đặng - Đức - Siêu, người huyện Bồng-Sơn, tỉnh Bình-Định, 16 tuổi đậu hương-tiến.

Triều đức Duệ-Tôn, làm quan trong viện Hàn-Lâm.

Sau gặp quân nhà Trịnh vào xâm-lấn, Tây-Sơn lấy kinh thành, có vời ông ra làm quan, ông vẫn không chịu. Sau Đức Gia-Long nổi binh ở Gia-Định, ông tìm vào ra mắt ngài, ngài trọng dãi ban quan chức.

Ông học rộng, nhiều mưu mô, lâm thao-lược, trong mấy năm kháng - chiến với Tây-Sơn ông rất có công. Sau được bổ làm Hoàng - Tử phủ đạo lần tới Lê - Bộ Thượng - Tho. Năm Gia-Long thứ 8 ông mất (1811).

Ông học rộng. Văn chương ông tao-nhã. Trong khi bình định Bắc-Hà rồi, ông có làm 9 khúc hồi loan khải-ca bằng quốc-âm nay còn truyền tụng.

Nội các diễn-lễ triều đình cùng những lễ-nghi tế-giao, tế-miếu, tế-xã-tắc, phần nhiều do tay ông soạn định.

Đặng-Nho, tự Bá-Đạo làm quan đời nhà Tấn. Vì giặc bắt biều phải theo nó mà làm quan, nên phải trốn. Khi ra đi thì có vợ, có con và một đứa cháu con của người anh chết đã lâu, để lại cho

Đặng-Nho nuôi từ hồi đó cho tới bảy giờ.

Vợ chồng mới bàn tính với nhau, đi trốn lộ đồ mà phải đem theo hai đứa nhỏ, thì trốn làm sao được. Vậy phải bỏ lại một đứa mới xong. Mà bỏ lại đứa nào? Bỏ cháu thì nứa ai cũng cho anh, còn vợ chồng thì còn nhỏ, bỏ con sau còn sanh nữa được. Bởi vậy bỏ con lại, đem cháu theo. Sau khỏi giặc, mà vợ chồng ở với nhau tới già không đẻ nứa. Nhờ thằng cháu phung-thờ như cha ruột.

Đặng-Tảo, đời Trần, không ham làm quan, thà ở chốn diền-viên thong-thả.

Đặng-Tích, người nước Trịnh đời Xuân-Thu, là một nhà luật-pháp giỏi.

Đặng - Trần - Côn, người làng Nhàn-Mục, huyện Thanh-Tri. Ông sinh đời Lê-Dụ-Tôn trong khoảng An-Độ-Vương (Trịnh-Cuong) cầm quyền.

Lúc nhỏ ông ham học, đêm đọc sách khuya. Mà lúc bấy giờ thành Thăng-Long hay có hoa hoạn, lính trên cấm đốt đèn, nghiêm nhặt lắm, ông phải đào hầm để giấu đèn mà đọc đêm. Tánh ông rất phóng khoáng, ua rượu và thơ.

Bài CHINH-PHỤ NGÂM ông lấy trong CỎ-NHẠC-PHÚ và LÝ-THI sắp đặt nên một bài ngâm, tú-diệu lâm-ly; Ngô-Thì-Sĩ phục lâm,

Bài CHINH-PHỤ NGÂM của ông sau này cũng có nhiều nhà thi-sĩ dịch ra nôm, như ông PHAN-HUY-ÍCH, như bà NGUYỄN-THỊ-ĐIỀM. Nhưng chỉ có bài của bà NGUYỄN-THỊ-ĐIỀM dịch thì trôi hơn mấy bài kia, mà lại còn trôi hơn bài chữ nứa.

Ngoài CHINH-PHỤ NGÂM, ông còn để lại nhiều thơ-phú khác, như TIÊU-TƯƠNG bát cảnh, phú TRƯƠNG - HÀN tư thuần lư, TRƯƠNG-LƯƠNG bối y, KHẨU-MÔN-THANH. Tiêu thuyền bích CÂU KÝ NGỎ...

Đắt-Kỷ, vua Thương-Trụ đánh họ Hữu-Tò. Họ Hữu-Tò dưng cho vua Trụ nàng Đắt-Kỷ. Vua Trụ vì yêu Đắt-Kỷ, giết trung thần, nghe lời sàm nịnh, bỏ việc nước... sau phải mất nước.

Đầu thoa, ném thoi, X. TẠ-CÔN.

Đầu nam nhứt nhản, chánh câu thi: BẮC ĐẦU DĨ NAM, NHẤT NHẢN NHI DĨ. Lời khen Địch-Nhon-Kiệt đời Đường là người độc nhứt vô nhị trong đời.

Đầu trí bắt đầu lực,
đua nhau bằng tri khôn, chớ
không đua nhau bằng sức.

Đậu-Hậu, con gái Đậu-Công
được gả cho Lý-Uyên, sau làm
mẫu nghi thiên hạ X. TƯỚC
BÌNH.

Đèo Ngang, thuộc về rặng
núi Hoành-sơn, chạy ra biển
làm giới-hạn cho 2 tỉnh Hà-Tĩnh
và Quảng-Bình và chặn
ngang đường thiên-lý từ Nam
ra Bắc.

Đè, ở Bắc-Việt, trên mạn
đường ngược thì lâm núi mà
ở mạn trung trấn thi nhiều
sông-ngoài, mùa mưa lụt nước
ngập cả đồn-diền. Năm Mậu
thìn (1244) vua Trần-Thái-Tôn
sai quan ở các lộ đắp đè ở
hai bên bờ sông Cái (Hồng-Hà)
gọi là ĐỈNH-NHĨ-ĐÈ, rồi sau
lần lần mới đắp mấy con đè
khác.

Đè huề, đè là cầm, huề là
dắc. Cầm xách đem đi theo.

Đè kiều, đè chử vào cột cầu.
Tích Tu-Mã Tương-Như đời
Hán, khi còn trẻ, nhà đói. Bỏ
làng ra đi kiếm ăn; tới cầu
cuối làng, đè mấy chử trên
lan can: «Ta đã mang đứng
làm trai, như không lập được

công-danh thì thè không trở
lại cầu này nữa. »

Sau làm quan lớn. Người
làng lập bia ở nơi cầu đó để
làm kỷ-niệm. Gọi là ĐÈ KIỀU
BI.

Đè-Oanh, con gái Thuần-Vu-
Ý. Cha bị tội, nàng làm sớ nói
rằng: «Kẻ thác rồi không sống
lại dặng. Vậy nàng xin vô hàn-
hinh làm mọi đè chuộc tội
cho cha.» Vua Hán-Văn-Đè
động lòng tha tội cho cha
nàng. Và từ đó bỏ luật giết
người. Có câu :

Dưng thư đã thiện nàng Oanh,
Lại thua ả Lý bán mình chuộc
cha. (KIỀU).

Đè phòng, bắt đè phòng
Tề-Ý-Công đời Chiến-Quốc
tham dâm vô đạo. Thấy vợ
quan Đại-phu Diệm-Lý đẹp
bắt mà loạn dâm. Còn Bình-
Nguyên hồi còn sống thì Tề-
Ý-Công không ưa, nay Bình-
Nguyên chết rồi thì Ý-Công
cho người quật mò lên mà
chặt cẳng.

Tàn-ác đường ấy mà không
đè phòng, cứ dùng Diệm-Lý và
Bính-Xúc là con Bình-Nguyên
hầu cận, tưởng hai người
trung với mình. Vì vậy mẹ
ngày kia, ngoạn cảnh rồi ng-

trưa ở ngoài, bị hai người thi
mất.

Đế-Thích: ông Tiên có tiếng
cao cò. Có đền thờ ở Hà-Nội,
mỗi năm mồng 9 tháng giêng
có hội.

Lưu-Linh, Đế-Thích là làng
tri-ám (Cung Oán).

Đè thứ như hạ: đời đế
Nghiêu đế Thuấn là một thế
giới rất rực-rỡ. Thiệu-Khang-
Tiết có câu khen rằng :

Đời Tam-Hoàng giỗng
mùa xuân,
Đời Nhị-Đè giỗng mùa hạ.

Đè-Ngũ-Luân : tự Bá-Ngu,
làm quan Tư-không đời nhà
Hán. Người chánh-trực, cả
đời không biết tư vị ai. Nhưng
có khi người tự trách mình :
«Hồi ta chưa làm quan có
người cho ta một con thiên-lý-
mã. Ta không hề dùng ngựa ấy.

Ta hăng nhớ ơn người cho
ta con ngựa ấy, nhưng mà từ
đó tới nay ta không khi nào
dùng tới người ấy.

Có một lần con của anh ta
dau. Ta qua lại thăm nó một
đêm mười lăm. Nhưng mà
chứng ta về nhà thì ta nằm
ngủ yên giấc. Còn con ta có
binh tuy ta không thăm nó
mà ta nằm ta không nhắm mắt.

Nghĩ lại trong ba điều ta đều
có ý tư vị cả. »

Đệ-nhứt quốc-tế : đoàn thề
lao-dộng chủ-trương cộng-sản
chủ-nghĩa, lập năm 1847 ở
Londres. Đường thời gọi là
Quốc-Tế Công-Nhân Liên-
Hiệp-Hội.

Đệ-nhị quốc-tế : đoàn thề
lao-dộng thành-lập năm 1889
ở Paris sau khi Đệ-nhứt quốc-
tế đã giải tán. Chủ-trương xã-
hội chủ-nghĩa ón-hòa.

Đệ-tam quốc-tế : đoàn thề
lao-dộng cả thế-giới thành lập
năm 1919 sau cuộc cách-mạng
Nga, chủ-trương thế-giới cách-
mạng và cộng-sản chủ-nghĩa,
bỗn bộ ở Moscou.

Đệ-tứ quốc-tế : chủ-nghĩa
đại đồng lập năm 1922-1923
ở Bé-t-lanh (Đức) để đối với
Đệ-tam quốc-tế.

Đệm thủy, nệm thủy : nệm
làm bằng lông chim phi-thúy
(chim sa-sả).

Địa-Tặng, Phật Địa-Tặng
tánh êm-dềm. Phật Địa-Tặng
thường hiện thân cầm Ngọc-
Bảo-Châu và cây Tích-Trượng
để cứu khổ nạn cho chúng
sanh.

Tích nói cha mẹ của Phật
mất sớm, Phật chưa kịp nuôi,

An
hùng
An
người
ra m
nên v
Ánh
tòn
nghèo
mà h
của t
khô c
Án
tham
còn
tích
kia,
ngườ
ngườ
trai.
nói :
Tây g
bên I
Âm
khô
Ân
xuất
kết t
cầu
ý-dị
tươn
Nh
đồng
dời

nên chừng thành, Phật tung kinh BỒ-NGUYỄN, thì cứu cha mẹ ra khỏi địa-ngục, lên miền Cực-Lạc.

Địch-Nhơn-Kiệt, người đời Đường, xứ Võ-Nguyên, tự Hoài-Ngô làm quan Pháp-tào triều Võ-Tắc-Thiên.

Làm quan thì ở xứ Tịnh-Châu, còn cha mẹ thì ở Hà-Dương. Chiều nào người cũng lên non Thái-Hàng đứng trông về làng cũ, thoát thấy chòm mây bạc bay qua thì mũi lòng rọi lụy, chỉ lắn mây mà than: « Dưới khóm mây bạc đó là chò cha mẹ ta ở vậy ».

(Có chò nói chỉ về núi Thái-Hàng, đại-dé là ngó theo chòm mây bay hướng nhà cha mẹ, thi ngậm-ngùi nhớ tới cha mẹ).

Đến khi phải tang mẹ, thì xin cấp giả về dinh ưu (để tang) cất lều tranh nơi mộ dặng dẽ bẽ sờm viếng tối thăm. Động lòng trời khiến qua trăng lại gần làm ô cho sờm trưa có bạn. X. ĐẦU NAM NHÚT NHƠN.

Địch phắt, địch là lòng chim trảo, phắt là cây làm bằng lồng để trang-sức cho đòn bà. Đồ trang-sức của vợ vua chúa.

Điền-Phủ, dãy xe cho Tì-Kiền-Công bị binh Tấn-Hiển-Tử rược rất gấp. Điền-Phủ xin với Kiền-Công mặc áo Kiền-Công để du giặc. Giặc bắt Điền-Phủ; nhờ vậy mà Kiền-Công chạy khỏi.

Điện-Tô, đèn ở thành Cố-Tô của Ngò-Phù-Ta bắt dân dựng lên để cho nàng Tây-Thi ở.

Điệp hồn, **điệp mộng** hồn bướm, giấc bướm, nằm mộng. Tích TRANG-TỬ nằm mộng thấy mình hóa bướm.

Điều canh, ném canh. Vũ Cao-Tôn nhà Thương cử Phu-Duyệt làm tướng có nói: « Người với ta nhò nhau như canh nhò muối, vừa móingon»

Điều tận cung tàng, hé chim cát cung. Ý chè nhữn kẻ vô ơn, khi có chuyện th nhò người, mà khi rời chuyện thì không cần tới nữa, quên ơn của người đã giúp cho mình nên chuyện. Gần nghe với lời tục của ta: Được chia bẻ ná.

Đinh-Bộ-Lĩnh, X. BINH-TIỀN HOÀNG.

Đinh-Củng-Viên, X. LÊ-

Đinh-Lang, lấy trong S THẬP TÚ HIẾU, số 12. Ng

dời Hòn, sờm mồ côi cha mẹ, bèn lấy cây chạm hình đê thờ như còn sống.

Người vợ lại không có lòng cung-kính. Thấy chồng kinh cản không ưa. Ngày kia Định-Lang đi khỏi, ở nhà lấy kim chích đầu ngón tay mấy tượng gỗ thờ đó, có ý khuấy chơi, tưởng là chích tượng gỗ thi không sao. Nào dè mấy chỗ chích đó đều chảy máu. Định-Lang về thấy thi tượng gỗ lại chảy nước mắt như người sống vậy.

Định-Lang hỏi ra mới rõ duyên cớ. Liền đẻ vợ.

Đinh-Tiên-Hoàng, tên Bộ-Lĩnh. Người Hoa-Lư-Động, huyện Gia-Viễn, tỉnh Ninh-Binh.

Thuở nhỏ theo mẹ về ở nhà quê, lúc đó còn hàn-vi. Chơi với trẻ chăn trâu thì thường bắt chúng khoanh tay làm kiệu rước minh, và lấy bòng lau làm cờ, bài trận đánh nhau. Mà không trẻ nào đánh lại. Nên ở đâu, các trẻ củng kiêm Bộ-Lĩnh lăm.

Sau theo Trần-Minh-Công đuổi Tháp-nhị sứ-quản, rồi chừng Minh-Công chết, đem quân giữ Hoa-Lư. Chừng Nam-Tấn-Vương và Thiên-Sách-Vương

mặt, đem binh phục các nơi, đánh đâu thắng đó. Chừng đó chúng xúm lại tôn làm Vạn-Thắng-Vương.

Năm 968 lên ngôi Hoàng-Đế, đặt hiệu nước lại là Đại-Cồ-Việt, đóng đô ở Hoa-Lư. Định-Tiên-Hoàng lên ngôi được 12 năm thì bị Đỗ-Thich thi chết, thọ được 56 tuổi (968-979). Nhà Định làm vua được hai đời. Cụng là 14 năm.

Đinh, HÓN-THƠ chép thuở xưa bên Tàu, đời Đường, bày ra hễ năm dặm có một cái quán kèu là trường-đinh.

Đinh huấn, sân day trẻ. Lời dạy bảo của cha mẹ. Đức Khổng-Tử đứng một mình ở sân, con là Bá-Ngư đi qua thì ngài kêu lại dạy lê.

Đinh-Liên, **Thanh-Liên**, biệt hiệu của Lý-thái-Bach.

Đinh liệu, nhà Châu đầu canh 5 vua ra thị triều, ở trước điện đinh có bày 2 hàng đèn đuốc để rọi đường cho các quan thấy mà đi chầu.

Đinh-trường, đời xưa cứ 10 dặm đất (8.886 thước) thì gọi một đinh; đặt người định-trường để giữ trộm cướp.

Đinh vân, đám mây ngừng lại. Ông Đào-Tiềm có bài thơ

ĐÌNH-VÂN để ý nhớ bạn thân.

Đình vi, chốn đình vi: chỗ cha mẹ ở.

Định mạng luận, lý-thuyết chủ-trương rằng nhứt thiết vật hữu sanh ở trong võ-trụ, cát-hung-hoa-phuoc-cùng thiện ác thay đều quyết-dịnh ở nơi mạng trời.

Vương-Sung đời Đông-Hán có làm bồn sách để chủ-trương thuyết ấy.

Định tĩnh, định là định; tĩnh là thăm.

Trong KINH-LÊ nói bỗn phận làm con, tối đến thì dọn dẹp chỗ cha mẹ ngủ, sáng ra thi vào thăm cha mẹ coi đêm qua rồi có ngủ an giấc không...

Đò, đì hai lần đò: lấy hai đời chồng. Có câu:

Lịch gối nghiêng chăn...

Gái hồng nhan bạc phận, em đi đò mấy lượt, em qua truong mấy lần.

Đoài, phuơng Tây. Theo bát quái thì cung *đoài* đóng về phuơng Tây.

Đoan dương, mồng năm tháng năm. Cũng gọi là trùng ngũ; doan ngũ; doan ngọ.

Tích Sở-Vương đời Đông-Châu muốn sang Tần, Khuất-Nguyên làm quan ra can vua.

Sở-Vương không nghe lời qua Tần bị giết nơi Tần.

Khuất-Nguyên tức minh làm sách LY-TAO, rồi trầm mình xuống sông Mich-La nhằm ngày mồng 5 tháng năm.

Người đời sau, ngày đó làm lễ đưa thuyền tục nói với thày Khuất-Nguyên.

Đoàn-thị-Điềm, Người dâ Giang-Bắc, em ông Tinh-Nguyên Đoàn-Luân, vợ ông Hạo-Hiên Nguyễn-Kiều

Bà là người văn-học, cùng ông anh hay hòa xướng. Một buổi tối, bà đương ngồi trang điểm, ông anh của bà khâm chiêm:

Chiếu kính họa my, như điểm phiến thành lưỡng điểm. Nghĩa là: Soi gương vẽ mày, một nét hóa thành hai nét. Bà ngó lại thấy ông anh đương rửa tay trên cầu ao, đêm đó lại có trăng lồng-lánh, bà liền dõi:

Lâm tri ngoạn nguyệt, trich luân chuyền tác song luân. Nghĩa là: Kè ao ngâm nguyệt, một vũng hóa thành hai vũng.

Hay là chỗ Điềm là tên bà mà Luân là tên ông anh.

Bà làm ra tập thơ CHINH-PHÚ-NGÂM, lối song thất lục

bát dựa vào bản chữ hán của ĐĂNG-TRẦN-CÔN, văn lưu-loát, từ dồi-dào, thật là một giai-tác.

Đoàn viên, đoàn là vây; viên là tròn. Sum-hiệp trọn vẹn.

Đoạn cơ, thầy Mạnh-Tử hồi còn nhỏ đương học bỏ về. Bà mẹ đương ngồi trên không cùi, thấy thầy về, bèn cắt không cùi, chỉ cho thầy thấy, đi học mà không châm nom thì cũng như không cùi bị cắt. Thầy ăn-năn, lo học, sau mới nén.

Đoạn trường, dứt ruột. Lấy trong tích có người giết chết con vượn con. Con vượn mẹ kêu mãi cho tới chết. Mồ ra thi thấy ruột dứt từ đoạn.

Nghĩa bóng: Cái oan-nghiệp của kẻ đa tình, người bạc mạng.

Đoạt sóc cầm hồ, lấy trong câu:

Đoạt sóc Chương-Dương độ; *Cầm hồ Hàm-Tử quan*.

Trần-Hưng-Đạo cướp giáo ở Chương-Dương; và bắt giặc hồ ở cửa Hàm-Tử.

Đỗ Bàn, kinh đô của Chiêm Thành tức là thành Bình-Định bảy giờ.

Đỗ-Bá, Tả-Nho: X. TÃ-NHO

Đỗ-Mục, đời bấy giờ thường gọi là Tiều-Đỗ. X. LÃO-ĐỖ.

Đỗ-phủ, X. LÃO-ĐỖ.

Đỗ quyên, **Đỗ-võ**, tử qui, Đỗ-võ là vua Thục-Đé, vì dám với vợ Biếc-Linh mới giao ngôi lại cho Biếc-Linh. Sau Biếc-Linh làm ngặt phát lương cho mà ăn vắt-vả mới buồn ý bỏ xứ ra đi, hóa ra con đồ-quyên tiếng kêu rất thảm-thiết. Người ta nói vua Thục-Đé tiếc nước nên kêu bi-thương như vậy.

Đốc-phủ Tường, X. TÔN-THỌ-TƯỜNG.

Độc-nhản-long, Lý-Khắc-Dụng đời Đường có một mắt mà đánh đâu thắng đó. Người bấy giờ gọi là rồng một mắt.

Đông đạo, đường phia Đông. Dời Xuân-thu quân Tần đi ngang qua nước Trịnh vua Trịnh sợ quân Tần khuấy nhiễu, tự xin vua Tần để minh cung cấp những đồ hành-lý thiếu thốn cho quân Tần, mà nhận minh là Đông-Đạo-Chủ.

Từ đó những người làm chủ mà cung-cấp những khách đi đường hay là nuôi được khách ít nhiều trong nhà, thì người kêu là Đông-Đạo.

Đông-Đô, tức là Hà-Thành bảy giờ. Từ Qui-Ly xây thành Tây - Giai gọi là Tây - Đô (Thanh-Hóa) thì Thăng-Long gọi là Đông-Đô.

Đông-Hôn-Hầu, X. KIM-LIỀN.

Đông-Ly quân-tử, là ông Đào-Tiềm đời Tấn.

Đông-môn, cửa Đông. Lấy tích các quan đài Hòn mờ tiệc ở Đông-Môn, để thiết dải hai ông quan họ Sở về hưu.

Đông - phong dữ tiện, gió Đông cho cái phuong tiện. Đời Tam-Quốc Chau-Du với Gia-Cát-Lượng muốn dùng chước hỏa công đốt Tào. Mà giữa tháng 10 làm sao cho có gió đông? (Gió mùa xuân) phải nhờ Gia-Cát lập đàn cầu Đông-Phong. Cầu được gió đông luôn ba ngày, mới đốt được quân Tào ở Xich-Bich.

Đông-Phố, thành Gia-Định lúc trước gọi là Đông - Phố.

Đông - Phương - Sóc, nhà văn-học đời Hòn có tài khôi hài. Thường phúng-giản vua.

Đông - Quách tiên - sanh, người ta thường dùng để tặng những anh vò tài mà lạm dự vào một địa-vị nào.

Có tích vua Tuyên-Vương nước Tề thích nghe sáo. Lúc nào muôn nghe thì bắt ba trăm người cùng thổi. Trong đó có anh Đông-Quách không biết thổi nhưng cũng lạm dự vào đặng kiêm ăn. Sau Tuyên-Vương mất, Mẫn-Vương lên cũng thích nghe sáo, nhưng nghe mỗi người một. Anh Đông-Quách vì vậy mà mất chỗ ăn.

Đông - Quan-Thành, tên thành Thăng-Long đời Trần.

Đông-quân, đông là phuong đông; quân là vua, Thần sai quản van-vật về mùa xuân. Đông-quân cũng làm chủ các sắc hoa. Có câu :

*Chủ hoa đành đã Đông-quân
đáy rồi.*

Cũng nói con gái đã híra già cho người nào cũng như hoa đã có chủ rồi.

Đông sàng thản phúc, nằm ngay bụng ở giường phía Đông. Đời Tần ông Khích-Giám-Cơ có con gái tên Tạ - Đao - Uẩn. Ông sai người qua nhà Vương-Đạo kén rể. Họ Vương có nhiều con trai, nghe tin xúm rủ nhau ra làm bộ nghiêm cẩn tu súc. Có một mình Vương-Hữu-Quân (có chỗ viết

Vương-Hy-Chi) cứ nắm ngửa ăn bánh trên giường ở phía Đông, tưởng như không hay không biêt chi.

Người ta trả về nói lại với Tạ-Công. Tạ-Công khen thằng ấy mới là rẽ tốt vậy, bèn kêu về gả con cho.

Đồng, chữ đồng: lấy ở chữ ĐỒNG TÂM KẾT là cái nút bằng đồng thắt bằng hai dây lụa, là biểu hiệu sự kết hiệp của hai vợ chồng.

Đồng-chí, Kê - Hương và Hương-Tú, đời Tấn, không hẹn trước mà biêt ý nhau. Hai người vẫn là thợ rèn thiện nghệ. Tới mùa hạ hễ một người đem lò ra đám liếu ở sau nhà mà rèn, thì người kia xách búa qua đó mà đập sắt. Hè người kia muốn đòn thì người này đã lấy sáo ra trước đặng có hòa.

Đồng Đào, phóng ngưu vu đào-lâm chi giả.

Vua Võ-Vương đánh được nhà Thương rồi thả trâu ra nuôi ở một cái đồng kia tên là đồng Đào.

Bài thơ CON TRÀU GIÀ của ông HUỲNH-MÃN-ĐẠT có câu : *Tối về nói Võ thở hè-ha.*

Đồng-Khánh, vua thứ VIII

nà Nguyễn nước Việt ta, ấy là Canh-Tòn-Thuần Hoàng-Đế.

Vì thất bại, vua Hàm-Nghi cùng Tòn-Thất-Thuyết thi ra đi mạn Quảng-Binh. Còn Nguyễn-văn-Thanh thi ở lại, bị Thống-tướng Pháp De Courcy dày rỏi sai De Champeaux lén khiêm cung yết kiến Đức Tứ-Dụ, xin lập ông Chánh-Mông là Kiên-Giang Quận-Công lén làm vua.

Ngày mồng 6 tháng 8, ông Chánh-Mông sang tòa khâm-sứ làm lê Thọ-phong, rồi làm lê Tấn-tòn, đặt niên-hiệu là Đồng-Khánh.

Ngày 28 tháng giêng năm Mậu-tí (1888) vua Đồng-Khánh phải bình mất. Thọ 25 tuổi, làm vua 3 năm.

Đồng tâm dài, sợi thắt lưng có hai dải lụa buộc lại với nhau để biểu - hiệu cái lòng kết hiệp của vợ với chồng. Dải đồng.

Đồng tâm kết, cái nút thắt bằng hai dải lụa cũng có một nghĩa với đồng tâm và đồng tâm dài.

Đồng thanh tương ứng; **đồng khí tương cầu**, thanh là tiếng; khí là hơi. Những vật cùng tiếng thì

ứng nhau; những vật cùng khi loại thì tìm nhau.

Đồng-tử quân, quân đội con nít từ 10 tuổi sắp lên. Tập các kiểu tư-vé, tư liệu... có hàng ngũ, kỷ luật... để giúp-dở cho nhau và giúp đỡ kẻ khác đảng. Cũng gọi là hướng-dạo.

Đồng tước dài, dài của Ngụy-Võ-Đế (Tào-Tháo) xây ở tỉnh Hà-Nam (Tàu).

Thơ Đỗ-Mục-Chi đời nhà Đường có câu :

*Đồng phong bắt dữ Châu-Lang tiện,
Đồng tước thám xuân tỏa nhị kiều.*

Nếu gió đồng phong không giúp Châu-Du, thì hai nàng Kiều (hai chị em, người chị Đại Kiều gả cho Tôn-Sách, người em Tiêu-Kiều gả cho Châu-Du) đã bị khóa xuân ở dài Đồng-Tước rồi. KIM-VÂN-KIỀU có câu :

Một nền Đồng-Tước khóa xuân hai Kiều.

Đồng-Hồ bút, ngòi bút ông Đồng-Hồ.

Đời Tấn lúc Triệu-Tuân cầm quyền chánh, Triệu-Xuyên giết vua. Đồng-Hồ làm quan Ngự-sử chép hẳn rằng Triệu-

Tuần giết vua minh. Tuần biêu Hồ sứa.

« -- Ngài làm quan đầu Triều, để người giết vua, thi ngài gánh lấy tội ».

Tuần cưỡng-bức Hồ. Hồ nói : « -- Giết tôi thì được, sửa bút tôi không được ».

Đồng phung, X. HẠNH LÂM

Đồng - Quản - Xuyên, tên Trọng-Thơ, cũng kêu là Đồng-Tử, người quận Quản-Xuyên, chuyên trị kinh Xuân-thu có dạy thái-tử và có dung cho vua Hán-Võ-Đế ba bộ sách kêu là THIỀN NHÂN TAM SÁCH. Vua khen hay mà không dùng, chỉ cho ra làm quan đất Giang-Đô mà thôi. Có câu :

Thương thầy Đồng-Tử cao xa, chí thời có chí ngồi mà không ngồi.

Đồng - Thiên - Vương, đời Hùng-Vương trong nước có giặc Ân. Tiên truyền có người ở làng Phù-Đồng cõi ngựa sắt cầm siêu sắt đánh tan giặc rồi bay bổng trên không biến mất. Ấy là Đồng-Thiên-Vương, bây giờ vẫn còn đèn thờ ở ngoài Bắc.

Đồng-Trọng-Thơ, X. ĐỒNG QUẢN-XUYÊN.

Đồng-Vĩnh, rút trong

NHỊ THẬP TÚ HIẾU, tích số 8.

Người đời Hán nhà nghèo, gấp lúc chẳng may cha chết phải đi đợt mình lấy tiền mà táng cha. Có người chịu cho mượn tiền mà giao phải ở dẹt trả cho đủ ba trăm cây gấm.

Chôn cát xong xuôi, Đồng-Vĩnh ra đi ở với người, hờn còng; giữa đường gặp một người dân bà xin theo làm vợ. Vợ chồng mới xúm nhau dẹt có một tháng mà rồi hết ba trăm cây gấm.

Đến lúc ra về giữa đường cũng chồ gặp nhau hồi trước, vợ Đồng-Vĩnh từ ta chồng ra đi mất. Người ta nói trời thấy Đồng-Vĩnh có hiếu nên sai tiên xuống giúp Đồng-Vĩnh trả cho mau rồi nợ.

Đóng Đinh, tên một cái hồ trong năm cái hồ danh thắng bên Tàu. Ngày nay hãy còn có tiếng.

Đóng khai trùng môn, mở hoát cả mấy lầu cửa.

Tích Tống-Thái-Tô thường khiến mở hết mấy lầu cửa trong cung, chỉ rằng mình minh-chánh không sợ ai dòm ngó.

Đóng phòng, đóng là kín,

phòng là buồng. Dùng để nói cái phòng để rước dâu; rồi lần lần sau này nói cái đêm rước dâu.

Đơn ky bình man, một mình một ngựa đánh giặc man. Đời Trần, Trịnh - Giác - Mật làm phản ở Đà-Giang. Vua Trần sai Trần-Nhựt-Duật ra dẹp. Bình trào đến sông Đà. Có sứ giặc đến nói : « Nếu Duật một người một ngựa dám qua trại giặc thì Giác-Mật chịu ra đầu ngay ». Nhựt-Duật liền chịu. Tới nơi, Giác-Mật thấy Nhựt-Duật một người một ngựa dám tới trại mình, mà biết tiếng man, thao phong tục man thì phục lâm, liền kéo hết binh man ra đầu.

Đuốc, ngọn đuốc VÂN-

Trường : lúc Quan - VÂN - Trường thất thủ Hạ-Bì, phò hai người chị dâu là vợ Lưu-Bì, qua tá-túc bên Tào, đêm tám tối Tào-Tháo để cho ba người ở chung một chỗ, cố ý cho tôi chúa loạn luân, làm cho Quan-Công đứng theo Lưu-Bì nữa được, phải ở lại với Tào-Tháo. Ma Quan-Công một lòng chánh trực, đốt đuốc cầm tay đọc sách tới sáng ra mới tắt, làm cho không còn ai dám bàn-luận gì nữa.

Đuốc hoa, X. HOA CHÚC

Đuồi cá cho vực, đuồi chim cho rừng, con rái-cá rượt bắt cá thì cá chạy ra vực đặng núp; con chim bù-cắt rượt bắt chim thì chim bay vô rừng đặng tránh.

Nghĩa bóng là giặc-giã tranh cướp tàn hại dân chúng thì dân chúng di tránh chỗ khác hết.

Cá vực chim rừng ai khiển

đuồi,
Núi xương sông huyết thảm

đầy voi.

(NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM)

Đức, tiếng gọi có ý tôn trọng. Cũng có nghĩa chỉ bực đức - hạnh cảm - hóa được người ta.

Đức, THIỀN-TỬ có tâm đức:

Nhơn,	Kính,
Hiếu,	Cang,
Thông,	Kiệm,
Minh,	Học.

Tâm đức của TỀ-TUỐNG là:

Trung,	Thứ,
Chánh,	Dung,
Minh,	Khoa,
Biện,	Hậu.

Tâm đức của NGUYỄN-NHUNG
lại khác :

Liêm,	Tri,
Quả,	Tín,

Nhơn,	Nghiêm,
Dỗng,	Minh.

Đức cầm, loài chim có đức : Gà và phượng.

Đức-Tồ, người Huệ-Am, tên Dương-Tu, mới nén 9 tuổi mà đã khôn lăm rỗi.

Ngày kia có ông Khổng-Quân-Bình là bạn thiết của cha người, tới nhà thăm, nhầm lúc cha người đi khỏi. Đức-Tồ mới ra tiếp khách thay cho cha.

Khổng-Quân-Bình thấy trong mâm có trái ô-môi, thi nói chơi với người rằng :

“ — Trái này là trái dòng-dõi của nhà ngươi vậy !

— Ông nói vậy được, thi có khi loài công cũng là một loài của nhà ông vậy ».

Dương-Tu lấy chữ Khổng-Tước là tên chữ của con công mà đổi với chữ dương-mai là là tên trái ô-môi.

Đương cuộc giả mê, bằng quan giả liệu, người có trách nhiệm trong cuộc thường vì cuộc mà bối rối, còn người ngoài, dòm vào thì rõ.

Đường-Anh-Công, Anh-Công, tên là Từ-Tịch, tự là Mậu-Công, Vua chò dời họ Lý nên kêu là Lý-Tịch.

BẾ THÚ NHƯ HẠ.

Đường ngu ấp tốn tam bôi tửu, việc trao đổi ngôi vua như đời Đường đời Ngu chỉ là chuyện chủ khách dãi nhau ba chén rượu thôi! đó là câu thơ của Thiệu-Khang-Tiết đời nhà Tống.

Đường - Nhương - Thor, đời Đông-Châu, người ở Đông-Hải. Sau làm tông Tề-Cảnh-Công. Bình pháp tinh-thông công-bình chánh-trực. Lãnh chỉ ra làm tướng, bất luận hoàng thân quốc thích, ai vi lệnh thi xử theo luật. Vì vậy nết trí binh cường.

Đường-Thị, lấy trong NHỊ THẬP TỨ HIẾU tích số 22. Bà cố nội của Thôi-Sơn-Nam, già rụng răng, ăn không được, có người dâu họ Đường, mỗi bữa cho mẹ chồng bú; nhờ vậy mà mẹ chồng không ăn cơm cũng sống lâu được.



Gác - Đường Yến - Châu,
GÁC LĂNG - YẾN dời Đường (Tàu) có vẻ hình của các quan có công để thờ cho nhở. YẾN - CHÂU, lệ dời nhà Châu hê chư hầu có công thì ban yến.

Gác khói dài mây, X. YÊN - CÁC VÂN - ĐÀI.

Gác tía, lầu son, chồ con gái nhà quan hay là nhà sang trọng ở.

Gang tấc, tích Tề - Hoàn - Công (Tàu) làm bá, hiệp các chư-hầu ở Qui-Kỳ để chầu vua. Vua Châu không cho Hoàn - Công lạy, mà Hoàn - Công cứ lạy, nói rằng: « Trước mặt rồng không dám sai một gang một tấc ».

Gành Thái, sông Thái-Thạch. Tích Lý - Thái - Bạch đậu thuyền ở đó, say rượu té xuống sông mà chết.

Gân gà, Tào - Tháo đi đánh Thục, thua Lưu - Bị. Đóng binh tại Dương-Bình-Quan, ra khẩu hiệu: Gân gà. Dương-Tu đoán Tào-Tháo tinh lui binh, vì gân gà ăn thịt không có thịt, còn bỏ thiếc nó có mùi. Bây giờ muốn tấn binh thì thắng không nỗi, thối thi sợ người ta cười, mà ở hoài tại đây thì không có ích.

Kê Lặc Công Danh.

Gia - Cát - Lượng, tự là Khồng-Minh (181-234).

Trước ở ẩn Nam-Dương, tại Ngọa-Long-Can, sau ra làm quân-sư cho Lưu-Bị, nước Thục. Có tài nhưng không phẩithời, nên Tam-Quốc phản tranh không làm sao thâu về một mối.

Gia đồng, đứa ở trong nhà; tội tá trong nhà.

Gia kê, tục bên Tàu, con gái từ 15 tới 20 tuổi, chừng hứa gả thì làm lễ gia-kê, nghĩa là lễ giắt trâm. X. GIA QUAN.

Gia-Long, X. NGUYỄN - THẾ - TÔ CAO-HOÀNG-ĐẾ.

Gia phong, thói, nền niếp trong nhà; đây nói thói và nền niếp tốt-dep.

Gia quan, gia là gác; quan là mão, mũ. Tục bên Tàu con trai từ 15 đến 20 tuổi thì làm lễ dội mão. Gia quan cũng có nghĩa ra làm quan.

Gia quan tẩm trước, ra làm quan được lên chức.

Gia tẩm, khách ăn cơm nhà người.

Gia thất duyên hài, vợ chồng đã đẹp duyên vui-vẻ.

Già, cửa già, nhà chùa. Bởi chữ GIÀ - LAM chùa Phật mà ra.

Già, cái gòng.

Mộc già hãy thử một thiêng, trình nghệ. (KIỀU)

Già phò gậy đền xem thanh trị, đời xưa vua nào hiền đức, trị nước yên tĩnh thì những ông già 70 tuổi được phép chống gậy vào xem các quan hành sự.

Già tăng, các nhà str.

Giả dung hối dâm, làm dáng điệu là dạy điều dâm-dục cho người.

Giả nghị, một người học giả có tiếng hối dời Hòn. 200-168 trước kỷ-nguyễn. X. SAU CHU TÙ.

Giá, ở các xứ lạnh, trời lạnh nước sông đặc có chỗ dày chỗ mỏng. Mấy chỗ mỏng, minh vò ý đi giẫm lên trên, bể, hut chon lọt xuống sông phải chết chìm. X. BĂNG-TUYẾT.

Giá áo, túi cơm, đồ móc áo, túi đựng cơm. Đè ám chỉ những kẻ không ra gì, cho những kẻ ấy là đồ đe mang áo, đựng cơm chờ không phải là người.

Giác cản, khăn có góc của người ăn sī hay là của các quan hồi hưu hay đội.

Giác thơ, thơ viết làm 2 bồn; 1 bồn gởi đi 1 bồn còn dinh lai trong số để sau đâu 2 chỗ cắc cho biết thiệt giả.

Giai chương, giai là tốt chương là chương. Giai chương là bài thơ hay.

Giai nhân, người con gái đẹp.

Giai cầu, gấp-gõ.

Giải-Tấn, tự là Thái - Sơ, người tỉnh Giang - Tây, đời

nà Minh. Nên sáu tuổi mà đã thông minh lắm. Ông nội người hỏi người : Đến lớn cháu muốn làm gì ? Giải-Tán trả lời :

*Trẻ thơ muốn giống gì?
Muốn gần chi lan thất.
Lại muốn vịnh rồng bay,
Lên trời xem mặt nhứt*

Năm Hồng-Võ, người thi đậu tú-sĩ, đến năm Vĩnh-Lạc, người 18 tuổi, được bổ vào Hàn-lâm học-sĩ.

Gian-Cách, NHỊ-THẬP TÙ-HIẾU, số 9.

Chữ đặt Thư-Ông, đời Hậu-Hán. Cha mất sớm ở với mẹ. Rủi gặp lúc loạn ly, công mẹ đi trốn bị quân giặc bắt được. Gian-Cách lạy khóc : Tôi còn chút mẹ già, đừng bắt mẹ tôi tội nghiệp. Giặc thấy vậy không giết, thả đi. Gian-Cách dắt mẹ qua đất Hà-Phì, đi làm mướn mà nuôi mẹ kiêm đặng miếng ngon vật lạ gì cũng đem về cho mẹ dùng.

Gian Xảo: THIẾU-CHÁNH-MÃO, đời Đông-Châu, người nước Lỗ, học nhiều, lanh xảo. Hay đặt chuyện xui ba nhà quyền thế ở nước Lỗ đời bấy giờ là Mạnh-Tôn Võ-Ký, Thúc-Tôn Châu-Cừu, Quí-Tôn-Ty, làm

nhiều điều tát quái, trái ngược.

Gian-Định-Đế, (1407-1409). Nhà Hậu-Trần. Hồ-Qui-Lý chiếm ngôi của nhà Trần, bị quân nhà Minh qua phạt, rồi chiếm lại nước ta.

Con thứ Trần-Nghệ-Tôn là Qui, tự xưng Gian - Nghị Hoàng-Đế, lấy niên hiệu Gian-Định-Đế, mộ nghĩa binh đánh đuổi quân Tàu, phục quốc. Sau rồi thế yếu cũng phải thua.

Gian - Tôn - Nghị Hoàng-Đế, X. KIẾN-PHƯỚC.

Gian-văn, X. BỒ LIỄU CHI TU, VÒNG THU NHI LẠC:

Giang đình, đình quán bên bờ sông.

Giang hồ, giang là sông, hồ là hồ. Người không có định sở, rày đây mai đó.

Giang hồ quen thú vầy vùng
(KIỀU)

Đòn bà lắng-lo, đem bán đang thuyền-quyên.

Mười lăm năm lưu lạc
giang hồ. (KIỀU)

Quan về hưu lấy chữ an-nhàn làm thích nay xem phong cảnh, mai ngắm thanh son. *Giang hồ lang miếu trời đồi ngã*

bị gác canh dài đất một hòn.
(ÔN-NHƯ-HẦU).

Giang yêm, X. MỘNG HOA.

Giáng-Hương, tên nàng tiên mà ông Từ-Thúc gấp ở động Bích-Đào, thuộc về tỉnh Thanh-Hóa.

Giao, noi nhà vua té trời ngày đông chí. Bên mình, vua ta té trời ở Nam-Giao.

Giao cành, TÌNH-SỬ chép Tống-Khang-Vương thấy vợ Hán-Băng là Hà-Thị đẹp lắm. Giết Băng để cưới Hà-Thị. Hà-Thị không muốn thất thân, tự tử, để tho lại xin được chôn chung với chồng. Khang-

Vương lấy Hà-Thị không được, giận. Không làm vừa lòng Hà-Thị, mà lại còn bắt chôn đổi nhau. Bữa sau người ta thấy mỗi cái mồ có một cây tử mộc lèn, trên thì cành kết với nhau, còn dưới thì rẽ liền với nhau.

Giao-Châu, tên nước Việt ta đời Tây-Hán vua Võ-đế; gồm có 7 quận.

Giao-Chỉ, tên nước ta hồi trước.

Giao lân, di di lại lại với láng giềng hàng-xóm.

Còn một nghĩa nữa là hai nước láng-giềng giao-hảo với nhau.

Giáp năm, con nit xứ mình trong thời đợi gần đây, sanh ra đúng một năm, thì cha mẹ đứa nhỏ thường làm một lê cúng chè xôi bánh trái, có kẽ lại cúng vịt, gà, heo, ngỗng gọi là *ăn giáp năm*, *ăn đầy tuổi*, *ăn thoi-nói*, *ăn tái-tỏi*. Con trai thi có cung, tên, giấy, viết, còn con gái thi chỉ, kim, kiển, lược, rồi dè coi đứa nhỏ bắt vật chi mà đoán tương-lai của nó.

Giàu đổi bạn, sang đổi vợ, mà Tống-Công không phải vậy. X. HỒ-DƯƠNG CÔNG-CHÚA.

Giặc Bình, vườn Giặc Bình, giặc là Giặc-Đường; Bình là Bình-Toàn. Tên hai cái vườn có danh tiếng đời vua Hán-Võ-Đế.

Giặc hoè, tích Thuần-Vu-Phản uống rượu say, nằm ngủ dưới cội cây hoè. Nên thường nói ngủ là an giặc hoè.

Giặc mai, nằm chiêm bao thấy bạn. Lấy trong câu: *Tương tư nhứt dạ mai hoa phát, hốt đáo song tiền nghi thị quản.* Nghĩa là: Nhớ nhau một đêm hoa mai nở; phát phơ trước cửa sổ ngõ là tình nhân.

Giấm, giấm chua, dòn bà ghen ; lấy tích vua nước Kim sủng-ái hai vị cung-phi. Chứng Kim-Vương thăng hà, Tiêu hoàng-hậu theo lời dặn của vua, đem hai nàng cung-phi chôn theo nhưng sợ đề toàn thây thì xuống dưới suối vàng vua lại luyến-ái lại, nên lắt thịt, lấy xương ngâm giấm chua cho tiêu không còn dạng. *Chanh chua cũng chịu, giấm chua cũng liều.*

Giận, thầy Nhan-Tử không vì giận việc này mà bỏ sang việc khác.

Thầy Mạnh-Tử khen vua Văn vua Võ, nỗi một cơn giận mà được yên thiên hạ.

Còn Trương-Kinh-Phu lại nói: « *Giận tiếc máu không nên có; giận nghĩa-lý không nên không.* ».

Lấy đó mà suy thì đáng giận cũng nên giận, mà không đáng giận thì chẳng nên giận.

Gieo cầu, bên Tàu con gái có nhan sắc hay có tài tình thì cha mẹ (thường là nhà giàu, nhà quan hay là nhà vua, mới kén rè kiều đó), cho làm một cái lầu để người con gái ở trên, gieo quả cầu xuống, ai cướp được thi người ấy được làm chồng. X. THANH CẦU.

Gieo đào trả mận, lấy trong KINH THI đề nói chịu ơn báo ơn.

Gieo đào thả lý, trai gái chọc ghẹo nhau.

Gieo thoι, Trich thoá
X. THÔI-OANH-OANH.

Gió băng, X. BĂNG PHONG

Gió bắt, mura cầm, mura khóa, gió rào. Đề nói việc gì bị điều ngăn trở. Nàng rằng: « *Gió bắt, mura cầm.* » (KIỀU)

Gió cuộn, mây bay, vật đổi sao đổi. Đề nói chuyện gì hay đổi đổi chờ không một mục đe dọa.

Gió đông, gió mùa xuân.

Gió tà, tà phong; ngọn gió xiên lich, không thổi theo phương chánh. Dùng để nói bóng, những điều không đúng đắn của người đời.

Gió vàng, X. KIM PHONG.

Giọt hồng, nước mắt. Lấy tích nàng Tiết-Linh-Vân đời nhà Tùy; khi được tuyển vào cung, từ biệt cha mẹ, khóc đến đồi ra máu ở mắt.

Giọt sương, nước mắt. Sương lệ

Giọt tương, nước mắt. X. TƯƠNG GIANG.

Giới trù, giáp mao của tướng-sĩ.

Giới-Tử-Thôi, có chỗ viết GIỚI-CHI-THÔI. Cao-sĩ nhà Tần, đời Xuân-thu, trốn theo Thái-tử Trùng-Nhĩ. Đi nước này qua nước nọ không ai thèm được. Giữa đường dời không chỉ mà ăn, Giới-Tử-Thôi mới lát bắp về lấy thịt nấu cho Trùng-Nhĩ ăn. Sau Trùng-Nhĩ trở về nước được, lên làm vua lấy hiệu Tần-Văn-Công.

Chứng đó không nhớ tới công ơn của Thôi. Thôi cõng mẹ vào ở ẩn núi Miên-Thượng. Sau có người lôi xóm tên Giải-Trương thấy vây tức minh, vào trào nhắc lại với Tần-hầu nhớ lại, lên Miên-Thượng cho dời Thôi ra. Thôi không ra. Văn-Công biếu đốt núi, có ý dọa cho Thôi ra. Mà Thôi cũng không ra ở trong chiu chét thiêu. Lúc đó là ngày mồng 3 tháng ba. Sau tới ngày đó vua truyền cẩm lúa, ăn nguội, để nhớ tới người xưa. Rồi sau này ngày kỷ niệm đó thành một ngày vui chơi.

Gót lan, gót sen, X. LIÊN BỘ.

Gốc phần, cây phần, thường trồng ở đầu làng. Ý nói làng minh, quê minh.

Gốc tử, lấy diền trong KINH THI: *Duy lang giữ tử, tất cung kinh chí.* Nghĩa là giữ cây dâu, gìn cây tử của cha mẹ mình trong hồi còn sanh tiền, là minh kính cha mẹ vậy.

Nói rộng ra, thì có nghĩa là để dạy con người. Cha mẹ làm chi không nên sửa đổi, phải theo khuôn khổ đó mà làm.

Gối du tiên, trong sách KHAI-THIỀN DỊ-SỰ có chép: Đời Đường nước Qui-Tư có đem dung một cái gối dỗ như mả não mà trong như ngọc, nằm gối đầu thì thấy dù chín châu, tám dão, bốn biển, năm hồ. Vua cho rằng qui lâm, mới đặt là DU-TIỀN-CHÀM.

Gươm báu,

1.— *Thiên-Tử kiếm*, tên BẠCH-HỒNG-TỬ-ĐIỀN của Ngô-vương để treo trên vách, tà ma xa lánh, quỉ mị nấp hình.

2.— *Tề-Tương kiếm* hai cày; Cây trống tên LONG-TUYỀN, cây mái tên THÁI-A chớp nháng thấy sao Ngưu sao Đầu.

3.— *Nguyên-Nhung kiếm* cũng hai cây tên CAN-TƯƠNG và MẶC-DA.

4.— *Gươm Chủy-Thủ* cũng tên là gươm NGŨ-TRƯƠNG của vua

Việt Doãn-Phương khiến Âu-Dà-Tử, người thợ rèn gurom có tiếng dời đó, rèn.

Gurom MẠC-DA và **gurom CAN-TƯƠNG**. Cố tích như vậy: Ngò - Hap - Lur giết anh, lén ngòi, khiến tên thợ rèn gurom báu tên là Can - Tương rèn riêng cho mình một luỗi gurom.

Can-Tương tim sắt tốt, vàng rồng, rồi lựa 300 con gái còn tơ đốt than nung lò, 3 tháng như vậy mà vàng không chảy. Vợ Can-Tương là nàng Mạc-Da nói hễ rèn cái gì mà không hóa thi cần phải có người để cúng mới nên cho.

Mạc-Da mới tắm gội sạch-sẽ, cắt tóc, nhổ răng, khiến người quạt lửa cho đỗ rồi gieo mình vào lò than. Vàng thau đều chảy. Can - Tương mới rèn được 2 luỗi gurom, một luỗi thuộc dương đặt tên là *Can-Tương*, một luỗi thuộc âm, đặt tên là *Mạc-Da*.

Can-Tương chỉ đem luỗi *Mạc-Da* dung cho Hap-Lur còn luỗi kia thì giấu. Hap-Lur biết được gián lầm, sai người qua đoạt. Can-Tương lấy gurom ra hóa rồng cõi mà đi mất.

600 năm sau, tới triều Tân, phía sao Ngưu sao Đầu có đám

mây tia. Lôi - Hoán thông thiên văn, xem nói là diềm cờ bửu kiém hiện ở đất Phong Thành. Vua chò Lôi-Hoán đi tim, quả nhiên tim được 2 luỗi gurom giấu trong cái hộp đá chôn ở dưới nền nhà ngục,

Lấy đất ở núi Tây-Xirong mà chui thì gurom chiếu sáng rõ và bền lâm.

Có chỗ chép 2 cây gurom này một cây trống tên LONG-TUYỀN một cây mái tên THÁI-A.

GUƠM THẦN. Tục truyền Đức Hưng - Đạo được tiên ban cho một thanh kiém thần tên PHI-THIỀN THẦN - KIẾM; nhờ thanh kiém đó mà khôi phục nước lại.

Guơng bề làm hai, tích công-chúa nước Trần, có kẻ nói tên là Nhạc-Xương, vợ của phò-mã Trần-Đức-Ngôn, trong khi nhà Trần bị nhà Tùy đánh phá, vừa buồm loạn-ly, lúc biệt nhau, công-chúa đập guơng bề làm hai mảnh, mỗi người giữ một mảnh để làm tin, dán nhau cứ đến ngày Thượng-nguyên, đem guơng ra chợ mà bán tặng tim nhau.

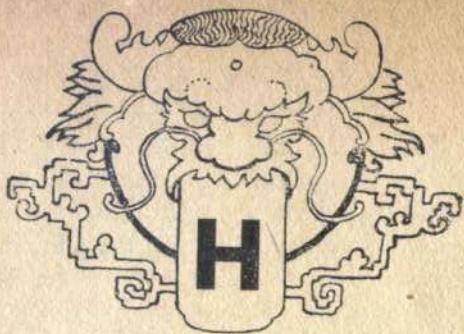
Nhờ kế đó mà sau hai vợ chồng lại gặp nhau. PHÁ CÀNH TRUNG VI.

Bây giờ guơng vỡ lại lành
(KIỀU)

Guơng lầu Tân, tích nói Tân-Thi-Hoàng có cái guơng hễ ai dè chở trái tim mà soi thi thấy trong gan ruột. Đàn

bà bắt chánh thì thấy mặt phòng len còn quả tim thì động. Tục nói Thi-Hoàng dùng guơng đó dè soi cung-nữ, hễ thấy cung-nữ nào mà trái tim động thì giết.





Hà bá, Thần đòn bà ở dưới nước, hay làm hại người ta.

Hà châu, hà là sông, châu là bãi. Là cái bãi chim thư cưu thường đậu. Trong KINH THI dùng để ví gái lành sánh với trai quàn-tử.

Quan quan thư cưu, tại hà chi châu, yêu diệu thực nữ, quân tử hảo cưu. Nghĩa là : Riu rít chim thư kêu ở ngoài bãi sông; yêu diệu người thực nữ, sánh đôi cùng người quân tử. Câu thơ này khen một bà phi của vua Văn-Vương nết na đoan chính.

Hà đồ, Tượng truyền đời vua

*Thùy tự Lông-Khâu cư sĩ hiền,
Đàm không thuyết pháp dạ bất miên.
Hốt văn hà đông sư tử hóng,
Trụ thượng lạc thủ tâm mang nhiên.*

Nghĩa là :

Ai hiền bằng thầy đồ Long-Khâu,

*Đọc kinh thuyết pháp suốt đêm thâu.
Bồng nghe sư tử hà đông thét,
Tay rung gậy rót lòng sợ hãi.*

Ta bắt đó mà nói : Đòn bà ghen như sư tử Hà Đông.

Hà hiếu-tử, một người họ Hà có hiếu với mẹ, động lòng trời Phật, sau nhờ tiên ông mách bảo công mẹ già chạy trước, khỏi họa ương rồi sau làm giàu to. Chép trong tập TRẦN-GIA THUYẾT-THOẠI.

Hà hoa sanh nhựt, là ngày 24 tháng sáu âm lịch ngày hoa sen nở.

Hà-Lạc Lý-Số, cuốn sách bối số mang, tượng truyền của TRẦN-DOAN LÃO-TÔ làm ra, lấy theo LẠC-THƠ và HÀ-ĐỒ.

Hà-Lương, cầu sông. Có câu thơ cõi nói chia tay nhau ở chốn Hà-Lương, nên bây giờ lấy Hà-Lương làm nơi tiễn-bié特.

Hà mô, tên một cái gò ở Trường-An, ở đó có nhiều hòn-lâu túu-diếm.

Hà Tấn, anh Hà-Hậu, vợ vua Linh-Đế, đời Tam-quốc. Thập-Thường-Thị chuyên quyền, lúc đó Hà-Tấn có thể phat Thập-Thường-Thị được, mà không làm. Đề sau hết dịp bị Thập-Thường-Thị hại lại.

Hà thanh, sông trong. Tương truyền sông Huýnh bên Tàu, nước thường thì đục, mà khi nào trong thì có vua thánh ra đời. Bởi vậy truyền ngữ rằng lúc Hớn-Cao-Tô ra đời ở đất Bái, diệt Tần lập nhà Hớn, thì năm ấy nước sông Huýnh-Hà trong treo khác thường.

Hà-Tiên, là một tỉnh Việt-Nam ở gần biển Xiêm-la cũng gọi là Phương-Thành. Phong cảnh đẹp. Có mười bài liên hường tả cảnh Hà-Tiên xưa nay ta cho là kiệt-tác :

HÀ-TIỀN THẬP CẢNH :

ĐÔNG-HỒ ĂN NGUYỆT (Phá Hà-Tiên)

*Một hồ rõ rỡ tiết thu quang.
Giữa có vàng trắng nổi rõ ràng.*

Đây nước chørn mây in một sắc,
Ấ Hằng nàng Tố lố đói phang.
Rạng banh⁽¹⁾ đã hưng thoản Tô-tử,
Lạnh léo càng đau kién Nhạc-xương.
Cảnh một mà tình người đẽ một,
Người thi ngã ngớn, kẻ sầu thương.

NAM-PHỐ TRÙNG BA

Dòng nam vắng rạng khách dẫu chơi,
Hai thức như thêu nước với trời.
Bãi khói dưới không hương lại bỏ,
Hồ gương trong có gấm thèm roi.
Sóng chồn vãi ngọc tinh không xiết,
Nhạn tĩ thơ trời già mẩy mươi.
Một lá yên-ba dẫu lồng léo,
Đong trăng lường gió nước voi voi.

GIANG THÀNH DẠ CỘ

Trống quân Giang thú nỗi oai phong,
Giống giã đồi canh ỏi núi sông.
Đánh phá lủ gian người biết mặt,
Vang truyền lệnh sấm chung nghiệp lòng.
Phao tuồng thấy đã an ba vạc,
Nhiệm nhặt chỉ cho lợt mây lồng.
Thề lun sớm chầu trưa bóng ác,
Tiếng xe sầm sát mới nên công.

TIÊU TỰ THẦN CHUNG (Chùa Phù-Dung)

Rừng thiền xít-xát áng ngoài tào,
Chuồng gióng chùa tiêu tiếng cao.
Chày thô bắc vang muôn khóm sóng,
Oai kinh thét rót mây cung sao.

(1) Có chỗ chép « rạng thanh ».

Phiền nao kẻ nấu sôi như vạc,
Trí huệ người mài sắc tự dao.
Mờ mệt gầm đường say mót tinh,
Phù sanh trong một giấc chiêm bao.

LƯ KHÈ NHÀN ĐIẾU⁽¹⁾ (Rạch Dược)

Bến Dược nhà ngư cát mẩy tùng,
Trong nhàn, riêng có sự lăng xăng.⁽²⁾
Lưới chài phơi bùa đầy sân Hạ,
Gỏi rượu say sura toại nghiệp Hằng.
Nghề Thuấn hảy truyền nghề trát trát,
Dẫu Nghiêu còn thấy dấu răng răng.
Suy đây mười cảnh thanh hòa lạ,
Họa cảnh Bồng-lai mới sánh bằng.

LỘC TRỈ THÔN CỦ (Mui nai)

Lâm-lộc ai rằng núi chẳng thanh,
Nửa kề nước bích nửa non xanh.
Dủi co chẳng túng càn khôn hép,
Cùi ngửa vì vắng đícg giáo lành.
Lưu loát hướng dư con nước thanh,
È hè sẵn có cửa trời dành.
Đâu no thì đó là an lạc,
Lụa phải chen chørn chốn thị thành.

BÌNH-SƠN ĐIỆP TÚY (Núi Lăng)

Một bước càng thêm một thú yêu,
Lần cây vit đá vẽ hay thêu?
Mây tòng khói liễu chồng rồi chập,
Đòn suối ca chim thấp lại kiêu.

(1) Có chỗ chép « Lư Khè ngư bạc »

(2) Có chỗ chép « trong nhàn đường thấy »

*Luật ngọc Trâu-ông chẳng phải trỗi,
Ngòi sương Ma-cát đã thua nhiều.
Đến đây mới biết lâm-tuyền qui,
Chẳng trách Sào Do lánh Đé Nghiêu.*

THẠCH ĐỘNG THẦU VÂN

*Quả trồ thần xoi trồ một tòa,
Chòm cây khóm đá dấu tiên gia.
Hang sâu thăm thăm mây vun lại,
Cửa rộng thinh thinh gió thổi qua.
Trống-lồng bốn bề thâu thế giải,
Chang-bang một đáy chúa yên hà.
Chợn trời mới biết kho trời đáy,
Cân đáy hèn chỉ rõ ỹ la.*

KIM DỰ LANG ĐÀO (Tô Châu)

*Kim-dự này là núi chốt then,
Xanh xanh dành trấn cửa Hà-tiên.
Ngăn ngừa nước dữ không vùng vẫy,
Che chở dân lành khỏi ngứa nghiêng.
Thế cả vũng vàng trên Bắc-hải,
Công cao đồ sộ giữa Nam-thiên.
Nước an chẳng chút lòng thu động,
Rộng bùa nhơn ra tiếp bá xuyên.*

CHÂU-NHAM LẠC NHẠN⁽¹⁾ (Núi Đá-dụng)

*Biết chỗ mà nương ấy mới khôn,
Bay về đầm cù mẩy mươi muôn.
Đã giăng chử nhứt dài trăm trượng,
Lại sấp bàn cờ trắng mẩy non.*

(1) Có chỗ chép « lạc lộ »

*Ngày lụn ba xuân ngắn phẩn vẽ,
Đêm trường chín hạ tuyết sương còn.
Quen cây chim thè người quen chúa,
Dẽ đổi ngàn vàng một tấm son.*

HÀ-TIỀN THẬP CẢNH TỒNG LUẬN

*Mười cảnh Hà-Tiên rất hữu tình,
Non non nước nước gấm nên xinh.
Đông-hồ, Lộc-trỉ luôn dòng chảy,
Nam-phố, Lư-khé một mạch xanh.
Tiêu-tự, Giang-thành chuông trống ỏi,
Châu-nham, Kim-dự cá chim doanh.
Bình-son, Thạch-động là rường cột,
Sừng sưng muôn năm củng đẽ dành.*

MẠC-THIỀN-TÚ⁽¹⁾

Hà, đầu mùa hạ hoa lê nở,
có chim oanh vàng. Đầu hạ
cuối xuân thì chim quyên kêu.
Mùa hạ là mùa bông hè, bông
sen, bông đàm, bông liễu nở.
Mùa ve kêu. Chúa mùa hạ
tên là CHÚC-DUNG.

*Ngoài song thỏ thẻ oanh vàng,
Nách tượng bông liễu bay
ngang trước mành. (KIỀU)*

Hà-Cơ, một người tuyệt
sắc gai-nhơn, 60 tuổi mà còn
đẹp. Nhưng tánh lăng loàn.
Có câu :

*Hà-Cơ lớn nhỏ cũng ưa,
Sớm đưa Doãn-phủ tối ngừa
Trần-Quản.*

Hà diền, lê cung thần Nông
ngày bắt đầu làm việc ruộng
nương trong năm, vào tháng
trừ âm lịch X. THƯỢNG ĐIỀN.

Hà nguơn, rầm tháng
mười.

Hà tháp, đặt giường tiếp
khách. Tích người Trần-Phòn
có người bạn tên Tứ-Trí đến
chơi, mới đặt cái giường để

(1) Mạc-Thiền-Tú hồi đó làm chức Đô-đốc trấn Hà-Tiên. Người là con Mạc-Cửu,
mù Mạc-Cửu là người Tàu, trốn nhà Thanh, qua lập nghiệp ở Hà-Tiên, năm
Mậu-Lý (1708) xin thuộc về chúa Nguyễn, được chúa phong chức Tống-binh giữ
đất Hà-Tiên.

tiếp. Chứng Từ-Trĩ về, thì Trần-Phồn treo giường lên không tiếp ai nữa.

Hạ thọ, 60 tuổi. (Trung thọ thi 70 tuổi. Còn 80 tuổi mới là thượng thọ).

Hạc (xe hạc cởi hạc)

Tích xưa bốn người bạn ngồi chơi, ước với nhau: Một người thi ước được vạn quan tiền; một người ước được cởi hạc lên trời; người thứ ba ước làm quan Thái-thú Dương - Châu. Người thứ tư, lại ước: Lưng đeo một vạn quan tiền, cởi hạc bay tới Dương - Châu làm quan Thái-thú.

Hạc lầu. tích THÔI-HIỆU đời Đường có làm một bài thơ đề HẠC LẦU.

Hạc nội mây ngàn, ngàn là núi, xa xuôi đầu đâu; nội là ngoài đồng. Mây trên núi, hạc ngoài đồng, rày đây mai đó biết là về đâu.

Hạc trắng, VỆ-Y-CỘNG đời Xuân - Thu, lên nỗi ngôi cho cha, không lo việc nước, tra nuôi hạc trắng, tập nó múa, nó ó. Chứng có giặc, quân dân không giúp, còn hạc chỉ theo bạn chun chờ không biết đánh lui giặc, nên bị giặc giết.

Lấy đó làm gương, người giúp đỡ được mình, mình nên chàu cắp, còn chuyện chơi bời vô ích thì phải cho cô ngắn.

Hai kinh, xưa nước ta cũng có hai kinh đô, Tây - đô là Thanh-Hóa; còn Đông - đô là Hà-Nội.

Hai kinh đã định, bốn phương cũng bình. (NGÔ CẤT)

Hải đường, một thứ hoa rất đẹp, thường dùng để vi người dòn bà quốc sắc.

Tích Đường - Minh - Hoàng tặng Dương - Qui - Phi: *Hải đường thuy vị túc đa*: Đóa hải đường ngũ chua dù, ư?

Hải lê, X. SƠN PHONG HẢI LỄ

Hải thương, X. LÃN ÔNG

Hàm bô cô phúc, ngậm cơm vỗ bụng, tỗ dấu no ấm.

Hàm hoàn, X. NGÂM VÀNH, DƯƠNG CHẨN.

Hàm-Kinh, kinh thành nước Tàu về đời Tần.

Hàm-Nghi, vua thứ VII trào Nguyễn.

Vua Kiến - Phước mất, Nguyễn-văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết sợ lập người lớn tuổi lên thì mất quyền, bèn chọn Ưng - Lịch mới 12 tuổi

lên làm vua, đặt niên hiệu Hàm-Nghi. Lúc đó người Pháp chiếm theo hòa-ước buộc phải xin phép trước.

Thuyết và Tường làm đơn xin bằng chữ nôm thì người Pháp không chịu, buộc phải làm đơn bằng chữ nho. Rồi ngày 27 tháng 6 năm giáp-thân (1881) mới là làm lễ phong vương.

Rồi đến 18 tháng 5 năm Ất-dậu (1885) các cuộc đánh nhau với Tàu ngoài Bắc dãy yên, Thống-tướng de Courcy trở vào Huế, bắt triều-định, phải chịu quyền người Pháp bảo-hộ, và còn đòi nhiều chuyện làm mất thể diện cho triều-định, như là cho binh lính vào hoàng-thành cũng đi cửa chánh, cùng ép buộc Thuyết và Tường bồi thán qua tòa khâm sứ mà lãnh huấn lệnh...

Chứng đó, chịu nỗi không nỗi, quan quân ta liều chết chờ không chịu nhục, nỗi đêm cho công-kích tòa khâm-sứ. Quân Pháp trong đêm đó không dám ra, cứ ẩn yên trong đèn, củng cõi. Đợi mãi tối sáng mới dám cứ binh đánh trả quân ta. Quân ta, than ôi! binh thiếu, súng hổ không

cứ nỗi phải thua.

Vua Hàm-Nghi thì lánh ra Quảng-Trị rồi sau lên Tân-Sở, khiến Tôn-Thất-Thuyết làm hịch Cần - Vương cho đi các chỗ. Đầu dâu dân sự cũng nỗi lên theo vua mà chống lại với quân Pháp.

Hàm-Tử-Quan, nay thuộc huyện Đông-Yên, tỉnh Hưng-Yên chỗ ông Trần-Nhật-Duật của ta đánh đuổi Toa-Đò là tướng Mông-Cồ.

Hàn-Băng, X. GIAO CÀNH...

Hàn-Dũ, người học-giả làm Hình-bộ thị-lang đời Đường-Huyền-Tông, nghiên cứu LỤC KINH: Thi, thơ, dịch, lê, nhạc, xuân thu. Hiện nay nhạc không còn nên bày giờ kêu là NGŨ-KINH mà thôi. X. SAU CHÚ TỦ.

Văn-chương của Hàn-Dũ tự thành một phái phản - đối kịch liệt đạo Phật. Lúc đó vua Đường đương mè đạo Phật, Hàn-Dũ dựng biểu can rằng: « Từ Huỳnh - Đế xuống vua Thang, vua Văn, vua Võ đâu có đạo Phật mà nói Phật giúp. Nhưng đều hưởng lâu dài. Qua Hán-Minh-Đế đi sai sứ cầu Phật về mà thờ. Tưởng kẽ lâu dài nào hay bị loạn

vong. Rồi mãi tới Lương - Võ-Đế ở ngôi 48 năm mà trước sau phải ba lần xả thân làm sái vó ở trong chùa. Sau bị Hầu-Cánh làm bức mà phải chết đói nơi Đài - Thành nào có thấy Phật tới cứu! »

Vua giận bèn dày Dũ ra xứ Triều-Dương. *Than ôi! Nhứt phong triều tấu cùa trùng thiên, tịch biếm Triều-Dương lò bát thiên.*

Hàn-Hoành, đời nhà Đường cưới một người họ Liêu ở đường Chưong-Đài tại Trường-An, về làm vợ. Hoành phải đi làm xa, ở nhà Liêu bị tướng Phiên đến bắt. X. CHƯƠNG-ĐÀI.

Hàn huyên, hàn ôn, hàn là lạnh, huyên là ấm. Lấy chữ trong NGŨ-ĐẠI-SỦ để nói khi hai người quen gặp nhau hỏi nhau ấm lạnh thế nào.

Hàn lâm, hàn, lông cánh chim, xưa dùng làm viết, cây bút. Lâm, là rừng; rừng bút.

Nha thư của các quan xem xét sách-vở văn-chương.

Hàn mặc, hàn là bút lông; mặc là mực. Bút mực, mà cũng nói chung các việc thơ từ, cùng người theo dõi bút nghiên.

Hàn-Phi-Tử, công-tử nước

Hàn, học trò của Tuân - Tử, chuyên về hình danh pháp luật. Người tài ba mà nước Hàn không biết dùng. Sang ở với Tần, Tần trọng dụng, mà sau rồi, cũng không khỏi bị kẻ gièm pha mà phải tự xú lấy mình.

Hàn-Phi-Tử đẽ lại 50 thiên sách, đặt tên là **HÀN-TỬ**. Sau này nhà Tống thêm chữ Phi, đặng dừng có lầm với Hàn-Dũ.

Hàn song, hàn là lạnh; song là cửa sổ. Đề chỉ phòng của học trò.

Hàn-Sơn, hiệu của Văn-Thủ Bồ-Tác, một vị cao tăng đời Đường.

Hàn - Thi Ngoại - Truyền, bộ sách của **HÀN-ANH**, một nhà Bác-sĩ, đời nhà Hán vua Văn-Đế, chép những việc hay là những câu nói đời xưa có giá trị; mỗi mỗi đều có văn thơ chứng dẫn.

Hàn-Thuyên, X. NGUYỄN THUYÊN.

Hàn-Thực, tiết mồng tháng 3. Tục bên Tàu ngày ấy ăn chơi vui lắm. X. GIỚI-TỬ THÔI.

Hàn-Tín, người Hoài-Âm, hồi còn nghèo cả ngày mang gươm đi câu cá đặng đổi gạo

ăn. Vậy mà cũng không dũ. Có khi phải xin ăn nơi bà Phiếu-Mẫu. Một ngày kia ra chợ gặp một thằng côn hoang muốn phá Tin, biếu Tin: « Chú thường mang gươm, tôi không biết đẽ làm gì. Bây giờ tôi không cho chú di. Như chú muốn đi ngang qua chỗ này thì chú có gươm đó, chém tôi rồi sẽ di. Bằng chú không dám chém tôi thì chú phải lòn tròn tôi mà qua ». Tin bèn chẳng do dự lòn tròn kẽ hạ tiện ấy mà di. Tự nói rằng: « Giết thằng này thi được, mà lấy mạng mình mà đổi mạng nó thi vô lý. Vậy thi nhẫn nhục vì mình biết mình có ngày còn làm gì nữa chứ không phải như ngày nay. »

Mà chính thật vậy, sau làm tới vua Tam Tề. Chừng đó thằng khốn bảy giờ sợ hết hồn, mà Tin đâu có trả thù một đĩa tiêu nhân.

Tin sau ra làm tướng cho

Hán-Bá-Công chỉ dụng mưu

mò mà phá được Hạng-Võ là

người sức mạnh muôn người

khôn địch.

Hàn-Tử, X. CHUY TỬ.

Hàn uyễn, hàn là bút, uyễn là vườn. Chỗ viết văn thơ.

Hạn Bạt, ông thần làm nắng.

Hang beo, tích Ban-Siêu đi sứ Tây-Vức về đến nước Thợn-Thợn; nghe trong nước Thợn-Thợn có loạn. Siêu mới nghĩ không vào hang beo làm sao bắt được beo, bèn đêm tối lén leo vô thành phá tan quân Thợn-Thợn và nhờ đó mà thâu được nước chúng.

Hàng-Khuyết, làm chức Tư-Mã cho Tấn-Linh-Công đời Chiến - Quốc. Người ngay thẳng, chẳng biết tư vị ai, dầu cho tướng-quốc mà không cắn-thận, cũng chẳng dung.

Hàng lộ, mốc ở ngoài đường, lấy trong KINH - THỊ, ý nói con gái ra ngoài đường thì sợ người ta hay chọc ghẹo, vì ngoài đường thì có sương mốc...

Hạng-Võ, người đất Cối-Kê, tên là Tịch. Hai mắt có 4 con ngươi. Sức mạnh đánh muôn người. Cử đánh ở núi Đồ-San.

Khởi binh ở Bành - Thành, nhờ có Phạm-Tăng cùng Hán-Bá-Công đi đánh Tần-Nhi-Thế. Ý sức mạnh lấn Bá-Công, mà sau thua mưu của Hán-Tín, thất binh nổ Cai-Ha, tám ngàn tử-dệ hồi mới ra đi, bị

nghe tiếng tiêu của Trương-Lương mà bỏ trốn hết, thành thử còn có một mình, phải từ biệt vợ là Ngu-Cơ mà đêm tối chạy một mình, muốn trở về Giang-Đông chiêu binh mãi mã để trả thù Hán-Tin. Không dè tới Ô-Giang gặp đình-trường trước kia thấy minh rần-rần rộ-rộ qua sông với 8 ngàn tử-de oai phong lâm liệt mà bây giờ về ngang đây có một mình.

Nghĩ lại thẹn thường bèn cất đầu cho đình-trường.

Hành cước, đi bộ. Người tu hành hay dùng tiếng này để nói đi chùa này sang chùa kia tụng niệm.

Hành lý, hành là đi, lý là sửa soạn đồ đem theo đi đường.

Hành trang, hành là đi; trang là đồ. Đồ đạc đi đường.

Hành trình, cuộc đi đường.

Hành sơn, non Hành, núi Hành ở tỉnh Hà-Nam. Chim bay đến đó, vừa gặp mùa xuân thì bay trở lại.

Hành viễn, nhà thanh lâu.

Hạnh đàn, chỗ nền cũ của Đức Không-Tử giảng, ở trước Không-Miếu, tại Khúc-Phu, tỉnh Sơn-Đông.

Hạnh lâm, rừng cây hạnh. Tích Đồng-Phụng xưa bên Tàu, trị bình người không lấy tiền. Mỗi người chỉ trồng một cây hạnh để đền ơn, lần lần thành một cái rừng cây hạnh. Vì vậy mà người ta thường dùng chữ Hạnh-Lâm để kinh xưng thầy thuốc.

Hạnh-Nguyên, Hạnh. **Nguồn**, đời Đường. Vì Thái-sư Lư-Khi có hềm khich với cha nàng, nên tâu với vua bắt nàng đem công hò cho Phiên-quốc để cầu hòa. Nàng đi đến Lạc-Nhận-Nhai, đầm đầu xuống đầm Tri-Linh, tự vẫn để thủ tiết với chồng là Mai-Lương-Ngọc. May nhờ có thần linh phò hộ, cứu nàng khỏi chết, đem về xứ sở, sau cũng làm bạn được với Mai-Lương-Ngọc. Còn thái-sư, chừng mưu sự bại lộ, thì bị xử trán Cố câu :

*Hạnh-nguyên xưa cũng công hò.
Bởi người Lư-Khi cứu thù còn ghi.*

Hạnh nhản, khoẻ hạnh, mắt như khía cây hạnh.

Háo học cận hổ trí, học giả như hòa như đạo, ham học gần nơi trí, học là báu như lúa như nếp.

Hằng-Nga, truyện thần-tiên chép, nàng là vợ Hậu-Nghệ. Hậu-Nghệ xin được thuốc trường-sanh bất-tử của bà Tây-Vương-Mẫu. Nàng ăn cắp, uống thành tiên rồi trốn lên cung trăng ở.

Đến nay người ta lấy tiếng *Hằng-Nga* để chỉ người đẹp.

Hằng-Văn-Đế, lấy trong KHI-THẬP TÚ-HIẾU, tích số 2.

Hằng-văn-Đế là con thứ ba vua Cao-Tô, đời tiền Hán. Ông với mẹ là bà Bạc-Thái-Hậu hết lòng thảo-thuận. Bà đau ba năm thì Văn-Đế năm không an giấc, áo chẳng mở dải, còn thuốc than thi bồn thân ném xác cho mẹ uống.

Hầu-Anh, tục truyền nói nước Sở, đời Xuân-thu, có con hầu biết đánh cờ hay lăm. Không ai đánh lại. Chung-Vô-Diệm vợ Tề-Tuyên-Vương đánh không lại nó, chỉ dùng kế mới thắng nó nổi.

Hầu-Thị, X. DỆT GẤM.

Hậu định, X. LÂM XUÂN.

Hậu-Nghệ, sách thần tiên chép là chồng Hằng-Nga, người đời Hán, có thuốc trường-sanh bất-tử của bà Tây-Vương-Mẫu cho, lại có tài bắn hay. Xưa trên trời

có 10 cái mặt nhợt, nóng nực chịu không nổi, vua biếu Hậu-Nghệ bắn hết chín còn đe lại một tối bây giờ.

Hậu sanh khả húy, nên sợ những người dể sau mình, vì biết đâu mấy người đó có tài năng hơn mình.

Hi-phụ-kê, X. CON MẮT TINH ĐỜI.

Hi-Văn, X. PHẠM-TRỌNG-YÊM

Hiên, Kỳ, vua Hiên-Viên và ông Kỳ-Bá là hai ông tổ y-thuật bên Tàu.

Hiển-Sí, tích Lê-Tuyên-Công đời Chiển-Quốc giết em mà giành ngôi. Thúc-Bật cũng là em Tuyên-Công, không dám khuyên mà cũng không chịu thù phung anh vô đạo. Tuyên-Công đem vàng bạc tước-lộc ban cho. Bật đều từ hết, an phận đóng dép mà độ nhạt, không chịu tham của phi nghĩa.

Hiển-Tố Cao-Hoàng-Đế, niên hiệu Thiệu-Trị. Vua thứ III trào Nguyễn nước ta (1841-1847). Tánh tình hiền-lành, diêu giì cũng theo triều trước. Trong lúc ngài trị vì, thì có giặc ở Nam, ở Chân-Lập và ở Xiêm. Nhà vua phải dẹp mãi mới xong cho. Cũng trong

úc đó, tàu Pháp sang bắn Đà-Nẵng.

Tháng 9 năm Đinh-Vì ngài mất, tri vi 7 năm, thọ được 37 tuổi.

Hiệp-Hòa Phế-Đế, húy là Hồng-Dật. Nguyễn-văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết mang tờ di-chiếu của Đức Dực-Tôn, tự đem Lạng-Quốc-Công Hồng-Dật lên làm vua. Trong thời kỳ này nhà vua phải ký tờ hòa-ước ngày 23 tháng 7 năm Quý-mùi (1883).

Hiệp-Hòa lên ngôi chẳng bao lâu, Tường và Thuyết thấy vua có lòng nghi mình, sợ dề lâu sanh hại cho mình, bèn xin bà Từ-Du Thái-hậu lập Đường-Thiện là con nuôi thứ ba vua Dực-Tôn, ấy là vua Kiến-Phước, rồi bắt vua Hiệp-Hòa uống thuốc độc mà chịu chết.

Hiều trang, hiều là sóm; trang là trang sức. Cách trang-diễm của dòn bà lúc ban mai.

Tiểu Hán

{ nhứt hầu : Mai
nhị hầu : Sơn Trà
tam hầu : Thủ Tiễn
nhứt hầu : Thụy Hương
nhị hầu : Lan
tam hầu : Sơn Phàn

Đại Hán

Hiếu, ở có hiếu với mẹ. Tịch Chuyên-Chư, đời Đông-Châu, có hiếu lâm. Mẹ còn sống không chịu ra làm quan. Bà mẹ thấy vậy mới tự-tử để cho Chuyên-Chư đi lập nghiệp.

Thầy Tăng-Sâm cũng là con có hiếu. X. TĂNG-TỬ.

Hiếu Kinh, bộ sách chép lời Đức Không-Tử nói với Tăng-Tử về đạo hiếu.

Hiếu tình, hiếu với cha mẹ, tình vợ chồng.

Hiếu trinh, hiếu là thảo; trinh là ngay. Hiếu với cha mẹ, trinh cùng chồng.

Hiếu tử sự thân, con hiếu nuôi cha mẹ.

Hoa, theo người Tàu, mỗi tiết thì có mỗi thứ hoa, mà mỗi tiết là 15 ngày. Từ tiết Tiểu Hán đến tiết Cúc Võ, mỗi tiết chia ra 3 Thời-Hầu, mỗi Thời-Hầu là 5 ngày, có một trận gió riêng, mỗi trận gió ăn vào một thứ hoa.

Lập Xuân

{ nhứt hầu : Nghinh Xuân
nhị hầu : Anh Đào (Roi)
tam hầu : Vọng Xuân

Võ Thủy

{ nhứt hầu : Thái
nhị hầu : Hanh
tam hầu : Lý (Mận)

Kinh Chạp

{ nhứt hầu : Đào
nhị hầu : Đường Lê
tam hầu : Tường Vi (Hồng)

Xuân Phân

{ nhứt hầu : Hải Đường
nhị hầu : Lê
tam hầu : Mộc Lan

Thanh Minh

{ nhứt hầu : Đồng
nhị hầu : Mạch
tam hầu : Liễu

Cúc Võ

{ nhứt hầu : Mẫu Đơn
nhị hầu : Đò Li
tam hầu : Luyeten.

Hoa chúc, ngọn duốc trong phòng đêm rước dâu.

Hoa-Đà, ông thầy giải phẫu có tiếng hồi đời Tam-Quốc. Tục truyền Quan-Công bị tên ở cánh tay, rước Hoa-Đà mổ lấy mũi tên ra.

Hoa đàm đuốc tuệ, chữ trong kinh Phật. Hoa đàm là phép Phật tốt đẹp; đuốc tuệ là phép Phật sáng-suốt. Ý nói cảnh chùa tốt-dep.

Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên (CUNG OÁN)

Hoa dung, X. QUỐC SẮC HOA DUNG.

Hoa khôi, hoa đứng đầu các thứ khác. Người đẹp nhứt trong đám hồng lâu. Ngày xưa Đỗ-Thập-Nương người ta gọi là HOA KHÔI VƯƠNG-TỬ. Sau này tiếng hoa khôi dễ chỉ người dòn bà đẹp.

Hoa lê, thường nở đầu mùa hạ. X. NGỌC DUNG TỊCH MỊCH LỆ LAN CANG.

Hoa-Lư, kinh đô nhà Bình và nhà tiền Lê, chính là tỉnh Ninh-Bình ngày nay.

Hoa mai, một sợi dây làm bằng chỉ dề thấp lửa đốt thuốc. Nhà sang trọng hay là nhà vua thuở xưa hay dùng.

Ngày nay người tàu và ta hay dùng «chó lén» giấy sút cuốn tròn, đốt dề ngùn, khi nào muốn đốt thuốc, thòi lén thì nó cháy, dề hút ống điếu binh.

Hoa nguyệt, trai gái cùng nhau di chơi trăng.

Nói rộng ra; trai gái cùng nhau di tinh tú.

Hoa nhan: nét mặt người con gái. Sau này nói bóng, nét đẹp-dẽ như hoa.

Hoa tiên: hoa là hoa, tiên là giấy. Tờ giấy dề viết thơ, có vẽ hoa.

Hoa Tiên: tên một truyện bằng chữ nôm, diệu lục bát, của ông NGUYỄN-THIỆN tự là HUY-TỰ soạn, vào khoản cuối nhà Lê.

Cũng là một áng văn nôm hay lăm của nước nhà. Có người lại cho rằng: THÚY KIỀU lấy nhiều ở HOA-TIỀN mà viết ra. Nói vậy cũng quá đáng. Ý thi một ý, nhưng lời lẽ sắp đặt thi có khác.

Trong truyện HOA-TIỀN có nhiều ý-tứ hay, trai gái gắp-

gõ, vợ chồng yêu-dương, dạo cha con, nghĩa vua tôi, sự bè bạn, tình anh em, trong thi trào chánh binh mưu, ngoài thi nhân-tình thế-thái, mây gió cỏ cây, thấy thấy đều giải rõ-ràng, mà lời lẽ thiệt là tao nhã.

Đại lược truyện như sau này: Lương-Sinh con quan Tề-tướng, quê ở Tô-Châu và Giao-Tiên con quan Dương Tướng-quân, gặp nhau tình cờ, rồi thương yêu nhau, hứa hẹn trăm năm cùng nhau kết tóc.

Không dè lúc Lương-Sinh mắc đi học phượng xa, ở nhà ông thân Lương-Sinh lại làm sui với Lưu Tề-tướng, cũng bạn đồng-liêu, về hưu một lượt với mình.

Lương-Sinh về nhà thăm cha mẹ mới hay lương duyên trắc trở, thì lấy làm thương nỗi Giao-Tiên, tưởng minh bảy giờ bạc-bẽo, nên đàm ra sầu thảm khôn cùng.

Lúc ấy Dương Tướng-quân lại phải đi dẹp giặc, chẳng may bị giặc mạnh vây, biệt tăm tin-tức. Dương-Giao-Tiên phải về ở tạm kinh đô dặng đợi tin.

Còn Lương-Sinh? Thì chàng cũng phải dẹp sầu-thảm lại

một bên dề lo chữ công danh. Cũng may! Thi đậu được bổ ở kinh, gặp Giao-Tiên cùng nhau giải bày tâm-sự.

Lương-Sinh mới xin đi dẹp giặc dặng có círu Dương-Tướng-quân. Nào dè cũng thua giặc và bị vây luôn nơi đất khách.

Rủi linh dồn sai rằng Lương-Sinh tử trận. Hay tin ấy, Lưu-Ngọc-Khanh, vị hứa hôn của chàng, cải phục cù tang. Sau này bị mẹ ghê ép lấy chồng khác, nàng bèn trầm mình dặng giữ tiết với Lương-Sinh. Cũng may gặp lúc quan Long Đè-dốc ngồi thuyền về kinh di ngang qua đó, vớt được đem về nuôi làm con.

Còn Dương-tướng và Lương-Sinh? Thị có Diêu-Sinh ra dẹp tan quân giặc và giải vây cho. Chừng về trào, Lương-Sinh tưởng Lưu-Ngọc-Khanh đã tử tiết, mồi tau với vua. Vua sắc phong cho nàng và tự đứng chủ hôn, gả Giao-Tiên cho Lương-Sinh.

Cũng may Long Đè-dốc cùng Lưu-Ngọc-Khanh vừa tới kinh. Đè-dốc vào tàu cùng vua rằng: «Lưu tiều-thơ còn sống». Vua ban khen rồi cũng gả Lưu tiều-thơ cho

Lương-Sinh, một nhà đoàn viên vui-vé.

Hoa tường, X. LIÊU NGÕ.

Hoa vương, hoa mẫu đơn dẹp hơn các hoa khác, nên người ta thường cho hoa mẫu đơn là chúa các sắc hoa.

Lại có tích vua Minh-Hoàng đời Đuờng, dựng một cái đình trong vườn riêng để thưởng hoa mẫu đơn với Dương-Qui-Phi.

Ngày nay người ta lấy hoa mẫu đơn để vi người con gái dẹp.

Hoa hàn, lửa nồng. Chỗ thanh lâu.

Hóa công, hóa là hóa, công là thợ. Thợ tạo, con tạo; chỉ ông trời.

Hóa thân, hóa là hóa, thân là minh. Làm cho tiêu-hóa xác phàm.

Họa phước vô môn, duy nhơn tự triệu; thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình, họa phước không có cửa duy tại minh mời; lành dữ chung trả cho mình, như cái bóng theo hình vậy.

Hoài nam khúc, khúc hát của Hoàng-Quang, người Thừa-Thiên đời Quang-Trung

soạn ra để tỏ nỗi nhớ các chúa Nguyễn.

Hoài thồ, quyển luyến ruộng đất nhà mình.

Hoài-văn, X. TRẦN-QUỐC-TOẢN.

Hoài xuân, hoài là mơ tưởng, xuân là mùa xuân. Con gái gấp mùa xuân thì mơ tưởng việc vợ chồng.

Hoàn bội, ngọc của đòn bà deo.

Hoàn-doanh, hoàn là tròn, doanh là biển. Khắp chung quanh mặt đất.

Hoàn - kiểm hổ, hổ gươm giữa Hà-thành. Tương truyền rằng vua Lê-Lợi, khi mới khởi binh gấp được một ngọn gươm thần. Nhờ đó mà làm nên sự nghiệp.

Sau ra chơi hò này, có con quái dồn đầu thuyền. Vua Lê-Lợi lấy gươm đâm con quái. Con quái hả miệng nuốt mất ngọn kiếm. Vua Lê-Lợi suy vi từ đây.

Hoạn hải, bể hoạn.

Đường làm quan khổ-sở cam go, như thuyền trên mặt biển; như gấp được thuận cảnh thi mát mái xuôi buồm; còn không may gấp cảnh éo-le thì trăm cay ngàn đắng.

Sách TIỀN-TRUYỀN THẬP-DỊ chép: Nhan-Châu-Khanh đậu tần-sĩ, có người đạo-sĩ cho câu kệ: *Tử hữu thanh giàn chi hạnh; khả dĩ độ thế thượng bồ thiên quan, bất nghĩ tự trăm vu danh hoạn chí hải*. Nghĩa là: nhà ngươi có tiếng là thanh giàn, có thể thoát trấn bồ làm quan trên trời, chẳng nên dám ở biển hoạn.

Hoang đàng, bãi rong không có cây cỏ gì. Nghĩa bóng: Câu chuyện viễn-vong, không lấy gì làm đích xác, hoặc là những chuyện thần tiên.

Hoàng Cá, gác vàng. Lấy trong bài tán hai ông Phùng-Huyền-Linh và Đậu-Nhụ-Hồi, làm chức Tề-tướng đời Đường, ở gác vàng ba mươi năm mà lưu gió thanh ngàn thuở.

Hoàng-Cao-Khai, Tướng-công người Hà-tĩnh, thi đậu cử-nhân, làm quan tới Phụ-Chánh Đại-thần triều vua Thành-Thái, hàm Thái-tử Thái-phó, Văn-minh điện-học-si, tước Duyên-mậu quận-công, sung chức Kinh-lược Bắc-kỳ.

Chữ hay mà nôm cũng hay, tướng-công có soạn nhiều sách có giá-trị về sử-học nước

này như VIỆT-NAM SỬ-YẾU, VIỆT-NAM NHÂN-THẦN-GIÁM, VIỆT-SỬ KINH. Ba quyền ấy tưởng công đều tự dịch ra quốc-văn.

Về phần văn nôm, có tập VỊNH NAM-SỬ, tập LÀM CON PHAI HIẾU, tập ĐÀN BÀ NƯỚC NAM và hai vở tuồng: TÂY-NAM BẮC-BẰNG và TƯỢNG-KÝ KHÍ-XA.

Hoàng-Công, vua Linh-Công đời Ngũ-Bá có hai người con trai: Tử-Củ và Tiêu-Bach. Linh-Công chết. Em là Tiêu-Bach giành ngôi với anh là Tử-Củ. Giết anh lên làm vua, đặt hiệu là Hoàng-Công và lấy vợ Tử-Củ là chị dâu mình, làm vợ.

Trong thơ LỤC-VÂN-TIỀN có câu:

*Hay là học thói nước Tề,
Vợ người Tử-Củ đưa về*

Hoàng-Công.

Hoàng-diêu, **Tử-ngụy**, hoa màu vàng của họ Diêu tròng; hoa tia của họ Ngụy tròng. Bề nói bóng: vườn tròng bông dù thứ.

Hoàng-hoa, lấp trong diền cũ ở trong KINH THI. Người di trú phuong xa, nhớ nhà mới làm bài thơ HOÀNG-HOA. Nhơn tích đó mới gọi chốn di trú là chốn *hoàng-hoa*.

Hoàng hoa, mùa có các kỳ thi. Mùa thu thì trổ hoa cúc vàng, mà mùa đó lại có các kỳ thi.

Hoàng hôn, Chiều lại, xế chiều.

TỔNG-THI có câu: *Khắp tồn song máu, tràng dục đoán, phả hoàng hôn đáo, hựu hôn hoàng*; nghĩa là: Khóc hại đôi mắt, dứt cả ruột; sợ hết chiều nay, lại đến chiều mai.

Hoàng yến, X. THỦA LONG.

Hoàng-lương mộng, tích Lữ-Sanh đời Đường đi thi rót về ghé quán trọ, nằm đợi nấu cơm, ngủ quên, chim bao thấy lấy vợ-dẻ con giàu-sang vinh-hoa phú-quí hơn 20 năm. Sau lại còn dung sở hạch Lý-Lâu-Phủ quan tề-tướng đương quyền, phải bị cách về quê. Giút mình thức dậy mới hay là một diêm chiêm bao thổi, mà nòi kê nhà trọ chưa chín. HOÀNG LƯƠNG KẾ.

Hoàng phái, một tên phái với nhà vua.

Triều Nguyễn mỗi bức đặt ra chữ riêng để phân biệt với Tôn-Thất, có 20 chữ: MIÊN, HƯỜNG, ỦNG, BỦU, VĨNH, BẢO, QUÍ, ĐỊNH, LONG, TƯỜNG, HIỀN, NĂNG, KHẨM, KẾ, THẾ, TỘ, QUỐC, BẢO, GIA, XƯƠNG.

Hoàng-Quang, người Thùa-Thiên, làng Thái-Dương, huyện Hương-Tri, hiệu Thai-Châu cự-sĩ, tài học cũng kề vào bực danh nho đời cuối Lê. Tho ông còn đề lại bài HOÀI-NAM CA KHÚC, kẽ nỗi cực khổ của dân trong lúc thời loạn và bài dịch bài CHỨC-CẨM HỒI-VĂN của TÔ-HUẾ. Bài dịch này bằng quốc-âm.

Hoàng-Sào, tên một tướng giặc đời Đường. Có bài thơ: *Bán kiền cung kiếm bằng thiên tung, nhứt trao giang sơn tận địa duy*. Nghĩa là: nứa vai đeo cung kiếm có trời cho, một chèo mà đi khắp non sông trên đất. Làm giặc. *Làm chi để tiếng về sau, Ngàn năm ai có khen đâu*. *Hoàng-Sào*. (KIỀU).

Hoàng-Thiếu-Quân, X. sau MẠNH QUANG.

Hoàng trùng, con châu chấu, bay tung tần, tói đâu cắn lúa tói đó hư hao hết.

Hoắc lê, cỏ lê rau hoắc, là hai thứ rau lá người nghèo ăn mà sống.

Hoắc-Tử-Mạnh, tên chữ là HOẮC-QUANG, đời Hán-Võ-Đế. Lãnh quan Đại-tư-mã đại-tướng-quân. Khi vua Võ-Đế

thăng hà thì ký thác con là vua Chiêu-Đế cho Tử-Mạnh. Chẳng bao lâu vua Chiêu-Đế băng nữa, không còn nối Hoắc-Quang mới ra đất Xương-Ấp rước Quang-Vương về tôn làm vua. Vua Quang-Vương trị vì không vừa lòng thi Hoắc-Quang đuổi về dâng già mà lập vua khác.

Học thức, lời của Triệu-Thôi, đời Chiến-Quốc, tàu với Tấn-Văn-Công: «Làm soái mạnh chẳng bằng trí; trí chẳng bằng có học; có học, biết lễ, có nhân, thông binh pháp (binh là dân, biết thương dân), dùng binh mới được».

Hoè đình, sân hoè. Đời Tống, Vương-Hựu lấy chữ này để nói anh em, con trai nhà nào.

Hoè hoa hoàng, hoa hoè màu vàng. Mùa thi. X. HOÀNG HOA.

Hồ, tục người mình có đám cưới, thân bằng cố hữu đi tiền gọi là di hồ.

Hồ Bành Lệ, X. BÀNH LỆ.

Hồ - Dương công - chúa, chị của Hán-Đế là Lưu-Tú.

Hán-Đế thấy bà chị góa chồng, muốn ép Tống-Hoàng đính làm quan cho mình,

lấy làm vợ. Tống-Hoàng từ mà nói rằng: «*Tào khang chí thê bất khả hạ đường*.» Vợ tẩm cám chẳng khá khinh dể... X. TÀO KHANG CHI THÊ BẤT KHẢ HẠ DÀNG... YẾN ANH.

Hồ diệp, X. GIÁC ĐIỆP.

Hồ, Yết, mọi hồ và mọi yết. Tàu dùng tiếng này để chỉ giồng hung-nô.

Hồ mộng, X. TRANG-CHÂU, GIÁC ĐIỆP, HỒ ĐIỆP.

Hồ-Quí-Lý, dòng dõi Triết-Giang bên Tàu, sang ở nước ta, có hai người có lấy vua Trần-Minh-Tôn. Một người sanh ra vua Nghệ-Tôn, một người sanh ra vua Duệ-Tôn.

Nghệ-Tôn sau này tin dùng họ Hồ lâm. Sau đời Trần-Thiệu-Đế, Qui-Lý cướp lấy ngôi lên làm vua (1400).

Về sau Tàu muốn lấy nước ta, mượn tiếng hỏi tội họ Hồ, đem quân qua bắt cha con Hồ-Quí-Lý rồi chiếm nước ta trong vòng hai mươi năm (1407-1427).

Cũng vì Qui-Lý cướp ngôi vua nhà Trần mà quân nhà Minh mới có cơ qua chiếm nước ta, trong một thời kỳ 20 năm, làm ta khổ sở hơn các thời kỳ khác, nào là cướp sách vở, cướp đồn bà con gái

ta, mỗi mỗi bắt buộc phải theo Tàu tất cả....

Hồ thi, cung tên. Chỉ làm trai. Bên Tàu hồi xưa có tục, hễ nhà nào đẻ con trai thì trước cửa, phía tả treo một cây cung, còn phía hữu thì treo một cây tên.

Hồ thiên, bầu trời. Tích người Phi-Tồn có một cái bầu phép. Tối vò nằm trong mà ngủ thì thấy mình lên cảnh tiên. X. BẦU THẾ GIỚI.

Hồ-Tôn, Chiêm - Thành, ở Trung-Kỳ hồi xưa tên là Hồ-Tôn.

Hồ tửu, hồ là đồ ăn, tửu là rượu. Tiền đánh bài bạc ai ăn, bỏ vỏ quả sòng bạc, để mua rượu thịt cho mọi người đánh được ăn.

Hồ, Việt, hồ là nước Hồ, Việt là nước Việt.

Vua Cao-Tô đời Đường nhập hai nước làm một. Nói bóng là hai nhà hiệp một.

Chữ rằng Hồ Việt nhứt gia, Con đi tới đó trao ra thơ
này... (LỤC-VÂN-TIỀN)

Hồ-Xuân-Hương, Bà dường như sanh sau bà Thị - Diêm, trước bà huyện Thanh-Quan.

Không rõ chắc quê-quán ở đâu. Có kể truyền tung rằng

bà là người Nghệ-An, sau bà mới ra ngũ ở Khán - Xuân, huyện Vĩnh-Thuận, tỉnh Hà-Nội.

Chừng bà đến tuổi cập-kê, có nhiều nơi đi nói mà bà không ưng. Từ nghĩ rằng : *Lấy chồng cho đáng tǎm chồng, bỏ công trang điểm má hồng răng đen.* Minh đầu không xinh-lịch hơn ai, nhưng ở nhà nhứt mẹ nhì con ; còn lấy chồng thì phải lừa cho đúng duyên cầm sắt, mới đáng sống gởi nạt, thác gởi xương. Chớ sợ chẳng được quáp - tử là chồng, thuyền quyên là vợ, anh hùng là con,

*Tối ba mươi khép cánh càng khôn, nich chắt lai kẽo
ma-vương đưa quỉ tới ;*

*Sáng mồng một lòn then tạo-hóa, mở hoát ra cho
thiếu-nữ rước xuân vào.*

Cưới bà về không bao lâu, tông Cốc chết.

Bà mới khóc :

*Hỡi chàng ôi ! Hỡi chàng ôi !
Thiép bén duyên chàng có thể thôi !
Nòng-nọc đứt đuôi từ đây nhỉ,
Ngàn vàng khôn chuộc dấu bói vôi.*

Bà buồn duyên chưa bén duyên mà mang tiếng hồng nhan bạc phận. Cũng muốn ở vậy mà đợi kẻ giai - nhân tài - tử. Mà đâu có được vậy

lại phải làm tay vô-phu cục kịch, mà buồn cho nỗi nhành mai cú đậu...

Sau này có anh tông Cốc, ý mình là người quyền thế trong tông, nên đôi ba phen tới hỏi ý muốn ép tình. Bà thì quyết tình không chịu, nhưng mẹ già sợ quyền-thế nên nài-nỉ bà. Túng thế bà vưng lời mẹ, mà bà xin mẹ huấn lại cho bà mới được. Cai tông Cốc đã được lời nên cũng chiều lòng đợi tới sang xuân vậy.

Gần tết bà buồn - bức, mới viết một câu liễn dán cửa như vầy :

Những là mai-mối lắng-xăng, những là thăm tiếng đưa hơi.

Bà mới than thân :

*Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom,
Oán hận trong ra khắp mọi chòm.
Mỗi thăm không khua mà cũng cốc,
Chuồng sầu chẳng đánh có sao om ?
Trước nghe những tiếng thêm rầu-rĩ,
Sau giận vì duyên đê móm-móm.
Tài-tử vẫn-nhán ai đó tá ?
Thân này đâu đã chịu già tom.*

Bởi vậy nhiều khi khách đến muôn ghẹo nguyệt trêu hoa thi bà ghét mà không thèm ra tiếp. Có khi ở nhà trong tēm-trầu, bửa cau làm dôi, thích hai câu thơ ở ngoài vỏ, rồi biếu người nhà bung ra mời khách :

*Mảnh tình nếu xé làm đôi được,
Mảnh đê trong nhà mảnh đê ra.*

Có khi lại làm cả bài đê trong ô trầu biếu trẻ dem ra :

*Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi,
Này của Xuân-Hương mới quết rời.
Có phải duyên nhau thì thăm lại,
Đừng xanh như lá bạc như vôi.*

Cũng có khi, đôi ba thầy khóa đến bập-bẹ nói đôi ba câu chữ, thả một vài câu thơ, đê khoe tài đặng chọc, thì bà

MẮNG LŨ ONG NON :

*Khéo ! Khéo ! Đì đâu lũ ngắn-ngo ?
Lại đây cho chị dạy làm thơ.
Ông non ngứa nọc châm hoa dừa
Đê cỏn buồn sừng húc giậu thura.*

Hay là :

*Dắt diu đưa nhan dến cửa chiền,
Cũng đòi học nói, nói không nên.
Ai về nhẫn bảo phường lời tôi,
Muốn sống đem với quét trả đèn.*

Cũng có khi vui, bà giễu mấy người chọc bà :

*Thân em như quả mít trên cây,
Da nó xù xì mũi nó dày.
Quán tử có yêu thì đóng nở,
Xin đứng mòn mòn nhưa ra tay.*

Hoặc là :

THƠ BÁNH TRÔI NUỐC:

*Thân em thi trắng, phận em tròn,
Bảy nỗi ba chìm với nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

Thor của bà thì đặc thú đặc tài. Nhưng xưa nay ai cũng
cho là có ăn ý thô tục.

Như thế :

DỆT CỦI :

*Thắp ngọn đèn lên thấy trắng phau,
Con cỏ mấp máy suối đêm-thâu.
Hai chân đạp xuống nàng nàng nhắc,
Một suối đậm ngang thích-thích mau.
Róng hẹp nhỏ to vừa đúng mực,
Ngắn dài khuôn khổ vẫn như nhau.
Có nào muốn tốt ngâm cho kỹ,
Chờ đến ba thu mới dãi màu.*

Hay là :

ĐÁNH ĐU

*Tám cột khen ai khéo khéo trỗng,
Người thì lên đánh kẻ ngồi trỗng.
Trai co gối hạc khom khom cật,
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay pháp-phói,
Hai hàng chán ngọc duỗi song song.
Choi xuân đã biết xuân chẳng tá ?
Cọc nhồ đi rồi, lỗ bỏ không.*

Hay là :

CÀY QUẠT

*Một lỗ xâu xâu mẩy cũng vừa,
Duyên em định-dáng tự ngày xưa.
Vành ra ba góc da còn méo,
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa.
Mắt mặt anh-hùng khi tắt gió,
Che đầu quân-tử lúc sa mưa.
Nắng-niu ướm hỏi người trong trường,
Phì-phạch trong lòng đã phỉ chua ?*

Bà còn làm :

CHOI ĐÀI KHÁN-XUÂN

*Êm-ái chiều xuân tới Khán-dài,
Láng-láng chẳng bợn chút trấn-ai.
Ba hồi chiều-mộ chuông gầm sóng,
Một vũng tang-thương nước lộn trời.
Bè ai ngàn trùng khôn tắt cạn,
Nguồn ăn muôn trượng để khơi vời.
Nào nào cực-lạc là đâu tá ?
Cực-lạc là đây chin rõ mười.*

Có lúc bà buồn, ngồi ngó lên bức tranh song tiên Tố-Nhã.

Bà vịnh :

*Hồi bao nhiêu tuổi hồi cô mình ?
Chị cũng xinh mà em cũng xinh.
Đôi lứa như in tờ giấy trắng,
Ngàn năm còn mãi cái xuân xanh.
Siêu mai⁽¹⁾ chỉ dám tình trắng gió,
Bồ liễu thói đành phận mỏng-manh.
Còn thú vui kia sao chẳng vẽ,
Trách người thợ vẽ khéo vô tình.*

Bà thường than :

*Chiếc bách buồn về phận nỗi nênh,
Giữa dòng ngao ngán nỗi lèn-dênh,
Lưng khoan tinh nghĩa đường lai-láng,
Nửa mạng phong ba luồng bập-bènh.
Cầm lái mặc ai lâm đỗ bến,
Giọng lèo thay kẻ rấp xuôi gành.
Áy ai tham ván cam lòng vậy,
Ngán nỗi ôm đòn những tấp tênh.*

Và :

*Canh khuya vắng-vắng trống canh dồn,
Tro cái hồng nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trắng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất rêu tùng đâm,
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con.*

(1) Siêu mai chỉ con gái quá thi.

Sau bà làm bé ông Phủ Vĩnh-Tường, bà lấy làm ngán nỗi cái cảnh chồng chung :

*Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng,
Chém cha cái số lấy chồng chung.
Năm thì mười họa nên chẳng chó,
Một tháng đôi lần có cũng không.
Có đám ăn xôi xôi lại hầm,
Cầm bằng làm mướn mướn không công.
Thân này ví biết đường này nhỉ,
Thà trước thói đành ở vây xong.*

Chừng ông Phủ Vĩnh-Tường mất, bà có khóc :

*Trăm năm ông phủ Vĩnh-Tường ôi !
Cái nợ ba sinh đã trả rồi.
Chôn chặt văn-chương ba tắc đất,
Ném tung hổ-thi bốn phương trời.
Đòn cán tạo-hóa rơi đâu mất,
Miệng túi càn-khon thắt lại thôi.
Hăm bảy tháng trời là mấy chút,
Trăm năm ông phủ Vĩnh-Tường ôi !*

Bà thiệt là một nữ thi bá nước nhà, tiếng tâm thiệt là
đáng vậy.

*Người Cô-Nguyệt truyện Xuân-Hương còn đó,
Phận hồng nhan nghĩ lại rõ buồn tanh !
Thương cho tài, mà ngán cho tình,
Nóng nỗi ấy kẻ sao cho xiết.
Người cô lại còn đeo thói nguyệt,
Buồn xuân chỉ để lạnh mùi hương.
Thương mấy ôi ! Bạc phận vẫn là thường,
Dẫu có bạc cũng đành liều với phận.
Vì ai đã xuân tình nợ-ngắn,*

Tuổi còn xanh nhưng tho-thần về xuân.
Mười mấy thu đây đọa kiếp phong trần,
Đây tơ mảnh ! ủa kia ai dở đáo ?
Muốn giựt túi óng tơ nguyệt lão,
Tung lên cho đến tuyệt mù xanh,
Biết chẳng, chẳng biết cũng đâu !

Ngán nỗi mà hồng mà phận bạc,
Phải đem yếm thẩm nhuộm màu thảm.

Hồ-khè, khe ở núi Lỗ-Sơn
bên Tàu.

Tích đời Tấn, nhà sư Viện-
Pháp đưa Đào-Nguyên-Lượng
tới khe ấy nghe cọp thét rầm
lèn.

**Hồ tử lưu bì, nhơn tử
lưu danh**, hùm chết đẽ da,
người ta chết đẽ tiếng.

Hội tuyệt anh, hội bứt dải
mão.

Tích Sở-Trang-Vương thắng
Tấn, về bày dạ - yến thường
bá quan, lại có nhã - ý cho
cung - nhơn tên là Hứa - Cơ
nhan sắc tuyệt vời ra bồi rượu.

Xây đâu một ngọn cuồng
phong nỗi dậy làm cho đèn
đèn tắt hết. Trong hàng các
quan có Đường - Giao, rượu
cũng nhiều, đã say, thừa con
đèn tắt nắm lấy tay Hứa - Cơ
toan ghẹo.

Hứa - Cơ bứt được dải mão,
lai kề cho Trang-Vương hay.
Trang - Vương mới truyền :

« Đêm nay là đêm vui chơi, vậy
trong trào - thần ai nấy cũng
phải bứt dải mão để giúp vui
với quả-nhân. Đốt đèn lại ai
còn dải mão thì phải bị phạt.
Hứa-Cơ mới trách Trang-
Vương. Trạng - Vương nói:
« Xưa vua dải tôi chỉ có ba
chén. Nay quả-nhân cầm
quần-thần ăn uống cả đêm,
thi sao cho khỏi say sura. Hết
say sura thi thất lẽ. Nay như
quả-nhân xét ra cho sáng tiết
dòn bà, chỉ cho khỏi thận
lòng tướng-sĩ ».

Sau này Đường - Giao nhớ
on, liều thân trong cơn loạn
cứu Trang-Vương khỏi chết.

Hội xuân, thi hội về mùa
xuân.

Hòm, X. SAO HÒM, SÀM
THƯƠNG.

Hôn lễ, Cò câu: Quản tử
chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ.
Đạo người có chi trọng bằng
đạo vợ chồng.

Nên tục ngày xưa của xứ ta
thì trước ngày đám cưới làm
đủ thứ lễ. Nào là :

Nạp thề, là dựng lụa, là lê
coi mắt,
Ván danh, hối tên họ, coi tuổi,
Nạp kiết, dựng sự tốt, bói coi
hai tuổi có hợp không,
Nạp trưng, dựng sự thành
hôn, nạp lẽ cưới, tiền đồ nữ
trang

Thỉnh kỳ, định ngày cưới.
Thân nghinh, tự rước, lẽ rước
dâu.

Lần lần ở tại thị thành, dân
làng ăn không có thời giờ, thiếu
tiền bạc, nên chế lại còn ba lẽ.

Nạp thề, ván danh, nhập lại
làm một kêu là THỀ TRẠCH
hoặc sơ VẤN nghĩa là chọn
được; tục kêu là lẽ bồi trầu
cau.

Nạp kiết, nạp trưng, nghĩa
là đã chịu chắc rồi, nhập lại
làm lẽ NAP TẾ cũng gọi là THỎI
TRANG là lẽ hẹn ngày làm lẽ
cưới.

Thỉnh kỳ, thân nghinh hiệp
lại làm lẽ THÀNH HÔN tục gọi
ngày rước dâu, ngày hiệp cần.
Bên Tàu thì thường đợi tới
đêm mới khởi hành nên mời
cò câu : « Hôn giả kiến tinh
nhí hành ».

Tục lẽ xưa càng ngày càng
đôi ba ngày gọi là nhóm họ.

bỏ lẩn. Ta cũng nên nhắc lại
cho người sau nầy biết, ông
cha ta cho lẽ gả cưới là việc
lớn của đời người, nên bày
biện ra nhiều lẽ dặng ràng
buộc nhau cho gắt.

Vì tục của nước ta xưa trong
việc gả cưới, thi phải minh
hồn chánh thú, chờ không
chiu cầu hợp, nghĩa là âm
thầm lấy nhau, không chiu
tiền dâm hựu thú, nghĩa là lấy
trước cưới sau.

LỄ SƠ VẦN. — Trước hết
mai nhơn dọ ý đàn gái rồi mới
hỏi tên họ tuổi tác hai bên,
dâu đó chịu rồi mới làm lẽ
bồi trầu cau, nghĩa là chứng
rằng bên gái đã chịu rồi.

Lẽ này có chủ hôn, mai
dong, chàng rè cùng cha mẹ
chàng rè và họ hàng một ít
người, có trầu mâm rượu hủ.

Trầu cau đó chàng gái phải
đem cho các người đi họ, gọi
là khoe duyên.

LỄ HỎI. — Lẽ này cũng có
định ngày giờ trước phải có
bông một đôi, gọi là hoa con
gái; heo đóng cùi một con.

LỄ CUỐI. — Trước ngày
cưới, mời thân bằng cố hữu
xúm nhau lại ăn uống có khi
đôi ba ngày gọi là nhóm họ.

Lễ cưới thì có trầu xay, mâm trái ấu, rượu ché một đôi, heo đóng cùi một con, đèn sáp một đôi, tiền đồng bạc nén nhiều ít tùy theo lời giao, vòng đồng thoa hoặc vòng vây một đôi, hàng giẽ một mớ. Lễ vật phải thành song (dùng chẵn không dùng lẻ).

Họ hàng tối đủ, dọn dãi xong, dàn ra đi, có người trưởng tộc đã lựa sẵn phải là người tuổi tác lão thành, vợ chồng còn đủ; hoặc một viên quan di trước, tới chàng rể, kế chàng rể có hai rể phụ bưng khai trầu rượu, tới mai nhân cùng chủ hôn, tiếp theo thì tài lễ, tới họ hàng, dòn ông đi trước, dòn bà đi sau. Dòn ông thi mặc áo tràng đi giày tàu; dòn bà mặc áo mờ, đội nón chảo hay nón cụ quay tơ, mấy người tuổi tác, có chức phận, thi có lọng che, diều dài.

Tới gần nhà gái, cho một người đem khai trầu rượu vào trình giờ. Đang gái cũng sắm trầu rượu cho người đem ra rước họ vào.

Tới noi, mai nhơn đem đồ nǚ-trang và đôi đèn đi thăng lại bàn thờ, đ𝐞 hộp giữa bàn, còn đôi đèn cẩm vò chung đèn rồi đốt lên. Rồi mời trình với

mai nhơn đang gái đồ cưới những gì.

Đôi bên phải nghiêm-trang trong nhà không rầy-rà, không khua động vật gì. Làm lễ từ đường, rồi vợ chồng mới ra lạy cha mẹ, mai dong, họ hàng. Họ hàng và bà con có cho tiền hai vị tân hôn thi cho lúc hai đứa nó lại mình.

Lễ xong đang gái dãi trà mứt; chừng triệt trà mứt, mới dọn cỗ bàn. Bàn cỗ xong, trước khi rước dâu ra về, thi dẫu tộc dàn trai đem dôi ba chục hoặc một hai trăm, tùy theo, mà trưởng công đang gái.

Chủ hôn đang gái thi sắm trầu rượu mà đưa họ đang trai về. Con heo, đưa họ đang trai về thi phải chia mà kiếng các người đi họ. Dâu đi thi cũng có dâu phụ.

Về tới nhà trai, thi chàng rể nàng dâu đi ngay lại bàn thờ, lạy ông bà, rồi lạy cha mẹ, mai nhơn, bà con họ hàng, rồi dắt nhau vào phòng mà làm lễ hiệp cần. Trong phòng có dọn trên một bàn thờ dưới đặt một bàn ăn, có trầu rượu gọi là mâm *tơ hồng*.

Mai nhơn vái ông *tơ* bà nguyệt, rồi chàng rể và nàng dâu đều giao bái, cùng

uống, rồi ăn trầu, chuyện vãn. Hiệp cần theo cỗ lê, lấy trái bầu ve cắt hai ra, làm hai cái chén, rót rượu vào, vợ chồng mới, mỗi người uống mỗi chén rồi úp lại.

Theo cỗ lê thì còn có *lễ tiệu tử, tiệu nữ, diệu nhạn niêu kiển*.

Tiêu tử, tiêu nữ, là lời cha mẹ dạy con trai con gái trước ngày rước dâu.

Diện nhạn, là lễ chàng rể đem nhạn tới nhà cha mẹ vợ ra mắt. Nhạn không có thi thể ngông. Sau này không dùng ngông, dùng sô nhiều thế.

Lại cưới hỏi khác làng, ăn mày thừa dịp đón đường lấy chi đồ giảng ngang. Minh cho tiền gọi là *lễ Long-nhai*, tiền chiêu thân, họ mới mở cho mình đi qua.

Hôn nhân, vợ chồng. Đứng làm trai, mình phải lo lập lấy mình, chờ không nên nhờ việc hôn nhơn.

Tích thế-tử Hốt, nước Trịnh đời Chiến-Quốc. Trịnh thi yếu, Tề thi mạnh. Tề-Hi-Công thấy thế-tử Hốt có chí anh hùng muốn gả công chúa cho, mà thế-tử Hốt cứ nói làm trai chàng nên trồng cây nơi ai, mà thử nhứt chẳng nên trồng cây bên vợ, nên cứ từ chối

mãi dẫu biết rằng từ như vậy là làm trái ý Tề, không khỏi sau này, Tề sẽ kiểm chuyện mà phạt mình.

Hôn nhơn dươn trái ; giai ngẫu tự thiên thành, nhơn duyên bởi nợ trước, trời đã định mới thành ra.

Hôn nhơn kỷ niệm, theo lệ của người Tàu, thi vợ chồng cưới hỏi nhau

1 năm thi làm lễ *chỉ hôn*
5 năm thi làm lễ *mộc hôn*
10 năm thi làm lễ *tích hôn*
15 năm thi làm lễ *thủy tinh hôn*

20 năm thi làm lễ *tử hôn*
Theo lệ người Âu - Châu thi:
25 năm gọi là *lễ ngàn hôn*
50 năm gọi là *lễ kim hôn*
60 năm gọi là *lễ kim cương thạch hôn*.

Hôn nhơn nhi luận tài, dí lộ chi đạo dả, cưới vợ lấy chồng mà cứ nói chuyện của, thi ra thói mợ rợ.

Hôn sự, hôn là dâu; sự là việc: những việc cưới dâu.

Hôn mai, giấc ngủ. Do chữ *quế phách mai hôn*. Tích Triệu-Su-Hùng đời Đường di chơi dắt La-Phù, giữa rừng trời tối, vào tro một quán rượu, có người con gái ra

mời uống rượu. Su-Hùng uống say, ngủ tối sáng, tỉnh dậy thì quán đâu chẳng thấy chỉ thấy mình nằm dưới gốc cây mai mà ngủ từ hồi nào.

Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai.

Cửa nhà đâu mahl lầu dài nào đây. (KIỀU).

Hồng-Bàng, tục truyền vua Đế-Minh là vua đầu tiên nước ta, lấy hiệu Hồng-Bàng, truyền ngôi lại hết thảy là 18 đời, từ 2877 đến 258 trước Kỷ-nguyễn.

Hồng-Bàng sanh ra Lạc-Long-Quân. Nước ta lúc bấy giờ gọi là Văn-Lang. Đến năm qui mão (258) bị nhà Thục bên Tàu sang cướp mất.

Hồng băng, hồng là đỏ, băng là đông lại; là nước mắt đông lại thành máu.

Tích nàng Tiết-Linh-Vân phải tuyên vào cung. Khi từ giã mẹ, nàng đem theo một cái bình băng ngọc để đựng nước mắt. Nước mắt nàng đặt lại thành máu, làm cái bình hóa ra màu đỏ.

Hồng cánh, cánh hồng, thường dùng vi người học giỏi cũng như con chim hồng cánh cứng bay cao.

Hồng điệp, lá hồng, tích Han-thị là cung nữ, đời Đường, đề thơ vào một cái lá đỏ, thả xuống dòng ngự cầu. Vu-Hựu bắt được, cũng đề thơ vào lá rồi cũng bỏ lại xuống dòng sông. Han-thị lại bắt được. Sau nhân vì vua thả cung-nữ ra, hai người gặp nhau và nhặt đem lá đỏ mà so sánh, mới kết duyên cùng nhau. Nên bảy giờ ta thường nói là thăm làm mai, là vậy đó.

Hồng lâu, hồng là hồng; lâu là lâu. Chỗ ở của con gái nhà giàu.

Hồng mao, lông chim hồng. Do câu của Lý-Bach đời Đường:

Yên-Nam tráng sĩ ngô môn hào,
Thái sơn nhứt trich khinh
hồng mao.

Tráng sĩ ở Yên-Nam vốn
dòng hào kiệt họ Ngò, gieo
núi Thái-sơn nhẹ như lông
chim hồng.

Chí làm trai dặm ngàn dãng。
Gieo Thái-sơn nhẹ tự hồng mao.
(CHINH PHỤ NGÂN)

X. LÔNG HỒNG

Hồng-môn phó-hội, tích Hạng-Võ nghe lời Pham-Tăng lập yến mời Hán-Bá-Công tới dự dặng có giết. Nhưng

Hạng-Võ người anh-hùng thấy Bá-Công có ý sợ sệt và thi Bá-Công, tưởng Bá-Công sau này không làm gì được, nên không nỡ ra tay.

Hồng quần, quần đỏ. Hễ nói con gái; vì tục bên Tàu hồi trước, hễ còn con gái, thì mặc quần đỏ.

Hồng ti, X. TƠ HỒNG, CHỈ HỒNG

Hốt-Tát-Liệt, cháu Thành-Cát Tư-Hãn, dựng cơ nghiệp nhà Nguyên bên Tàu, truy tôn là Nguyên-Thế-Tồ.

Hột mưa, nói bóng, vi thân phản dame bà không thể định trước được, may gặp chồng khôn thì có phước như vô dài các, mà phải gặp chồng hư thì vô phần, như xuống bùn lầy.

Lấy trong câu: Phụ nhân như vú chúa trich hạ, hoặc hạ vu tinh, hoặc hạ vu hoa viên; dame bà như hột mưa sa, hột sa xuống giếng, hột sa vào vườn.

Ca dao có câu: Dame bà như hột mưa sa, hột sa dài các, hột sa ruộng bùn.

Hột mưa sơ nghĩ phận hèn, Lieu dem tac co bao den ba xuân. (KIỀU)

Hơi đồng, dùng tiền mua danh vọng, chức tước. Do hai chữ Đồng xú nghĩa là đồng tanh. Sách Hậu-Hán chép: Thôi-Liệt nạp 50 muôn để được làm quan tư đồ. Mới hỏi con: « Ngoài người ta nghị luận ra sau? » Còn trả lời: « Người ta chê có hơi đồng. »

Hơn người.

BẢN HƠN NGƯỜI

Bàng-Mông,

Cao-Biền,

Công-Tôn-Thắng,

Dương-Do-Cơ,

Hậu-Nghệ,

Trầm-Am,

Trần-Nghiêm-Tư,

Việt-Tiêu.

BẢN CỘP GIỎI:

Lý-Quản.

BIỆN BÁC HƠN NGƯỜI:

Chúc-Võ,

Huệ-Dao,

Huệ-Thi,

Huyền-Huyền,

Khổng-Minh,

Liêu-Hạ-Huệ,

Lữ-Tỉnh,

Tần-Bật,

Yến-Anh, (Yến-Binh-Trọng).

BÓI HƠN NGƯỜI:

Công-Tôn-Thánh,

Quách-Phác,
Quản-Lạc,
Quân-Binh,
Quyết-Tợ.

CHẠY HAY:
Phi-Liêm.

CHỦ GIỎI:

Ban-Chieu,
Lý-Cő,
Lưu-Yên, 8 tuổi.
Ôn-Dinh-Quân,
Tạ-Đạo-Uân,
Trương-Húc.

CHỦ TỐT:

Lan-Dinh Vương-Hy-Chi.

CHUỐC CỒ CHÂM KIM:

Mạnh-Công-Oai ở Nhu-Nam,
Nhạc-Nghị đời Chiến-Quốc,
Quản-Trọng đời Chiến-Quốc,
Thạch-Quán-Nguyên ở Đinh-Châu.

Thôi-Châu-Binh ở Bắc-Lang,
Tôn-Võ đời Chiến-Quốc,
Tử-Ngươn-Trực ở Đinh-Châu.

Ý-Tương.

COI TƯỚNG HAY:
Nguyệt-Tợ.

CỜ HAY:
Đế-Thich,
Hầu-Anh.

DỆT GIỎI:
Tổ-Nga.

ĐẸP TRAI:

Công-Tôn-Yết, tự Tử-Sở,
Tống-Ngọc,
Phan-Nhạc.

ĐÒN HAY:

Kê-Khang,
Sô-Ky,
Tư-Mã Tương-Như.

GÁI ANH HÙNG:

Lý-Tiêu-Hoàng,
Nịnh-Qui Phu-nhơn,
Tả-Lương-Ngọc,
Thạch-Long phu-nhơn,
Tống-Tử,

Triệu-Ấu,
Trung-Nhi,
Trung-Trắc.

GÁI CHỦ GIỎI:

Ban-Chieu tự là Ban-Tiệp-Dư,
Tạ-Đạo-Uân.

GÁI DÀM:

Hạ-Cơ.

GÁI DỆT HAY:

Tổ-Nga.

GÁI ĐẸP:

Bá-Dinh lại trọn thờ chồng
Đỗ-Thu-Nương,
Hạ-Cơ,
Lệ-Cơ,
Mạnh-Dinh,
Mao-Tường,
Tây-Thi,
Tề-Văn-Khương, võ lai giòi

GÁI ĐÒN HAY:

Thái-Văn-Cơ.

GÁI CÓ TÀI ĐÁNH GƯƠM:

Lục-Nương, con gái Đậu-Kiền-Đức,
Nam-Lâm.

GÁI HIỀN:

Bá-Dinh,
Châu-Thái-Tỷ,

Tống-Tuyên-Nhơn.

GÁI HIẾU:

Đè-Oanh,
Lý-Ký,
Tào-Nga.

GÁI LỄ NGHĨA:

Bá-Cơ,
Mạnh-Khương.

GÁI THẢO:

Lý-Ký.

GÁI THÈU GIỎI:

Thanh-Nữ.

GÁI THƠ HAY:

Ban-Chieu tự Ban-Tiệp-Dư,
Lam-Anh,
Tạ-Đạo-Uân,

Trang-Khương.

GÁI THỜI TIÊU GIỎI:

Tần-Nữ.

GÁI THỦ TIẾT:

Tào-Linh-Nữ.

GÁI XẤU DẠNG:

Chung-Vô-Diệm,

Cưu-Bàn-Trù,

Cửu-Tử-Mẫu,

GIA PHÁP:

Liễu-Công-Xước.

GIẢI MỘNG CÓ TIẾNG:

Tân-Tu-Vô.

GIÚP ĐẾ:

Khương-Tử-Nha, dựng nhà
Châu.

Trương-Tử-Phỏng khai nhà
Hòn.

GIỮ PHẬN BÁ:

Châu-Thái-Nhán,
Tân-Hoài-Dinh,

HÀ TIỆN

Tử-Yến.

HAY CHỦ:

Lý-Cő.

LUẬT PHÁP THÔNG:

Đặng-Tích.

MAI DONG CÓ TIẾNG:

Côn-Nô,
Hira-Tuấn.

MẠNH HƠN NGƯỜI:

Bạc-Át-Binh,

Châu-Hợi,

Công-Tôn-Chi,

Khánh-Ký,

Ngũ-Tân,

Ngụy-Thù,

Ngũ-Nhơn-Hoanh,

Tồ-Ngạn-Di,

*Tử-Tang.***MẶT DÀI :***Gia-Các-Cách,***MÌNH-DÀI :***Thành-Thang.***NGHIÈM QUÂN LỊNH :***Đường-Nhương-Thơ,**Hàng-Khuýet.***NHẠC-SỈ :***Sư-Khoáng,**Sư-Quáng,**Sư-Quyên.***NHÀN :***Cháu-Anh,**Đặng-Tảo,**Lâm-Hòa-Tịnh,**Lô-Đồng.**Lục-Qui-Mông* giang hò tản
nhân.*Phạm-Lãi,**Trần-Tè-Nho.***NHỎ MÀ GIỎI :***Cam-La,**Ciru-Thúc,**Dái-Đại-Tân,**Đức-Tồ,**Hạng-Thát,**Huỳnh-Huyễn,**Khâu-Binh,**Lý-Bí,**Lý-Tồn-Húc,**Lưu-Yến,**Nhan-Hồi,**Sĩ-Mang,**Tạ-Thượng,**Tô-Huýnh,**Tôn-Võ,**Vĩ-Dã,**Vương-Hành-Du,**Vương-Tôn-Mãng,**Vương-Võ-Xíng.***NUÔI NGƯA KHÉO :***Bá-Lý-Hè,**Phi-Tử.***PHỦ THỦY :***Tả-Ao.***QUAN (KHÔNG HAM LÀM)***Tắc-Khé.***SAY RUỘU :***Lý-Bạch,**Lưu-Linh,**Nguyễn-Tịch.***SỐNG LÂU :***Bành-Tồ.***THẨM-HIỀM :***Lý-Lâm-Phủ.***THẤP :***Yến-Bình-Trọng,**Tang-Duy-Hàng.***THIỀN-VĂN :***Khương-Tử-Nha,**Lôi-Hoán,**Thanh-Lê-Tử* tự Lưu-Hương.**THƠ HAY :***Ban-Chiêu (Ban-Tiệp-Dư).**Đô-Phủ,*
Khẩu-Binh,
Lý-Bát,
Lý-Thái-Bạch,
Tạ-Đao-Uân,
Tào-Tử-Kiến,
*Trang-Khương.***THUYẾT PHÁP :**
*Thái-Trạch.***THUỐC HAY :***Biển-Thước,*
Cao-Hoàn,
Cao-Hoãn,
Hiền-Viên,
*Kỵ-Bá (Kỳ - Huỳnh)**Hoa-Đà,*
Tân-Viên tự là Việt-Nhơn,*Trọng-Kiền,*
*Trương-Trọng-Cánh.**Chán-Cầu-Năng,*
Châu-Đặng-Khé,
Lưu-Thuỷ-Chán,
Lý-Đóng-Viên,
Lý-Thời-Chơn,
*Trương-Tử-Hòa.***TRANH (VẼ) :**
*Vương-Duy,***TRUNG QUÂN VƯƠNG :**
*Tân-Du.***TU CHỌN :**
Đạt-Ma,
La-Tháp Cưu-Ma,
*Thích-Ca.**Văn-Thù Bồ-Tát,***TU DẠI :***Lương-Võ-Đé,**Tần-Thi-Hoàng,**Tề-Ngươn,**Tống-Đạo-Quân,**Vương-Khám.***VĂN CHƯƠNG :***Chàng-Cam,**Lieu-Tôn-Nguyên,**Thanh-Lê-Tử* tự Lưu-Hương,*Tương-Như,**Tư-Mã-Huy* tự Đức-Tháo.**VĂN HAY :***Chàng-Cam,**Quách-Phác,**Trích-Tiên,**Tư-Mã-Huy* tự Đức-Tháo*Tương-Như.***VẼ GIỎI :***Tăng-Gio,**Tào-Chiróng,**Toác-Quang,**Vệ-Khanh,**Vương-Duy.***VÕ GIỎI :***Mã-Viện,**Lý-Tồn-Húc.***VUA BỊ NHỤC :***Vua Thang* bị tù nơi Hạ-Dài,*Vua Văn* bị giam nơi Dù-Lý,*Tề-Hoàng-Công* chạy qua

nước Cử,

Tần - văn - Công chạy qua nước Địch,

Việt - Câu - Tiên bị tù nơi Thạch-Thất.

VUA (Người hiền không ưa làm vua)

Hira-Do,

Qui-Trát,

Sào-Phủ

XẢO CÓ TIẾNG :

Thiếu-Chánh-Mão.

XE (Đánh xe giỏi) :

Tháo-Phủ.

XEM NGƯỜI BIẾT Ý :

Tề-Túc.

Hón-Bái-Công, tên Lưu-Ban, tự Qui, người ở đất Bái, chém rắn ở núi Mang-Dịch, rồi tụ binh-mã, nhờ có Tiêu-Hà, Trương-Lương, Hàn-Tín, Phàn-Khoái, theo giúp sức, khởi binh ở Bành-Thành, vô Hâm-Dương trước Hạng-Võ. Nhưng lúc đầu Hạng-Võ binh cường sức mạnh nên Bái-Công tam lui vào Bái-Thượng, nhờ có Trương-Lương mưu phá sagnet-dạo làm cho Hạng-Võ không nghi-ngờ mà sau phải thua tri Hàn-Tín bại binh nơi Cai-Hạ.

X. TẦN CUNG NỮ OÁN BÁI-CÔNG.

Hón triều tam kiệt, là TRƯƠNG-LƯƠNG, HÀN-TÍN, TIỀU-HÀ.

Hợp phố, X. CHÂU HƯỜN.

Huân huyền, dây huân. Tích vua Thuấn khảy đơn cầm, hát khúc gió nam, có câu : *Nam phong chi huân*.

Huê-Hâm : học trò có danh đời Tam-Quốc, kết bạn thiết với BÌNH-NGUYÊN và QUẢN-NINH.

Người đương thời nói ba người hiệp lại làm một con rồng, Huê-Hâm là đầu rồng, Bình - Nguyên là bụng, còn Quản-Ninh là đuôi.

Ngày kia Quản-Ninh và Huê-Hâm đương làm vươn, cuộc đắt gấp vàng. Quản-Ninh cù việc cuốc, còn Huê-Hâm lượm vàng cầm xem.

Lại một ngày khác Quản-Ninh và Huê-Hâm đòng ngồi xem sách, nghe người nói ngoài ngõ có quí nhơn ngồi xe đi ngang qua. Quản-Ninh không nao, cứ một việc ngồi xem sách; còn Huê-Hâm nghe nói vậy bỏ sách chạy ra xem.

Từ đó Quản-Ninh cắt chiếu ngồi riêng, rồi sau lánh qua Liêu-Đông, thường đội mao

tráng, ở hoài trên lầu, không thêm ra làm quan cho Nguy. Còn Huê-Hâm, trước làm tội Tôn-Quyền, sau theo Tào-Tháo, vào cung bắt Phục-Hoàng-Hậu.

Huệ-Dao : đời Đông-Châu, em họ của Ngô-Hầu. Khi Sở binh kèo tới nước, thì Ngô-Hầu ẩn mình, sai Huệ-Dao ra khao thường binh Sở. Sở-Linh-Vương muốn bắt tội Ngô-Hầu, bèn cho bắt Huệ-Dao, biếu quản đem đi giết. Huệ-Dao, mặt không đổi sắc, nói rằng : «Vua kẻ hạ thần khiến kẻ hạ thần đến đây dò ý chúa công giận vui, dặng liệu phuong kế. Như chúa công vui, dãi kẽ hạ thần tử tế, thì tệ-ấp không phòng bị, chắc có ngày phải nguy; còn chúa công ngược dãi kẽ hạ-thần, thì tệ-ấp biết chúa công giận, tệ-ấp tu binh huyền tướng, để đối địch với binh Sở chứ có sợ gì».

Sau này rồi cũng được tha.

Huệ-Thi, người đời Chiến-Quốc, đảm luận biện bác giỏi có tiếng.

Huyễn-đình : huyễn là cỏ huyễn, đình là sân trong. Dùng để chỉ mẹ.

Huyễn-Cao : đời Chiến-Quốc

người nước Trịnh, làm nghề lái buôn, nghe binh Tề qua phạt Trịnh, thì tự lập kế mà cứu nước khỏi bị nạn giặc. Quân Tề thấy vậy chẳng dám xâm lăng.

Huyễn cơ, Mây thiên, ông trời.

Huyễn đầu, treo đầu. Tích Tôn-Kinh, người đời Hán, ham học. Đêm đọc sách, sơ ngủ quên, lấy dây treo đầu trên sà nhà, chứng có ngủ quên, giật đau, thức dậy để học.

Huyễn-Huyễn, tích Chiên-Khuyền, tội của Vệ-Thành-Công nghe lời chúa, giết Thúc-Võ là em Vệ-Thành-Công. Huyễn-Huyễn làm quan Thượng-dai-phu mà cũng là một nhà biện-giả theo phò Thúc-Võ thương chúa minh, không sợ chết, ra biện-bach đủ lý-luận để buộc tội Vệ-Thành-Công, ai nấy đều phục.

Huyễn-Trân, Tam-Tạng, tên thầy tu họ Trần, đời Đường, vua sai qua Thiên-Trước thỉnh kinh Phật, về truyền bá trong nước. X. TAM-TẠNG.

Huyễn-Trân công - chúa, năm 1306 đời vua Trần-Anh-

Tôn, vua Chiêm-Thành là Chế-Mân muốn Huyền-Trần công chúa là con gái vua Trần-Anh-Tôn. Bèn dựng hai thành Thuận-Châu và Hóa-Châu (tỉnh Thừa - Thiên và nửa tỉnh Quảng-Trị và Quảng-Nam) để đổi công chúa.

Vua Trần-Anh-Tôn tham chịu. Sau này vua Chiêm-Thành mất thì vua Trần-Anh-Tôn sai Trần-Khắc-Chung qua di diếu, và cướp công chúa về.

Huyễn-vi, huyền là mờ tối khó hiểu; vi nhỏ-nhặt; nói cuộc đời có nhiều lẽ tối tăm nhỏ-nhặt.

Huỳnh, con đòn-đốm. X. HUỲNH-SONG.

Huỳnh-Để, lội qua sông bị chết đắm. Sau oán con sông đó, hóa ra con chim Tinh-Vệ, tha đá tinh lấp con sông ấy. Mà nào lấp cạn được.

Huỳnh - Đinh - Kiên, NHỊ THẬP TÚ HIẾU, số 23.

Chữ đặt là Lô-Trực, hiêu là Sơn-Cốc, làm quan thái-sử năm Nguyên-Hựu đời nhà Tống.

Người rất thảo-thuận, tuy giàu-sang, mà ở với mẹ hết lòng cung-kính, mỗi đêm thường đi rửa bình tiêu cho mẹ.

Huỳnh-Huyễn, tự là Tứ-Đạm, ở huyện An-Lăng, đời Hậu-Hán. Hồi mới 7 tuổi theo ông nội làm Thái-thú đất Ngụy-Quận, vào chầu bà Bạc-Thái-Hậu. Nói chuyện nhứt thực ở Ngụy-Quận thi bà mới hỏi Huyền: «Vậy mà nó ăn nhiều hay ít?» Huyền trả lời: «Khi nhứt thực còn dư, thì cũng như trăng mới sanh phách (trăng non).» Thái-hậu khen lắm.

Huỳnh-Hương, NHỊ-THẬP TÚ-HIẾU, số 10.

Chữ đặt Văn-Cương, người đời Hậu-Hán, mồ côi mẹ hồi 9 tuổi. Nhớ thương mẹ một cách rất thảm-thiết, ai thấy cũng động lòng.

Ở với cha rất hết lòng chịu khó, mùa hạ thì lấy quạt mà quạt cho mát gối, mát vạc cho cha nằm, còn mùa đông thì ấp mền chiếu cho ấm cho cha ngủ.

Huỳnh lương mộng, tích Lư-Sanh, đời Đường. Nhà nghèo. Có thầy đạo-sĩ cho mượn cái gối. Sanh nằm gối đó ngủ, thấy mình lấy dặng vợ giàu mà đẹp, thi đậu Tán-sĩ, làm quan lớn, đẹp giặc, danh tiếng lừng

lẫy. Có con trai năm ba đứa đều làm quan cả. Sống tới 80 tuổi, làm suối với những nhà tai mắt. Cháu trai cháu gái hiền-lành, thông-minh tốt-dep. Chứng thực dậy, nồi cơm nấu hồi còn thức chưa chín. Thầy đạo-sĩ cười và nói rằng: cuộc đời cũng vậy! cũng như giấc chim bao. X. NAM-KHA.

Huỳnh-Mẫn-Đạt, (1847-1883). Ông sanh trưởng tại Rạch-Gia, thi đậu cử-nhơn,

làm quan triều Tự-Đức, tới chức tuần-phủ, trấn tỉnh An-Giang (Hà-Tiên).

Ông thọ giáo với ông Võ-Trường-Toản, đồng thời với quan Phan, ông cử Trị, ông Tôn-Thọ-Tường, ông Bùi-Hữu-Nghĩa.

Đến chứng Pháp thâu Nam-Ký (1867) ông hồi hưu, sau phải bệnh già mà mất.

Thơ của ông còn mấy bài sau này:

ĐỈ GIÀ ĐÌ TU

Lầu xanh thánh-thót tiếng chuông truyền,
Tinh giắc cao-đường lúc ngửa nghiêng,
Mượn chiếc thuyền tình qua biển ái,
Đưa con sóng sắc lại rìng thiền,
Soi gương tri-huệ lau lòng tục,
Lần chuỗi bồ-đề kết trái duyên,
Mắt-mè cửa không trăng gió săn,
Đầu chưa nén phạt cũng nén lién.

CHÓ GIÀ

Tuy rằng muông cầu có án ba,
Rặng rụng lâu năm nó phải già.
Bởi đuổi hưu Tân⁽¹⁾ nên mỏi gối,
Vi lo khỉ Sở⁽²⁾ mới dùn da.

(1) Đời Tân-Thi-Hoàng, có Triệu-Cao chỉ con hưu nói con ngựa, ý muốn thử coi người ta có nói theo không.

(2) Người thường chè Sô-Hạng-Võ là vô đạo, nên thường ví là khỉ đội mào.

Không ai trấn bắc ngăn bầy cáo,
Ít kẻ ngùa tây giữ đùa tà.
Mạnh mẽ như xưa còn hồn hở,
Bầy giờ yếu đuối hết xóng pha.

GÀNH MÓM :

Tượng mảng⁽¹⁾ non sông tác chẳng già,
Cờ sao gành móm lại gio ra?
Chòm rong llop xộp râu Bành-Tô,
Kẹt đá gio gie nứu Tứ-Nha.
Miệng súc trêu trao con sóng dợn,
Khăn lau quạt quết thíc mây qua.
Thay lay muốn hối xuân thu mây?
Rằng thuở khai thiên đã có ta!

NGỘ HỮU :

Kết lũ năm ba bạn cắp kè,
Duyên đâu giải cất khéo thè be.
Đã bưng bit mặt cùng trời đất,
Chẳng hổ han lòng với ngựa xe.
Trẻ lắn thắn dạo chơi vươn liêu,
Già lom khom ăn dưới cội hoè.
Núp nom cũng hổ chào thêm hổ,
Hùm dữ non cao thấp chẳng thè.

Tương truyền bài này ông tuần Huỳnh làm trong khi lên Sài-Thành, chiều đi hứng gió, gặp ông đốc Tường ngồi xe song mã. Ông với ông Tường kết bạn từ trước hồi còn làm quan trào Tự-Đức. Lúc Pháp sang lấy ba tỉnh trên thì ông tuần Huỳnh về hưu, còn ông đốc Tòn theo tân trào. Bởi vậy nay

(1) Tượng mảng: nghe rằng.

gặp mặt, ông tuần Huỳnh muôn lành, ngặt ông đốc Tòn lẹ mắt, trông thấy bạn cố tri, mừng rõ chẳng xiết, nhảy a lai kéo tay làm ông tuần Huỳnh phải ra mặt. Ông liều làm bài thơ này. Ông đốc Tòn hiểu ý, nhưng họa không được, dành trả lời:

Tinh cờ xảy gặp bạn tiền liêu,
Thi phú ngâm nga hứng gió chiều.
Thế cuộc đổi dời càng lắm lắm,
Thiên cơ màu nhiệm rất nhiều nhiều.
Nước non đường áy tình đường áy,
Xe ngựa bao nhiêu bụi bấy nhiêu.
Hэм hở nhạc tây hơi trỗi mạnh,
Nghe qua ngùi nhớ giọng tiêu thiều.

(TÔN-THỢ-TƯỜNG)

Huỳnh song, cửa song chói đèn đốm. Bởi tích Trác Giàn (có chỗ chép Xa Dậu) tự là Võ-Sor, thuở nhỏ còn nghèo ham học. Bởi không đủ dầu mà thấp đèn ban đêm, nên qua mùa hạ phải làm đay bằng vải thưa, bắt đèn đốm bỏ vào, dặng nhờ khi sáng nó mà đọc sách ban đêm. Sau làm quan đến chức Thượng thơ.

Vì vậy có chỗ, phòng học trò kêu là huỳnh song, còn trường học trò kêu là trường huỳnh.

Huỳnh tuyển (cửu tuyển), dường âm phủ, người ta nói có chín suối vàng.

Huỳnh vũ, nhà huỳnh. Nhà

trường đê dạy con cháu nhà vua và nhà quan.

Hùng, anh hùng, theo Khang-Hi, thi :

Anh, tri quá muôn người,
Tuần, tri quá ngàn người,
Hảo, tri quá trăm người,
còn Kiện, tri quá mười người thôi.

Hùng bi, hùng là con gấu; bi là con bi. Hai thú thú có sức mạnh. Dùng đê nói diêm sanh con trai,

Hùng sơn, ở tại núi này có đền thờ Hùng-Vương.

Núi Hùng-Sơn ở vào địa phận làng Hi-Cương phủ Lâm-Thao, tỉnh Phú-Thọ.

Hùng-Vương, vua thứ nhứt nước Văn-Lang (tức là nước ta bây giờ) đóng đô ở Phong-Châu (vào huyện Bạch - Hạc, tỉnh Vĩnh-Yên bây giờ).

Dân lúc bấy giờ còn mê tín. Sứ chép đời đó, người nước Văn-Lang làm nghề chài lưới xuống nước, thường bị giống « *thuồng luồng* » nhiều hại, vua Hùng-Vương mới bắt dân chài lưới lấy chàm vẽ mình, cho giống thủy quái đặng gạt chúng tưởng mình một bọn voi chúng, chúng không nhiều hại mình.

Lấy chàm mà vẽ mình, xuống nước nó trôi hết còn đâu mà gat-gầm ai....

Hur nhựt, trong NHỊ THẬP BÁT TÚ, sao Hur là sao dữ.

Húra-Do, Sào-Phủ, tich Sào-Phủ đương cho trâu uống nước dưới sông, chợt thấy Húra-Do lum khum xuống rữa tai.

« — Anh làm gì mà rửa tai vậy ?

— Vua Nghiêu nói tôi là người có tài mà nhơn đức, muốn nhường ngôi cho tôi. Tôi sợ nghe nhơ tai nên xuống rửa cho sạch.

— Anh đi đâu đó mà nghe

người ta nói. Nghe mà rỉ tai, thi thà đừng nghe có hay hơn không? » Sào-Phủ nói rồi dắt trâu lên trên dòng cho uống. Húra-Do hỏi: « Tại sao anh dắt trâu lên trên vậy? »

Sào - Phủ bèn trả lời: « Sợ trâu tôi uống nước dơ ».

Húra-phụ, X. HÀN-TÍN.

Húra-Viễn, X. TRƯƠNG-TUẦN.

Hưng - Đạo - Vương,
X. TRẦN-HÙNG-ĐẠO

Hưng khánh, là cung của Đường-Minh-Hoàng cất để cho Vương-Qui-Phi ở.

Hưng quốc khánh niệm, lễ kỷ-niệm mồng 2 tháng 5 âm lịch là ngày vua Gia-Long lấy thành Phú - Xuân dựng lên triều Nguyễn.

Hưng vương định bá, người đánh Đông dẹp Bắc gầy dựng cơ đồ.

Hườn-sở, X. CHÂU-LANG.

Hương, xe hương, xe của người đòn bà dùng.

Hương khuê, phòng thơm, đề chỉ phòng của người con gái.

Hương lão, những ông già ở trong làng.

Hương lửa ba sinh,
X. TAM SANH HƯƠNG HỎA

Hương-Sơn, thường gọi là chùa Hương, chùa Hương Tích, ở về phủ Mĩ-Đức, tỉnh Hà-Đông, cảnh núi rất là u tịch, lối vào khuất khúc, qua khe đến núi, qua núi đến chùa, qua chùa đến động, thiệt là một cảnh tri tự nhiên ở đất Bắc. Dưới có một cái đền thờ Đức Phật Bà Quan-Âm.

Vua Thánh - Tôn nhà Lê có cho khắc một tấm bia đá có mấy chữ: *Nam thiên đệ nhứt động* treo trước cửa động, bây giờ hãy còn. Mỗi năm, năm nào như năm nay, đến tháng hai tháng ba, thiện-nam tín-nữ, kẻ hành hương người lâm thăng, trẩy chùa không biết bao nhiêu mà kể.

Bầu trời cảnh bụi,

Thú Hương-Sơn ao ước bấy lâu nay.

Kia non nón nước nước mây mây,

Đệ nhứt động! Hỏi rằng đây có phải?

Thỏ thể rừng mai chim cúng trái,

Lảng lơ khe nước cá nghe kinh.

Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,

Khách tan hải giựt mình trong giấc mộng.

Này suối Giải-Oan, này chùa Cửa-Võng,

Này am Phật-Tích, này động Tuyết-Kinh;

Nhác trông lên ai khéo họa hình,

Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.

Thăm thăm một hang lồng bóng nguyệt,

Gặp ghinh mây lối uốn thang mây.

Chừng giang san còn đợi ai đây?

Hay Tao-Hóa khéo ra tay xếp đặt,

Lần tràng hạt niêm: Nam-vô-Phật,

Cửa từ-bi công đức biết bao.

Càng trông phong cảnh càng yêu.

Hương-Tú và Kê-Hương,
X. ĐỒNG-CHÍ.

Hương-Bình chí nguyễn,
cái chi-nguyễn của Hương-Bình.
Hương-Tử-Bình đời

Hòn khi con cái dã có vú
chồng rồi, thi bỏ nhà di chூi
xa, nói rằng chi nguyễn dã
đoạt được rồi. X. DU NHẠC.

Hương nhựt, X. qui.



Y bát, y là áo ; bát là bát ;
hai món cha truyền cho con,
thày truyền cho trò. Y nói
dời trước ăn mặc làm sao, thi
dời nay nên bắt chước làm
như vậy đừng dồi.

Y cầm qui hương, g i à u
sang về làng, như mặc áo gấm
di giữa ban ngày.

Y Châu, là y - DOÃN và
CHÂU-CÔNG hai ông hiền của
triều Thương và Châu thuở
xưa bén Tàu.

Y-Doán, người hiền, giúp
vua Thành-Thang đánh vua
Kiệt nhà Hạ, dựng nghiệp
nhà Thương, tới vua Trụ thì
mất nhà Thương.

Y hoè, y là dựa ; hoè là cây
hoè. Tích ngà rồi Uyên nằm
mộng thấy mình đứng dựa
cây hoè. Nguyễn-Thực bàn
rằng : « Chữ hoè cạnh chữ

mộc có chữ quỉ. Thấy mình
đứng dựa cây hoè thì chết
thành quỉ ».

Y mèn, dựa cửa. Tích bà
mẹ của Dương-Tôn-Giả, hẽ
con đi khỏi thì sớm tối hay
đứng dựa cửa để trông con về.

Y-Tướng, dời Đông-Châu
làm Tả-sứ cho Sở-Linh-Vương.
Sách truyện gi cũng hiểu
thông, chánh là một tay bác
vật bấy giờ.

Yên các vân đài : gác khói
đài mây. Đường-Thái-Công
vẽ hình công-thần treo ở Yên-
Các ; còn Hòn-Minh-Đé vẽ
tranh công-thần treo ở Ván-
Đài, để mà tôn trọng các bức
danh-tướng.

Yên hà, khói mây. Thủ
yên hà là thủ non xanh nước
bích.

Yên-sơn-quế, quế non Yên.

Tích họ Đậu đời Tống, quê ở Yên-Sơn có 5 người con gái. Người đời bấy giờ vì năm người con của họ Đậu như năm nhành quế ở núi Yên.

Yến-Anh, tự Bình-Trọng, đời Chiết-Quốc, làm Thượng-dai-phu cho nước Tề. Người không đầy năm thước mà ứng đối rất có tài, danh tiếng khắp chư-hầu.

Đi sứ nước Sở. Sở-Linh-Vương muốn làm nhục chơi, hội quần thần xùm lại vấn nạn. Bình-Trọng một người mà đối đáp với tất cả các quan bên Sở, không thua ai, làm cho Sở-Hầu cũng phải phục tài.

Sau vua Tề thương quá và thấy vợ của Yến-Anh già xấu, muốn gả con cho, mà Yến-Anh từ rắng: « Tình cũ không nỡ bỏ cũng như nghĩa quân thần không quên được ». X. TÀO KHANG CHI THÈ BẤT KHẨ HẠ ĐƯỜNG.

Yến-Nga-Nhi, Tề-Huờn-Công chừng già không nghe lời trối của Quản-Trọng, giao quyền cho Diệt-Nha, Thủ-Diệu và Khai-Phương là một bọn nịnh-thần.

Lúc Huờn-Công gần chết,

chúng đã cầm quyền trong tay, không cho ai ra vào trong cung rồi còn bắt xây tường trong Tầm-Thất, cao ba trượng, bỏ Huờn-Công chết đói ở trong, người ngoài không ai hay biết.

Manh-Tử nói: « Người nhân chỉ biết thân yêu em út ».

Sách LUẬN-NGỮ nói: « Ai cũng

nên yêu, mà thàn thì chỉ có

người nhân thôi ».

Yếu-ly, X. KHÁNH-KÝ.

Yến-Nga-Nhi là hầu của Huờn-Công nửa đêm lén trốn vỏ Tầm-Thất, leo tường vỏ trong, nuôi Huờn-Công Chừng Huờn-Công chết, tràn chết theo.

Hai tháng sau chừng người ta vào đem thiêy Huờn-Công ra chôn thì thiêy rã rời, chỉ có thiêy Nga-Nhi như còn sống.

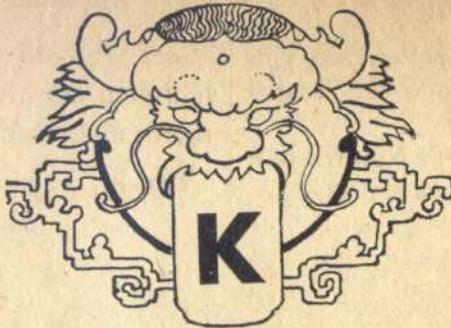
Yến Oanh, X. OANH YẾN.

Yến tạ, chim yến của nhà họ Tạ. Tạ-An ở nước Tần nhà cửa tráng lệ, chim yến tới làm ồ không thiếu gì. Sau thế nhà Tạ-An sa sút, chim yến bay đi hết.

Yết-Kiêu, Dá-Tượng hai người nhờ cày của Trãi-Hung-Đạo-Vương. Lúc Vương thua quân Nguyên ở Chi-Lăng, nhờ hai người này theo hầu mới chạy thoát được về Vạn-Kiếp.

Yêu, sách LỄ-KÝ nói: « Con





Keo sơn, hē keo với sơn thì
dính với nhau lắm. Lấy đó
mà vi tình vợ chồng hay là
nghĩa anh em, chắc chắn
không rời rã.

Kê, nỗi kê, X. HUỲNH LUÔNG
MỘNG.

Kê báo tai trước báo hỷ,
gà mái gáy thì có diềm là ;
quả reo thì chủ nhà có khách.

Kê-Hương, X. ĐỒNG - CHÍ

Kê-Khang, người đời nhà
Tấn, nhờ thần dạy, đờn khúc
Quảng-Lăng hay lắm.

Kết cỏ, kiết thảo, đời Đông
Châu, Ngụy - Hùng có một
người hầu còn trẻ tuổi, Hùng
gần chết dặn con là Ngụy
Khôa, phải đem chôn người
hầu theo mình theo tục bên
Tàu. Ngụy-Khôa không nghe
lời, viễn lẽ hại một mạng
người vô ích.

Sau, Ngụy-Khôa đi đánh giặc
Đỗ-Hồi, thế giặc mạnh lắm,
Khôa liệu bè phái thua, không
dè thỉnh-linh cỏ quấn cảng
ngựa Đỗ-Hồi làm Đỗ-Hồi tối
lui không được, bị Ngụy
Khôa giết. Khôa lấy làm là
lắm. Tối chừng ngủ, chiêm
bao thấy một ông già đến
nói với Ngụy-Khôa : « Khi
ban ngày chính là tôi đây lây
cỏ quấn chun ngựa của Hỗ
Hồi, cho nó tới lui không
được, ông giết nó mới được.
Tôi sở dĩ làm vậy là tôi
muốn trả ơn cho ông không
chôn nàng hầu của lệnh tôn
theo. Tôi đây là cha của nàng ».
X. HÀM HOÀN.

Kêu sương, cỏ - KIM THI
THOẠI nói : Hē nhan trăng
phương Bắc đến, thi biết tin
sương xuống. X. TIN SƯƠNG

Khai-Phương, công -

nước Vệ, bỏ ngàn cỗ xe, xin
qua làm tòi Tề-Huờn-Công.
Tề-Huờn-Công vung tin thấy
Khai-Phương bỏ cha mẹ,
bỏ giàu-sang phú-quí trước
mắt, qua phò minh, tưởng
Khai-Phương phục minh, nên
trọng dung, có biêt đâu Khai-
Phương tin xa. Mà quả thiệt
vậy, sau Khai-Phương mưu
với Diệt-Nha và Thụ-Diêu
giết Tề-Huờn-Công, đoạt ngôi
Tề.

Khai-Thái, niên hiệu Trần-
Minh-Tôn (1324-1329).

Khai-Định, Vua thứ XI
triều Nguyên, húy là Bửu-
Đào. Lên ngôi năm 1916, trị vì
dưới quyền bảo-hộ Pháp, ở
ngôi đặng 9 năm. Mất năm
1925.

Khang-Hy, vua Thánh-Tổ
nhà Thanh nước Tàu. (1662-
1722). Đời vua Khang-Hy bắt
đầu làm bộ tự-diễn lớn nhất
của Tàu, kêu là KHANG-HY TỰ-
DIỄN.

Khanh nho, chôn học trò.
Tần-Thi-Hoàng giận học trò
phi báng minh, và sợ nếu còn
học trò thi còn phi báng
minh nữa, nên dạy chôn hết
thầy học trò, lối 400 người ở
Hàm-Dương.

Khanh vân, X. TẠ-NỮ.

Khánh Ky, đời Chiếu-Quốc,
con vua Ngò-Chiêu-Vương,
mạnh lắm. Đì chơi ghe, vì
quá tin Yếu-Ly làm khò nhục
kế, nên cho Yếu-Ly hầu gần
một bên. Yếu-Ly thừa thế
Khánh-Ky có một mình, lấy
gươm đâm Khánh-Ky một
gươm từ sau lưng thấu tới
trước ngực. Khánh-Ky tuy
bị thương mà còn nắm Yếu-
Ly vật trên đầu gối, nhưng
không giết mà cũng không
cho kẻ ta hữu giết, để cho
thiên hạ rõ lòng trung của
Yếu-Ly.

Yếu-Ly nghĩ mình giết vợ
con để thờ vua thi không
nhơn; theo vua mới mà giết
con vua cũ, là không nghĩa;
làm nên cho một người, mà
minh, tan nhà hại cửa, thi
không phải là tri, nên rồi cũng
tự xử lấy mình.

Khắc lậu, thời xưa người
ta dùng, cho biêt giờ khắc.
Lấy hai cái bầu thủy tinh, có
lỗ nhỏ thông nhau, ráp hai
cái làm một. Đè nước hay dề
cát trong một cái trên. Lâu
lâu nhỏ giọt hay là rót hột
xuống bầu dưới, lấy đó mà
tính giờ khắc.

Sau này con người ta vẫn minh, mới bày ra đồng hồ thế khắc lừa.

Khâm-Định Việt-Sử thông giám cương mục, các ông Phan-Thanh-Giản, Lê-Bá-Thận, Phạm-Thận-Duật, Võ-Như... biên từ vua Tự-Đức năm thứ chín tới Kiền-Phước nguyên niên mới xong. Có hai bộ, bộ đầu *tiền biên* từ Hồng-Bàng tới Tháp-Nhị Sứ-Quân,

*Chỉn có trời cao ở phía trên,
Không non nào dám sánh cao hơn.
Người xem hồng nhợt kè trên mặt,
Đòm lại vàng mây ở dưới chon.*

Thầy khen lắm và đoán cho Chuẩn sau này sẽ làm lớn. Mà quả thiệt vậy, đến triều Chơn-Tòn, người làm tới chức Tề-tướng lại được phong tặng là Lai-quốc-công.

Nhưng Khấu-Chuẩn có tật ưa đánh bài. Có nhiều khi trong trào có việc mà Chuẩn không đi dự. Chứng vua thấy vắng mặt cho vời, thì tới nơi hãy Chuẩn đương đánh bài.

Khóa hạ vương-tôn, vương-tôn lòn dưới khổ. Tiếng người ta dễ kêu ngao Hàn-Tin, hồi chưa tới thời,

bộ nhì *chinh biến*, từ Định-Tiên-Hoàng tới Lê-Mân.

Khấu - Chuẩn, người đời nhà Tống, tự là Bình-Đà, ở đất Hạ-Bì. Hồi mới nên tám, còn học ở trường tiểu học, mà đã giỏi rồi.

Bữa kia thầy biếu học trò lấy cảnh núi Huè-San, nơi Tây-Nhạc, tỉnh Hiệp-Tây, mà làm một bài.

Chuẩn làm:

phải lòn tròn một thằng bẩn thịt. X. HÀN-TÍN.

Khóa-Phu, tên một người ngu-xuần chạy đua với mặt trời, từ sớm mai cho tối tối, mà sao thấy mặt trời cứ ở trước mặt mãi. Chạy mệt quá, chừng tối, không thấy mặt trời nữa, ngừng lại, khóc nước, uống nước nhiều, phải chết.

Khóa phượng lang, tích TIỀU-SỬ thời sáo rất hay. Mỗi khi thời thi chim phung đến nghe.

Khóa thân thoát hiềm, cõi trường thoát hiềm nghèo.

Tích Trần-Bình mưu thần đời Hán. Khi trốn Sở về Hán, qua sông, sợ chủ đò nghi minh nhiều tiền giết minh chăng, nên làm bộ, cõi quần áo ở trường xuống thuyền cho chủ thuyền dừng nghỉ. Nhờ vậy mà khỏi bị giết.

Khóa xuân, khóa là giam, xuân là con gái đẹp. Do câu thơ của Đỗ-Mục đời Đường : *Đông phong bắt giữ Châu-Lang tiên, Đông trước xuân thảm tỏa nhị kieu.*

Nếu giờ Đông không giúp cho Châu-Du đốt quân Tào ở Xích-Bích thì 2 người con gái đẹp ở Giang-Đông là vợ Tôn-Sách và vợ Châu-Du tên Kiều đã bị Tào-Tháo bắc đem về để bài Đông-Tước rồi.

Khoái lạc, đây là vài tích, nói về khoái lạc.

1. — **VĨNH-KHẢI-KÝ** thường mặc áo cùu, thắt lưng dày, vui thú ngao-du ngoài đồng nội.

Một hôm gặp Đức Không-Tử. Đức Không-Tử hỏi : « Tiên sanh làm thế nào mà thường vui thế ? »

— Thưa, trời sanh muôn vật, loài người qui nhứt, mà

ta đã được làm người, đó là một điều đáng vui ; người ta sanh ra có người dui què, có người non yếu... mà ta thì khoẻ mạnh, lại sống lâu thế là hai điều đáng vui đó ; còn cái nghèo là sự thường của thế gian, cái chết là sự hết của đời người. Ta nay biết vui với cảnh thường dễ đợi cái chết, thì còn gì mà lo buồn ».

2.— Vua Tề-Tuyên-Vương nghe đồn NHAN-SÚC là người hiền, bèn đến chơi nhà Nhan-Súc, bảo Nhan-Súc : « Súc lại đây ta biếu ! »

Súc liền đáp : « Bệ-hạ lại đây tôi có chuyện nói ».

Vua giận, quở Nhan-Súc : « Ta là bực chí tôn ; người là kẻ làm tội ta. Ta kêu người, người không lại, lại kêu ta, thì còn đại-nghĩa gì ? »

Nhan-Súc nói : « Vua gọi Súc mà Súc lại thì Súc ham nơi quyền thế. Súc gọi vua mà vua đến thì vua trọng hiền-si. Nếu để Súc này mang tiếng ham mõ quyền thế thì sao bằng để nhà vua được tiếng quý trọng hiền tài.

— Nói như người vậy, thì trong đời qui, tiện phải đổi dãi như nhau sao ?

— Vì Bệ-hạ không phân biệt

người qui với người tiện thời.

-- Nói theo người thì vua chẳng hèn hơn sỉ à !

— Chính vậy Thi trước Tần đi đánh Tề có ra lệnh : « Ai đến gần mộ Liêu - Hạ - Qui mà đốn cùi thì phải bị xử tử. Còn ai lấy được đầu vua Tề thì thưởng ngàn vàng ! » Lấy đó mà suy thì đầu vua sống không bằng cái mồ kẻ sỉ chết ! »

Khoái-Triệt, người dời Tây Hồn, làm tướng theo Hàn-Tin, biết Hồn-Vương muốn hại Hàn-Tin, biếu Hàn-Tin làm phản. Hàn-Tin không nghe lời. Triệt bèn giả diện, bỏ không theo Hàn-Tin nữa. Nhưng sau này chửng Hàn-Tin bị Hồn-Vương giết thì Triệt không sợ tội lây, tới xin thầy Hàn-Tin về chôn cho toàn nghĩa tội chúa.

Khoán núi thơ sông, tich vua Hồn-Cao-Tồ khi nào phong hầu cho công thần thi ban thơ đỏ và khoán sắc, trong có khắc chữ : *Dài như sông Hoàng, vững như núi Thái, nước nhà con cháu đều được vững bền.*

Khoáng (Sur), người dời Đông-Châu. Muốn học nhạc

cho thiện, bèn lấy ngải đốt đui hai mắt để chuyên tâm một chuyện nhạc mà thôi.

Tương truyền Khoáng nghe tiếng nhạc mà biết thiên thời nhân sự, suy nghiệm kiết hung. X. QUYỀN.

Khô nhục kẽ, kẽ làm khô xát thịt. Châu-Du, Đô-đốc bên Ngõ, dời Tam-Quốc, lập trên Xích-Bích muốn đốt binh Tào, cần dùng một người làm nội ứng. Huỳnh-Cái tình nguyện ra chịu di. Mà muốn cho Tào-Tháo tin, thì phải lập mưu này mới được : Một buổi sau, Châu-Du bàn một chuyện quân-luật, Huỳnh-Cái ra cãi kịch liệt, làm cho Đô-đốc Châu-Du nổi giận, bắt ra đánh đòn, thịt văng máu chảy. Huỳnh-Cái mới bỏ ra đầu Tào, Tào biết chuyện Cái bị đòn, trọng dụng, nhờ vậy mà Châu-Du đốt binh Tào mới được.

Khôi Huyền, tên một cái đồn ở Nghệ-An, vua Lê bị quân Minh đánh thất trận tại đó.

Khối tình, TÌNH-SỰ chép. Một người con gái kia có tình với một người lái buôn. Người lái buôn đi mãi không về. Nàng ở nhà đau trong tư

mà thắc. Đem nàng đi tán thì xương thịt đều chảy ra nước hết, duy trong bụng có một khối cứng, đập cũng không nát. Sau người lái buôn về, hay tin, đi tìm, khóc nức-nở, nước mắt chảy dính vào khối đó, tiêu tan hòa với nước mắt. Người ta nói đó là cục *khối tình*.

Có chỗ nói người con gái đó lại là một bà công-chúa, ở trong cung gần mé sông, thương một người con buôn thường hay chèo thuyền dưới sông ngang qua cung bà, vừa chèo vừa hát véo-vắt. Vì bà không thế nào gặp được người bà thương, nên bà đau tương tư mà chết....

Khối tình mang xuống thuyền dài chia tan. (kiều)

Khôn sống bỗng chết, KHÔN SỐNG BỐNG CHẾT là một câu thành ngữ ở đầu miệng người ta ; nhưng có ai biết đâu ! Khôn mà đã chắc gì sống đâu ! Vụng mà đã chắc gì chết đâu ! Mà những người được sống đó, cũng vì tất thảy là người khôn ; kia những người chết đó, cũng vì tất thảy là người vụng.

Ta trước hãy xem ở vật-lý.

Trong loài chim mà khôn nhứt, chẳng chim gi bằng chim anh-võ, nó là loài chim mà miệng nó học được tiếng người, người nói tiếng gi nó nhái in tiếng ấy. Mà dè đâu ! vì cái khôn của nó mà cái kiếp nó bị người cắt cánh, bỏ vào lồng. Khi đã vào lồng rồi, thì bao nhiêu cái thú thanh nhàn non xanh rùng rảm, dã không hưởng thụ được tí nào, mà kết quả lại thinh-linh vào miệng mèo của nhà chủ. Thế chẳng vì khôn mà chết hay sao ?

Lại như ở trong loài thú chẳng giống gì khôn hơn vượn khỉ ; nó dã hay nghè trèo cây hay nghè phốc nhảy, mà lại hay học chước người ta làm nghè múa. Người ta làm thức tuồng gi, nó học được in hịch. Chẳng phải khôn nhứt ở trong loài thú hay sao ? Mà ai dè ! Vì cái khôn của nó, nên bị người ta mồi nhử mà bắt cho được nó : Dày thắt vào cổ, xích trói lấy chân, nó phải gieo thân vào ràng sắt. Khi đã vào ràng rồi thì bao nhiêu cái cảnh ưu-du ở khe trong gió mát chẳng còn lưu-luyện được một tí nào, mà kết-quả, có khi thinh-linh đến vào

miệng chó của chủ. Đó chẳng phải vì khôn mà chết hay sao ?

Loài cầm thú đã như vậy, mà xem đến loài côn-trùng thì cái lẽ khôn mà không sống càng nhiều lắm.

Tức như con tằm kia ! Nó có nghè làm tơ, không cần dùng đến sức tay mà to kéo được thiêt nhỏ, không cần dùng đến máy móc mà kén lăn được thiêt tròn ; chẳng phải khôn tuyệt hay sao ? Mà ai dè ! vì cái khôn của nó xe đêm xe ngày, vo xuôi vo ngược, đến lúc kén tròn to ráo, thi thản tằm đã vào nồi nước sôi. Chao ôi ! khôn mà chết như thế. Người xưa đã có câu : *Con tằm đến chết hẵng còn quay tơ !* Thiệt đau đớn cho cái khôn chết nó vậy !

Lại như con ong kia, nó có trí khôn hay gày mệt, từ sớm đến tối, hết rày lại mai, thò mò thóc móc, tìm hết trăm thứ hoa, hút hết trăm thứ phấn ở trên nhụy hoa, và nút và phung và gày và trét, làm nên từng này lớp nõ, mặt đầy bọng mà chưa thôi. Chẳng phải khôn lắm hay sao ? Ai dè đâu ! vì trí khôn của nó mà xui khiến cho những phường tham mê kia tăng

cho nó một vài bó đuốc, năm bảy chùm hương, thán ong chẳng bao lâu mà chôn vào trong đám khói nồng, mà bao nhiêu mật của nó, thảy cung cấp cho túi ruồi bu. Chao ôi ! cái khôn mà chết là như thế.

Người xưa có câu rằng : *Vợ vết trăm hoa thành được mật, Đắng cay mẫn kiếp ngọt cho ai !*

Thiệt ngâm ngùi cho cái khôn chết cho con ong đó vậy.

Chứng vào vật-lý thì nhu vậy, mà nghiệm vào nhân-sự thì lại càng rõ hơn.

Xem lại xứ Tàu trên hai ngàn năm, thật ghê gớm cho cái khôn Tân - Thi - Hoàng. Chỉ một mình nó mà tinh-thôn hơn sáu nước mạnh.

Khi nó đã nuốt cả lục cường, làm nên Hoàng-Đế, nó muốn làm cho ngu hết người thiên-hạ, để cho nhà nó được làm vua đến muôn đời. Nó sợ nhiều sách vở cho người ta xem, nó mới đốt hết sách. Nó lại sợ còn nhiều nhà nho, hay bàn-bạc phải trái, nó lại chôn hết học trò. Phàn-tho-khanh-nho là một món rất khôn-ngoan quyết-độc. Mà ai

dè ! vì cái khôn đó nên nỗi lòng người oán-giận, gây nên cái nạn Hòn Sở diệt Tân. Tân chưa được hai đời mà đứt nòi tuyệt giông. Té ra những anh giết Tân có phải thày nho đọc sách đâu ! Thế thi cái gương vì khôn mà chết đã rành rành rồi đó. Mà dầu tại vẽ khôn cho Tân, chính là anh Lý-Tư cũng đến nỗi bêu đầu ở chợ Hàm-Dương. Thiệt lai là : khôn quá hóa ra dại.

Có ai bảo rằng : Khôn mà sống được đó ư ? Lai xem nhị sử nước ta : lúc cuối đời Lê, triều Lê suy-mạt, họ Trịnh chuyên quyền ; nhân-tâm bắc-kỳ nhớ Lê thù Trịnh. Có tên Nguyễn-Chỉnh vào Nam xin Tây-Sơn ra đánh Trịnh, lấy Bắc-Kỳ. Tây-Sơn hỏi anh rằng : « Nghe Bắc-Kỳ nhiều hào kiệt, chẳng khó lấy lắm hay sao ». Chỉnh nói rằng : « Hào kiệt Bắc duy một mình Chỉnh, nay Chỉnh bỏ đi là Bắc-thành không-hư rồi đó. » Tây-Sơn nghe lời Chỉnh. Chỉnh mới đem quân Tây-Sơn ra đánh Trịnh. Khi Trịnh đã diệt, thế lực của Chỉnh rung-dộng cả Bắc-Kỳ ; từ Nghệ-An Thanh-Hòa sấp ra, chỉ biết có Chỉnh mà không biết có Tây-Sơn.

Chỉnh mới đeo mặt nạ phò Lê mà quay đầu, chống với Tây-Sơn. Ai dè đâu ! vấp lấy tay Quang-Trung mà Nguyễn-Chỉnh phải chết ở dưới chân ngựa. Chúng ta đọc sử nhớ lại lúc ban đầu, tên Nguyễn-Chỉnh kia rước hùm đuổi sói, ngước đánh giữa đường, tưởng cũng khôn tuyệt, mà kết quả là ma không mả. Cái khôn mà chết có khác gì cái dại mà chết đâu !

Ký-giả viết đến đó mới sực nhớ đến câu sách của ông Trạng-Trinh. Ông có nói rằng : *Khôn chết, dại chết, biết sống*.

Câu nói ấy thiệt hay tuyệt thiêng cỏ.

Than ôi ! Cờ đời biến-chuyen, tránh lấy pháo mả, lại e mắc lấy pháo đầu ; đường đời hiêu-khé, thấy được đường quang-e bước quàng đường rậm ! Có lúc vì khôn mà sống, lại có lúc vì khôn mà chết. Có lúc vì dại mà chết, nhưng lại có lúc nhờ dại mà được sống.

Xưa ông Ninh-Võ-Tử gặp nước hữu-dạo thì thấy ra một người khôn, gặp lúc nước vô-dạo thì lại thấy ra một người dại. Mà Đức Không-Tử phán đoán, cho rằng : « Cái khôn của

ông người ta có thể bằng
được, cái dại của ông người
ta không thể bằng được.»
Chúng ta mở đôi mắt xem
dời, đem một bộ óc xét việc
khôn hay dại, dại hay khôn,
biết lấy gì làm bằng cớ ư?
Chết hay sống, sống hay chết,
biết lấy gì làm chuẩn-dịch ư?
Nếu ta biết được thập phần
chắc chắn cái nên khôn mà
khôn, thi khôn là sống; cái
nên dại mà dại, thi dại là sống.

Có người tuyên một đời cho
là khôn mà vì cái khôn đó
mà chết. Có người tuyên một
đời cho là dại, mà nhờ cái
dại đó mới được sống. Sống
chẳng phải sống ở xác thịt
mà cốt sống ở tinh thần;
chết chả phải chết ở nhân
tiền, mà e chết ở thân hậu.
Muốn cầu cho hoàn-toàn sự
sự sống, có gì hơn một chữ
biết nữa đâu! Hay đáo đê!
thảm đáo đê! mà cũng tinh-
thấu đáo đê! Chỉ có sáu
chữ: *Khôn chết, dại chết,*
biết sống.

PHAN-SÀO-NAM

**Khôn nhứt sự, tăng nhứt
trí,** có khôn một việc, học
khôn thêm một điều. Ai hay
chịu khó thì tinh mới ra việc...

Khồng-Dung, X. ĐỒNG-DỨC VONG NIÊN.

Khồng-Lâm, một khu dã
ở huyện Khúc-Phụ, tỉnh Sơn-
Đông bên Tàu, cháu vi 10
dặm đất, bây giờ là một cái
rừng lớn. Ở đó có miêu thô
và lăng mộ của Đức Không-
Tử, có đủ cả di-tích của đờ-
đệ ngài nữa.

Khồng lồ, tiếng thường dùng
để chỉ một vật gì lớn lầm,
không sức tưởng tượng. Trái
với TÍ-HON.

Khồng Tùng Tử, tên một
bộ sách, ba quyển 21 thiên
của bác-sĩ Không-Phụ tên là
Tử-Ngư là cháu ba đời của
đức Không-Tử.

Khồng - Tử, người nhà
Châu, nước Lỗ. Ngài sanh ngày
27 tháng 8 năm Canh Tuất,
năm 21 đời vua Linh-Vương
nhà Châu 445 trước kỷ
nguyên. Ở Song - Thủ làng
Lich-Xương, (người nói làng
Xương - Bình) huyện Khúc-
Phụ, tỉnh Sơn-Đông. Thân-
phụ ngài tên Không-Gia-Phu
tự là Thúc-Lương-Ngột, đã
có hai vợ rồi. Nay già mà không
con, mới cưới bà Nhan-thi.
Bà Nhan-thi có lên cầu tự núi
Ni-Khâu nên chàng sanh ra

ngài mới lấy tên núi mà đặt
tên ngài là Khâu, tên tự là
Trọng-Ni.

Tục truyền trước khi sanh
ngài, bà Nhan-thi thấy một
con kỳ-lân tới trước mặt bà,
nhả tờ ngọc-thơ có câu: *Con
của Thủy-Tinh, nối nhà Châu
đã suy, mà làm vua không
ngôi.*

Lúc sanh ngài, thì bà Nhan-
thi vào ở trong hang đá, núi
Nam-son, tục gọi đất Không-
Tang, nghe trên trời có âm-
nhạc và có tiếng nói: *Trời
cảm lòng cầu nguyên cho sanh
ra con thánh.*

Lại cũng khi gần sanh ngài,
hang đá nứt, ở trong có một
ngọn suối nước trong lầm
chảy ra. Bà Nhan-thi lấy nước
suối đó tắm cho ngài. Tắm
xong thì suối liền khô.

Tưởng của ngài cũng lạ hơn
người. Môi trâu, tai cọp, vai
uyên, lưng rùa, miệng rộng,
son dinh giữa thì thấp còn
bốn phía thì cao.

Ngài nhỏ thông minh, chừng
lớn lên minh dài 9 thước 6
tấc, học rộng, thấy xa. Ngài
góp các lời lẽ văn-chương của
tiến thánh đem dạy thiên hạ,
thành ra một lối dạy riêng,
gọi là nho giáo.

Vua nước Lỗ dùng ngài làm
quan Tư-khẩu-quan (coi việc
hình án) song chẳng bao lâu
vua đắm mê nữ nhạc, ngài
cản ngăn không được, ngài
mới từ chức, đi chung lưu các
nước chư hầu như Tề, Vệ,
Trần, Sở, Tống... mong đem
đạo của ngài để cứu đời.
Nhưng, than ôi! đến đâu cũng
không ai tin dụng. Mãi đến
già, ngài mới trở về nước Lỗ,
mở trường dạy học ở Hạnh-
Đàn.

Ngài mới soạn lại LỤC KINH,
KINH THI, KINH THƠ, phê bình
KINH DỊCH, định KINH LỄ, KINH
NHẠC, làm KINH XUÂN THU và
LỤC NGHỆ: lê, nhạc, sá, ngự,
thơ, số.

Đạo ngài dạy có 8 tôn chỉ:
hiếu, đế, trung, thứ, tu, tè,
tri, binh.

Học trò ngài có tới ba ngàn,
vào bực cao hiền có 72 người
mà thầy Nhan-Hồi và Tăng-
Sâm là bực cao hơn hết.

Ngài mất ngày 18 tháng 2
năm Nhâm-tuất, năm 41 đời
vua Kinh-Vương nhà Châu,
trước kỷ nguyên 373 năm,
tho được 73 tuổi.

Về sau học trò ngài là thầy
Tăng - Tử, chép các lời của
ngài lại thành sách ĐẠI-HỌC,

và cùng với các trò khác, chép ngôn hanh của ngài thành sách LUẬN-NGŨ để truyền đạo-giáo của ngài. Cháu ngài là thầy TỬ-TƯ soạn ra sách TRUNG-DUNG; rồi sau ngài 110 năm nữa, thầy MẠNH-TỬ soạn ra sách MẠNH-TỬ, thầy là sách truyền đạo giáo của ngài.

Đạo nho một ngày một bành trướng ra ở bên Tàu, còn bên ta thì từ lúc nội thuộc Tàu, Sĩ-Nhiếp, Tich - Quang... mới đem đạo nho qua truyền bá cho ta.

Như ta lấy tur-tưởng kim thời mà luận về đạo đức Khồng-Tử thi Khồng-Tử thiệt là người học rộng thấy xa. Sánh với đời đó thi ngài trỗi hơn muôn ngàn người vậy. Nhưng tại ngài sanh nhầm đời loạn ly, ai ai trong chư hầu cũng muốn làm bá làm vua, không còn tùng-phục quyền hèn-yếu của Châu trào, cho nên dầu ngài có giữ theo cang-thường luân-lý, ngài dạy, mà có mấy ai chịu nghe theo ngài. Bởi vậy tuy ngài dạy được ba ngàn người học trò, mà sánh với nhơn số nước Trung-Nguyễn bốn năm trăm triệu người, thì ba ngàn đệ tử của ngài lúc bấy giờ có thẩm

tháp vào đâu. Thành thử ngại đi Đông qua Tây, lên Bắc xuống Nam, mà rốt cuộc không một ai dùng ngài nên ngài phải trở lợn về xứ đề « gõ đầu » tre lại mà sống.

Mà cũng bởi thời cuộc loạn ly nên lúc bấy giờ mới có tâ đạo như đạo Lão, đạo Trang... không khác nào các đạo Calvin, Luther... bên Âu, dầu vẫn minh và thời cuộc khác nhau.

Khuất-Nguyên, đại chí-sĩ và đại văn-hào đời chiến quốc, làm tôi nước Sở, thấy nước suy, vua ám, mà minh không được dùng, đau đớn, ghét tục, làm sách LY-TAO để tố báu chí-khi của mình, rồi tự trầm mình ở sông Mich-La, ngày mồng 5 tháng 5 âm-lịch mà chết. X. ĐOAN-DƯƠNG.

Khuất Sảng, một xứ ở nước Tán, đời Đông-Châu, có ngựa hay có tiếng. X. MUU.

Khuê phu thán, đời bà xã chồng than thở. Xưa nay những bài KHUÈ PHU THÁN không phải là ít; nhưng có mười bài THẬP THỦ LIỀN HUỐN sau đây ai nấy cũng cho là kiệt-tác nên ta đem vào đây:

I

*Chồng hối chồng ! con ơi hối con !
Cùng nhau xa cách mấy thu tròn.
Ven trời gốc bẽ buồn chim cá,
Dạng gió dày sương tủi nước non.
Mộng điệp khéo vì ai lão dẽo,
Hồn quê luống để thiếp thon von.
Ngày qua tháng lại trông đăng đăng,
Muôn dặm xa xuôi mắt đã mòn.*

II

*Dã mòn con mắt một phương Âu,
Có thấy chồng đâu, con ở đâu.
Dẫu đăng non xanh cùng bẽ tốt,
Khó ngăn gió thảm với mưa sầu.
Trách ai dắt nẻo không lừa lọc,
Khiến thiếp cam thân chịu dài dẫu.
Bờ bờ xanh kia sao chẳng đoái,
Xui lòng oán oại trót canh thâu.*

III

*Canh thâu chưa nghĩ lại còn ngồi,
Gan ruột như dầu sụt sụt sỏi.
Nghĩa cả ấp yêu đành lỡ dở,
Công cho bú mõm chắc thôi rồi.
Quyết gìn giữ dạ tròn sau trước,
Biết cậy nhờ ai tố khúc nói.
Dầu bẽ xanh xanh trời một góc,
Hồi chồng ơi ! với hối con ơi !*

IV

*Con ơi ! ruột mẹ ngấu như tương,
Bảy nồi ba chum xiết thảm thương.*

*Khô héo lá gan cây đinh Ngự,
Đầy vời giọt lệ nước sông Hương.
Quê người dành gởi thân trăm tuổi,
Cuộc thế mong vì nợ bốn phương.
Mẹ cũng trong mau rồi một kiếp,
Đề cho vẹn về mỗi cang thường.*

V

*Cang thường gánh nặng cả hai vai,
Biết cây cùng ai tỏ với ai.
Đè bụng chán e tầm đứt ruột,
Hở môi còn sợ vách nghiêng tai.
Trăng khuya nương bóng chính chính một,
Kiến bẽ soi hình tẻ tẻ hai.
Nhắm thử từ đây qua đến đó,
Đường đi non nước độ bao dài ?*

VI

*Bao dài non nước chẳng hay cùng,
Xin gởi hồn ta đến ở chung.
Sóng thát miễn cho tròn một tiết,
Trước sau khỏi thận với ba tùng.
Quê nhà đã có người săn sóc,
Đất khách nương nhau khỏi lụng.
Mảng tinh chưa xong đã chớp mắt,
Trồng lầu đâu đã đồ lung tung,*

VII

*Đã đồ lung tung tiếng trống thành,
Giết mình tinh dậy lúc tàn canh.
Sương sa lát đát dần tàn lá,
Gió thổi lai rai lạc bức màn.
Cảnh ấy tinh này thôi hết muôn,
Trời kia đất nở bao đành.*

*Thương nhau chẳng đăng cùng nhau trọn,
Xin hẹn chung cùng kiếp tái sanh.*

VIII

*Kiếp tái sanh may có gặp không,
Kiếp này dành hẹn với non sông.
Chim bao lần dusk theo chon bướm,
Tin tức bơ vơ lạc cảnh hồng.
Tình tới tình lui thân cá chậu,
Lo quanh lo quẩn phản chim lồng.
Đã không chung hưởng thời thì chó,
Chi nỗi xa nhau chồng hối chồng !*

IX

*Hối chồng ! có thấu nỗi này chẳng ?
Sóng gió khi không dậy đất bằng.
Non nước chia hai trời lộng, lộng,
Cha con riêng một biển đăng đăng.
Mỗi sầu kia gở quanh chưa hết,
Giọt thảm nẩy tuôn bồng khổ ngần.
Ngân bấy cuộc đời không gượng gạo,
Canh chay còn ở dưới cung trăng.*

X

*Ở dưới cung trăng luôn nở non,
Đăng cay như ngâm trái bòn hòn.
Khói mây giọng quốc nghe hơi mòn,
Strong tuyết minh ve nhảm đã mòn.
Lắn mỏ làng xưa kêu cốc cốc,
Tiếng chuông chùa cũ đánh bon bon.
Nỗi niềm ai biết ta thương nhớ,
Chồng hối chồng ! con ơi hối con !*

Tục và họa cũng không phải là ít, ta chỉ chép bài này vì thi
tác-giả đề cho đức ông chồng trả lời, mà trả lời cũng tuyế.
Ta muốn nhắc tác-giả, lúc họa mười bài này, mới có hai mươi
tuổi thôi.

I

Muôn dặm từ ngày cách vợ con,
Bấm tay kẽ đã mẩy thu tròn.
Chiếc thân bèo đát cảm vì nước,
Nấm ruột tơ vòi thẹn với non.
Gánh nợ giang san vai trùn nặng,
Mối tình thê tử dại thon von.
Chí loan mở mẩy cùn khôn lại,
Đá sắt lòng đinh há mẻ mòn.

II

Mẻ mòn dại thô những lo âu,
Nợ nước ơn nhà trả xiết dầu !
Chín khúc tơ vi vuong khôn đoạn thảm,
Hai hàng lụy ira khó ngăn sầu.
Tang bồng vốn săn đường cung kiếp,
Hoa cổ còn e trận lửa dầu.
Ước hóa đồ-quyên cho rảnh kiếp,
Kêu gào lở chí với đêm thâu.

III

Đêm thâu chán đứng lại buồn ngồi,
Lửa hận nung lòng tự nước sôi.
Dựa phung kẽ loan đành hết kẽ.
Yêu vàng ấp ngọc cũng thôi rồi.
Lửa hương lạnh lạt mai lia trúc,
Thân thế hao gầy trẻ khóc nói.
Muron nhạn đưa tin, tin khó gởi,
Thần chẳng làm sự vợ con ôi !

IV

Vợ con ôi hời! ruột bầm tương,
Khó gượng khuây lòng nỗi nhớ thương.
Xor xác thân ve nơi lũ-dịa,
Lạnh lung vách quế chốn què-hương.
Cơ trời tang hải xui nên thế,
Vận nước tồn vong phải tình phuơng.
Ngàn dặm đã đành xa cách néo,
Chiêm bao gấp giờ ước cho thường.

V

Cho thường gấp mặt với kề vai,
Đem tấm can-trường tỏ với ai.
Bề hận sóng dồn đau đớn dạ,
Trời sầu sét đánh bịt bùng tai.
Đã khòng xã-tắc thâu về một,
Mà lại cương-thường đề rẽ hai.
Hồn điệp nám canh muôn vạn dặm,
Đường dài thiên-lý chẳng bao dài.

VI

Bao dai đường sá khó đi cùng,
Gìn giữ cho tròn tiết thi chung.
Đã ở khòng yên nơi chín bệ,
Làm sao cho ven chữ ba tùng.
Đêm khuya gối chiếc trùng eo-ốc,
Gió tối mành thưa cảnh lạnh-lùng.
Lấy nhớ làm thương, thương đổi nhớ,
Tor lòng ngày một rồi lung-lung.

VII

Lung-lung còn nhớ trống quanh thành,
Tiếng trống quanh thành vắng điềm canh.

Cảnh mèo say-mè con mắt lợ,
Quê xưa bận-bịu mối tơ mành.
Trong vòng lao-lý chør còn vướng,
Ngoài cõi giang-san phận đã đành.
Rẽ túy chia uyên trời định số,
Trùng phùng họa có kiếp lai sanh !

VIII

Lai sanh biết có gặp nhau không ?
Trâu ngựa mong đèn nghĩa núi sông.
Thèm quê vùng trăng tròn bóng thỏ,
Đao vàng giọt huyết đượm màu hồng.
Thanh long thất thế eo nanh vuốt,
Bạch hổ thừa cơ thoát lười lồng.
Thời thế ai xui nên thế thế,
Ba giềng đã lỗi đạo cha, chồng !

IX

Chồng xa vợ cách, túc hay chặng ?
Biết tỏ cùng ai nỗi bất bằng.
Cỏ áy hoa xào con bóng xế,
Trăng mờ đêm quanh đám mây giăng.
Học hồng muôn dặm toan vùng vắng,
Chim cá trăm đường đã lấp ngăn.
Cảnh lợ lòng quê đau đớn bấy,
Nỗi niềm riêng tỏ với vùng trăng.

X

Tỏ với vùng trăng chuyện nước non,
Đá tha lấp biển khó nên hòn.
Tơ tắm gỡ mối tơ còn vướng,
Bút thỏ đẽ thơ bút đã mòn.
Vò vỗ thương mình nơi đất khách,
Bơ thờ trách kẻ chốn trường bon.

Biết bao sầu tủi bao án hận,
Muôn dặm từ ngày cách vợ con.

TỐ-PHANG
1929

Khuè triền, khuè là chòm trong 28 chòm sao (NHỊ-THẬP BÁT-TỬ) còn triền là đường đi của mặt trời và mặt trăng.
(Theo sách Tàu thì Trời chia ra làm 360 triền độ.)

Khuè triền là đường đi của chòm sao Khuè.

Khuè bài, khuè bài có từ đời Tề-Canh-Công, lúc liệt-quốc tranh cường. Cảnh-Công lập ra đặt tên là NGŨ-THẶNG-TÂN, để thưởng mấy người có công-lao.

Khuyên, (Chén khuyên chén mèo) lấy câu trong ĐƯỜNG - THỊ : Khuyến quản canh tân nhứt bồi túr, tay xuất dương quan vó cõi nhân, nghĩa là : Mời người uống cạn chung rượu, chừng người ra khỏi cửa Dương-Quan phía Tây, thì không còn ai là người cũ dẽ mời rượu nữa.

Khuynh thành, ng hieeng thành. Lấy trong bài ca của Lý-Diên-Niên đời Hán : Nhứt cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc, liếc một

lần nghiêng thành, ngó thêm một lần nữa nghiêng nước. Ý nói sắc người gái đẹp làm người ta mè đến nghiêng thành đồ nước.

Khương-Hoành, tự TRÌ-KHUE đời Hán ở Đông-Hải. Thuở nhỏ ham học mà nhà nghèo thường xoi vách đẽ nhờ ánh sáng đèn nhà người đẽ đọc sách (*xuyên bích dân quan*). Hoàng thấy một ông nhà giàu kia nhà có sách nhiều tới xin ở không ăn tiền, chỉ xin ông cho mượn sách tối nhờ đèn người đẽ học thôi.

Khương-Công-Phu, người làng Ái-Châu tỉnh Thanh-Hóa đồ Tán-sỉ có qua Tàu làm Tề trưởng nhà Đường.

Khương-Thị, NHỊ-THẬP TÚ-HIẾU, tích II

Đời Hán có vợ chồng Khương-Thị thờ mẹ rất thiết. Mẹ muốn uống nước sông, đầu bao xa vợ chồng cũng đi xách về cho được cho mẹ uống, còn mẹ muốn ăn gỏi cà thì đầu khó dẽ thế nào, vợ

chồng Khương-Thị cũng đi kiếm cá cho được đem về trộn gỏi cho mẹ ăn. Trời đất thấy người có hiếu như vậy thì tội nghiệp mới trồ cho một cái mảnh nứt ngọt dưa bên hè, lại mỗi ngày trong mạch có một cặp cá lỵ-ngư, như vậy vợ chồng Khương-Thị khỏi phải di xa, sẵn sàng bên nhà có mà nuôi mẹ.

Khương-Thượng, tự là TỬ-NHA, tên chữ là LŨ - Vọng. Người đời Châu. Thuở hàn vi vợ khi, bỏ đi lấy chồng khác. Tử-Nha không màng cứ ngồi bàn thạch ở sông VỊ - Thủ, câu cá chờ thời. Tới 80 tuổi vua nhà Châu mới rước về làm Thừa-tướng, đánh Tru, dựng nghiệp Châu hơn 800 năm.

Kiêm-Tiên, tên của Công-chúa đời Đường, con vua Duệ-Tôn. Sau vào chùa di tu.

Kiến, phép làm âm-lịch, lấy theo chuỗi sao bắc-dầu mà dựng tháng. Đời nhà Hạ đặt lịch-pháp lấy tháng dần lâm tháng giêng, gọi là tháng kiến-dần, lúc ấy chuỗi sao dầu chỉ về phuơng dần.

Tháng hai, chuỗi sao dầu chỉ về phuơng mão, nên gọi là kiến mão...

Kiến-Phuorc, vua thứ 6 triều Nguyễn.

Mồng 7 tháng 10 năm Quý-mùi (1883) Dưỡng-Thiện, húy là Ưng-Đăng lên ngôi vua, đặt niên hiệu Kiến-Phuorc. Ngài bấy giờ mới có 15 tuổi. Lúc đó thi Tôn-Thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường nắm hết quyền chánh. Vua Kiến-Phuorc trị vì được 6 tháng thì mất, (có kẻ nói là bị thuốc độc) năm Giáp-thân (1884).

Kiết phu, vợ lành.

Sách chép Thu-Hồ-Tử ngài nức Lỗ, cưới vợ được năm ngày, rồi ra đi làm quan ở nức Trần năm năm mới dặng về viếng quê.

Gần tới nhà, gặp một người dòn bà còn nhỏ tuổi mà đẹp đẽ, đương hái dầu dựa bến đường.

Hồ-Tử xuống xe kiểm diều chọc ghẹo. Nàng ấy không trả lời, cứ lo một việc hái dầu. Hồ-Tử mới nói : « Dùng hết sức làm ruộng cũng không bằng gấp năm dặng mùa; nhọc hết sức mà hái dầu cũng chẳng bằng gấp quan trọng nức. Ta đây sẵn có vàng bạc, nàng mà ưng thuận thi thiêu

chi, có phải là hơn hai dàn không? ».

Nàng ấy mới mắng nhiếc Hồ-Tử một hồi rồi quay-quâ bỏ ra về.

Hồ-Tử về thăm mẹ rồi, tới chừng vợ ra chào hỏi thì mới biết hỏi nay vợ mình mà mình không biết lại di chọc.

Hồ then trăm bể, mà càng hồ then hơn nữa khi nghe vợ nói: « Chàng đi làm quan năm năm mới về xứ, lẽ thi phải hối-hả về mà thăm mẹ, có lý dâu, gấp một người dòn bà dộc đường, mà quên mẹ, chẳng trưởng vợ, ngừng lại hành đoạn để đi trêu ghẹo, không biết người ta có chồng con gì hay không. »

Quên mẹ thi bất hiếu, tra sắc thi lòng dâm, hạnh nhớ thi bất nghĩa, bất nghĩa thi trị chúng bất minh. Người như vậy không đáng làm chồng thiếp ». Nói rồi nhảy xuống giếng sâu mà tự tử.

Kiệt, vua Kiệt nhà Hạ hung bạo hoan dâm, sau bị Thành-Thanh lấy nước. X. MỤI-HỶ.

Kiệt, Trụ, Kiệt vua cuối nhà Hạ, Trụ vua cuối nhà Thương, cả hai đều bạo-quản, vì vậy mà mất nước.

Kiều tử, cha con. Sách THẾ-THUYẾT chép: Núi Nam-Sơn phía Hồng có cây Kiều, cao lớn lá ngữa trên trời, người ta cho đó là biếu hiệu người cha; phía Tây có cây Tử-thấp mọc gốc xuống đất, người ta cho là biếu hiệu người con.

Kim cài, duyên vợ chồng khẩn khít với nhau như đá nam châm hút lấy kim, như hổ-phách hút hột cài.

Kim kinh, kinh vàng. Kinh của Phật Kim-Quang, nhỏ mà tu đáo đáo.

Kim liên, tưống truyền Đông-Hồn-Hầu, nức Tề, đúc hoa sen bằng vàng, đặt trên mặt đất rồi biếu Phan-Phi bước lên trên mà đi, dặng có khen chun nàng bước sanh hoa sen.

Cũng chỉ đưa thị-ti của Nguyệt-Nga, trong thơ LỤC-VÂN-TIỀN

Kim má, lấy trông câu: Hán-Võ-Đế sử học sĩ ~~đãi~~ chiếu kim mǎ mòn; vua Võ-Đế cho những người văn học chực ở cửa kim-mã để có chuyện gì thi hỏi đến.

Nói rộng ra kim má là chỗ để tiếp các bức văn-học.

Kim ô, con quạ vàng, mặt

trời. Sách HOÀI NAM TỬ chép: Đời vua Nghiêu có tới 10 cái mặt trời cùng mọc một lượt. Nắng cháy cây cỏ. Vua Nghiêu mới truyền cho Hậu-Nghệ bắn rót chín mặt để lại một mặt mà thôi.

X. ÁC VÀNG, HẬU-NGHỆ.

Kim phong, gió vàng. Đề nói gió mùa thu, vì mùa thu hành kim, nên gió mùa thu, thi-sĩ ta thường kêu là kim-phong.

Kim - Thánh - Thán, người tài-tử cuối đời Minh, họ Trương tên Thê, sau đổi họ lại để họ Kim (1596-1648) bị nhà Thanh giết. Phê bình các sách THỦY-HỦ, TÂY-SƯƠNG, TAM QUỐC... có tiếng lầm.

Kim thăng, dây vàng. Lấy trong kinh Phật, nói phép Phật huyền diệu.

Kim-Tự-Tháp, những tháp không lõi, người ta truyền của vua chúa xứ Ai-Cập đời thượng cổ xây nên.

Ngày nay vẫn còn, lối chừng 80 cái. Kim-tự-tháp xây từng khóm. Khóm lớn nhất là khóm Gizeh cả thảy chín cái mà cái ở Cheop là lớn hơn hết. Bè cao 138 thước ở trên mặt biển (đất) mỗi đường cầu

227 thước còn mỗi đường huyền là 217 thước.

Những nhà khoa-học kim-thời cho các Kim-tự-tháp hồi bấy giờ xây theo kỷ-luật toán pháp tinh thông, chờ không phải báu đâu xậy đó như có người tưởng lầm.

Hình-thức thì là giác chửi thê, ở trong thì có hang có lỗ quanh quanh lộn lộn. Vào xa thì có những phần mộ vua chúa đời bấy giờ.

Các khoa-học gia có đến đào ra thì xác vua tẩm thuốc, quấn giẻ, tới bảy giờ đã mấy ngàn năm qua, mà hays còn nguyên, da mặt chỉ nhăn nhó thôi.

Ở trong các phần mộ đó người ta đem ra không biết là bao nhiêu đồ hồi đó vua chúa dùng, chừng chết đem chôn theo, nào đồ dùng thường ngày như lược, như chén bát... và các ghế, xe, gươm, giáo hoặc áo quan bằng vàng chạm trổ khéo léo lắm, bảy giờ còn để tại viện cổ-tịch Le Caire, để đô xứ Egypte.

Ở gần Le Caire, di chưng nửa giờ xe hơi, thì tới ba cái Kim-tự-tháp. Hình tích thi còn đó, mà đồ ở trong thi

người ta đã đem ra hết. Chỉ còn hang lỗ không, di quanh co vô trong xa lăm, mà cũng không hết đường.

Kiêm - Vân - Kiều, ông Nguyễn-Du phỏng theo một quyền tiều thuyết Tàu, truyện THANH-TÂM TÀI-NHÂN mà làm ra truyện KIM-VÂN-KIỀU.

Nhưng mà ông không dịch y nguyên văn. Ông chỉ lấy cái cốt truyện rồi ông bổ cuộc và miêu tả cho hiệp với tâm-lý và phong-tục của mình.

Người ta truyền rằng ông có tài đức mà không có gấp thời! nên ông mượn chuyện một người con gái có tài sắc tiết hạnh mà phải gấp nhiều cảnh gian-truân để học-bach cái tam-sự của mình. Trong truyện, ông khéo mô-tả những thế-thái nhơn-tình một cách rạch-ròi, lời lời thảm-thúy, giọng điệu thảm trầm, hề đọc lời thì náo-nùng ai-oán, hoặc lẩy thủ chua cay.

Còn lời văn thi thiệt là diêu luyện: Từ đầu chí đuôi không câu nào non, không chữ nào gượng, mà lại tả đủ các lối văn: Cảnh, tình, người, việc... lối nào cũng hay cả. KIÊM-VÂN-KIỀU thiệt là một áng

văn tuyệt bút trong nền quốc văn ta. Bởi vậy nên truyện kiều phổ thông nhứt trong nước ta, từ văn nhân khuê các đến bình dân phụ nhú, ai ai cũng ham đọc, ai ai cũng thuộc được ít nhiều, thậm chí có người thuộc tất cả quyền, rồi nhân đó mà sanh ra vịnh Kiều, tập Kiều, án Kiều, bói Kiều... Thật là một quyền sách có ảnh hưởng triệt để về đường văn học của nước nhà.

Đời sau, nhân khi vịnh KIỀU CHU-MẠNH-TRINH có làm một bài tựa :

BÀI TỰA TRUYỆN KIỀU

Giá sú ngay khi trước, Liêu-Dương cách trở, duyên chàng Kim dưng dở việc ma chay; quan lại công bằng, án viên ngoại tỏ ngay tinh oan uồng; thi đậu đến nỗi son phấn mấy năm lưu lạc, đem thân cho thiên hạ mua cười; mà chắc biến thùy một cõi nghinh ngang, ai xui được anh hùng cõi giáp. Thi sao còn tỏ được là người thục-nữ mà đù đường hiếu-nghĩa, tay đàn bà mà lại có cơ quyền. Thế mới biết: Người khôn thì hay gấp gian-truân, chuyện đời khéo lăm tróc quanh quẩn.

Con tạo-hóa vốn thương yêu tài sắc, nàng đã biết thế hay chưa ? Khách mà hồng đứng giàn nỗi trăng già, ta cũng khuyên lời phải chăng. Chỉ vì một tội : Mối manh chưa có, thè thót đã nhiều, trăng gió mắng vào phồn hoa dinh mãi.

Cũng có người bảo : tại nước chảy mây trời lở bước, nên cành đưa lá đón quen thân. Nào biết đâu bông hạnh nở ngoài tường, chưa đê con ong qua tới ; cho có muốn lưỡi dao liều với mạng, lại sợ thành cháy va lây. Tâm lòng này như tuyết như gương, mỗi sầu nọ qua ngày qua tháng. Ngọc kia không vit, già liên thành khôn xiết so bì ; nước đã trời xuôi, hòn cựu mộng vẫn còn vơ vẩn.

Bản cho thật phải, tình cũng nên thương. Lại xem như bút mực tài hoa, đoạn trường mười khúc, trúc tơ phong nhả, hòn cầm một chuông ; cầu thần vắng giọng tiêu tao, bóng ngọc tường chiểu nǎo ruột ; hoa ghen thua thảm liều hòn kém xanh, vảy nén khách da tinh say chuyện phong lưu, trăm năm cũ còn ghi tên tuổi hão ; người chép

sách tiếc vì tài sắc, ngàn thu sau nhặt cái phấn hương thừa.

Than ôi ! một bước phong trần, mấy phen chim nồi, trời tinh mờ mịt, bể giàn mông mênh. Sợi tơ mành theo gió đưa đi, cánh hoa rung chọn gì đất sạch. Ai dư nước mắt khóc người dời xưa ; thế mà giống đà tình luống những sầu chung, hạt lệ Tầm-Dương chan chúa. Lòng cảm cưu ai xuôi thương mırón, nghe câu ngọc thọ náo-nùng. Cho hay danh sĩ giai nhân, cùng một kiếp hoa, nghiêm nặng nợ. Ngán nỗi non xanh đất dỗ, đê riêng ai luân lạc đau lòng. Ta cũng nỗi tình, thương người đồng diệu. Cái kiếp không hoa lầm cầm, con hòn xuân mộng bàng-khuáng. Đã toan dúc sẵn nhà vàng, chờ người quắc sắc, lại muốn mượn chùm phượng thảo, hú via thuyền quyên. Sẵn bút nghiên chia vịnh từng hồi, đem sự tích tóm làm một tựa. Bây giờ kè còn dài chưa hết, hạt ba tiêu như thành thót mưa thu. Hồi ôi ! hòn còn biết hay chăng ? Bóng hoàn bội tưởng ra vào Lạc-Phố.

Kinh, Chấp kinh, là cứ một mục giữ theo đạo thường, chờ không đổi. X. QUYỀN.

Kinh bố, hay là **bố kinh**, người dòn bà nhà nghèo.

Tịch Mạnh-Quang dời Hòn nhà giàu, lấy chồng tên là Lương-Hồng, nhà nghèo. Mạnh-Quang về nhà chồng bỏ đồ sộ tố, mặc vải bô theo chồng.

Đã cho vào bực bố kinh.
(KIỀU).

Kinh Dịch, X. CỦ KINH,

Kinh - Dương - Vương, vua thứ nhứt dời Hồng-Bàng, nước ta ngày trước, tên là Lộc-Tục lấy quốc-hiệu là Xích-Quỷ.

Kinh-Kha, tên Khánh-Phong, làm nghề buôn ở Châu-Phương, bị binh Sở tàn phá, mới qua Vệ mà ngự. Vệ không dùng, mới lánh qua Yên, đổi tên lại là Kinh-Kha.

Thái-tử Yên-Đơn ở nước Tần bị Tần hiếp trốn về nước. Muốn trả thù Tần mà không biết cày ai. Nhờ có Điền-Đơn tiến dẫn Kinh-Kha. Thái-tử dài Kinh-Kha rất trọng, khiến Kinh-Kha liều thác, qua Tần toan thích-khách vua Tần. Nhưng công cuộc chặng thành phải bị giết thác.

Kinh lễ, X. CỦ KINH

Kinh thi, X. CỦ KINH

Kinh thơ, X. CỦ KINH

Kinh, (chày) cái dùi đê đánh chuồng, làm hình con cá kinh. Bởi vậy mà người ta kêu cái dùi đánh chuồng cái chài kinh.

*Chày kinh đóng tĩnh giác
vu-san (HUỲNH-MÃN-DẠT).*

Kính-Đức, lấy theo diền Tàu, Kinh-Đức là một người anh hùng liều thân mà cùu vua Thái-Tôn.

Kính Tâm, tên của Thị-Kinh, khi vào chùa thọ pháp thầy đặt. Sau thành Phật Quan-Âm.

Kỳ (non), ở tinh Thiêm-Tàu bèn Tàu, có tiếng là hiềm trổ. Hai trăm người núp ở đó có thể giữ hai ngàn người không qua được.

Vua Văn-Vương nhà Châu khởi nghiệp ở đó.

Kỳ (phân), mỗi người đi mỗi ngả.

Kỳ-Bá với **Hiên-Viên**, là hai ông tổ thầy thuốc của người Tàu.

Kỳ kỵ, hai con ngựa hay có súc chạy một ngàn dặm một ngày.

Kỳ lân, sách Tàu chép lại, có một giống thú hình thù cô quái mà rất lành, hễ có chúa

thánh ra đời thì có kỳ lân tới báo. Kỳ là con đực, Lân là con cái.

Kỳ Lừa, núi Kỳ Lừa có hòn đá VỌNG-PHU.

Kỳ ngộ (minh lương), chừng tới thời thì được làm quan, mà chừng đó thì vua lại gấp được tội hiền một cách rất lạ.

Kỷ kinh, Lý-Bach tự xưng

thờ ông hạng nhứt trên đời như cõi được cá kình ở trên mặt biển.

Kỷ-Tín, tòi trung thần của Hồn-Bái-Công. Lúc Bá-Công bị Hang-Võ vây gấp ở Vinh-Dương, thế nguy cấp lắm, Kỷ-Tín mới giả làm Bá-Công, ra hàng đầu, chết thế cho Bá-Công để cho Bá-Công có ngày giờ mà chạy thoát.



Lá gió cành chim, đời Đường nàng Tiết-Đào, nhỏ mà hay chữ. Hay làm thi làm phú.

Trong thi của nàng có câu:
Chi nghinh nam bắc điêu, diệp tống văn lai phong;
nghĩa là : Cành đón chim nam bắc, lá đưa gió đi lại. Cha nàng thấy thi của nàng như vậy thi rầy la và nói sau này nàng phải hur.

Mà thiệt quả như vậy, sau nàng ra thân kỹ nữ. Nàng thường cắt giấy nhỏ mà đẽ thơ. Vì vậy người ta lấy tên nàng đặt mấy mảnh giấy nhỏ đó.

Lá hồng, lá thăm, X. HỒNG
DIỆP.

Lạc chương, có tích bên Tàu nói hễ Non Đồng lở thi chuông Lạc-Dương kêu, vì tục cho núi đồng với chuông

đồng đồng khi, nên có cảm ứng.

Câu này dẽ ví hẽ cha me mắt thì con đau lòng.

Lạc dương chỉ quý, tích Tả-Tư ở thành Lạc-Dương làm bài phú Tam-Đô rất hay. Người giành nhau chép. Giấy Lạc-Dương vi dó mà bắt giá cao. Nói bóng đẽ chỉ giấy mắt, không có nhiều.

Có chỗ chép là Tư-Mã Tương-Như làm phú hay cho nên làm ra bài nào bán bài này. Thiên hạ giành nhau mua giấy mà chép... Có câu Phú tựa *Lạc-Dương chỉ giá cao*.

Lạc đạo vong bần, vui đạo đầu chết nghèo cũng chẳng sao.

Lạc long, cứ theo tục truyền, thì làm vua nước Xích-Quí là nước ta hồi trước. Hình

như bờ cõi lúc đó Bắc giáp động Đinh-Hồ, Nam giáp nước Hồ-Tòn (Chiêm-Thành) Tây giáp Ba - Thục (Tứ - Xuyên) Đông giáp Nam-hải.

Lạc nhện đài, tách Chiêu-Quân đời Hán đi cống-hồ tới đó, phong thơ lại, gởi cho nhạn, rồi gieo mình xuống Hắc-Thủy-Hà mà tự tử.

Lạc nhện trăm ngur, chim sa cá lặn. Sách THÔNG-TỤC-BIỂN nói người dồn bà sắc đẹp đến đổi chim thấy phải sa, mà cá thấy phải lặn.

Lạc-Phố, theo diễn trong sô-tù thì Lạc-Phố là bến sông Lạc chỗ tiên ở.

Lạc-Quảng, X. BỘI TRUNG XÃ ANH.

Lạc - Thủy, Lạc - Xuyên, Lạc-Thủy hay là Lạc-Xuyên, nay là Cầm-Thủy, phủ Quảng-Quá, tỉnh Thanh-Hoa chỗ vua Lê dẹp Mã-Kỳ, tướng nhà Minh.

Lạc-Viên, theo THẦN THOẠI, thì Lạc-Viên là một chỗ ở dưới ám-phủ dành để cho những bức hiền-nhàn quán-tử. Nói rộng ra là một cái vườn vui-vẻ.

Lam-Anh, con gái ông Phạm-Hữu-Kính đời chúa Nguyễn

hay thơ lâm. Thơ bà con dẽ lại tập CHIẾU CỎ ĐƯỜNG.

Lam-Điền, tên một hòn núi ở Thiêm-Tây bên Tàu; ở đó có nhiều ngọc. Cũng gọi là Ngọc-Sơn. Lại có tích nói chỗ xít tên Lam-Điền, người ta gieo hột thì thành châu thành ngọc.

Lam Hồng, là Lam-Giang và Hồng-Lãnh có tiếng, ở Nghệ-Tỉnh.

Lam kiều, X. CẦU LAM.

Lam-Sơn, tên một hòn núi ở Thanh-Hoa là chỗ phát tích của vua Lê-Lợi.

Lan chu, thuyền lan. Thuyền làm bằng cây lan, từ đời ông Lô-Ban chế ra.

Lan-dình, tên một cái đình ở trên sông Lan-Chử. Xưa Vương-Hy-Chi và bạn thường ngâm thơ ở đó. Ông có làm một bài tự Lan-dình, chữ rất tốt, người ta kêu thiếp-lan-dình.

Lan huệ, lan là cỏ lan; huệ là cỏ huệ. Hè vi con đồng chau giống.

Lán-ông, là ông Lê - Hữu-Huân làm thuốc có tiếng đời vua Lê nước ta. Ông có soạn một bộ sách thuốc, ông lấy theo hiệu của ông, Hải-

Thượng Lân-ông, mà đặt là sách HẢI-THƯỢNG.

Lạn kha, mực cáng riu. Tích Vương-Chất, đời Tấn, vào rừng đốn củi, gặp hai ông tiên đánh cờ. Vương-Chất dừng xem hết bàn cờ, ngó lại cán riu cầm tay đã mục. Ý nói ở trên cõi tiên một giờ bằng dưới minh mấy trăm năm.

Lạn - Tương - Như, đời i Đóng-Châu Liệt-Quốc, làm mòn hạ cho Triệu. Triệu có ngọc dạ-quang, dẽ chỗ tối tự nhiên có ánh sáng.

Tần Chiêu - Tương - Vương biết được sai người qua Triệu đem mười lăm thành, dồi ngọc. Triệu sợ mất ngọc mà không được thành, còn không đem ngọc qua cho Tần, thì cũng không dẽ đúng gì. Lan-Tương-Như xin đi, hứa như không dặng thành thì đem ngọc về. X. LIÊN-THÀNH.

Qua tới bên Tần, Tương-Như dung ngọc mà không thấy Tương-Vương nói chuyện dồi thành. Như bèn dùng kế nói ngọc đó có ti, đem ra cho và chỉ cho coi. Tương-Vương tưởng thiệt, biếu nội-thị vào kho lấy ra.

Tương-Như cầm được ngọc.

lại đứng gần cột đèn, rồi nói:

« Ngọc-Bích Họa-Hòa là vật quý trong đời. Chúa-công cho đem thơ qua Triệu dồi thành. Chúa tôi tin lời chúa-công nên trai giải năm ngày mới giao ngọc cho tôi dạy dỗ qua dưng cho chúa-công. Bây giờ chúa-công cũng phải trai giải năm ngày, rồi bày đủ nghi tiết dặng nhận ngọc, vậy mới là phải cho. Bằng như chúa-công không chịu làm như vậy, thì kẻ hạ-thần liều chết dập ngọc vô đá này, chờ không chịu giao ngọc vậy ».

Tương-Vương không biết làm sao, phải bỗng lòng. Tương-Như về chỗ ngủ cho người giả làm hành khất đem ngọc về Triệu.

Tới ngày Tương-Như vào chầu, Tương - Vương thấy không có ngọc thi thanh nộ, hỏi Tương-Như :

« — Mi có biết Thiên-Tử chi nộ chăng ?

— Muôn tâu, dám hỏi ?

— Thiên-Tử chi nộ thì lưu huyết bách bộ, bộc thi thiên lý !

— Muôn tâu, còn chúa-công có biết thất phu chi nộ thì ra làm sao không ?

Thất phu chi nộ thì lưu huyết

ngũ bộ, bộc thi nhị nhơn!» Nhờ vậy mà Tương-Vương tha về. Triệu-Văn-Vương mới phong làm Thượng-khanh, chức còn cao hơn Liêm-Pha là tôi có công đánh Nam dẹp Bắc từ hồi nào. Liêm-Pha không phục, trông cho gấp mặt Trương-Như đặng xỉ-mạ cho đã giận. Trương-Như hay đặng, thì thường kiểm dèng trốn Liêm-Pha mãi. Kẻ thù hạ thấy mới hỏi, thì Tương-Như nói : « — Rất đỗi oai quyền như Tần mà ta còn không sợ, ta lại di sợ Liêm tướng-quân hay sao? Ta sợ là ta sợ Tần. Tần không dám gia phạt Triệu ta là Tần sợ Liêm tướng-quân với ta. Nếu ta không xét đề để ăn thua với Liêm tướng-quân thì chi cho khỏi lưỡng hổ cộng đấu thế bắt cụ toàn, sau nầy việc nước mà hu thi có phải là tại việc oán vặt thù riêng của ta chăng »,

Làm cho Liêm-Pha nghe được, ăn năn, phải đến mà tạ tội. Sau kết làm anh em cho tới chết chăng quên nhau.

X. BÌCH HOÀN.

Lang-Đàm, đời Chiến-Quốc, làm tướng cho Tần Tương-Công. Giết Bao-Mang-Tử là

tướng thiệt mạnh, ít người địch lại, của Tần. Nhờ vậy mà được Tương-Công phong chức.

Tướng-soái của Tương-Công là Tiên-Chần thấy vậy không ưa, bởi vậy khi xuất binh đánh Địch, bèn đuổi Đàm không cho theo.

Bạn của Đàm biếu Đàm đem gia chúng của mình trả lại đánh Chần một trận cho biết chừng, Đàm không nghe lại trả lời: « — Đại-trương-phu thác cho phải nghĩa. Thác mà chẳng phải nghĩa thì là chẳng mưu chẳng đồng. Lấy đồng dụng nơi vua mà không được thì thôi, chờ lấy đồng mà đổi lại với vua thì làm cho kẻ tật đố minh cõi chỗ mà đỗ thừa ».

Lãng-Bạc, là hồ TRÚC-BẠC, cũng kêu là TÂY-HỒ, ở gần Hà-Thành bảy giờ. Trung-Trắc đánh với Mã-Viên nhiều trận ở đấy.

Lãng-viên, vườn Lãng-Sách TỤC-TIỀN nói là chỗ tiên ở.

Lão-bạng sanh châú, con trai (con hào) già sanh châú. Ý nói vợ chồng già mà còn sanh con.

Lão-Đồ, đời Đường có hai người họ Đồ đều là thi-nhân

trù danh : Một người lớn tuổi là Đô-Phủ, người ta thường gọi là Lão-Đồ ; một người nhỏ tuổi là Đô-Mục người ta thường gọi là Tiều-Đồ.

Lão-Lai, NHỊ-THẬP TÙ-HIẾU, tích số 6.

Người nước Sở, đời Đông-Châu. Ở rất thảo với cha mẹ. Đã 70 tuổi mà muốn cho cha mẹ vui, thì mặc áo vẽ-vời, giã đang trẻ nhỏ, gánh nước làm bộ trot té.

Lão-Tử, X. CHU-TỬ.

Lãng (ngũ), năm cái gò ở Trường-An bên Tàu chỗ các nhà quyền qui ở, là Trường-Lãng, An-Lãng, Dương-Lãng, Mậu-Lãng và Bình-Lãng.

Lãng-Yên-Các, các cùa Đường-Thái-Tôn dựng, bày tượng các công thần.

Lãng-tầm, phần mộ của các hực Đế-vương.

Lâm-Đại-Càng, thuở còn đi học, đi ngang qua cửa quan Đại-tư-mã, thấy ngoài cửa ngõ có dán một đài liên :

Môn nghinh châulý tam thiên

Hộ nạp lì hưu bá vạn binh.
Cửa với giày ngọc ba ngàn
khách,

Nhà nạp hùm beo mấy vạn
binh.

Càng đứng dừng lại cười
ngắt. Quản giữ cửa bắt giải
vào cho quan Tư-mã. Quản
Tư-mã hỏi : « — Con nít
không thông, sao dám đầu
đằng khoe mép? — Trò em có chí
nên vào trên gầm thêu hoa ».
Càng trả lời.

Quan Tư-mã mới hỏi :
« Mi chè thi ý muốn sửa làm
sao? » Càng nói : « Trước
vì nước lo việc binh gia,
sau vì nhà dài người hiền-sĩ,
mới đúng. Vậy phải sửa
lại như vầy :

Hộ nạp lì khưu binh bá vạn,
Môn nghinh châulý tam thiên ».

Lâm-Hòa-Tịnh, người ẩn
sĩ đời Tống tên là Bô; thơ hay,
chữ tốt, vẽ khéo, tự nói lấy
mai làm vợ, lấy hạc làm con
chó không mang công-danh
phú-qui.

Lâm-Xuân (gác), tích TRẦN-
HẬU-chủ làm ba cái gác liền
với nhau toàn bằng cây trầm-
hương, đặt tên là : LÂM-XUÂN,
KẾT-Ỷ, VỌNG-XUÂN. Mỗi khi có
yến-tiệc với Qui-Phi tân-
khách, thì khiến văn-nhàn và
cung-nữ làm thơ-tù đối-dáp

nhau. Những bài nào hay lấy làm bài hát, chép thành tập, gọi là : KHÚC-HẬU ĐÌNH-HOA.

Lân nhi, lân là con lân; nhi là trẻ con. Dùng để chỉ con trai. Do tích TỬ-LĂNG đời Trần, mới nên hai, mà có nhà sư khen tướng tốt như kỳ lân bằng đá trên trời (THẠCH-LÂN).

Lập-Trai, X. PHẠM-QUÍ-THÍCH.

Lâu-Lan, sứ nhà Hán tên Giới-Tử lập mưu đem vàng ngọc vào dung cho vua Lâu-Lan rồi thừa dịp vua không đề phòng, cho tráng sĩ giết chết.

Lâu thê, thang lầu. Tích Thạch-Sùng phải tội bị bắt. Có một con hầu tên là Lục-Châu ở có nghĩa với Thạch-Sùng, thấy Thạch-Sùng bị hại, thì ở trên thang lầu, tự gieo mình xuống đất mà chết.

Lầu Oanh, một cái lầu lớn của nhà Tống dựng ở Cù-Châu.

Lầu xanh, Tào-Thực, đời Ngụy, có câu : *Thanh lầu cách đại lộ, cao môn kết trùng quan*; nghĩa là lầu xanh cách đường cái, cửa cao hai lần then. Lấy đó mà đoán, thì trước kia, LẦU XANH, là nhà sang trọng.

Đến đời Lương, Lưu-Tuyên có câu : *Xướng nữ bắt tháng sáu, kết thúc hạ thanh lâu*; nghĩa là, ky-nữ chẳng xiết buồn, siết thắt lưng xuống lầu-xanh.

Rồi tới đời Đường có bài thơ tặng ky-nữ, trong có câu : *Liêm tích hạ thanh lâu chí cư*; nghĩa là dấu chon dưới lầu xanh.

Đỗ-Mục cũng có câu : *Tam niên nhứt giác Dương châu mộng, doanh đặc thanh lầu bạc hạnh danh*; nghĩa là ba năm một giấc chiêm bao ở Dương - Châu, mang tiếng người bạc bẽo ở lầu xanh.

Ngày nay, THANH LẦU không nghĩa là nhà cao đẹp, mà chỉ có nghĩa là nhà ky-nữ.

Lê-Anh-Tôn, vua thứ ba nhà Hậu-Lê, trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phán tranh, niên hiệu Hồng-Phúc. (1556-1573). Húy là Duy-Bang, cháu Huyền-Tôn ông Lê-Trữ, anh vua Lê-Thái-Tô.

Thời kỳ đó thì Trịnh-Kiểm mất (1570) quyền hành ở trong tay Trịnh-Tùng, con thứ của Trịnh-Kiểm. Anh-Tôn liệu thế khôn, trốn về Nghệ-An, bị Tùng cho quân theo bắt giết. Anh-Tôn làm vua

được 15 năm, thọ 42 tuổi.

Lê-Chân-Tôn, vua thứ hai nhà Hậu-Lê, trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phán tranh; niên hiệu Phúc-Thái. (1643-1649). Húy là Duy-Hựu. Con vua Thần-Tôn.

Trong đời ngài, vua nhà Minh là Quế-Vương đóng ở Quảng-Tây, sai sứ qua phong cho ngài là An-Nam Quốc-Vương. Ngày làm vua được 6 năm, thọ 20 tuổi. Ngài chết không con, Trịnh-Tràng rước Thần-Tôn về làm vua lại.

Lê-Chất, tên trung-thần của Nguyễn-Thế-Tô (vua Già-Long). Lúc Nguyễn-Thế-Tô chưa làm vua, thi theo máy đội gió, xông pha chở mũi tên lẩn dẩn, vì vậy mà sau tước đến quân-công.

Sau khi đổi Thành-Tô (Minh-Mạng) vì một tội riêng, chết rồi mà cũng bị truy đạt các sắc, bồ áo quan, lục thay... Cũng may là dù truyền chờ không cho thi-hành, chỉ cho đập phá phần mộ cho bình địa.

Lê-Chiêu-Tôn, Lê-Cung-Hoàng, Lê-Chiêu-Tôn là vua thứ 8 nhà Lê. Đời niên hiệu

hai lần. Một lần đặt là Quang-Thiệu; một lần đặt là Thống-Nguyễn (1517 - 1527). Tên Ý. Con của Cầm-Giang-Vương. Cháu 3 đời vua Thánh-Tôn.

Trong nước giặc-giã, kinh thành bị đốt, nên phải dời về Tây-Kinh. Vì các quan không phục, nên Chiêu-Tôn vời Mạc - Đăng - Dung về hành chánh. Thiệt là rước cọp về nhà. Sau Mạc - Đăng - Dung giết Chiêu-Tôn, rồi tôn em Chiêu-Tôn tên Thụy lên thế. Tức là Lê-Cung-Hoàng. Rồi sau Mạc - Đăng - Dung lại giết luôn Cung-Hoàng và Thái-hậu nữa.

Xét lại nhà Hậu-Lê, từ Thái-Tô tới Cung-Hoàng thì chỉ có 10 ông vua, trị vì 100 năm. Trừ Thái-Tô thì chỉ có Thánh-Tôn và Hiển-Tôn lớn rồi mới lên làm vua mà thôi; còn thi, ông nào cũng còn nhỏ tuổi cả. Vì vậy nên trong nước mới có biến loạn. Nhưng công-đức của Thái-Tô và Thánh-Tôn cũng đủ làm cho lòng dân không ai mà quên được; thành thử Mạc có cướp ngôi cũng không lâu. Mà sau Trịnh có cướp quyền

cũng không dám bỏ hẳn nhà Lê.

Lê-Dụ-Tôn, vua thứ tám nhà Hậu-Lê, trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Niên hiệu Bảo-Thái. (1706 - 1729) Húy là Duy-Đường. Con vua Hi - Tôn. Làm vua được 24 năm, thì Trịnh - Cương bắt phải truyền ngôi lại cho Thái - tử là Duy - Phượng. Mất năm Tân-hợi. Thọ 52 tuổi.

Lê-Đà, tên ĐINH-CỦNG-VIỆN. Có tích vua Mông-Cồ sai sứ sang nước ta. Vua Trần Thánh-Tôn không bái mạng. Vua Mông-Cồ viết thư sang trách. Thánh-Tôn sai Đinh-Củng-Viên đi sứ bên Tàu để biện bạch. Vua Mông-Cồ giận hăm rẳng:

« — Quân ta di đến đâu tan đến đấy; chỉ sông, sông cạn; chỉ núi, núi tan; chúng ngươi có biết? ». Thị Đinh-Củng-Viên trả lời: « — Vua đem nhân-nghĩa ra trị thiên hạ thì dân Việt-Nam chúng tôi kinh phục; còn như vua muốn cậy binh hùng tráng dũng, thi nước nào lại không có binh có tướng hùng dũng, có sông có núi hiểm

trở. Việt-Nam chúng tôi tuy nhỏ chớ cũng đủ ra tiếp ứng với quân của Thiên-trào ».

Vì lời nói khẳng-khai mà quân binh khởi một phen giặc-giã.

Lê-Đại-Hành, vua thứ I đời Tiền Lê, tên Lê-Hoàn. Người làng Bảo-Thái, huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà - Nam bây giờ. Trước kia làm quan Thập-dao tướng-quân cho nhà Đinh. Khi vua Vệ-Vương nhà Đinh có sáu tuổi, thế ngôi cho cha là Đinh-Tiên-Hoàng và lúc đó cũng có quân nhà Tống sang xâm, quân-sĩ tôn người lên làm vua. Lên ngôi được 24 năm. Thọ 65 tuổi (980-1005).

Lê-Đế Duy-Phương, vua thứ tám nhà Hậu-Lê, trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Niên hiệu là Vĩnh-Khánh (1729-1732). Làm vua được 3 năm. Trịnh - Giang muốn phé, vu cáo rằng tư thông với vợ Trịnh - Cương, giáng xuống làm Hòn-Đức. Công mà rồi tới năm Nhâm-thi cũng bị giết.

Lê-Gia-Tôn, vua thứ năm nhà Hậu-Lê, trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Niên hiệu

là Đức-Nguyên (1672 - 1675). Húy là Duy-Hội. Con thứ ba vua Thần-Tôn. Lúc ngài nên hai thì Thần-Tôn mất. Trịnh-Tac đem về phủ nuôi, đến chừng Huyền-Tôn mất không con. Trịnh-Tac lập ngài lên làm vua 4 năm thì mất, thọ 15 tuổi.

Lê-Hi-Tôn, vua thứ sáu nhà Hậu-Lê, trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Niên hiệu Cảnh-Hòa (1676 - 1705). Húy là Duy-Hợp. Con thứ tư vua Thần-Tôn. Khi Thần-Tôn mất, bà Trịnh-Thị mới có thai ngài được bốn tháng. Trịnh-Tac đem bà về nuôi, sau đẻ ngài trong phủ. Gia-Tôn mất không con, Trịnh-Tac mới lập ngài lên làm vua, được 29 năm, truyền ngôi lại cho Thái-tử, rồi làm Thái-Thượng-Hoàng.

Lê-Hiển-Tôn, vua thứ năm nhà Lê. Niên hiệu là Cảnh-Thống (1497 - 1504). Tên là Tăng. Người thông-minh, hòa hậu. Trong mấy năm trị dân không giặc-giã chi. Lo cho dân trồng đậu, đẽ tắm, làm ruộng. Lo cho việc văn-học. Trị vì được bảy năm thì mất. Thọ 44 tuổi.

Lê-Hiền-Tôn, vua thứ mười

một nhà Hậu-Lê, trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Niên hiệu Cảnh-Hưng (1740-1786). Húy là Duy - Đào. Con vua Thuần - Tôn. Lập vì được 46 năm. Thọ 70 tuổi.

Lê-Huyền-Tôn, vua thứ tư nhà Hậu-Lê, trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Niên hiệu Cảnh-Trị. (1663-1671). Con thứ hai vua Thuần-Tôn. Trong đời ngài làm vua mới khởi đầu thông sứ với nhà Thanh và cấm đạo Da-Tô. Làm vua được 9 năm. Thọ 18 tuổi.

Lê-Hữu-Huân, X. LÃN-ÔNG.

Lê-Ý-Tôn, vua thứ chín nhà Hậu-Lê, trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Niên hiệu Vĩnh-Hựu (1735 - 1740). Húy là Duy - Thìn. Con vua Dụ-Tôn. Trịnh - Giang bỏ con vua Thuần - Tôn mà lập ngài. Rồi tới năm Canh-thân (1740) Trịnh - Doanh lên thế cho Trịnh-Giang, bắt ngài phải nhường ngôi cho Thái-tử, rồi lên làm Thái-Thượng - Hoàng. Mất năm Kỷ-mão (1759) thọ bốn mươi mốt tuổi.

Lê-Kinh-Tôn, vua thứ năm

nà Hậu - Lê. Niên hiệu Hoàng - Định. Húy là Duy - Tân. Con vua Thế - Tôn. Làm vua đến năm Kỷ - mùi, bị Trịnh - Tùng bắt phải thắt cổ mà chết. Trị vì 20 năm. Thọ 32 tuổi. Từ đây đã đến thời - kỳ Trịnh Nguyên phân tranh.

Lê-Lai, tùy tướng Bình-Định-Vương Lê-Lợi, nước ta (1419).

Đương thời ký cự với quân nhà Minh ở Chi-Linh. Quân Minh vây rất ngặt. Lê-Lai liều minh, mặc áo ngự bào, giả Bình-Định-Vương, (Lê-Lợi) rồi lên voi của vua ra trận. Quân giặc tưởng là Lê-Lợi, áp phủ vây. Lê-Lai cầm-cur, liều minh tử trận, nhờ vậy mà Bình - Định - Vương có đường tẩu-thoát.

Lê-Long-Đinh, bạo ngược không thua gì Kiệt Trụ. Giết anh là Long-Việt, lèn làm vua, được bốn năm thì mất. Thọ có 24 tuổi mà thôi (1005-1009).

Nhà Tiền-Lê tới Lê-Long-Đinh dày thi dứt. Truyền nhau được ba đời, cộng chỉ có 29 năm.

Lê-Mản-Đế, vua thứ 12 mà cũng là vua chót đời Hậu-

Lê, niên hiệu là Chiêu-Thống (1781-1788).

Cháu đích-tôn vua Hiển-Tôn. Vì thấy vua Quang-Trung đánh Trịnh, sợ lây. Chạy sang Tàu cầu cứu, làm cho quân Tàu thị nhục. Mất ở Yên - Kinh,

Nhà Lê từ Thái - Tô khôi nghĩa, đánh đuổi quân Minh, lập lại cái nền tự chủ cho nước nhà, truyền đến vua Chiêu-Tôn thì bị họ Mạc cướp ngôi. Sau họ Mạc, thi họ Trịnh chuyên quyền. May nhờ vua Quang - Trung giải cứu mà không biết giữ, thành tới Chiêu-Thống thi dứt. Nhà Lê kề cả Tiền và Hậu, được 360 năm (1428-1788) mỗi mỗi đều được mõ-mang thêm.

Nhưng tới lúc nhà vua bị Mạc rồi tới Trịnh, hiếp chế, thì có vua mà cũng có chúa. Thành vua chỉ để làm vi. Việc nước mỗi mỗi đều nhờ cậy nơi người. Tới chừng nghiệp chúa suy thì ngôi vua cũng đỗ. X. NGUYỄN - THỊ-KIM.

Lê-Nhân-Tôn, vua thứ ba nhà Lê (1443-1459), niên hiệu Đại - Hòa. Tên Bang - Cơ. Mời nên hai mà lèn làm vua thế cho cha là Thái-Tôn. Làm vua được mười bảy năm thi

bị anh là Nghi-Dân nứa đêm trèo tường vò giết rồi soán ngôi.

Lê-Quí-Đôn, quê làng Diên-Hà, phủ Thái-Bình, bây giờ đặt thành tỉnh. Đôn là con ông Tán-sĩ Lê-Trọng-Thú. Đôn có chí nhớ lạ lùng. Người ta còn truyền, Đôn đọc chí thi nhớ nấy.

Năm 18 tuổi thi hương đỗ Thủ-khoa (1752) Đôn khi ấy làm quan một triều với cha.

Sau có di sứ bèn Tàu hai lần.

Vì tráo bài cho con đỗ đầu trong một kỳ thi, mà Đôn phải bị cách chức. Nhờ có sứ Tàu qua đỗ chữ mà trong trào không ai dối được, nên Đôn mới được tha và phục chức lại, dặng về đối với sứ Tàu.

Thơ, sách của ông đề lại cũng nhiều. Ta chép một bài bát cú mà ai ai trong làng thơ cũng có nghe biết :

RẮN ĐẦU :

*Chẳng phải lưu diu vẫn giống nhà,
Rắn đầu chẳng học chẳng ai tha.
Thẹn đèn, hổ lừa đau lòng mẹ,
Nay thét, mai gầm rát cổ cha.
Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lắn lưng cam chịu tiếng roi tra.
Từ rày cháu Lỗ chăm nghè học,
Kéo hổ mang điệu tiếng thế-gia.*

Lê-Quýnh, cùng với tám chín người trung thần, theo vua Lê-Chiêu-Thống sang Tàu cầu cứu. Không dè tới nơi bị Tàu bắt-dài, lại bắt phải cạo đầu, giộc bin, mặc y phục theo Tàu. Lê-Quýnh không chịu, nói: « Đầu ta có thể chặt được, chờ tóc ta không thể giộc được ; da

ta có thể lột được, chờ áo chúng ta không thể đồi được ».

Lê-Tân Nguyễn-Nhược-Thị, bà là một cung-phi của vua Dực-Tôn; sau bà làm thơ ký cho bà Từ-Dụ. Những chuyện trong triều đời bấy giờ, bà biết cả chép thành tập HÀNH THỰC CA.

Lê-Thái-Tồ, vua khai sáng nhà Lê nước ta, niên hiệu Thuận-Thiên (1428-1433) tên Lê-Lợi. Vua sanh trưởng ở Lam-Sơn, huyện Lương-Giang, tỉnh Thanh-Hoa, làm nghề canh-nông. Nhà giàu có, thường hay giúp kẻ khó hèn, nên mọi người đều phục.

Vua thường nói: «Làm trai sanh ở trên đời, nên lo giúp nạn dân dè tiếng ngàn thuở, chờ ai lại đi bo-bo làm dày tớ cho người bao giờ».

Lúc bấy giờ quân nhà Minh lấy cớ phạt họ Hồ cướp ngôi, qua chiếm nước ta trong một thời kỳ 10 năm.

Mùa xuân năm Mậu-tuất (1418) cùng với Nguyễn-Trãi, Lê-Thạch, Lê-Liều, Trần-Nguyễn-Hân, Phạm-văn-Xảo... khởi nghĩa tự Lam-Sơn, quyết chi đánh quân thù, giành lại nước non nhà. Khi được, khi thất, bao lần lao-khổ, mẩy lúc hiềm-nguy (X. LÊ-LAI) sống sót ở Chi-Linh, quân tan rã Cói-Huyện, nhưng rốt cuộc rồi cũng đuổi được quân Tàu ra khỏi nước, khôi phục độc-lập cho nước nhà, lên làm vua lấy hiệu là Lê-Thái-Tồ, đặt quốc-hiệu là Đại-Việt (1428), tự xưng là Bình-

Định-Vương. Nhưng rất tiếc ở ngôi không được lâu, tới năm 1527 thăng hà, thọ 49 tuổi. Thật là một ông vua anh tài.

Sau đây là tờ BÌNH-NGÔ ĐẠI-CÁO của Nguyễn-Trãi soạn ra khi vua dẹp được giặc:

Việc nhân nghĩa cốt nhứt ở yên dân quân; điều phạt không gì bằng trù bạo.

Nước Đại-Việt ta thật là một nước văn-hiến. Kể từ Triệu, Đinh, Lý, Trần mấy đời gầy dựng ra nước, so với Hán, Đường, Tống, Nguyễn mỗi đàng làm đế một phương.

Mới rồi, chỉ vì họ Hồ cơ cẩn đến đỗi, lòng người ta oán. Nhà Minh nhân dịp hờ, thừa kế hại dân; lũ ác rắp mưu gian, đem lòng bán nước, kiêm cách lừa dối thiên hạ kẽ nghìn muôn nỗi gờm-ghê, gầm từ, gây việc binh-dao đã hất mươi năm tai-vạ. Nhân nghĩavirt đi hết; thế-giới đến thế thi thôi! Thuế-má vét cho nhiều, núi sông chẳng còn gì cả. Thân nhân đều lấy làm giận, trời đất cũng không thể dung.

Ta đây! Phát tích từ núi Lam-Sơn, ăn-thản ở chỗ hoang dã. Đau lòng nát ruột, chốc chốc mười mẩy năm trời; ngậm

dắng nuốt cay, nào phải một ngày chi đó. Dương khi cờ nghĩa mới nổi, chính lúc thế giặc vẫn hăng. Lương chúa Linh-Sơn mấy tuần đã cạn, quân tan Cói-Huyện một đứa chẳng còn. Tụ tập mấy lũ lưu-dân, vác cần cù mà đánh giặc: gắng bó một lòng phu-tử, rót rượu ngọt để khao quân.

Thành ra: Vì đại-nghĩa mà thắng được hung-tàn; lấy chí-nhẫn mà thay cho cường-bạo. Kẻ kia bỏ tay mà ngồi chịu chết, quân ta không đánh mà giặc phải tan. Bọn tướng giặc đã bị bắt rồi van lạy xin thương làm phúc; bụng hiếu-sinh ta cũng mở rộng, thần vữ chẳng giết làm gì. Kia tham-tướng Phượng-Chính, kia nội-quan Mã-Kỳ, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, lúc qua sông mà hầy còn mắt nọ ví; Tống-binh Vương-Thông, nọ tham-chinh Mã-Ánh, cấp cho mấy nghìn con ngựa khi về nước mà vẫn còn giặt mình. Họ đã sợ chết tham sống mà xin cùng ta giảng hòa, ta lấy toàn quân là hơn mà muốn cùng dân yên nghỉ.

Cho hay:
Ba-quân đã đến ngày đại-

định, kỷ-niệm công vô-định vè sau. Bốn bề gây nên cuộc thái-bình, bá-cáo lời duy-tân từ đó.

Lê-Thái-Tôn, vua thứ hai nhà Lê (1434 - 1442). Niên hiệu Thiệu-Bình. Lên ngôi mới có mười một tuổi, nhưng tánh thông minh. Làm vua được 9 năm thì mất. Người ta cho rằng tại thị Lộ là người hầu của Nguyễn-Trãi giết.

Sự tích như vậy: Một bữa kia Thái-Tôn đi ngang qua nhà Nguyễn-Trãi. Nguyễn-Trãi là quan theo phò Thái-Tồ dựng nghiệp nhà Lê, lúc bấy giờ đã về hưu. Vào nhà thi Trãi vắng mặt. Thị-Lộ ra tiếp rước. Thái-Tôn thấy Thị-Lộ nhan sắc có dư, bắt Thị-Lộ theo hầu. Về giữa đường, đương đêm, Thái-Tôn chết. Người ta cho rằng Thị-Lộ phục thuốc trong rượu mà giết nhà vua. Chuyện có thật vậy hay không, thì không ai rõ chắc, nhưng trào-thần dè án như vậy, làm Nguyễn-Trãi phải bị tội.

Lê-Thánh-Tôn, vua thứ tư nhà Lê. Niên hiệu: Hồng-Đức. (1460-1497).

Nghi-Dân giết Nhân-Tôn lên làm vua không được mấy tháng, kế bị đinh-thần giết, tôn Tư-Thành, con của Thái-Tôn lên làm vua (1460) ấy là Thánh-Tôn. Thánh-Tôn thiệt là một đứng anh-quân, lại thông-minh, có hiếu với mẹ, thành-thật với tôi, văn-võ toàn tài; hay sửa sang việc chánh-trị; chỉnh đốn việc vỏ-bị; chăm-nom việc dạy-dỗ; đánh Chiêm-Thành, Ai-Lao làm cho nước ta danh tiếng lừng lẫy...

Riêng về việc học-hành thì vua biếu làm kho bì thơ để chứa sách, dinh pháp thi hương, sửa phép thi hội, sai vẽ địa đồ trong nước, ghi chép sự tích các nơi. Vua kén lấy văn thần hai mươi tám người, lập thành hội, gọi là TAO-ĐÀN NHỊ-THẬP BÁT-TÚ.

Vua có vịnh 9 bài về: NĂM ĐƯỢC MÙA, ĐẠO LÀM VUA, ĐẠO LÀM TÔI, VUA SÁNG TÔI LÀNH, BỤC HIỀN TÀI, KHÍ LÀ TRỜI ĐẤT, PHÉP VIẾT, NGƯỜI VĂN CHƯƠNG, HOA MAI. (Mấy bài này dường có đăng trong báo Tri-Tân).

Thánh-Tôn làm vua được 38 năm. Mất năm 1497. Thọ 56 tuổi.

Lê-Thần-Tôn, vua thứ nhứt nhà Lê trong thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh. (1619-1643). Niên hiệu: Dương-Hòa. Húy là Duy-Kỳ. Con vua Kinh-Tôn. Năm Qui-mùi (1643) nhường ngôi cho Thái-tử Chân-Tôn, lên làm Thái-Thượng-Hoàng.

Sau Chân-Tôn mất không con, nhà Trịnh cho rước về làm vua một lần thứ nhì, lấy niên hiệu Vạn-Khánh. Lần này làm vua tới mất, được mười ba năm nữa. Thọ 56 tuổi. (1649-1662).

Lê-Thế-Tôn, vua thứ tư nhà Hậu-Lê (1573-1599). Niên hiệu: Quang-Hưng. Húy là Duy-Đàm, con thứ năm vua Anh-Tôn. Hồi lên làm vua thì mới có bảy tuổi. Trong thời này, thi Trịnh-Tùng dùt được họ Mac, thâu Đông-Đô lại. Làm vua 27 năm. Thọ 33 tuổi.

Lê-Thuần-Tôn, vua thứ chín nhà Hậu-Lê trong thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh (1732-1735). Niên hiệu Long-Đức. Húy là Duy-Tường. Con vua Dụ-Tôn, đã được lập lên làm Thái-tử mà Trịnh-Cường bỏ, lập Duy-Phương lên. Sau

Trịnh-Giang lèn thế cho Trịnh-Cường, bỏ Duy-Phương. Nhờ vậy mà được lèn làm vua. Thọ 37 tuổi.

Lê-Trang-Tôn, vua thứ nhứt nhà Hậu-Lê (1533-1548). Niên hiệu Nguyên-Hòa. Húy là Duy-Ninh. Con út vua Chiêu-Tôn, nhờ có bợn Nguyễn-Kim đến Cầm-Châu ở tận xứ Ai-Lao, tìm ra, lập lên làm vua. Mãi đến 1543 mới chiếm được Thanh-Hóa và Nghệ-An (Tây-Đô).

Lúc bấy giờ những danh-sĩ như Phùng-Khắc-Khoan (Trạng-Bùng) Lương-Hữu-Khánh... mới về giúp Lê.

Năm Ất-tị (1545) Nguyễn-Kim di đánh Sơn-Nam bị đầu-dộc chết. Nguyễn-Kim trước khi tắt hơi giao binh quyền lại cho rể là Trịnh-Kiềm. Nhà Trịnh hưng từ đây.

Trang-Tôn làm vua được 16 năm. Thọ 31 tuổi.

Lê-Trung-Tôn, vua thứ hai nhà Hậu-Lê (1548-1556), Húy là Duy-Huyền, con vua Trang-Tôn. Lúc này Trịnh-Kiềm dẹp Mac. Quyền hành gi cũng nắm trong tay cả.

Trung-Tôn làm vua được 8 năm thi mất. Thọ 28 tuổi.

Trung-Tôn chết không con. Trịnh-Tùng là con Trịnh-Kiềm đem Duy-Bang, dòng họ nhà Lê, lên thế. Ấy là Anh-Tôn.

Lê-Túc-Tôn, vua thứ sáu nhà Lê. Niên hiệu là Thái-Trinh. Tên Thuần. Làm vua sáu tháng thi mất. Triều-dinh tôn người anh thứ hai tên Tuân lên thế. Ấy là Uy-Mục.

Lê-Tương-Dực, vua thứ bảy nhà Lê (1510-1516). Niên hiệu: Hồng-Thuận. Tên Oanh. Giết Uy-Mục rồi tự xưng làm vua.

Tương-Dực cũng chơi bài xa xi lại còn loạn đâm với các cung tiên triều, người bấy giờ đều kêu là Tương Lợn.

Thời bấy giờ trộm cướp từ phuơng, giặc giã tám hướng. Trịnh-Duy-Sảng mới mưu với Lê-Quảng-Đô và Trịnh-Chi-Sám vào cửa bắc thầm giết.

Tương-Dực tri vĩ được 8 năm. Thọ 24 tuổi.

Lê-Uy-Mục. Túc-Tôn mất không con, triều đình mới tôn người anh thứ hai của Túc-Tôn, tên Tuân lên làm vua, tức là Uy-Mục. Lấy hiệu Đoan-Khánh. (1505-1509). Nhưng Uy-Mục là một người

tàn bạo, lên ngôi rồi, giết tö-mẫu là bà Thái-Hoàng Thái-Hậu và các quan cận thần, say mê tưu-sắc, hung-ác dữ tợn... Người đời bấy giờ kêu là Qui-Vương.

Năm Kỷ-tị ông Giản-Tu-Công tên Oanh, cháu vua Thành-Tôn, anh em chú bác với Uy-Mục, giết chết.

Lê-văn-Duyệt, bao lần theo Nguyễn-Thé-Tồ, vào Nam ra Bắc đánh với Tây-Sơn. Sau được phong Tông-trấn ở Gia-Định-Thành. Oai quyền lớn lẫm, lúc bấy giờ người người đều phục.

Ông là quan võ, tánh khí nóng-nảy, hồi còn ở tại trào tàu đói không đủ vẽ kinh-phục thành thủ mất lòng vua Thành-Tồ (Minh-Mạng).

Vì vậy nên khi ông chết rồi, mà vì Ngụy-Khôi làm loạn, Bắc-Thuận Hồi-Lương làm phản, mà phải khép vào tội trọng, chúc tước phẩm hàm thảy đều lột hết, và mồ mả cũng bị phá dập cho bình địa. Mãi tới đời Ðực-Tôn mới có chiếu truy-phong lại, cùng với Lê-Chất...

Lê-văn-Hựu, danh sĩ đời

Trần, đậu bảng-nhãn, soạn bộ ĐẠI-VIỆT-SỬ, ba chục quyển, chép từ nhà Triệu đến cuối nhà Hậu-Lý. Nước ta có sử bắt đầu từ đấy.

Lê-văn-Khôi, làm tôi ông Tông-trấn Gia-Định-Thành Lê-văn-Duyệt.

Chứng Tông-trấn Duyệt chết, triều-định bỏ Bạch-Xuân-Nguyên vô thế. Nguyên là người tham tàn và đã dối kỵ Tông-trấn Duyệt từ hồi còn sống. Nay vào thế chức cho Tông-trấn Duyệt, muốn làm cho bỏ ghét, cho người di bắt Khôi.

Khôi hay được, mới hội các đồng-chi, rồi tự xưng là Nguyên-soái, đem quân đi đánh các tỉnh. Không mấy tháng mà chiếm hết sáu tỉnh.

Triều-định chứng hay các sự thì cho Thái-Công-Triều vào Gia-Định bình-phục. Song cũng chưa làm chi đặng Khôi, thì Khôi phải bệnh mà bỏ mình. Nhưng vậy mà tới bảy tháng sau mới dẹp yên bọn của Khôi còn lại trong thành.

Chứng bình triều vào được thành bắt giết 1.831 người rồi cho chôn một chõ, ở ngoài

đồng. Bây giờ người ta còn nhắc tới mà Ngụy-Khôi.

Lê-U, Lê-Vương và U-Vương là hai ông vua nhà Châu, hòn quan vò dạo.

Li-Cơ, Thái-Hậu của Tần-Hiến-Công, đời Chiến-Quốc. Li-Cơ muốn lập con mình lên làm chúa sau này, nên mưu hại Thái-tử Thân-Sanh là đồng chánh. Vì vậy mới có loạn trong nước.

Lịch-Sanh, tên Dị-Kỵ ở Cao-Dương, đời Tân-Nhị-Thế. Người hiền ở ẩn, sau ra phò Hán-Bá-Công.

Liêm-Khê, tên Châu-Ðông-Dy, nhà học giả có tiếng đời Bắc-Tống. Vì ở sông Kim-Khê nên người ta thường gọi Liêm-Khê tiên-sanh.

Liêm-Lạc,
đất Liêm có ông Châu-Mục
Thúc,

đất Lạc có ông Trinh,

đất Quan có ông Trương-

Hoàng-Cử,

đất Mân có ông Châu-Hy.

Bốn ông đều giỏi về cuối đời Tống. Trong nước loạn lạc không chịu làm quan, cứ ở ẩn ấp Liêm-Hạ. Sau Lô-Hy-Công bị Tề-Hiếu-Công ý mạnh đem binh lấn cõi, thì nhờ Hạ-Huệ qua lấy tài hùng-biện mà thuyết khách

Bị lời xô đuổi về nhà giáo dân.

Liên-Bộ, X. KIÈM-LIÉN.

Liên-Thành, ngọc liền-thành. BẮC-SƯ chép: họ Hòa, người nước Sở đem ngọc tốt dung chò Triệu. Tần nghe chuyện ngọc muồn đem thành mà đồi ngọc. X. LẠN-TƯƠNG-NHƯ.

Về sau người ta mới gọi hòn ngọc đó là Ngọc-Liên-Thành.

Liệt-Tử, X. CỦU-KINH.

Liễu-chương dài, X. CHƯƠNG ĐÀI.

Liễu-Công-Xuróc, tự là TÙ KHOAN, ở đời Đường, có làm quan. Thiệt là một nhà già-pháp thời bấy giờ.

Liễu-dinh, Châu-Á-Phu đời Hán đóng quân ở Tế-Liễu cho nên đời sau gọi chỗ quân đóng là *Liễu-Dinh*.

CHINH-PHỤ-NGÂM có câu:
Quân trước đã gần ngoài
định Liễu...

Liễu-Hạ-Huệ, tên là Triền-Hỷ, đời Đông-Châu. Người miệng lưỡi, nhưng mà không chịu làm quan, cứ ở ẩn ấp Liễu-Hạ. Sau Lô-Hy-Công bị Tề-Hiếu-Công ý mạnh đem binh lấn cõi, thì nhờ Hạ-Huệ qua lấy tài hùng-biện mà thuyết khách

Có câu:
Thương thầy Liêm-Lạc mới
ra,

cho Tè-Hiếu-Công nghe mà rút binh.

Liễu ngỏ, hoa tường, thứ hoa ngoài cửa ngoài tường, ai hái lại chẳng được. Èo vi con gái mất nét.

Liễu nhúr, liễu là cây liễu ; nhúr là bóng. Lấy tích trong bài thi của nàng Tạ - Đạo-Uân vịnh trong lúc trời tuyết.

Liễu-Thăng, Mộc-Thạnh, hai tướng nhà Minh qua xâm lấn đất nước ta, bị Lê-Lợi đánh ngã ở Chi-Lăng. Liễu-Thăng chết ở đó còn Mộc-Thạnh trốn chạy về Tàu.

Liễu-tôn-Nguyên, tự TỬ-HẬU. Nhậm lẹ tuyệt vời. Văn chương lại nổi tiếng đời Đường.

Linh phan, linh là thiêng ; phan là phươn. Phươn của nhà Phật.

Linh phụng, tục truyền chim linh phụng gấp cày ngò đồng mới chịu đậu.

Linh xuân, linh là thiêng ; xuân là cây xuân. Cha. Lấy tích Mậu-Dung đời Đường vì người cha như cây xuân sống được lâu năm.

Ly tao, bài trường-thiên

xưa nhứt của Tàu ; do KHUẤT-NGUYỄN soạn.

Lý-Anh-Tôn, vua thứ sáu đời nhà Lý (1138-1175). Niên hiệu Thiệu-Minh. Huy là Thiên-Tộ, con vua Thần-Tôn. Lên ngôi mới có ba tuổi. Thái-Hậu là Lê-Thị-Cầm nhiếp-chánh. Nhờ có Tô-Hiến Thành, Hoàng-Nghĩa-Hiền, Lý-Công-Tinh... làm quan trung-trực, thờ vua một dạ nhiệt thành, nên việc trào chánh được yên.

Mất năm 1175. Tri vị 37 năm. Thọ 40 tuổi.

Lý-Bạch, hiệu là THANH-LIỀN người đời Đường, hay rượu mà cũng hay thơ, mà rượu càng say, thi thơ lại càng giỏi.

Tích truyền rằng : Trước kia thơ Lý-Bach không hay, mà sau khi nắm chiêm bao thấy cây bút mình hóa ra sen nở, thi từ đó thơ trở lên hay. Người ta thường tặng Lý-Bach là Tứ-Trung-Tiên. X. MỘNG-HOA.

Lý-Bí, người đời Đường. Mới bảy tuổi mà giỏi nghề văn rời. Vua Huyền-Tôn (vua Minh-Hoàng) đời vào chầu. Lúc đó vua đương đánh cờ,

muốn thử tài Bí, mời chỉ bàn cờ, ra đẽ : Vuông, tròn, động, lăng mà biếu Bí làm.

Lý-Bí liền đáp :

« Vuông chi bằng làm nghĩa ; tròn qua đâu dụng trí, động thì phải khoe tài ; lăng thi là đặc ý ».

Lý-Bôn, vua thứ nhứt nhà Tiền-Lý (544-548). Khởi nghĩa đánh đuổi Tiêu-Tur, người Tàu. Niên hiệu : Lý-Nam-Đế khai dựng.

Lý-Bôn, cũng tên là Lý-Bí, dòng dõi người Tàu, tổ-tiền là người đời Tây-Hàn bên ấy, trốn loạn qua ờ với Giao-Châu ta, dã 7 đời.

Lý-Cao-Tồ, vua thứ bảy đời nhà Lý (1176-1210). Niên hiệu : Trinh-Phù. Huy là Long-Can. Con vua Anh-Tôn. Cha mất, lên làm vua hời chưa được ba tuổi. Cũng như cha, nhờ Tô-Hiển-Thành, quan trào trước còn lại, giúp nên dầu trong nước lúc đó, lắm lúc có giặc, mà cũng được yên. Mất năm 1210. Tri vị được 35 năm. Thọ 38 tuổi.

Lý-Cầm, Lý-Tiến, hời Bắc thuộc lần thứ hai, quân Tàu không cho dân ta, dầu học

giỏi đến đâu, làm quan giữ việc chánh-trị. Mãi sau tới đời Đông-Hán, mới có được hai người minh, một người tên Lý-Tiến bồ làm Thủ-sử Giao-Chí là xứ của mình, còn một người nữa tên Lý-Cầm được đem sang Tàu làm hầu-cận vua Tàu (168-189).

Lý-Chiêu-Hoàng, vua thứ chín đời nhà Lý (1225). Niên hiệu : Thiên-Chương-Hữu-Đạo. Con gái vua Huệ-Tôn (Huệ-Tôn không con trai nên lập Chiêu-Hoàng). Mà cũng vì vậy mà nhà sập mất từ đó.

Thủ-Độ chấp-chưởng binh quyền, tư-thông với Trần-Thái-Hậu, mới mưu lấy cơ nghiệp. Bởi vậy cho cháu là Trần-Cảnh vào hầu Chiêu-Hoàng. Sau Chiêu-Hoàng lấy Trần-Cảnh và nhường ngôi lại cho. Nhà Lý truyền tới đây là chín đời vua. Tri vị 216 năm.

Lý-Cő, người đời Đường có tiếng hay chữ. Có câu : Túi ôn tráp Lý.

Lý-hạ chinh quan, sủ a nón dưới mện. Đi dưới cây mện mà sửa mũ thì sợ người ta nghi cho mình hái trộm mện.

Lê-Huệ-Tôn, vua thứ tam đời nhà Lý (1211-1225). Niên hiệu: Kiến-Gia. Húy là Sâm.

Trong thời kỳ làm vua thì trong nước phải loạn-ly nên mảng lo chạy mãi. Vua không có con trai; chỉ có hai người con gái, người lớn là Thuận-Thiên Công-Chúa; người thứ là Chiêu-Thánh Công - Chúa. Huệ-Tôn làm vua 14 năm thì truyền ngôi lại cho Chiêu-Thánh Công - Chúa, rồi vào chùa Chân-Giáo mà ở.

Lý-Khắc, người đời Chiến-Quốc, làm tội Nguy-Văn-Hầu. Văn-Hầu muốn đặt quan-tướng; mà trong hai người: Nguy-Thành và Địch-Huỳnh, không biết lựa người nào. Văn-Hầu mới phủ cho Lý-Khắc. Lý-Khắc liền đặt Nguy-Thành.

Địch-Huỳnh ức lòng mới đến cãi-lẽ thì Lý-Khắc luận năm điều cù-xử tại sao mà phải đặt Nguy-Thành làm. Địch-Huỳnh phải chịu không cãi nữa.

Lý-Khắc, một quan Đại-phu nước Tấn đời Tấn-Hiển-Công, cũng tên Lý-Khắc.

Lý-Khắc-Dụng, X. ĐỘC-NHÂN-LONG.

Lý-Khôi, một người miệng lưỡi đời Tam-Quốc. Vung lời Khổng-Minh qua thuyết-khách Mã-Siêu, làm Mã-Siêu về đầu Lưu-Bị.

Lý-Ký, một người con gái rất có hiếu. Nhà nghèo bán mình đem thân cúng thần rắn, lấy tiền mà giúp cha mẹ.

Tích này trong ĐƯỜNG-TÙNG-THƠ. Lại nói sau này nàng giết được thần rắn và lấy vua VIỆT-VƯƠNG. Có câu:

*Dưng thơ đã hẹn nàng Oanh,
Lại thêm ả Lý bán mình
chuộc cha (KIỀU).*

Lý-Lâm-Phủ, làm quan đời Đường. Người thám hiềm. Người ta nói nghe Lâm-Phủ cười, thấy như có con dao trong tiếng cười. Cười mà thấy dao ở trong tiếng cười sao được. Ý nói thám hiềm hết sức vậy. X. HUỲNH-LƯƠNG-MỘNG.

Lý-Nam-Đế, X. LÝ-BỘN.

Lý-Nguyễn, một tên hát bộ có tiếng, người Tàu. Lúc nhà Trần nước ta, đánh đuổi quân Nguyên, thi quân ta bắt được Lý-Nguyễn. Sau này yên giặc, thả ra, thì Lý-Nguyễn không chịu về Tàu.

Lý-Nguyễn ở lại bên ta, lấy truyện xưa tích cũ đặt lại thành tuồng hát, rồi dạy người mình hát. Khi con hát ra hát thi mặc áo gấm vóc, hát múa theo nhịp dòn. Hát tuồng thử ta khởi đầu từ đây (1288).

Lý-Nhân-Tôn, vua thứ sáu nhà Lý, (1072 - 1127). Niên hiệu: Thái-Ninh. Húy là Càn-Đức. Con Bà Nguyễn-Phi Ý-Lan phu-nhân.

Tục truyền Tiên-Vương là vua Thánh-Tôn, đã bốn mươi tuổi mà không con, đi cầu tự qua làng Thủ-Lợi. Thiên-hạ đi xem đầy đường. Có một người con gái đi hái dâu, xe vua đi qua không ngó lại, chỉ dừa cây lan chờ cho xe vua đi qua mà thôi. Vua thấy vây động tình cho đòi về cung, phong cho Ý-Lan phu-nhân. Được ít lâu sanh ra Thái-tử Càn-Đức, là vua Nhân-Tôn đây.

Lúc Càn-Đức lên làm vua thì mới có bảy tuổi. Cũng may nhờ có Lý-Đạo-Thành người trung-thần, làm phu chánh nên mọi việc đều yên. Trong thời vua Nhân-Tôn thì Lý-Thường-Kiệt và Tôn-Đản sang đánh Quảng-Đông Nam-

Ninh và bình phục Chiêm-Thành. Mất năm Đinh-vi (1127) trị vì 56 năm. Thọ 63 tuổi.

Lý-Phật-Tử, vua thứ hai nhà Tiền-Lý (571 - 602). Niên hiệu: Hậu-Lý-Nam-Đế. Đánh Triệu-Việt-Vương năm 571, lên làm vua không bao lâu thì bị nhà Tùy bên Tàu sai Lưu-Phương qua đánh nước ta nữa (602).

Nước Việt ta lại phải bị người Tàu đỗ hộ trong một thời kỳ là 366 năm nữa. Nhà Tiền-Lý trước sau 3 vua, trị vì hết thảy là 58 năm.

Lý-Quảng, chán đời, đương làm quan, từ chức về ở non cao rừng rậm, thường ngày đi săn cọp làm kẽ sanh nhai.

Lý-Thái-Tồ, vua thứ nhứt nhà Lý. Niên hiệu Thuận-Thiên. Tên Lý-Công-Uẩn, người làng Cổ-Pháp, huyện Đông-Ngạn, tỉnh Bắc-Ninh; làm quan nhà Lê đến chức Tả Thân-Vệ Điện-Tiền Chỉ-Huy-Sứ.

Khi Lê-Long-Đỉnh mất, bấy giờ lòng người oán ghét nhà Tiền-Lê, mới mưu tòn Lý-Công-Uẩn lên làm vua, tức là Thái-Tồ nhà Lý (1010).

Vua Thái-Tôn sùng đạo Phật lắm, xuất tiền kho cất chùa, đúc chuông... Tháng 6 năm Mậu- ngọ (1018) sai Nguyễn-Đạo-Thanh và Phạm-Hạc sang Tàu thỉnh kinh Tam-Tạng đem về để vào kho Đại-Hưng. Mất năm 1028. Trị vì 19 năm. Thọ 55 tuổi.

Lý-Thái-Tôn, con Lý-Thái-Tô, lên nối ngôi cha năm Nhâm- ngọ (1028) tên là Phật-Mã. Thái-Tôn là vua thứ hai đời nhà Lý. Lấy niên hiệu là Thiên-Thành.

Thái-Tôn dẹp giặc Nùng, đánh Chiêm-Thành; cấm mua hoàng-nam (là con dân nước ta từ 18 tuổi trở lên) để làm nô, chia đường quan lộ ra từ cung, đặt trạm để chạy công văn; còn trong cung thì hậu và phi chỉ đặt có mười ba người, ngự-nữ thi mười tám người, còn nhạc-kỷ lừa lại một ngàn người, chớ không giữ số như trước.

Lý-Thánh-Tôn, vua thứ ba nhà Lý (1054 - 1072). Niên hiệu : Long-Thụy. Húy là Nhật-Tôn. Con của vua Thái-Tôn, lên thế ngôi cho cha năm 1054.

Vua Thánh-Tôn nhơn-tử

đức-hạnh, dân yêu mến. Trong nước lúc bấy giờ không giặc-giã. Trong thời này, mới chia quân pháp làm Tả Hầu Tiền Hậu, mỗi đội đều có qui-tắc, bên Tàu hồi đó cũng bắt chước theo. Mất năm Nhâm-ti. Trị vì 17 năm. Thọ 50 tuổi.

Lý-Thần-Tôn, vua thứ năm nhà Lý (1128-1138). Niên hiệu Thiên-Thuận. Tên Sùng-Hiền-Hầu, cháu của Nhân-Tôn, kêu Nhân-Tôn bằng bác.

Mất năm 1138. Trị vì 10 năm. Thọ 23 tuổi.

Lý-Thị, chồng là Vương-Ngung, lúc sanh tiền làm chức Tư-hộ. Đến chừng chết Lý-Thị đem cốt về xú sở. Vừa đi ngang qua phủ Khai-Phong, trời tối. Lý-Thị muốn ghé quán trú một đêm. Chủ quán không cho, nắm tay Lý-Thị xô ra. Lý-Thị lấy chuyện đó làm nhục cho mình, bèn lấy dao chặt tay cho trọn tiết với chồng. Và khóc rắng : « Nếu không phải sống mà nuôi con, thì cũng tự vận cho rồi. »

Lý-Thường-Kiệt, danh tướng nhà Hậu-Lý nước ta. Năm Ất-mão vàng lệnh Lý-Nhân-Tôn đến bình sang Tàu

danh Khâm-Châu và Liêm-Châu, tỉnh Quảng-Đồng, phà quân nhà Tống ở Bình-Lỗ, làm cho quân Tàu phải khổ với ta trong mấy năm trời. Sau muôn yên, cho dân khỏi giặc-giã dồ thán, nên chịu nghị hòa, giao lán với chúng.

Lý-Tiến, X. LÝ-CẨM.

Lý-Tử-Cầu, X. NGUYỄN-THỜI-TRUNG.

Lý-Ung, X. ĐỒNG-ĐỨC,

Lý-văn-Phúc, tự LÂN-CHI, người làng Hồ-Khẩu, huyện Vinh-Thuận về tỉnh Hà-Đông bấy giờ, đậu cử-nhan năm Gia-Long thứ 18 (1819) làm quan đến Tham-tri, sau bị cách chức, đến năm Minh-Mạng thứ hai (1830) được phục chức cũ, đi sứ bên Pháp. Năm Minh-Mạng thứ mười sáu (1835) lại phung mạng đi sứ biển Tàu.

Ngài có đề lại một tập : SỰ-TRÌNH, QUỐC-VĂN củng hay, tập NHỊ-THẬP TÙ-HIẾU và tập PHỤ-CHÂM TIỀN-LÂM đều là những quyển sách có ích về cang-thường đạo-ly.

Lo-làm, mới-nên-sống.—

Xe đi trên chõ gập-gình thường được yên ổn hơn đi chõ bằng thẳng. Thuyền đi

chõ gành thác thường được vững-vàng hơn dòng sông. Tại sao vậy ? Tại biết là khó, nên giữ mới yên ; cho là dễ khinh thường thì phải hỏng. Người đời thường sống về những khi lo-lắng cần khổ, mà chết về những lúc sung-sướng yên nhàn. Lẽ ấy dễ hiểu mà người đời không để ý đến.

Ta thử nghỉ coi, vì đâu mà chí khi ta suy kém, vì đâu mà công việc ta hư hỏng, vì đâu mà uổng mất một đời rồi cũng nát với cỏ cây ? Vì đâu mà hóa ra hòn mê nên mang tiếng xấu về sau ?

Chỉ vì bởi ăn không ngồi rồi mà ra cả. Thì cái « ăn không ngồi rồi » là cái cửa của điều ác. Cửa ấy người giỏi vào, mà ra thì dở, người tinh vào đến lúc ra thì mê ; người cang-trực vào đến lúc ra thì liệt nhược, người thành-khiết vào đến lúc ra thì ô-uế !

LŨ-ĐÓNG-LAI

Lò-cù, lò lớn ; tức là trời đất.

Lấy trong câu : Thiên địa vi lõ, tạo hóa vi công, ám dương vi thán, vạn vật vi đồng : trời đất làm lõ, tạo hóa làm thợ, khi ám dương làm than, muôn vật làm đồng.

Lô ai nung nấu sự đời.
(CUNG-OÁN)

Lò lửa, mùi lông, chuyện gấp rút. Lấy tích hồi xưa quan sai đi báo một chuyện gì gấp rút thì đem theo một lò lửa và một cái lồng gà. Đì châm lồng gà cháy hết thi phỏng minh.

Loan, tich chim loan của Diệm-Tân-Vương nuôi dã ba năm mà chưa biết kêu. Sau cho nó soi gương thì nó kêu mãi cho tới gầy mà chết.

Loan giao hay giao loan, keo đẽ gắn phim đòn.

Người ta thường dùng tiếng «loan giao» để nói một cái tình dã dàn đoạn mà nối lại được, như phim đòn đã gãy mà nhờ có loan giao mà gắn lại được.

Giao loan chắp mối tơ thura
mặc em. (KIỀU)

Loan hoàng, hai thú chim vi vợ chồng xứng lửa vừa đói

Long mòn, cửa rồng.

Tich LÝ-UY tiếp đai khách rất trung hậu; ai được vào nhà ông thi được thỏa lòng như vượt qua được cửa rồng.

Nói rộng ra là nhà dài các tiếp khách quý.

Long nhiều, long là rồng; nhiều là quanh lòn. Chỗ Đức phật Văn-Thù ngồi, hình như rồng quanh.

Long sàn, giường rồng, giường của vua, vì giường của vua thường có chạm rồng.

Long vân, rồng mây; vì tôi hiền gặp vua thánh như mây bay theo rồng.

Lọng-Ngọc, đời Xuân-Thu, con gái Tân-Mục-Công tên Lọng-Ngọc, lấy bich-ngọc xoi lỗ làm ra cây sanh, thời hay lắm. Mục-Công cất Phung-Lầu, ở trước có dài cao kêu là Phung-dài, đẽ cho Lọng-Ngọc ở. Mỗi khi nàng thời sanh thi phụng tới chầu.

Sau Lọng-Ngọc lấy Tiêu-Sử, rồi hai người cõi hạc bay về trời.

Lô-Đồng, người đời Đường uống trà làm thơ. Người ta cho là cách phong lưu nên thi-sĩ thường nói trà tiên, rượu thánh...

Lô-hà, cũng là sông Tuyên, chảy ngang Tuyên-Quang rồi đổ xuống Nhị-Hà.

Lồ-Ban, tồ-sư nghề thơ mộc, người nước Lồ, cũng

gọi là Công-Du, nổi tiếng về búa chủ.

Lỗ-Luận, sách LUẬN-NGŨ.

Lỗ-Trọng-Liên, sanh nhầm đời Tân xưng đế. Thật là một người cao sī, dù nhân nghĩa, tròn đạo-đức, lợi-lộc không thể dỗ-dành, oai-thể không thể hiệp-dáp; vui thú diễn viên không thèm vào lòn ra cùi.

Lộ, con cò.

Lôi-Công, thần sấm.

Lôi-Công, tên một ông thầy thuốc người Tàu, có soạn một bộ sách LÔI-CÔNG BÀO-CHẾ.

Lôi-Hoán, đời Đông-Châu, người xứ Ngò, giỏi thiên văn, thấy mây mà đoán có gươm Mac-Đa hiện ở đó.

Lông hồng, (HỒNG MAO) NẮM LÔNG HỒNG. Lời Tư-Mã-Thiên nói: «Người ta ai cũng chết, mà cái chết có người nặng như núi Thái-Sơn, còn có người thì cái chết lại nhẹ như lông hồng».

Lón bé, đời Chiến-Quốc, Trung-Nhì lánh nạn chạy qua Bích ở mười năm, kết vợ chồng với Thúc-Ngỗi là người mợi. Sau về ngủ bên Tần. Tân-Mục-Công gả công-chúa Hoài-Dinh thêm

nữ a. Chừng Trùng-Nhĩ về nước lên ngôi, thì công-chúa Hoài-Dinh một hai xin Trùng-Nhĩ lập Thúc-Ngỗi lên làm chánh-hậu, còn mình thì giữ phản thú mà thôi, nói rằng tuy mình là công-chúa mặc dầu, mà vai em, thì chỉ biết giữ phản làm em.

Luận ngữ, sách chép những ngôn hành của Đức Khổng-Tử, có 20 thiên. Cũng gọi là LỖ LUẬN. X. CỦU-KINH.

Lục-Châu, tên một nàng hầu của Thạch-Sùng ở với voi Thạch-Sùng thiệt là chí thâm. Chừng Sùng bị bắt thì nàng nhảy xuống lầu liều chết chứ không muốn thấy Thạch-Sùng bị hại.

Lục cốc,

đạo là lúa nếp.
lương là lúa té,
thúc là đậu,
mạch là mì,
thứ là kê,
tắc là bắp.

Lục-cực, chết non.

tật (đau ốm)
ưu (lo)
bần (đói)
ác (tội xấu xa)
nhược (hèn yếu).

Lục-Dã-Đường, tên một cái

nà̄i riêng của Bùi - Độ đời Đường.

Lục đạo, sáu đường đi đầu thai. Theo nhà Phật người chết xuống âm phủ rồi, thì tùy theo việc mình làm hồi còn ở Dương thế, chia ra sáu nẻo để đi đầu thai :

thiên đạo (đạo lý tự nhiên),
nhân đạo,

a-tu-la đạo (1 vị thần trong Thiên-Long Bát-Bộ của nhà Phật)

quỷ đạo (tà thuật)
súc sanh đạo,
địa ngục đạo.

Lục gia, sáu phái học thuật của nước Trung-Hoa xưa kia :

nho-gia,
mặc-gia lấy kiêm-ái làm chủ nghĩa.

danh-gia,
pháp-gia,
đạo-đức-gia.
âm-dương-gia.

Lục-yêu, khúc dòn *lục-yêu*, của Khang - Côn đánh giúp Trinh-Nguyễn cầu đảo.

Lục lâm, đề nói những kẻ ăn cướp. Đời Hậu-Hán những kẻ trộm cướp ở núi Lục-Lâm. Nên sau này lấy chỗ ở mà chỉ người ăn cướp.

Lục lê, tục xưa phàn làm

việc chi cũng không ngoài sáu lê sau này :

quan lê,
hòn lê,
tang lê,
tế lê,
hương ẩm túc lê,
tương kiến lê.

Còn trong việc hôn nhơn thì có sáu lê này :

nạp thái,
văn danh,
nạp cát (nhà trai vào nhà thờ để làm lê)
nạp trưng (đem lê vật cho dàng gai)
thỉnh kỳ (định ngày)
thân nghinh (lê rước dâu).

Lục nga, bài thơ trong KINH THI nói về công ơn của cha mẹ và lòng thương mến của con.

Lục nghệ,

lê,
nhạc,
xạ,
ngự (dánh xe : ngày xưa không có đường, đánh xe đứng lật là một cái nghệ)
thư (chữ)
số (toán pháp).

Lục pháp,

hiến pháp,
hình pháp,
dân pháp,

thương pháp,
hình sự tố tụng pháp,
dân sự tố tụng pháp,

Lục phủ,
ví (dạ dày)
đởm,
tam tiều (miệng trên dạ dày, thượng tiêu; khoan giữa dạ dày, trung tiêu ; miệng trên bàng quang, hạ tiêu)
bàng quang,
đại trường,
tiểu trường.

Lục súc,

ngựa,
bò,
dê,
gà,
chó,
lợn.

Lục tắc, sáu thứ hại sự tu hành (X. TAM BÀNH). Muốn tu đắc-dao thì phải giữ đúng :

sắc (mắt không xem sắc)

thanh (tai không nghe

tiếng quấy)
hương (mũi không ngửi mùi thơm)
vị (miệng không nếm mùi

ngon)

xúc (thân thể xa kẻ gian ác)

pháp (lòng không tưởng đến bậy).

Lục thao, sách binh thơ

của Tàu, tương truyền của THÁI-CÔNG-VỌNG làm ra, có :

văn thao,
võ thao,
long thao,
hổ thao,
báo thao,
khuyển thao.

Lục thân, sáu bức bà con gần, là :

cha,
mẹ,
anh,
em,
vợ,
con.

Lục thập giáp tý, lẩy thiền can và địa chi hiệp lại với nhau cho đủ mọi cách từ Giáp-tý tới Quý-hợi, cộng là sáu chục năm.

Lục-Tích, NHỊ-THẬP TÚ-HIẾU, sự tích số 16. Người đời Hậu - Hán chửi đặt là CÔNG-KỶ. Thuở còn nên sáu qua viếng Viên-Thuật. Thuật đãi quit. Tích ăn rồi lại còn ăn cắp hai trại giấu trong tay áo. Rủi lúc xá ra về rót xuống đất. Viên-Thuật mới trách, thì Lục-Tích thura rằng : « Mẹ tôi ưa ăn quit. Nay tôi được ngài mời ăn, mà mẹ tôi ở nhà không có mà ăn,

nên tôi nhớ đến mẹ tôi, tôi có ăn cắp của ngài hai trái tinh đem về cho mẹ tôi ăn. »

Lục tình,

mìng,
giận,
thương,
vui,
 yêu,
ghét.

Lục tình,

Gia-Định,
Biên-Hòa,
Định-Tường,
Long-Hồ,
An-Giang,
Hà-Tiên.

Lục trần, nhà Phật gọi lục trần là :

tai,
mắt,
mũi,
lưỡi,
minh,
ý.

X. LỤC TẶC.

Lục tự, sáu chức quan do vua Lê-Thánh-Tôn đặt ra :

Đại-lý-tự,
Thái-thường-tự,
Quang-lộc-tự,
Thái-bộc-tự,
Hồng-lô-tự,
Thượng-bảo-tự.

Lục-Vân-Tiên, một quyển luân-lý tiều-thuyết, toàn là dạy đạo làm người.

Tác giả đem gương người xưa mà khuyên về đường cang-thường đạo-nghìa. Kẻ hay, người lành, dầu có gặp nỗi gian-truân khổ-cực, sau cũng được phần vinh-hoa sung-sướng, còn kẻ dở, người ác, dầu có lúc giàu sang rực-rỡ, rốt cuộc cũng đến tội và khốn cùng.

Đại lược truyện nó như thế này : Lục-Vân-Tiên là một người học trò có nết có tài, con nhà phúc hậu đã dính hòn với Võ-Phi-Loan. Nhân lén kinh ứng thi, giữa đường gặp Kiều-Nguyệt-Nga bị ăn cướp hành hung. Vân-Tiên mới ra tay cứu nàng khỏi họa. Khi phản tay, nàng về thăm nghiêm đường thi nàng nặng một lòng cùng Vân-Tiên. Còn chàng không hay không biết, cứ chỉ kinh đô thăng xông với tiều-đồng, một gã rất trung-thành cùng chủ.

Nào dè đâu tới kinh chưa vào thi, lại gặp tin mẹ mẫn phân. Chàng với vàng bồ trường thi toan về nhà để chịu tang mẹ. Buồn rầu và mảng khóc than mãi, nên hai

mắt phải mù. Gặp bọn dung y pháp-sĩ lừa dối, giữa đường tiễn-mất-tật còn, rủi gặp thêm một bạn bất lương mong hại mạng. Nhờ trời Phật phò hộ khỏi chết, Vân-Tiên tìm tới nhà cha vợ đang dùm đậu. Không dè vị hùa hòn thấy chàng tật bệnh không nhìn nhận, cha vợ chàng mới đem chàng, giữa đêm, bỏ vào hang thầm cho biệt tích. Cũng may lại gặp tiều-phu cứu ra khỏi, rồi lại gặp một người bạn hiền đem cho ngu nơi một cảnh chùa.

Còn Kiều-Nguyệt-Nga vì một nịnh thần ép duyên mà nàng không chịu, nên thura dịp trong nước giặc Phiên rối loạn, không người ra trừ, nịnh mới lầu với vua đem nàng qua Phiên cống hổ dặng mua sự hòa trong nước.

Nhưng Nguyệt-Nga là gái liết trinh, thuyền đưa nàng lội nứa đường, thi nàng thura đêm lâm tối, mang tượng Vân-Tiên, nhảy xuống sông tự-tử. Cũng mai nhở có ông chài quăng lưới vớt nàng lên khỏi. Sau đến ở một ngôi chùa cũng là yên phận. Người ngay hết nạn tới hồi may. Lục-Vân-Tiên nhờ có

tiên cho chén thuốc mắt liền sáng ra. Chừng đó mới về nhà thăm cha, qua thăm Kiều-Công (cha Nguyệt-Nga) rồi xuống Tràng-An thi đấu Tràng-Nguyên ; vừa lúc giặc phiêu qua khuấy-nhiều, vua sai ra dẹp giặc. Ra thì thắng trận ; chừng trở về giữa đường lại gặp Nguyệt-Nga, nhìn nhau rồi sau lại sum hiệp một nhà.

Sau này vua không con, truyền ngôi lại cho Vân-Tiên. thật là vinh quang sung sướng. Còn phe nịnh thần gian ác đều bị tội-vạ cực khổ cả.

Lời văn truyện LỤC-VÂN-TIỀN đều là giản dị, kể ra thì không điêu luyện bằng văn truyện KIM-VÂN-KIỀU, không déo-dắc như văn CUNG-OÁN, nhưng cũng là chải-chuốt thanh-tao ; thiệt là một áng quốc-văn hay trong nền quốc-văn ta.

Lục vi,

đắng,
chua,
ngot,
cay,
mặn,
lat.

Lục vi, sáu hào trong kinh dịch dùng để tượng

thiên đạo { *ám*
 dương

địa đạo	{	cương
	nhu	
nhân đạo	{	nhẫn
	nghĩa.	

Lục vị,
vua,
tối,
cha,
con,
vợ,
chồng.

Luyện thạch bồ thiên,
tuyên truyền bà Nữ - Oa, em
gái vua Phục-Hy, đời thượng
cổ, rèn đá nấm sắc để vá trời.

Lư mòn, nhà tiêu. Có
tích đời Chiến - Quốc Tống -
Trang-Công có thù với Trịnh-
Bá. Sau mượn được binh Tề,
Thái, Vệ và Trần tới vây
Trịnh-Lệ-Công, đốt miếu thờ
của nhà Trịnh, lấy ruron cột
đem về cất lư-mòn để làm
nhục Trịnh chơi.

Lư - thị, mẹ của Thôi -
Huyền-Vi, thường dạy con
phải lấy chữ THANH LIÊM để ra
làm quan. Sau Thôi - Huyền -
Vi làm tể-tướng cho Võ-Tắc
Thiên đời Đường.

Cũng trong thời đó có bốn
ông danh thần: TRƯƠNG-GIÁP-
CHI, VƯƠNG-THÚ- KỶ, HẮNG -
NGÂN-PHẠM, KỶ-HUY cùng với

HUYỀN-VI đều là người của
Địch-Nhơn-Kiệt tiến cử, thiên
hạ cho rằng: *Đường loạn hưu
ngũ công.*

Lư - thị, vợ Trịnh-Nghĩa-
Tôn đời Đường. Bữa đó
chồng đi khỏi. Ăn cướp tới
đánh nhả, ai nấy chạy hết.
Duy có bà mẹ của Nghĩa-Tôn
già yếu chạy không nổi nên
phải nằm lại đó. Lư-thị thấy
mẹ chồng mình chạy không
nổi thì cũng ở lại ôm lấy mẹ,
ăn cướp đánh phải trọng
thương.

Lư-Bất-Vi, tên chữ là Lư-
Hồng ở đất Dương-Trach.
Chính là con buôn mà biết
coi tướng và cũng có tài.

Lúc đó đi buôn bên Triệu
thấy Di-Nhơn, là cháu vua
Tần-Tương-Vương đánh giặc
thua Triệu bị Triệu cầm làm
con tin. Vì thấy tướng Di-
Nhơn sau này làm vua, bèn
mưu với vợ là Châu-Cơ, có
nhan sắc lạ, lúc đó có chưa
ba tháng, đem gả cho Di-
Nhơn, dặng con mình sau này
làm vua nước Tần.

Sau đắt kể, con Lư-Bất-Vi
được lên làm vua. Ấy là Tần-
Thi - Hoàng. Mà rốt cuộc vì
Lư-Bất-Vi quá lọng và Hạ-Cơ

quá dâm nên người bị chết
kẻ bị dày.

Lư-Hậu, vợ Hán-Cao-Tồ,
lúc Hán suy thi Lư-Hậu lo
mưu chiếm đoạt.

Lư - Mông - Chánh, người
dời Tống nhà nghèo không
dù cơm mà ăn, mỗi ngày phải
ăn cháo mà sống. Sau đầu
Trang-nguyên làm tới chức
Tề-tướng. Chừng đó muốn ăn,
ăn cũng không hết.

Lư-Ngọc, ông có một người
con trai nhỏ tên Tiều-Hồng
đi chơi lạc. Ông thương con,
đi tìm mãi. Ba năm sau mới
gặp được. Cha mẹ thương
con không ngăn.

Lư-Sanh, X. HOÀNG-LƯƠNG
MỘNG.

Lư-thị, X. MẮT TINH ĐỜI.

Lư-Thị Xuân-Thu, của Lư-
Bất-Vi làm ra. Lúc còn đương
quyền, làm xong đem treo ở
cửa Hầm-Dương, truyền rằng
ai bớt hay là thêm được một
chữ thi thường ngàn vàng.

Lư-Tinh, làm tòi Tần-Huệ-
Công. Huệ-Công bị Tần-Mục-
Công cầm, nhờ Lư-Tinh lấy
hết tài hùng - biện mà xin,
Huệ-Công mới được tha về.

Lư-Vĩnh-Công, làm quan

cho tới già không chịu ai tiến
cử. Bởi vậy làm Thái-thú quan
Cối-Kê hoài mà không dặng
thăng chức.

Lư-Vọng, X. KHƯƠNG-
THƯỢNG.

Lứa tình, tình dữ dội như
lửa đốt. Lấy trong tích Công-
chúa Bắc-Tề, sách DỊ-TRUYỀN
thuật, hẹn với một cậu thiếu
niên họ Trần, mồng một tết
hội nhau ở chùa.

Trần đến trước, thấy Công-
chúa chưa đến, nằm ngủ
quèn. Công-chúa tới thấy vậy,
không kêu chàng, néo vòng
ngọc trong lòng chàng rồi bỏ
ra về. Trần tỉnh giấc, uất
người lên, lửa ở trái tim phát
ra cháy cả chùa.

Lược thao, đời Tần có
Huỳnh-Thach-Công học đủ ba
lược: *thượng, trung, hạ* (về
việc võ).

Còn nhà Châu thi có
Khương-Thái-Công học đủ
sáu thao: *văn, võ, long, hổ,*
báo và khuyển. Có câu :

*Văn đà khởi phụng đẳng
giao,*

*Võ thêm ba lược, sáu thao ai
bi.* (LỤC-VĂN-TIỀN)

Lương, (hoàng) đời bà ở
thanh lâu về lấy chồng làm ăn.

Lương duyên, duyên lành.
Lương diễn vạn khoảnh,
bất như bạc nghệ tùy thân,
 ruộng tốt muôn đâm chẳng
 bằng chút nghệ nương theo
 mình.

Lương đồng, cây chánh,
 cây cột. Những kẻ có tài tri
 nước nhà nhờ cây được.

Lương-Hồng, X. CỦ ÂN TỀ
 MI, KINH BỐ.

Lương-Hữu-Khánh, con
 quan bảng-nhân Lương-Đắc-
 Bằng. Người sanh về thời Mạc
 tiếm ngôi nhà Lê (1528-1592).

CÙNG QUA MỘT CHUYẾN ĐÒ

Hòn kinh sữ, túi kim cang,
 Người tờ đồng sang một chuyến thoản,
 Người lại rừng thiền người hùng-hình,
 Tờ qua biển thánh tờ nghinh-ngang.
 Sao người chẳng nhớ lời Hán-Dũ,
 Đây tờ còn cẩm lứa Thủ-Hoàng.
 Người tờ phân nhau đầu tới đó,
 Người trông thành Phật, tờ nên quan.

Mấy ông thầy khen hay đề xôi cho Khánh ăn. Khánh
 ngồi lại ăn qua một lượt hết xôi chuối của các ông. Ai thấy
 vậy đều khen thơ hay mà ăn cũng giỏi.

Lương nhân, tiếng vợ đê
 gọi chồng

Lương-thượng quân-tử
 tương truyền có người Trần,

Lợt lòng mè thì cha mệt,
 nhà nghèo mà mạnh ăn. Một
 bữa kia, đi học về, sang
 thuyền cùng năm ba ông thầy
 chùa di làm đám về. Mấy thầy
 dở xôi ra ăn, mời Khánh.

« -- Thưa tôi đói lắm. Mấy
 thầy mời tôi bao nhiêu dó tôi
 ăn thì còn đâu cho mấy thầy
 dùng.

— Nói vậy em là học trò.
 Vậy thì trò em làm một bài
 thơ cho hay, chúng tôi sẽ
 hết xôi cho trò em ăn ».

Khánh xin vâng ứng khẩu đọc:

Thực lấy lời ngọt dỗ, kẻ trộm
 cài tà qui chánh. Quân tử ngồi
 trên thượng lương; quân tử
 ngồi rường.

Lương vien, vườn của
 Thạch-Sùng.

Lương-Võ-Đẽ, mè đạo
 Phật mà tu vung về. Chỉ biết
 lập chùa (lập 82 cảnh chùa)
 mè thầy chùa, Sau bị giặc vây
 ở Đài-Thành, hết lương thực
 phải chết đói ở đó.

Lưu - Bình Dương - Lê,
 Lưu - Bình nhà giàu, còn
 Dương-Lê thì nghèo mà Lưu-
 Bình không kẻ giàu nghèo,
 dãi Dương-Lê như ruột, cho
 Dương-Lê ăn một mâm, nắm
 một chiếu, chung một đèn đọc
 một sách.

Đến khoa thì hai anh em đắt
 nhau đi thi. Dương-Lê đậu
 còn Lưu-Bình rớt. Dương-
 Lê được bồ đi làm quan. Lưu-
 Bình về nhà, ý có tiền, học
 hành không châm nom, cứ
 chơi bời lêu-lỏng, thành thử
 thi khóa nào rớt khóa nấy.
 Sau này bị giặc-giã, nhà thì
 sa súc, tối hồi thiếu trước hụt
 sau, Lưu-Bình mới tinh tim
 với Dương-Lê để nhờ bạn cũ.
 Dương-Lê vẫn nhớ Lưu-
 Bình. Nay nghe Lưu-Bình tìm

đến mình thì mừng lắm.
 Nhưng nghĩ rằng bạn mình
 hay chơi bời phóng túng ăn
 xài lớn, nếu mình đem về
 nuôi, chỉ cho khôi lười biếng
 không lo học hành, thì biết
 chừng nào mới nên thán. Nên
 giả làm bộ quên ân nghĩa
 xưa, tiếp dải Lưu-Bình một
 cách lãnh đạm, cho Lưu-Bình
 ra ở nhà ngoài rồi sai linh
 dem cho một mâm cơm hầm
 với một bát nước lã.

Lưu-Bình tủi thân bỏ ra về.
 Đi dọc dàng gặp một người
 con gái trẻ tuổi, đẹp-dẽ, hỏi
 thăm, nghe Lưu-Bình thuật
 chuyện thì mắng nhiếc Dương-
 Lê thậm tệ, rồi nói với
 Lưu-Bình: « Chàng rủi thi rớt
 mà người xưa kia chàng giúp
 giùm hết sức nó lại bạc đãi
 chàng làm vậy, thì chàng
 cũng nên lo học hành cho
 nén, thiếp thấy đứa tiều nhân
 vô ngại thiếp ghét. Vậy như
 chàng chịu, thì thiếp nguyện
 theo chàng giúp đỡ chàng
 cho chàng lo xôi kinh nấu sứ
 cho công thành danh toại,
 làm cho đứa vô ân bạc ngại
 không còn khi chàng nữa.
 Chừng đó như chàng có
 thương thiếp thì thiếp nguyện
 theo chàng nâng khăn sà

trấp cho chàng. Lưu-Bình ưng chịu. Từ đó trong đă có người giúp đỡ, ngoài chàng lo ăn học, không chơi bời như cũ. Năm sau di thi đậu liền.

Lúc vinh quí, thì người dòn bà hiền đức đó bỏ đi đâu mất. Lẽ tất nhiên, Lưu-Bình lấy làm buồn và tiếc lầm. Vừa khi đó Dương-Lê cho người nhà đem lẽ vật đến mừng và mời Lưu-Bình sang dinh chơi. Lưu-Bình trước không muốn đi, sau nghĩ lại, cũng nên đến thử coi Dương-Lê mời mình làm chi đây.

Đến nơi Dương-Lê chào hỏi xong xuôi, phản ngôi chủ khách rồi, thì cho mời phu nhân ra. Chừng đó Lưu-Bình mới rõ người dòn bà đi theo nuôi mình ăn học đó là nàng Châu-Long vợ của bạn, mà bạn cho theo mình dặng khuyên mình cỗ học cho thành danh. Chừng đó mới hết oán hận bạn nữa.

Lưu cầu, một thứ đồ binh khi cong và nhọn; một thứ gươm. Có chỗ nói Võ-Vương dùng lưu-cầu để giết vua Trù. Có câu :

Giết nhau chẳng cái lưu cầu,
Giết nhau bằng cái ưu sầu,
độc chửa (CUNG-OÀN).

Lưu-Cơ, tự BÁ-ÔN, người đời nhà Minh có công giúp vua Thái-Tô gầy dựng nhà Minh. Lưu-Cơ giỏi văn-chương, thiên văn và binh pháp.

Lưu-Định-Thúc, hồi chửa thi có hứa lời, chừng nén danh sẽ cưới một nàng đó. Năm năm sau Thúc mới thi đậu. Về làng hỏi thì người hứa hôn đã nghèo khổ mà lại mù quáng nữa là khác. Thúc cứ việc chọn ngày lán lẽ rước dâu. Bên vợ từ chối, rằng nàng đã bạc phước, vay đề đưa em nàng thế. Thúc không chịu, nói :

« -- Lời giao ước thuở còn xuân xanh, còn việc canh biến là tại nơi trời. Nay nàng đã mù quáng, cũng là vợ tôi. Tôi không đem vợ tôi về mà nuôi thi ai nuôi vợ tôi bây giờ? »

Lưu-Yến, tên chử là Sĩ-An, mới nên tám mà có tiếng giỏi văn chương rồi. Lúc đó vua Minh-Hoàng lên tể non Thái-Sơn, Lưu-Yến có làm lời tung. Vua khen lắm, mới cho làm chức « Thái-Tử chánh tự » để sửa chử cho Thái-Tử học. Một ngày kia vua gấp Yến trong đèn mới hỏi chơi :

« -- Khanh làm chử chánh-tự, mà đã sửa được chử gì chưa ?

— Muôn tàu, khắp trong thiên hạ chử gì kẻ hạ thần sửa cũng được, duy có chử bảng, kẻ hạ thần sửa hoài không được. »

Yến muốn can vua lấy câu : *Bằng đám vi gian* (phe đảng làm gian) để nói kẻ tả hưu của vua nhiều phe đảng, lầm ta nịnh.

Vua nghe qua hiểu liền, mà không chịu nghe lời, nên sau phải bị gian nịnh làm hại.

Lưu-Linh, cũng là NGUYỄN-LÂNG người đời Tấn tên chử là BÀ-LUÂN. Hay rượu. Có làm bài thơ *TÙU ĐỨC* tung truyền lời bay giờ.

Lưu-Thẩm, con thứ năm của Hậu-Chúa Lưu-Thiện, không chịu theo Hậu-Chúa về dâu Nguy. Bên giết con rồi tự vẫn. Vợ là Lôi-Phu-Nhân cũng một ý với chồng, nên đã tự vẫn trước rồi.

Lưu-Thần, *Nguyễn-Triệu*, hai người đi lạc lên động Thiên-Thai, kết duyên cùng hai chị em Ngọc-Chân-Tiên.

Sau cơn nhớ hồng trần, vợ ngần cần hết sức không nghe, chừng về tối què cũ thi thấy

khác hẳn trước, vì cách đã bảy đời rồi. Chừng đó muôn trở lộn lên với vợ thì mất đường. X. *TÙ-THÚC*.

Lưu-Thú, tự ĐÀO-NGUYỄN, quê ở Huận-Châu, đời Tống. Thuở nhỏ mới nên bốn mà học đã thông lâm rồi.

Bữa đó cha có khách, luận luân bàn bàn, nói Đức Khồng-Tử không có anh, thi Thú đứng hầu một bên, liền nói : « Đức Thánh không anh sao lại có cháu kêu bằng chú ». Ai nấy xúm lại hỏi, thì Thú đáp : « Sách LUẬN-NGŨ có nói :

Nam-Dung tam phuru Bạch-Khuê, Khồng-Tử dĩ kỳ huynh chi tử thế chi, nghĩa là người Nam-Dung ham đọc thơ Bạch-Khuê, mỗi lần đọc lặp đi lặp lại ba lần; Đức Khồng-Tử khen mới dùng người con gái của anh gả cho Nam-Dung làm vợ. Thị vậy rõ là Đức Khồng-Tử có anh đó ».

Lưu-Tú, dòng nhà Hồn. Từ khi Vương-Mãng soán ngôi nhà Hồn thì Lưu-Tú lo khôi phục. Chừng giết được Vương-Mãng, lên ngôi lấy hiệu niêm Quan-Võ. Chinh Quan-Võ sai Phục-Ba qua xâm lấn nước ta, đánh với Trung-Trắc-Trung-Nhi.

IN XONG NGÀY 15 - 7 - 49
TAI NHÀ IN SAO - MAI
373L - CI GRIMAUD - SAIGON
GIẤY PHÉP 798/PR NGÀY 19-5-49



THÀNH-NGỮ ĐIỀN-TÍCH
QUYỀN HẠ

sẽ phát hành ngày 1 - 9 - 1949